

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

ĐẶNG BÁ VINH

ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TRONG ĐIỀU TRA TỘI PHẠM
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT NGUY CẤP,
QUÝ, HIẾM CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA
Ở VIỆT NAM

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

HÀ NỘI - 2025

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

ĐẶNG BÁ VINH

**ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TRONG ĐIỀU TRA TỘI PHẠM
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT NGUY CẤP,
QUÝ, HIẾM CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA
Ở VIỆT NAM**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT
Mã số: 9380106

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS.TS Trần Quang Hiền
2. TS. Ngô Văn Vịnh



HÀ NỘI - 2025

LỜI CAM ĐOAN

Luận án là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Luận án sử dụng các số liệu, kết quả là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả



Đặng Bá Vinh

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI LUẬN ÁN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU	10
1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài.....	10
1.2. Nhận xét, đánh giá về tình hình nghiên cứu và những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu	39
1.3. Giả thuyết nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu.....	47
Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TRONG ĐIỀU TRA TỘI PHẠM VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA.....	48
2.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Cơ quan Cảnh sát điều tra.....	48
2.2. Nội dung pháp luật và các giai đoạn áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Cơ quan Cảnh sát điều tra	67
2.3. Điều kiện bảo đảm áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý hiếm của Cơ quan Cảnh sát điều tra.....	85
2.4. Áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của một số quốc gia trên thế giới và giá trị tham khảo đối với Việt Nam	90
Chương 3. YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG VÀ THỰC TRẠNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TRONG ĐIỀU TRA TỘI PHẠM VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA Ở VIỆT NAM.....	107

3.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam	107
3.2. Thực trạng áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam	126
Chương 4. DỰ BÁO, QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TRONG ĐIỀU TRA TỘI PHẠM VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA Ở VIỆT NAM.....	168
4.1. Dự báo tình hình tội phạm và quan điểm bảo đảm áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam	168
4.2. Giải pháp bảo đảm áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam.....	181
KẾT LUẬN	207
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN.....	209
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	210
PHỤ LỤC	227

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ADPL	Áp dụng pháp luật
BLHS	Bộ luật Hình sự
BLTTHS	Bộ luật Tố tụng hình sự
CITES	Công ước quốc tế về buôn bán các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp
NCQH	Nguy cấp, quý, hiếm
EVN	Trung tâm giáo dục thiên nhiên Việt Nam
VPQĐ	Vì phạm quy định

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm (NCQH) hiện nay đã vượt ra khỏi phạm vi của một nhiệm vụ bảo vệ môi trường thông thường, trở thành vấn đề có ý nghĩa chiến lược trong bảo đảm an ninh sinh thái, duy trì cân bằng hệ sinh thái tự nhiên và thực hiện các cam kết quốc tế về phát triển bền vững. Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, suy giảm đa dạng sinh học và nguy cơ tuyệt chủng của nhiều loài ngày càng gia tăng, cộng đồng quốc tế, trong đó có Việt Nam, đều coi bảo tồn thiên nhiên là nhiệm vụ cấp bách gắn với trách nhiệm toàn cầu. Việc Việt Nam trở thành thành viên Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) từ năm 1994, đặt ra yêu cầu bắt buộc trong việc nội luật hóa, thực thi và bảo đảm hiệu lực của các quy định pháp luật liên quan đến quản lý, bảo vệ và phòng chống buôn bán trái phép động vật hoang dã, NCQH. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh Việt Nam được đánh giá là một trong những điểm nóng về vận chuyển, trung chuyển và tiêu thụ các sản phẩm động vật hoang dã, NCQH trên thế giới.

Từ góc độ pháp lý quốc gia, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và 2025) đã dành Điều 244 quy định về tội “*Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm*”, thể hiện sự quan tâm đặc biệt của Nhà nước trước các hành vi xâm hại nghiêm trọng đến tài nguyên thiên nhiên và an ninh môi trường. Việc hình sự hóa các hành vi liên quan đến động vật NCQH không chỉ phản ánh chính sách hình sự nghiêm khắc mà còn là biểu hiện của cam kết mạnh mẽ trong bảo vệ đa dạng sinh học và bảo đảm trật tự quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường. Trong hệ thống thực thi pháp luật, Cơ quan Cảnh sát điều tra đóng vai trò trung tâm tiên hành áp dụng pháp luật (ADPL) trong hoạt động phát hiện, xử lý, ngăn chặn và điều tra các hành vi phạm tội theo Điều 244, góp phần quan trọng vào việc bảo đảm tính răn đe, phòng ngừa và tuân thủ pháp luật của toàn xã hội.

Tuy nhiên, thực tiễn thời gian qua cho thấy việc ADPL trong điều tra loại tội phạm này vẫn còn bộc lộ nhiều bất cập, đòi hỏi phải được nhận diện, phân tích và khắc phục trên cơ sở khoa học. Một trong những hạn chế nổi bật là việc thu thập, đánh giá thông tin ban đầu chưa đầy đủ và chưa phản ánh đúng bản chất vụ việc, dẫn đến định hướng điều tra thiếu chính xác. Việc lựa chọn quy phạm pháp luật để áp dụng còn lúng túng trong bối cảnh có nhiều văn bản chuyên ngành điều chỉnh; một số trường hợp áp dụng không đúng điều luật, viện dẫn thiếu căn cứ hoặc ban hành quyết định tố tụng khi chưa đáp ứng điều kiện pháp lý. Bên cạnh đó, tiến độ ADPL còn chậm; việc tổ chức thực hiện các quyết định tố tụng chưa nghiêm; quy trình xử lý, bảo quản vật chứng là động vật sống còn bất cập; công tác phối hợp liên ngành chưa thống nhất; và vẫn còn xảy ra tình trạng vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của người bị áp dụng pháp luật. Những hạn chế này không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả điều tra mà còn tác động tiêu cực đến việc thực thi các nghĩa vụ quốc tế của Việt Nam trong khuôn khổ CITES.

Nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trên đến từ cả yếu tố khách quan và chủ quan. Về khách quan, hệ thống pháp luật liên quan đến bảo vệ động vật NCQH vẫn còn chồng chéo, thiếu thống nhất và chưa theo kịp những thủ đoạn phạm tội ngày càng tinh vi của tội phạm môi trường; cơ chế phối hợp giữa các lực lượng chuyên trách trong kiểm soát, điều tra và xử lý tội phạm còn thiếu chặt chẽ; năng lực giám định, truy xuất nguồn gốc tang vật chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Về chủ quan, lực lượng làm công tác điều tra còn hạn chế về kiến thức liên ngành, thiếu kỹ năng chuyên sâu trong áp dụng quy định pháp luật môi trường - sinh học - hình sự; việc đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn chưa tương xứng với tính chất đặc thù của tội phạm về động vật NCQH; và vẫn tồn tại tư duy ADPL mang tính kinh nghiệm, máy móc trong một số vụ án.

Trong bối cảnh đó, yêu cầu đặt ra đối với khoa học pháp lý là phải xây dựng được một hệ thống lý luận đầy đủ, khoa học và hiện đại về ADPL trong điều tra tội phạm liên quan đến động vật NCQH. Tuy nhiên, hiện nay, các

công trình nghiên cứu trong nước mới tập trung vào một số khía cạnh rời rạc như bảo tồn đa dạng sinh học, đấu tranh phòng chống buôn bán động vật hoang dã, xử lý vi phạm hành chính hoặc phân tích quy định pháp luật hình sự. Chưa có công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống, toàn diện và chuyên sâu về ADPL trong điều tra tội phạm vi phạm quy định (VPQĐ) về bảo vệ động vật NCQH, đặc biệt dưới góc độ lý luận về Nhà nước và pháp luật và chủ thể ADPL là Cơ quan Cảnh sát điều tra. Khoảng trống khoa học này khiến việc giải thích, vận dụng quy phạm pháp luật trong thực tiễn điều tra còn thiếu chuẩn mực, thiếu cơ sở lý luận và chưa bảo đảm tính thống nhất.

Trong điều kiện tội phạm môi trường, đặc biệt là tội phạm liên quan đến động vật NCQH, đang gia tăng cả về quy mô, tính chất và mức độ tổ chức, việc hoàn thiện tư duy pháp lý về ADPL là hết sức cần thiết. Nghiên cứu này sẽ góp phần làm sáng tỏ bản chất, vai trò, nội dung và đặc điểm của ADPL trong điều tra loại tội phạm đặc thù; đánh giá thực trạng ADPL của Cơ quan Cảnh sát điều tra; chỉ ra những hạn chế, nguyên nhân và đề xuất các giải pháp mang tính hệ thống nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý, nâng cao chất lượng hoạt động điều tra và tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước.

Từ những lý do nêu trên, có thể khẳng định rằng việc lựa chọn đề tài: *“Áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam”* để nghiên cứu trong khuôn khổ Luận án Tiến sĩ, chuyên ngành Lý luận và lịch sử Nhà nước và pháp luật là mang tính cấp thiết, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc. Đề tài không chỉ làm sáng tỏ những vấn đề cơ bản trong hoạt động ADPL của Cơ quan điều tra, mà còn đóng góp thiết thực vào công cuộc hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học ở Việt Nam.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu luận án góp phần bổ sung và phát triển lý luận về ADPL trong điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật NCQH của Cơ

quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam; thực tiễn của hoạt động ADPL trong lĩnh vực này, đồng thời đề xuất các quan điểm và giải pháp nhằm bảo đảm việc ADPL được thực hiện đúng đắn, thống nhất, phù hợp với yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và đáp ứng các cam kết quốc tế về bảo tồn thiên nhiên.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện được mục đích nêu trên, luận án có các nhiệm vụ sau:

Một là, tổng hợp, phân tích các công trình nghiên cứu có liên quan về ADPL, công tác điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở trong nước và nước ngoài. Trên cơ sở đó nhận xét, đánh giá về kết quả của các công trình nghiên cứu về phương diện lý luận, thực tiễn và kiến nghị, giải pháp, xác định những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu trong Luận án.

Hai là, phân tích làm rõ cơ sở lý luận về ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra như: Khái niệm, đặc điểm, vai trò, nội dung pháp luật và các giai đoạn ADPL, điều kiện bảo đảm ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra; Phân tích, làm rõ kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới và giá trị tham khảo đối với Việt Nam.

Ba là, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra, đồng thời tập trung đánh giá thực trạng ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH trên các phương diện như: Kết quả, hạn chế và nguyên nhân của kết quả và hạn chế.

Bốn là, dự báo tình hình tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH ở Việt Nam thời gian tới; các quan điểm và đề xuất giải pháp bảo đảm ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là những vấn đề lý luận và thực tiễn ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi về nội dung: Đề tài tập trung nghiên cứu pháp luật về điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH, nghiên cứu gồm các chế định pháp luật sau: (1) Pháp luật về thẩm quyền điều tra; (2) Pháp luật tiếp nhận và giải quyết tố giác, tin báo, kiến nghị khởi tố về tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH; (3) Pháp luật về khởi tố bị can và áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH; (4) Pháp luật về các biện pháp điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH; (5) Pháp luật về tạm đình chỉ điều tra hoặc kết thúc điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH.

- Phạm vi về chủ thể: Chủ thể tiến hành là Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng, Điều tra viên, Cán bộ điều tra thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra thuộc Bộ Công an, Công an cấp tỉnh. Đối với giai đoạn trước khi không tổ chức Công an cấp huyện (trước ngày 01/3/2025), đề tài có xem xét thực tiễn hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện tại một số địa phương để bảo đảm tính kế thừa và toàn diện trong đánh giá.

- Phạm vi về không gian: ở Việt Nam và kinh nghiệm ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của một số quốc gia trên thế giới như: Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, Vương Quốc Anh, Cộng hòa Liên bang Nga, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Vương quốc Thái Lan.

- Phạm vi về thời gian: từ năm 2015 đến tháng 6 năm 2025.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử để nghiên cứu các vấn đề liên quan đến nội dung đề

tài. Hệ thống quan điểm của học thuyết Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật nói chung và ADPL trong điều tra tội phạm nói riêng; các quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa giai đoạn mới.

Cơ sở lý luận nêu trên là nền tảng tư tưởng, lý luận để nghiên cứu bảo đảm ADPL trong công tác điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra Việt Nam hiện nay.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Quá trình thực hiện nghiên cứu đề tài luận án, nghiên cứu sinh sử dụng nhiều phương pháp để tiến hành nghiên cứu, cụ thể:

+ Phương pháp nghiên cứu tài liệu: Phương pháp được dùng tại 4 chương, phương pháp tập trung nghiên cứu hệ thống văn bản của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, ngành Công an cũng như nhiều Bộ ngành khác có liên quan đến ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH; sưu tầm, nghiên cứu hệ thống giáo trình, hệ thống công trình khoa học, luận án tiến sĩ, sách chuyên khảo... trong và ngoài nước có liên quan đến ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH. Trong đó, kế thừa hệ thống cơ sở lý thuyết từ các công trình nghiên cứu này và bổ sung, hoàn thiện những nội dung mới đáp ứng nhiệm vụ nghiên cứu của luận án.

+ Phương pháp phân tích, tổng hợp: Phương pháp được dùng xuyên suốt trong luận án, phương pháp này được sử dụng trong phân tích các quan điểm khoa học khác nhau để xây dựng các khái niệm, đặc điểm, vai trò ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra tại chương 2. Bên cạnh đó, phương pháp này còn được sử dụng để phân tích tình hình tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH và thực trạng ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra các cấp ở Việt Nam. Trên cơ sở đó rút ra những kết quả, hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế đó.

+ Phương pháp nghiên cứu điển hình: Phương pháp nghiên cứu điển hình được tiến hành sử dụng trong chương 3 nhằm phân tích sâu một số vụ án cụ thể về tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH do Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam thụ lý, giải quyết. Việc phân tích điển hình cho phép làm sáng tỏ những điểm phù hợp, bất cập hoặc vướng mắc trong áp dụng pháp luật, qua đó rút ra các nhận xét và kinh nghiệm nhằm góp phần hoàn thiện cơ chế ADPL.

+ Phương pháp khảo sát, thống kê tội phạm: Phương pháp được tiến hành tại chương 3 nhằm khảo sát, thống kê từ năm 2015 đến năm 2024 đối với tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH ở Việt Nam thông qua các Báo cáo sơ kết, tổng kết của Trung tâm Giáo dục thiên nhiên Việt Nam, Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và các cơ quan chức năng.

+ Phương pháp chuyên gia: Phương pháp được tiến hành tại chương 2 và chương 3 nhằm tiến hành thu thập ý kiến, chia sẻ kinh nghiệm của các chuyên gia về các chủ đề phù hợp với từng lĩnh vực là thế mạnh của mỗi chuyên gia như: Am hiểu về lý luận điều tra hình sự; am hiểu về ADPL trong điều tra và công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH.

+ Phương pháp luật học so sánh: Phương pháp được dùng tại chương 2, tập trung nghiên cứu pháp luật bằng cách so sánh các hệ thống pháp luật liên quan đến bảo vệ động vật NCQH khác nhau trên thế giới nhằm tìm ra sự tương đồng và khác biệt giữa chúng. Đây là phương pháp quan trọng giúp phân tích và cải thiện hệ thống pháp luật quốc gia, thúc đẩy quá trình hội nhập và xây dựng chính sách pháp luật hợp lý hơn.

+ Phương pháp dự báo khoa học: Phương pháp dự báo khoa học được sử dụng trong chương 4 luận án nhằm xác định xu hướng vận động của tình hình tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH và những yêu cầu đặt ra đối với hoạt động ADPL của Cơ quan Cảnh sát điều tra trong thời gian tới.

Luận án chú trọng phương pháp so sánh giữa các quy định và các giải

pháp hoàn thiện pháp luật nhằm bảo đảm hoạt động ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam và thực trạng hiện nay để tìm ra những điểm chưa tương thích cần phải chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp. Từ đó, rút ra những kết luận cần thiết, đưa ra những đánh giá và những luận chứng làm cơ sở cho việc đề xuất quan điểm và giải pháp bảo đảm ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam trong thời gian tới.

5. Những điểm mới của luận án

Luận án là công trình đầu tiên nghiên cứu một cách hệ thống, toàn diện về ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra nên có những đóng góp mới chính sau đây:

- Xây dựng được khái niệm, làm rõ đặc điểm, vai trò và các điều kiện đảm bảo ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra.

- Đánh giá thực trạng ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra; phân tích, chỉ ra những kết quả đạt được, chỉ ra hạn chế và nguyên nhân của kết quả, hạn chế khi ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra trong thời gian vừa qua.

- Luận chứng các quan điểm, đề xuất các giải pháp nhằm bảo đảm ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra trong thời gian tới, trong đó nêu nổi bật nhóm giải pháp mới gồm: Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu đáp ứng yêu cầu ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra và tăng cường cơ chế quản lý, theo dõi, giám sát việc thực hiện ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần bổ sung, hoàn thiện và làm phong phú thêm lý luận ADPL trong điều tra tội phạm nói chung và ADPL

trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần làm rõ thực trạng ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam. Đồng thời, những quan điểm, giải pháp được đưa ra trong luận án có tính khoa học, ứng dụng cao giúp cho Cơ quan điều tra vận dụng trong thực tiễn.

Kết quả nghiên cứu của luận án là nguồn tài liệu có thể phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy và học tập về lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật, pháp luật điều tra hình sự tại các cơ sở đào tạo chuyên ngành luật và không chuyên luật. Luận án giúp các cơ quan Nhà nước có thêm cơ sở thực tiễn trong quá trình xây dựng chính sách, sửa đổi và hoàn thiện các văn bản pháp luật về điều tra hình sự, góp phần bảo đảm phòng chống tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH ở Việt Nam.

7. Kết cấu của luận án

Luận án gồm phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, nội dung luận án gồm 04 chương, 11 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI LUẬN ÁN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1.1. Tình hình nghiên cứu ở trong nước

1.1.1.1. Các công trình nghiên cứu liên quan về áp dụng pháp luật

Về phần này, luận án khảo cứu một số công trình khoa học nghiên cứu về thực hiện pháp luật và vấn đề lý luận có liên quan nhằm tìm hiểu hoạt động ADPL trên một số lĩnh vực cụ thể và làm sáng tỏ các khái niệm, vai trò, vị trí, đặc điểm, nội dung, hình thức... của ADPL:

- Một số sách chuyên khảo, tham khảo và giáo trình:

+ Sách chuyên khảo “*Thực hiện, áp dụng và giải thích pháp luật ở Việt Nam*” của tác giả Nguyễn Minh Đoan, Nguyễn Minh Đức (2019) [26]. Cuốn sách gồm 8 chương với hơn 200 trang, trình bày một cách hệ thống các nội dung lý luận và hình thức về thực hiện pháp luật, bảo đảm và hiệu quả thực hiện pháp luật, cùng với các trường hợp cụ thể trong ADPL như khi có xung đột giữa các quy phạm, khi thiếu văn bản điều chỉnh, và vấn đề giải thích pháp luật. Tài liệu này giúp người nghiên cứu hiểu rõ bản chất, điều kiện và cơ chế thực hiện, ADPL nói chung ở Việt Nam trong mối liên hệ giữa quy phạm pháp luật với hoạt động thực tiễn của các cơ quan nhà nước.

+ Sách chuyên khảo: “*Áp dụng pháp luật hình sự: Lý luận và thực tiễn*” của tác giả Võ Khánh Vinh (2022) [93]. Đây là nguồn tài liệu quan trọng cung cấp cách tiếp cận chuyên sâu, toàn diện đối với hoạt động ADPL hình sự. Công trình này làm rõ các vấn đề cơ bản như khái niệm, đặc điểm, các giai đoạn của ADPL hình sự, đồng thời phân tích mối quan hệ giữa quy phạm pháp luật hình sự với vai trò là khách thể được triển khai trong thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử. Đặc biệt, tác giả đã đề cập đến hoạt động ADPL hình sự của một số cơ quan

chức năng có thẩm quyền, trong đó có Cơ quan điều tra. Nghiên cứu cuốn sách này giúp tác giả luận án có được hệ khung lý luận đầy đủ để tiếp cận và phân tích một cách khoa học vấn đề ADPL hình sự trong hoạt động điều tra các tội phạm cụ thể, trong đó có tội VPQH về bảo vệ động vật NCQH.

+ Sách tham khảo “*Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung 2017- phần các tội phạm*” của tác giả GS.TS Nguyễn Ngọc Hòa (2018) biên soạn [36]. Cuốn sách cũng được tác giả luận án sử dụng để khai thác cách tiếp cận chuyên biệt đối với các điều luật hình sự cụ thể. Cuốn sách phân tích, bình luận chi tiết từ Điều 108 đến Điều 247 Bộ luật Hình sự, trong đó nhấn mạnh đến nội dung, phương pháp và các vấn đề cần lưu ý khi ADPL đối với từng nhóm tội danh cụ thể. Tài liệu này đặc biệt hữu ích trong việc nhận diện cấu thành tội phạm, xác định hành vi khách quan, chủ thể, lỗi và các yếu tố định khung tăng nặng hoặc giảm nhẹ. Qua đó, cuốn sách góp phần định hướng cho việc đánh giá tính chính xác, hợp pháp và hợp lý trong hoạt động ADPL hình sự của Cơ quan điều tra.

+ Giáo trình “*Giáo trình Lý luận về Nhà nước và pháp luật*” của tác giả Nguyễn Minh Đoan, Đại học Luật Hà Nội (2022) [25]. Giáo trình được cấu trúc gồm 3 phần lớn, chia thành 8 chương, trong đó chương 4 trình bày chuyên sâu về vấn đề “áp dụng pháp luật” với các nội dung như khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc và các giai đoạn của quá trình ADPL. Giáo trình là nguồn tài liệu nền tảng giúp tác giả tiếp cận đúng hướng về bản chất lý luận của hoạt động ADPL với tư cách là hình thức thực hiện pháp luật có tính quyền lực nhà nước, từ đó soi chiếu vào hoạt động cụ thể của Cơ quan Cảnh sát điều tra trong quá trình xử lý các vụ án hình sự.

- Một số đề tài nghiên cứu khoa học các cấp:

+ Đề tài khoa học cấp Bộ: “*Cơ sở pháp lý bảo đảm sự độc lập xét xử của Tòa án trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền và hội nhập quốc tế ở nhà nước ta hiện nay*” của tác giả Bùi Nguyên Khánh (2014) [37]. Nghiên cứu này tập trung vào bốn khía cạnh chính, xoay quanh các khía cạnh

lý luận cơ bản về độc lập xét xử, cơ sở hiến định và pháp luật đảm bảo sự độc lập của quyền xét xử của tòa án trong hệ thống pháp quyền của nước ta. Cụ thể, đề tài nghiên cứu về những yêu cầu cần thiết để đảm bảo sự độc lập của quyền xét xử trong ngữ cảnh xây dựng và duy trì một hệ thống pháp quyền nhà nước pháp quyền ổn định. Ngoài ra, đề tài có sự đánh giá về thực trạng ADPL về độc lập xét xử tại các cấp Tòa án, phân tích các yếu tố tác động đến tính độc lập của thẩm phán và hội đồng xét xử và bàn luận một số vụ án cụ thể có dấu hiệu ảnh hưởng đến nguyên tắc độc lập xét xử, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm.

+ Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở: "*Áp dụng pháp luật ở Việt Nam hiện nay*" của tác giả Nguyễn Thị Hòai (2009) [32] đã tiến hành phân tích một số khía cạnh lý luận về ADPL, bao gồm các khái niệm, đặc điểm, trường hợp phù hợp với ADPL, quy trình, quyết định và các khía cạnh tương tự của ADPL. Ngoài ra, đề tài phân tích các vấn đề lý luận và thực tế liên quan đến ADPL trong các lĩnh vực cụ thể như: Hình sự, dân sự, hành chính. Trong quá trình này, đề tài đã đề cập đến các thành tựu đã đạt được, những hạn chế và tồn tại trong hoạt động ADPL ở từng lĩnh vực. Đồng thời, đề xuất những biện pháp cần thực hiện nhằm tận dụng những ưu điểm của ADPL và khắc phục những hạn chế đã xác định. Mục tiêu là hoàn thiện hệ thống pháp luật và nâng cao hiệu quả của ADPL. Qua quá trình này, cũng nhấn mạnh vào việc làm sáng tỏ và bổ sung thêm các lý luận chung về ADPL, nhằm xác định rõ về cách áp dụng và phát triển ADPL trong bối cảnh pháp luật và thực tiễn tại Việt Nam.

- Một số bài báo khoa học:

+ Bài báo "*Áp dụng pháp luật trong Bộ luật dân sự năm 2015*", Tạp chí Nghiên cứu lập pháp của tác giả Dương Quỳnh Hoa (2017) [35]. Bài viết phân tích, đánh giá các điểm mới về những vấn đề liên quan đến ADPL trong Bộ luật Dân sự năm 2015 và so sánh với Bộ luật Dân sự năm 2005.

+ Bài báo “*Áp dụng pháp luật hình sự: Những vấn đề lý luận*”, Tạp chí Khoa học Kiểm sát của tác giả Võ Khánh Vinh (2020) [89]. Bài viết đi sâu vào những vấn đề lý luận, cụ thể làm sáng tỏ khái niệm, các dấu hiệu, nội dung, chức năng và các giai đoạn ADPL hình sự. Bài viết này cung cấp nền tảng lý luận quan trọng cho việc hiểu sâu về thực hiện ADPL, giúp tác giả nghiên cứu và phân tích kỹ hơn về các khía cạnh pháp lý và thực tiễn trong tiến hành các hoạt động điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH.

+ Bài báo “*Thực trạng áp dụng pháp luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài của tòa án Việt Nam*”, Tạp chí Pháp luật và thực tiễn - số 55/2023 của tác giả Phạm Thị Hồng My (2023) [44]. Bài viết chỉ rõ một số tồn tại, hạn chế của Tòa án Việt Nam khi ADPL tố tụng dân sự để tiến hành giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài bằng phương pháp bình luận một số bản án. Qua việc nghiên cứu, bài viết có đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài tại Tòa án Việt Nam hiện nay.

- Một số luận án:

+ Luận án tiến sĩ “*Áp dụng pháp luật trong xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự của Tòa án quân sự ở Việt Nam hiện nay*” của tác giả Dương Văn Thăng (2017) [78]. Luận án đã tiến hành nghiên cứu làm rõ cơ sở lý luận về ADPL trong xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự của Tòa án quân sự ở Việt Nam hiện nay dưới góc độ lý luận Mác- Lênin về Nhà nước và pháp luật: Khái niệm, phân tích các đặc điểm và vai trò ADPL khi tiến hành xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự của Tòa án quân sự. Bên cạnh đó, luận án cũng đưa ra quy trình và nội dung ADPL trong xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự của Tòa án quân sự ở Việt Nam và đánh giá thực trạng ADPL hiện nay. Những kết quả này cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn quan trọng cho việc hoàn thiện và nâng cao hiệu quả ADPL trong hệ thống tư pháp nói chung.

+ Luận án tiến sĩ “*Hoạt động áp dụng pháp luật hình sự của các Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án Việt Nam*” của tác giả Chu Thị

Trang Vân (2009) [92]. Đây là công trình viết về lý luận và thực tiễn của ADPL hình sự. Do vậy, công trình đã nêu và phân tích một số định nghĩa, đặc điểm nhằm đánh giá thực trạng khi tiến hành ADPL hình sự trong thời gian gần đây. Đồng thời đánh giá việc ADPL hình sự hiện nay của mỗi cơ quan (Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án) trên cơ sở khảo cứu. Qua đó, công trình đưa ra một số giải pháp để đảm bảo, nâng cao hiệu quả hoạt động ADPL ở Việt Nam.

Qua tổng hợp nghiên cứu những tài liệu, công trình khoa học liên quan đến ADPL, tác giả có thêm góc nhìn tổng quan, toàn diện về cơ sở lý luận ADPL hiện nay, những yếu tố ảnh hưởng và thực trạng ADPL của cơ quan chức năng. Từ đó hoàn thiện về lý luận ADPL trong luận án của tác giả.

1.1.1.2. Các công trình khoa học nghiên cứu liên quan về áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm của Cơ quan Cảnh sát điều tra

Qua nghiên cứu các tài liệu, công trình khoa học trong nước, ADPL trong điều tra tội phạm nói chung được đề cập trong nhiều công trình khác nhau, cụ thể:

- Một số công trình chuyên khảo:

+ Bộ sách chuyên khảo “*Khoa học hình sự Việt Nam*”, chỉ đạo biên soạn: Trần Đại Quang, tổng chủ biên: Nguyễn Xuân Yêm (2012), Nhà xuất bản CAND, Hà Nội [73].

Trong Tập 3 “Chiến thuật hình sự,” các tác giả đã thực hiện nghiên cứu và làm rõ hệ thống lý luận chung về chiến thuật hình sự, bao gồm khái niệm, nhiệm vụ, nội dung và xu hướng phát triển của chiến thuật hình sự, cũng như chiến thuật tổ chức và tiến hành các biện pháp điều tra. Trong khi đó, Tập 4 “Phương pháp hình sự” đã dành Chương 1 và Chương 2 để nghiên cứu hai chủ đề quan trọng: Phương pháp hình sự và Điều tra vụ án hình sự. Các tác giả đã phân tích về khái niệm, nhiệm vụ, nguyên tắc, và nội dung của phương pháp hình sự, cũng như hoạt động điều tra vụ án hình sự. Những nội dung được trình bày tại Tập 3 và Tập 4 của bộ sách đều mang lại giá trị lớn trong

việc nghiên cứu về phương pháp điều tra vụ án hình sự. Đây là những nguồn thông tin quan trọng giúp cho tác giả hoàn thiện những vấn đề lý luận liên quan đến luận án.

+ Sách chuyên khảo “*Bình luận các tội phạm trong lĩnh vực môi trường*” của Nhóm tác giả Lê Tấn Tới, Nguyễn Trí Tuệ, Đỗ Đức Hồng Hà (đồng chủ biên), Nhà xuất bản Lao Động, năm 2019 [88].

Cuốn sách gồm có 14 chương quy định chi tiết về các loại tội phạm trong lĩnh vực môi trường. Những khái niệm liên quan, dấu hiệu pháp lý và đường hướng xử lý của cả nhóm tội và của từng tội phạm cụ thể, trên cơ sở tất cả văn bản giải thích, hướng dẫn áp dụng quy định của BLHS đang có hiệu lực thi hành đã được nhóm tác giả đưa ra bình luận, trình bày trong cuốn sách này. Cuốn sách cũng là tài liệu hữu ích giúp cho quá trình ADPL hình sự trong tố tụng được nhanh chóng, kịp thời và chính xác nhất. Cuốn sách cung cấp những kiến thức chi tiết và cụ thể về các tội phạm trong lĩnh vực môi trường, đặc biệt là tội VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH. Đây là nguồn tài liệu nghiên cứu quan trọng, giúp tác giả có cơ sở pháp lý vững chắc và hiểu sâu hơn về các quy định liên quan đến lĩnh vực này. Điều này thực sự là nguồn tham khảo quý giá đối với đề tài nghiên cứu ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH.

- ***Một số bài viết, kỷ yếu hội thảo, tham luận khoa học:***

+ Bài viết “*Áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm sử dụng không gian mạng xâm phạm an ninh quốc gia*” của tác giả Nguyễn Tiến Phương (2023), Trường Cao đẳng An ninh nhân dân I, Tạp chí Quản lý Nhà nước, Số 335, tr 73-77 [48].

Bài viết đã phân tích và chỉ ra các khái niệm về “áp dụng pháp luật”, “hoạt động điều tra tội phạm”, “tội phạm sử dụng không gian mạng”, đồng thời làm rõ tính nghiêm trọng của tội phạm và thẩm quyền điều tra. Bài viết đi sâu về bản chất của loại tội phạm này dựa trên bốn yếu tố cấu thành tội phạm. Bài viết cũng đưa ra các đặc điểm về ADPL trong điều tra tội phạm sử dụng

không gian mạng xâm phạm an ninh quốc gia của Cơ quan An ninh điều tra. Nghiên cứu này đã cung cấp cho tác giả những hiểu biết quý báu và gợi ý tham khảo về cách thức xây dựng cấu trúc luận án, góp phần vào việc hoàn thiện luận án của tác giả với một cách tiếp cận có hệ thống và chặt chẽ qua các chương.

+ Bài viết “*Nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trong hoạt động điều tra đối với tội phạm ma túy*”, Tạp chí Khoa học Kiểm sát, (04), tr. 19-28 của Trần Văn Tuyên (2020) [82].

Tác giả nêu bật những thách thức trong quá trình điều tra tội phạm ma túy theo quy định hiện hành, phân tích các lỗ hổng pháp lý, và gợi ý giải pháp hoàn thiện nhằm nâng cao tính khả thi của các quy định. Hoạt động điều tra tội phạm về ma túy chịu sự điều chỉnh bởi nhiều quy định khác nhau: BLHS, Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS), Luật Phòng chống ma túy và các văn bản hướng dẫn cụ thể. Tác giả nhấn mạnh, nếu không kịp thời rà soát, chỉnh sửa những quy định thiếu cụ thể hoặc lạc hậu, công tác điều tra có thể bị hạn chế, dẫn đến bỏ lọt tội phạm hoặc xâm phạm quyền con người. Bài viết giúp Tác giả có cách tiếp cận về việc nhận diện các bất cập của quy định pháp luật và phương pháp nghiên cứu trong đối chiếu các nội dung liên quan được quy định trong BLHS, BLTTHS, Luật Lâm nghiệp, Luật Đa dạng sinh học... để tìm ra khoảng trống hoặc mâu thuẫn, chồng chéo cần khắc phục.

+ Bài viết “*Giải pháp nâng cao hiệu quả hướng dẫn điều tra vụ án hình sự của Cơ quan Cảnh sát điều tra các cấp*” Tạp chí Dân chủ và Pháp luật của Ngô Phan Nhân (2024) [45] đã làm rõ quy định pháp luật về hướng dẫn điều tra vụ án hình sự của Cơ quan Cảnh sát điều tra các cấp và những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác này trong thời gian tới. Qua đây, bài viết cung cấp nhận thức chung về hướng dẫn điều tra và tầm quan trọng của việc tuân thủ đúng quy định pháp luật. Bài viết nhấn mạnh yêu cầu củng cố cơ sở pháp lý để hướng dẫn điều tra các loại tội phạm nói chung.

- Một số luận án:

+ Luận án tiến sĩ Luật học *“Hoàn thiện pháp luật về điều tra tội phạm sử dụng công nghệ cao ở Việt Nam hiện nay”* Lê Thanh Hà, Học viện Khoa học Xã hội, năm 2021 [34].

Công trình nghiên cứu chuyên sâu về các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến tội phạm sử dụng công nghệ cao, đề xuất phương án chỉnh sửa, bổ sung, đồng thời đưa ra hướng dẫn cụ thể trong tiến hành hoạt động điều tra, xử lý. Đề tài đánh giá thực trạng pháp luật về điều tra tội phạm sử dụng công nghệ cao ở Việt Nam, chỉ ra những bất cập, hạn chế và đề xuất một số giải pháp hoàn thiện khung pháp lý, góp phần nâng cao hiệu quả công tác điều tra. Đối với tội phạm công nghệ cao, luận án phân tích sâu về việc thu thập, quản lý dữ liệu số, giám định kỹ thuật số, áp dụng biện pháp điều tra đặc biệt... Các giải pháp này gợi mở giải pháp trong việc nâng cao hiệu quả điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH và nâng cao năng lực cán bộ, đầu tư trang thiết bị chuyên môn công nghệ cao. Bên cạnh đó là kinh nghiệm trong phối hợp liên ngành và hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm nói chung.

+ Luận án tiến sĩ *“Điều tra tội phạm lạm dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt tài sản theo chức năng của lực lượng Cảnh sát kinh tế”*, Nguyễn Tiến Sơn, Học viện Cảnh sát nhân dân, năm 2024 [77].

Luận án tập trung vào tội phạm “lạm dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt tài sản”, được quy định trong BLHS Việt Nam. Đối tượng nghiên cứu chủ yếu là công tác điều tra của lực lượng Cảnh sát kinh tế - lực lượng có thẩm quyền và nhiệm vụ xử lý các vụ án kinh tế, tham nhũng, gian lận thương mại. Qua nghiên cứu, có thể rút ra các bài học về phân công nhiệm vụ, công tác phối hợp liên ngành và các cơ quan liên quan. Luận án cũng làm rõ tội phạm lạm dụng chức vụ, quyền hạn, các dấu hiệu định tội, cách thu thập chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội... Đây là những vấn đề cốt lõi của khoa học điều tra hình sự, có thể giúp củng cố nền tảng lý luận về quá trình

điều tra, từ xác định tội danh. Điều này giúp Tác giả tham khảo về cách thức ADPL, mô hình nghiên cứu trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH, dù khác về hành vi, đối tượng, nhưng các nguyên tắc, thao tác nghiệp vụ điều tra hình sự vẫn giữ vai trò trọng tâm, giúp định hình lý luận về cách ADPL trong điều tra được phù hợp.

1.1.1.3. Các công trình nghiên cứu liên quan đến áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam

- Một số công trình chuyên khảo và giáo trình:

+ Sách chuyên khảo “*Tội phạm môi trường trong pháp luật hình sự Việt Nam - Thực trạng và định hướng hoàn thiện*” của Bộ Tài nguyên và Môi trường, năm 2015 [16].

Cuốn sách phân tích, làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế trong công tác điều tra các loại tội phạm về môi trường, cuốn sách cung cấp bức tranh toàn cảnh, chi tiết về thực trạng pháp luật đó là nhiều khó khăn, vướng mắc đối với các tội phạm môi trường như: Tội VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH, Tội hủy hoại rừng, Tội làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật, thực vật... Đồng thời đưa ra các khuyến nghị phương hướng cho việc sửa đổi, bổ sung các quy định về tội phạm môi trường trong BLHS năm 1999. Cuốn sách này là tài liệu tham khảo quan trọng, giúp tác giả có góc nhìn toàn diện về thực trạng pháp luật hình sự liên quan đến tội phạm về môi trường tại Việt Nam, đặc biệt là những khó khăn và vướng mắc trong việc điều tra, xử lý tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH.

+ Sách chuyên khảo “*Bảo vệ động vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm bằng pháp luật hình sự Việt Nam*”, tác giả Nguyễn Văn Pha (Chủ biên), Nhà xuất bản Lao động, năm 2018 [47].

Cuốn sách nghiên cứu về những quy định mới của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về bảo vệ động vật hoang dã, NCQH để làm rõ quy định nào cần có văn bản giải thích, hướng dẫn áp dụng; Những điểm

tương đồng và khác biệt giữa quy định của BLHS Việt Nam năm 2015 với quy định của Bộ luật hình sự Liên Bang Nga, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và Vương quốc Anh về bảo vệ động vật hoang dã, NCQH; giữa quy định của BLHS Việt Nam năm 2015 với quy định của luật chuyên ngành Hoa Kỳ, Singapore và Malaysia về bảo vệ động vật hoang dã, NCQH; những quy định hợp lý, phù hợp với thực tiễn Việt Nam có thể tiếp thu, học hỏi nhằm tiếp tục hoàn thiện quy định của BLHS về bảo vệ động vật hoang dã, NCQH. Ngoài ra, cuốn sách còn nghiên cứu kết quả đấu tranh, phòng chống tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật hoang dã, NCQH, chỉ ra thách thức trong việc xác định đối tượng tác động của tội phạm, vấn đề quản lý vật chứng, định giá, giám định vật chứng là động vật NCQH. Cuốn sách này là một nguồn tài liệu quý báu giúp Tác giả hiểu sâu hơn về những quy định mới của BLHS năm 2015 liên quan đến việc bảo vệ động vật hoang dã, NCQH. Bằng cách so sánh các quy định pháp luật của Việt Nam với các quốc gia khác như Liên Bang Nga, Trung Quốc, Anh, Hoa Kỳ, Singapore và Malaysia, cuốn sách cung cấp cho tác giả góc nhìn đa chiều về các giải pháp pháp lý và thực tiễn để hoàn thiện luật pháp Việt Nam.

+ Giáo trình *“Những vấn đề cơ bản về đấu tranh, phòng chống tội phạm môi trường”*, Nguyễn Xuân Lý, Nguyễn Hoàng Minh (đồng chủ biên), Nhà xuất bản Công an nhân dân, năm 2016 [43].

Đây là cuốn giáo trình cung cấp những tri thức cơ bản và tổng quan nhất về phòng chống tội phạm về môi trường. Giáo trình đã khái quát về tội phạm môi trường, hoạt động phòng ngừa và điều tra khám phá tội phạm về môi trường. Đối với hoạt động điều tra tội phạm theo chức năng của lực lượng Cảnh sát môi trường, giáo trình đã làm rõ khái niệm, nhiệm vụ điều tra tội phạm của lực lượng Cảnh sát môi trường, các hoạt động điều tra của lực lượng Cảnh sát môi trường như: Tiếp nhận, kiểm tra, xác minh, xử lý tin báo, tố giác tội phạm...

- Đề tài nghiên cứu khoa học các cấp:

+ Đề tài khoa học cấp cơ sở: *“Công tác xác minh hiềm nghi trong phòng chống tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của lực lượng Cảnh sát môi trường công an thành phố Hà Nội”* của tác giả Chu Xuân Đức, Học viện Cảnh sát nhân dân, năm 2022 [27].

Đề tài đi sâu nghiên cứu làm rõ nhận thức tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH; lý luận về công tác xác minh hiềm nghi trong phòng, chống tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của lực lượng Cảnh sát môi trường. Về thực trạng hiện nay, đề tài đã khảo sát, đánh giá một cách minh bạch tình hình tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH và tình hình công tác xác minh hiềm nghi trong phòng, chống tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của lực lượng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường Công an thành phố Hà Nội. Xác định mặt ưu điểm, chỉ ra những hạn chế, thiếu sót và nguyên nhân dẫn đến những hạn chế, thiếu sót trong công tác xác minh hiềm nghi. Qua đây, đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác xác minh hiềm nghi trong phòng, chống tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của lực lượng Cảnh sát môi trường Công an thành phố Hà Nội.

- Một số bài kỷ yếu Hội thảo, tham luận khoa học:

+ Bài viết *“Nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ động vật hoang dã”* của tác giả Đinh Anh Tuấn (2022), Trường Đại học Cảnh sát nhân dân [80].

Bài viết gồm 3 phần trong đó có nêu ra thực trạng vi phạm pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã; đánh giá những thách thức trong tiến hành xử lý các hành vi VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH. Qua đó, bài viết kiến nghị, đề xuất một số giải pháp thiết yếu góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ động vật hoang dã trong thời gian tới.

+ Kỷ yếu Hội thảo khoa học *“Tội phạm môi trường - Kinh nghiệm quốc tế, thực trạng pháp luật và đề xuất hoàn thiện trong Bộ luật hình sự (sửa*

đổi)”, Bộ Tài nguyên và môi trường - Ủy ban khoa học công nghệ và môi trường của Quốc hội - Chương trình phát triển liên hợp quốc, năm 2015 [15].

Nội dung các bài viết trong kỷ yếu khoa học đã đi sâu phân tích cơ sở lý luận, thực trạng quy định của pháp luật hình sự của Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới đối với các tội phạm về môi trường, chỉ rõ thực trạng và nguyên nhân dẫn đến tình trạng phát sinh tội phạm về môi trường. Đồng thời, nội dung của các bài viết trong kỷ yếu hội thảo đã đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định của BLHS đối với một số loại tội phạm môi trường như: Tội gây ô nhiễm môi trường, Tội VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH...

+ Kỷ yếu Hội thảo khoa học *“Nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng ngừa tội phạm vi phạm pháp luật về động vật hoang dã, quý, hiếm ở Việt Nam”* của Ủy ban Tư pháp của Quốc hội phối hợp với Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ tại Việt Nam (GIG), 2018 [90].

Nhiều bài viết đã chỉ ra nhiều nguyên nhân bên cạnh nhận thức chưa đầy đủ của xã hội, của cấp ủy, chính quyền, người dân và các cơ quan chức năng về tính chất và tầm quan trọng của vấn đề còn có nguyên nhân từ các quy định của BLHS. BLHS năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) đã có các quy định cụ thể về phòng ngừa và xử lý tội phạm về động vật hoang dã, quý, hiếm, về cơ bản khắc phục được những tồn tại của BLHS năm 1999. Tuy nhiên việc sửa đổi, bổ sung một số văn bản dưới luật và văn bản hướng dẫn của Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao về các vấn đề liên quan còn chậm trễ và chưa triệt để.

- Một số luận án:

+ Luận án tiến sĩ *“Hoạt động phòng ngừa tội phạm về môi trường theo chức năng của lực lượng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”* của tác giả Đinh Tiến Quân, năm 2013 [74].

Đây là luận án có giá trị thực tiễn cao, nghiên cứu và phân tích một cách tập trung, toàn diện hệ thống lý luận chung về phòng ngừa tội phạm môi trường, đặc biệt là đối với lực lượng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường. Tác giả đã tiến hành khảo sát toàn diện, chi tiết hóa bức tranh tình hình tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường tại Việt Nam trong thời gian gần đây, đồng thời, phân tích thực trạng của các hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm môi trường do lực lượng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường thực hiện. Luận án không chỉ mô tả chi tiết mà còn dựa trên những dữ liệu và thông tin thu thập được để đưa ra dự báo tình hình tội phạm môi trường ở Việt Nam trong thời gian tới. Qua đó, đề xuất một hệ thống giải pháp có cơ sở lý luận và thực tiễn, nhằm cải thiện hiệu quả trong công tác đấu tranh của lực lượng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường trong thời kỳ tiếp theo.

+ Luận án tiến sĩ *“Hoạt động phòng ngừa vi phạm pháp luật và tội phạm về môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội theo chức năng của lực lượng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường”* của tác giả Trần Quốc Tỏ, Học viện Cảnh sát nhân dân, năm 2013 [87].

Luận án xây dựng những lý luận cơ bản về hoạt động phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Luận án đã đánh giá một cách chi tiết về thực trạng hoạt động phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội. Qua những nội dung đó, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo chức năng của lực lượng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường.

Nghiên cứu tài liệu công trình liên quan đến ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH giúp cho tác giả đánh giá những mặt còn thiếu chưa được nghiên cứu, giải quyết triệt để và cần phải bổ sung hoàn thiện trong luận án.

+ Luận án tiến sĩ *“Hoạt động nghiệp vụ trình sát của lực lượng Cảnh sát môi trường trong phòng, chống tội phạm vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ”*, Trần Anh Tuấn, Học viện Cảnh sát nhân dân, năm 2017 [81].

Tác giả nghiên cứu lý luận và thực tiễn về hoạt động nghiệp vụ trình sát trong công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH, đặc biệt nhấn mạnh đến việc ADPL trong lĩnh vực phòng, chống tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH. Cụ thể, luận án đã làm rõ khái niệm tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật, nhất là các loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của BLHS năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009), qua đó khẳng định cơ sở pháp lý áp dụng khi tiến hành các hoạt động điều tra, xử lý. Bên cạnh đó, luận án cũng phân tích khái niệm, nhiệm vụ, nguyên tắc và nội dung của hoạt động nghiệp vụ trình sát, làm sáng tỏ căn cứ pháp luật và cách thức tiến hành phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả đấu tranh, phòng, chống loại tội phạm này. Trên cơ sở khảo sát thực trạng tổ chức và tiến hành hoạt động nghiệp vụ trình sát, tác giả đã đề xuất nhiều giải pháp thiết thực, góp phần hoàn thiện khung pháp lý, nâng cao hiệu quả ADPL trong quá trình phát hiện, điều tra và xử lý các hành vi VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH. Kết quả nghiên cứu của luận án là nguồn tư liệu quý báu, giúp tác giả củng cố, làm sâu sắc hơn cơ sở lý luận về ADPL và tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH. Đồng thời, những kết quả này cũng đóng vai trò quan trọng định hướng, đưa ra các quan điểm giải pháp, góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến công tác bảo vệ động vật NCQH.

+ Luận án tiến sĩ *“Điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm trên địa bàn các tỉnh miền Trung theo thẩm quyền của lực lượng Cảnh sát môi trường”*, Lê Xuân Sang, Học viện Cảnh sát nhân dân, 2022 [76].

Luận án tập trung làm rõ và mở rộng các khía cạnh lý luận liên quan đến quá trình điều tra ban đầu đối với tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH tại các tỉnh miền Trung. Nghiên cứu tập trung vào thẩm quyền của lực lượng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, phân tích và khám phá đúng thực trạng về tội phạm, cũng như quá trình điều tra ban đầu để đưa ra những hiểu biết sâu sắc về quy luật, đặc điểm, phương thức, và thủ đoạn hoạt động của loại tội phạm này. Bên cạnh việc đặt ra những thách thức lý luận và thực tế, luận án tập trung vào việc phát hiện và xác định nguyên nhân, điều kiện gây ra tội phạm. Từ đó, luận án đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm. Ngoài ra, nghiên cứu cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc định rõ bối cảnh địa lý, xã hội, và kinh tế địa phương, giúp nắm bắt đặc điểm địa phương có tác động, ảnh hưởng như thế nào đến tình hình tội phạm.

Nghiên cứu các tài liệu, công trình liên quan đến điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH giúp tác giả có thêm những tri thức quý báu về kinh nghiệm, cách thức trong điều tra, phòng chống tội phạm về môi trường. Điều này giúp làm tăng độ tin cậy, phong phú cho bài luận án của tác giả.

1.1.2. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

Luận án nghiên cứu các kỷ yếu hội thảo quốc tế, các công trình khoa học, sách chuyên khảo, luận án tiến sĩ... của các tác giả nước ngoài, qua đó khái quát được các công trình nước ngoài nghiên cứu về phát hiện, điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH. Đồng thời, trên cơ sở quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế về bảo vệ động vật hoang dã, NCQH, tác giả đưa ra những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu.

1.1.2.1. Các công trình nghiên cứu liên quan về áp dụng pháp luật

- Sách chuyên khảo “*Judicial Application of Human Rights and Democracy*”, A.K Sen, 2017 (“Áp dụng pháp luật trong quyền con người và dân chủ” của A.K Sen, 2017) [115].

Cuốn sách nghiên cứu chuyên sâu về cách thức ADPL trong việc bảo vệ nhân quyền và thúc đẩy dân chủ. Tác giả A.K Sen đã đưa ra khái niệm, phân tích nội dung về ADPL trong nhân quyền và dân chủ thông qua hệ thống tư pháp độc lập. Ngoài ra, cuốn sách cũng đề cập đến những khó khăn và thách thức mà các quốc gia phải đối mặt khi cố gắng ADPL theo quy chuẩn quốc tế về nhân quyền và dân chủ vào hệ thống pháp luật nội địa, bao gồm xung đột văn hóa, chính trị và kinh tế. Cuốn sách cung cấp góc nhìn về khái niệm, nội dung ADPL cụ thể tại một số quốc gia trên thế giới khác Việt Nam, qua đó so sánh về cách thức, quy trình ADPL.

- Sách chuyên khảo “*Judicial Application of International Law in Southeast Europe*”, Siniša Rodin, Tamara Perišin, 2015 (Áp dụng pháp luật Quốc tế trong Hệ thống Tư pháp ở Đông Nam Âu của tác giả Siniša Rodin, Tamara Perišin, 2015) [142].

Cuốn sách gồm 14 chương và dày 313 trang. Đây là cuốn sách nghiên cứu chuyên sâu, hướng dẫn toàn diện về việc ADPL quốc tế tại Đông Nam Âu, đưa ra những phân tích, đánh giá sâu sắc về tình trạng hiện hành về Hiến pháp và thực hành tư pháp trong việc áp dụng luật quốc tế. Ngoài ra, cuốn sách được biên tập trình bày nghiên cứu, so sánh về cách các tòa án ở Đông Nam Âu áp dụng luật quốc tế. Phần I, Phần II thảo luận về các lĩnh vực cụ thể của luật quốc tế, nổi bật là luật về Hiệp định liên kết giữa EU và các nước thứ ba, luật của Tổ chức Thương mại Thế giới và luật môi trường quốc tế (Công ước Aarhus). Tiếp theo đó, phần III của cuốn sách bao gồm các báo cáo về cách các tòa án quốc gia ở Albania, Bosnia và Herzegovina, Croatia, Kosovo, Macedonia, Montenegro, Serbia và Slovenia hiện đang áp dụng luật quốc tế.

- Cuốn sách “*The Environmental Law Handbook*”, Christopher Bell (Author) and other authors, 2017 (Cẩm nang Luật môi trường của tác giả Christopher Bell và một số tác giả khác, 2017) [123].

Cuốn sách gồm 17 chương với hơn 1000 trang trình bày chi tiết các quy định trong Luật về bảo vệ môi trường. Cuốn cẩm nang cung cấp cái nhìn toàn

diện, cập nhật và dễ đọc, các luật lệ chính về môi trường, sức khỏe và an toàn ảnh hưởng đến doanh nghiệp và tổ chức tại Hoa Kỳ. Cẩm nang bắt đầu với các chương cơ bản về luật môi trường và các vấn đề về thi hành pháp luật và trách nhiệm con người. Các chương tiếp theo nghiên cứu chuyên sâu vào các luật lệ chính, xem xét lịch sử, phạm vi và yêu cầu với mỗi chương được dành riêng cho từng luật lệ. Đặc biệt, hướng dẫn chi tiết cho người dân trong việc đảm bảo tuân thủ đúng các quy định trong Luật bảo vệ môi trường.

- Công trình nghiên cứu “Осовременивание модели развития теории государства и права” (Hiện đại hóa mô hình phát triển lý thuyết Nhà nước và pháp luật), tác giả V.E. Varlamova, Nga, 2023 [151].

Đây là một bài nghiên cứu lý luận chuyên sâu được đăng trên tạp chí khoa học pháp lý Nga, tập trung vào việc hiện đại hóa hệ hình lý luận về nhà nước và pháp luật trong bối cảnh nhà nước pháp quyền đang ngày càng yêu cầu cao hơn về hiệu quả quản lý, tính linh hoạt và năng lực thực thi pháp luật. Tác giả V.E. Varlamova tiếp cận vấn đề trên nền tảng cải cách tư duy pháp lý, với trọng tâm là điều chỉnh lại các khái niệm lý luận cốt lõi như: quyền lực nhà nước, pháp luật thực định, quyền con người và đặc biệt là cơ chế ADPL như một hoạt động mang tính tổ chức - quyền lực - pháp lý trong hệ thống thực thi quyền lực nhà nước.

Công trình làm rõ mối quan hệ giữa quy phạm pháp luật và thực tiễn ADPL trong điều kiện xã hội hiện đại, từ đó đề xuất một số hướng tiếp cận mới về ADPL: Phải đảm bảo sự cân bằng giữa tính hợp pháp, tính hiệu quả và tính nhân văn; đồng thời cần cá thể hóa trách nhiệm của chủ thể ADPL thông qua năng lực phân tích và giải thích quy phạm. Công trình có giá trị học thuật cao, tạo cơ sở lý luận quan trọng để nghiên cứu sâu hơn về cách thức vận hành quyền lực tư pháp và hành pháp trong lĩnh vực điều tra hình sự. Từ đó, góp phần định hướng cho đề tài luận án trong việc tiếp cận hoạt động ADPL không chỉ như một thao tác kỹ thuật, mà còn như một biểu hiện sinh động của quyền lực nhà nước trong thực tiễn xử lý tội phạm VPQĐ về bảo vệ môi trường và động vật NCQH.

- Công trình nghiên cứu “法律适用的统一：从理论分析到实证研究”

(Sự thống nhất trong ADPL: Từ phân tích lý thuyết đến nghiên cứu thực nghiệm), tác giả Trương Vệ Bình và cộng sự, Trung Quốc, 2024 [147].

Công trình chuyên khảo này nghiên cứu chuyên sâu về vấn đề “thống nhất trong áp dụng pháp luật” - một khái niệm được xem là nguyên tắc cốt lõi trong lý luận về nhà nước và pháp luật nhằm đảm bảo hiệu lực, công bằng và ổn định của hệ thống pháp luật. Tác giả Trương Vệ Bình và nhóm nghiên cứu đã tiếp cận vấn đề dưới cả hai khía cạnh: Lý thuyết và thực tiễn. Trên cơ sở hệ thống hóa các quan điểm lý luận về ADPL, công trình chỉ ra các nguyên nhân dẫn đến sự thiếu thống nhất trong thực tiễn ADPL tại Trung Quốc, bao gồm sự khác biệt trong cách hiểu quy phạm, thiếu hướng dẫn áp dụng từ trung ương và trình độ không đồng đều của các chủ thể thực thi pháp luật.

Ngoài ra, công trình tiến hành nghiên cứu thực nghiệm tại một số tỉnh thành, qua đó khẳng định mối liên hệ chặt chẽ giữa tính thống nhất trong ADPL với hiệu quả quản trị nhà nước. Tác giả đề xuất nhiều giải pháp hoàn thiện như xây dựng cơ chế giám sát thống nhất ADPL, nâng cao năng lực chủ thể ADPL và cải cách quy trình hướng dẫn tư pháp. Công trình này có giá trị lý luận và thực tiễn cao đối với đề tài luận án, giúp soi chiếu và bổ sung cách tiếp cận hệ thống, chính xác và nhất quán trong phân tích hoạt động ADPL hình sự trong điều tra tội phạm tại Việt Nam, đặc biệt đối với tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH.

Nghiên cứu những công trình tài liệu nước ngoài về ADPL giúp cho tác giả có thêm những nhận thức về lý luận và thực trạng ADPL trong một số luật hiện nay tại một số quốc gia, khu vực quan trọng nhằm đánh giá những điểm giống, khác nhau giữa Việt Nam và thế giới.

1.1.2.2. Các công trình nghiên cứu liên quan về áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm của Cơ quan Cảnh sát điều tra

- Sách chuyên khảo “*Wildlife and the Law: A Field Guide to Recognising, Reporting and Investigating Wildlife Crime in Scotland*”, Alan

Stewart (Author), 2012 (“Động vật hoang dã và luật pháp: Hướng dẫn thực địa để nhận biết, báo cáo và điều tra tội phạm buôn bán động vật hoang dã ở Scotland” của Alan Stewart, 2012) [116].

Cuốn sách giới thiệu các phương pháp giúp ngăn chặn hành vi phạm tội liên quan đến động vật hoang dã trong trường hợp việc phòng ngừa thất bại và gặp phải hành vi vi phạm luật về động vật hoang dã, điều này giúp người đọc nhận ra hành vi phạm tội và phản ứng thích hợp. Động vật hoang dã và luật pháp trình bày theo từng chương và kèm theo một số văn bản quy định về luật bảo vệ động vật hoang dã tại Scotland. Bên cạnh đó, cuốn sách gồm các chương giới thiệu về các loại động vật hoang dã đang được bảo tồn, trong đó có các chương riêng biệt nêu lên việc đối xử với động vật nuôi và động vật bị nuôi nhốt hiện nay. Ngoài ra, cuốn sách còn cung cấp những kinh nghiệm, cách thức trong việc điều tra tội phạm về động vật hoang dã đang được quan tâm.

- Sách chuyên khảo: “*Taking action against wildlife crime in Uganda*”, Henry Travers, Geoffrey Mwedde, Lucy Archer, Dilys Roe, Andrew Plumptre, Julia Baker, Aggrey Rwetsiba, E.J. Milner - Gulland, International institute for Environment and Development, London, UK, 2017. (“Đấu tranh chống tội phạm về động vật hoang dã ở Uganda”, Henry Travers, Geoffrey Mwedde, Lucy Archer, Dilys Roe, Andrew Plumptre, Julia Baker, Aggrey Rwetsiba, E.J. Milner - Gulland, Viện quốc tế về môi trường và phát triển, nhà xuất bản London, Vương quốc Anh, 2017) [129].

Cuốn sách gồm 78 trang được các tác giả trình bày một số vấn đề liên quan đến đấu tranh, phòng chống tội phạm về động vật hoang dã ở Uganda như: Thực trạng các loài động vật hoang dã trong tự nhiên và các khu bảo tồn tại Uganda; động cơ, mục đích, nguyên nhân của tội phạm; công tác thực hiện các biện pháp, giải pháp trong đấu tranh, phòng ngừa tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật hoang dã tại Uganda. Nghiên cứu tài liệu này giúp tác giả có những nhận thức về các phương pháp khảo sát, đánh giá thực trạng về đấu

tranh phòng, chống tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật hoang dã, từ đó học tập kinh nghiệm, đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả trong hoạt động điều tra tội phạm này.

- Sách chuyên khảo “*Wildlife Crime: From Theory to Practice*”, William D. Moreto, 2018 (“Tội phạm về động vật hoang dã: Từ lý thuyết đến thực tiễn” của William D. Moreto, 2018) [153].

Cuốn sách đã chứng minh vai trò của các nhà tội phạm học trong việc nghiên cứu tội phạm về động vật hoang dã và điều tra trong lĩnh vực loại tội phạm này. Đây là cuốn sách độc đáo đưa ra các quan điểm lý thuyết, phương pháp luận và thực hành, trong khi những cuốn sách khác chỉ đưa ra những cách tiếp cận chủ yếu mang tính lý thuyết. Trong đó, cung cấp kiến thức chuyên môn về nhiều loại tội phạm liên quan đến động vật hoang dã, bao gồm cả việc đánh bắt cá bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU), buôn bán ngà voi và sừng tê giác bất hợp pháp cũng như các cuộc điều tra về buôn bán trứng cá muối và hải sản Barbary bất hợp pháp... Điểm đặc biệt của cuốn sách này là quan điểm luận bàn đa dạng về những tội phạm - cụ thể là tội phạm xanh, bảo tồn và môi trường - được thống nhất ngắn gọn bằng cách sử dụng một loạt tội phạm về động vật hoang dã trong phần đầu tiên của cuốn sách. Chương cuối là những kinh nghiệm từ một nhà điều tra hình sự làm việc để thực hiện các chiến lược chống săn trộm, khám phá bản chất chuyên ngành của việc ngăn chặn tội phạm động vật hoang dã và có được cái nhìn tổng quan về một nghiên cứu toàn cầu toàn diện về phúc lợi của lực lượng kiểm lâm. Bộ sưu tập các bài tiểu luận này có cách tiếp cận toàn cầu, trích dẫn các dự án từ Peru, Madagascar đến Nga và đóng góp vào kho tài liệu ngày càng phát triển về tội phạm động vật hoang dã.

- Sách chuyên khảo “*Wildlife Crime: An Environmental Criminology and Crime Science Perspective*”, William Moreto (Author), Stephen Pires (Author), 2018 (“Tội phạm về động vật hoang dã: Dưới góc nhìn tội phạm học môi trường và khoa học tội phạm” của William Moreto, Stephen Pires, 2018) [154].

Các lý thuyết và khái niệm trong tội phạm học môi trường, lĩnh vực khoa học tội phạm đã được chứng minh là một cách tiếp cận độc đáo và hữu ích trong việc tìm hiểu và ngăn ngừa tội phạm. Cuốn sách này áp dụng những nguyên tắc và kỹ thuật này vào việc nghiên cứu, phân tích và ngăn chặn tội phạm về động vật hoang dã. Trong cuốn sách này, William Moreto và Stephen Pires trình bày hoàn chỉnh đề cập đến tội phạm động vật hoang dã từ góc độ tội phạm học môi trường và khoa học tội phạm. Cuốn sách được chia thành ba phần chính, cung cấp tri thức, cái nhìn tổng quan sâu sắc về tội phạm động vật hoang dã, nền tảng lý thuyết về tội phạm môi trường và khoa học tội phạm cũng như các khái niệm và công cụ thực tế có thể được sử dụng để phân tích và ngăn chặn tội phạm động vật hoang dã trên toàn thế giới.

- Kế hoạch: “*EU Action Plan against Wildlife Trafficking*”, European Union, Brussels, The kingdom of Belgium, 2016 (“Kế hoạch hành động chống nạn buôn bán động vật hoang dã của liên minh Châu Âu”, Ủy ban châu Âu, Brussels, Vương quốc Bỉ, 2016) [136].

Tài liệu đã nêu ra các giải pháp đối phó với hoạt động buôn bán động thực vật hoang dã trong phạm vi liên minh Châu Âu (EU) cũng như tăng cường vai trò của liên minh Châu Âu (EU) trong cuộc chiến toàn cầu nhằm chống lại những hoạt động bất hợp pháp này. Các thông tin trong tài liệu đã đưa ra các số liệu khẳng định: Những năm gần đây có sự gia tăng đáng kể hoạt động buôn bán động thực vật hoang dã, với lợi nhuận thu được là rất lớn, tương đương với tội phạm ma túy. Vấn nạn này không chỉ đe dọa tới sự tồn tại của một số loại động, thực vật điển hình, mà nó còn là nguyên nhân phát sinh tội phạm tham nhũng, giết người... Hoạt động săn bắt, buôn bán động vật hoang dã còn đe dọa tới an ninh khu vực Trung Phi, nơi mà nhóm phiến quân và các đối tượng khủng bố kiếm tiền cho các hoạt động của mình, về các giải pháp cụ thể, trong kế hoạch đã đưa ra 32 biện pháp sẽ được triển khai cho đến năm 2020 bởi liên minh Châu Âu (EU) và 28 nước thành viên.

Kế hoạch này là một tài liệu quan trọng, cung cấp cho tác giả cái nhìn quốc tế về cuộc chiến chống buôn bán động thực vật hoang dã, đặc biệt là những loài NCQH. Những thông tin và số liệu được nêu ra trong kế hoạch giúp tác giả hiểu rõ hơn về quy mô và mức độ nghiêm trọng của vấn nạn này, đồng thời làm sáng tỏ mối liên hệ giữa tội phạm về động vật hoang dã và các loại tội phạm khác như tham nhũng và tội phạm có tổ chức.

- Công trình nghiên cứu “Steckbriefe zur Anwendung des Umwelt(straf)rechts und der Zusammenarbeit der Behörden in ausgewählten EU-Ländern” (Tổng hợp mô tả về việc áp dụng luật hình sự môi trường và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan tại một số quốc gia EU), Viện Môi trường Ecologic, CHLB Đức, 2019 [128].

Đây là một báo cáo chuyên sâu được Viện Ecologic thực hiện theo đơn đặt hàng của Cơ quan Môi trường Liên bang Đức, nhằm khảo sát và tổng hợp thực tiễn ADPL hình sự môi trường tại một số quốc gia thành viên Liên minh châu Âu. Báo cáo trình bày các “steckbriefe” - tức các mô tả ngắn gọn và tập trung - về tình hình ADPL, cơ chế thực thi và phối hợp của các cơ quan công an, tư pháp và môi trường tại Đức, Pháp, Đan Mạch, Bỉ, Ba Lan và Tây Ban Nha.

Nội dung nghiên cứu làm rõ cách thức tổ chức ADPL trong thực tiễn điều tra và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật môi trường, bao gồm cả hành vi VPQĐ về bảo vệ động vật hoang dã. Báo cáo chỉ ra một số bất cập như: Thiếu chuyên môn hóa trong điều tra, chưa có quy trình phối hợp liên ngành hiệu quả, và chưa có cơ chế hỗ trợ thống nhất giữa trung ương và địa phương. Đồng thời, nghiên cứu đề xuất cải thiện thông qua tăng cường đào tạo điều tra viên chuyên trách, xây dựng quy trình nghiệp vụ điều tra tội phạm môi trường thống nhất trong toàn hệ thống tư pháp.

Công trình này có giá trị tham khảo cao đối với luận án, đặc biệt trong việc so sánh mô hình ADPL trong điều tra tội phạm môi trường giữa Việt Nam và các nước châu Âu, từ đó rút ra bài học và kiến nghị hoàn thiện cho hoạt động điều tra tại Việt Nam.

- Kỷ yếu Hội nghị quốc tế: CITES (2019) “The 18th conference of the parties of convention on international trade in endangered species of wild fauna and flora”, Geneva, Switzerland (CITES “Hội nghị lần thứ 18 của các bên tham gia công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp, Geneva, Switzerland, 2019) [124].

Tài liệu hội thảo trình bày một chương trình nghị sự với 150 nội dung liên quan đến hoạt động thực thi công ước quốc tế về buôn bán các loại động, thực vật hoang dã, nguy cấp (CITES), xem xét 57 đề xuất đưa vào hoặc chuyển đổi phụ lục CITES đối với 57 loài, nhóm loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp. Đồng thời, thông qua các Nghị quyết, Quyết định về thực thi công ước CITES như: Tăng cường thực thi pháp luật kiểm soát buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nội địa, hợp tác quốc tế trong việc kiểm soát tội phạm quốc tế về động vật hoang dã, kiểm soát các hoạt động nuôi các loài mèo lớn, quy định chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan quản lý CITES.

- Bài báo khoa học “Теоретико-правовые основы использования специальных знаний в расследовании преступлений” (Cơ sở lý luận - pháp lý của việc sử dụng kiến thức chuyên môn trong điều tra tội phạm), tác giả A. H. Kurshov, đăng trên tạp chí Право и управление, Nga, 2024 [119].

Bài viết này đi sâu vào vai trò của kiến thức chuyên môn (khoa học kỹ thuật, giám định, chuyên ngành) trong quá trình điều tra, đánh giá giá trị pháp lý và nghiệp vụ của hoạt động thu thập chứng cứ. Tác giả phân tích đặc điểm pháp lý của vai trò “người am hiểu chuyên môn” như là cán bộ giám định, chuyên gia giúp việc cho điều tra viên, chỉ ra những hạn chế trong khung pháp lý hiện hành - chẳng hạn như thiếu quy định rõ ràng về tư cách pháp lý, phạm vi thực hiện và trách nhiệm của chuyên gia. Tác giả đề xuất hoàn thiện quy chế tổ tụng hình sự, minh định chức năng của chuyên gia trong giai đoạn khởi tố, khám nghiệm, giám định và làm rõ quy trình phối hợp giữa điều tra viên và chuyên gia. Công trình này cung cấp nền tảng lý luận và phương pháp luận quan trọng, giúp luận án nghiên cứu sâu về cách ADPL trong sử dụng chứng cứ chuyên môn đặc thù trong các vụ án VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH.

1.1.2.3. Các công trình nghiên cứu liên quan áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Cơ quan Cảnh sát điều tra

- Sách chuyên khảo “*Issues in Policing Wildlife Crime*”, Angus Nurse, Palgrave Macmillan, London, 2015 (“Các vấn đề trong việc kiểm soát tội phạm về động vật hoang dã”, Nurse Angus, nhà xuất bản Palgrave Macmillan, London, 2015) [117].

Cuốn sách đã phân tích các vấn đề còn tồn tại trong việc ADPL về động vật hoang dã và kiểm soát tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật hoang dã. Trong đó, tác giả phân tích các mô hình kiểm soát tội phạm khác nhau, bản chất và hoạt động của các tổ chức phi chính phủ (Cơ quan điều tra về môi trường, Hiệp hội bảo vệ động vật hoang dã...) cũng như vai trò của các tổ chức này trong việc điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật hoang dã cũng như xây dựng quy định pháp luật về phòng, chống tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật hoang dã. Tác giả cũng xác định những khó khăn trong việc ADPL về kiểm soát tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật hoang dã, bao gồm cả quy định pháp luật trong quá trình điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật hoang dã. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra một số đề xuất hoàn thiện và nâng cao hiệu quả ADPL về động vật hoang dã và kiểm soát tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật hoang dã.

- Sách chuyên khảo: “*Asean handbook on legal cooperation to combat wildlife crime*”, Brian Gonzales, Sallie Yang, Freeland Foundation, Bangkok, Thailand, 2016 (“Cẩm nang hợp tác pháp lý phòng chống tội phạm về động vật hoang dã của các nước Đông Nam Á”, Brian Gonzales, Sallie Yang, Quỹ Freeland, Nhà xuất bản Bangkok, Thailand, 2016) [122].

Cuốn sách do các tác giả Brian Gonzales và Sallie Yang thuộc tổ chức quốc tế về phòng chống buôn bán động vật hoang dã trái phép (Freeland Foundation) biên soạn dành cho nhân viên thực thi pháp luật trong phòng, chống tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật hoang dã. Cuốn sách bao gồm 515

trang, trong đó trình bày hai vấn đề chính là: Hệ thống lại toàn bộ các điều ước, công ước, hiệp định tương trợ tư pháp, hợp tác pháp lý có liên quan của các nước ASEAN trong đấu tranh, phòng chống buôn bán động vật hoang dã trái phép; hệ thống lại quy định của từng nước ASEAN về phòng, chống tội phạm liên quan đến động vật hoang dã.

Nghiên cứu nội dung cuốn sách giúp cho tác giả hiểu được các quy định của pháp luật các nước ASEAN về bảo vệ động vật hoang dã, động vật NCQH. Có ý nghĩa tham khảo trong nghiên cứu nội dung khái niệm, đặc điểm pháp lý của tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật hoang dã, động vật NCQH và vấn đề hợp tác quốc tế, tương trợ tư pháp trong công tác đấu tranh, phòng chống loại tội phạm này.

- Sách chuyên khảo: *“Exploring the Effectiveness of International Cooperation to Combat Transnational Organized Wildlife Crime: Lessons Learned from Initiatives in Asia”*, Edward van Asch, The University of Sheffield, 2017 (Đánh giá hiệu quả của hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm về động vật hoang dã có tổ chức xuyên quốc gia: Kinh nghiệm từ thực tiễn châu Á, Edward van Asch, Đại học Sheffield, 2017) [127].

Tại công trình này, tác giả đã phân tích dấu hiệu pháp lý của tội phạm xâm hại động vật hoang dã có tổ chức xuyên quốc gia và thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm này tại một số quốc gia châu Á. Đồng thời, tác giả cũng phân tích thực tiễn hợp tác quốc tế tại các quốc gia châu Á trong việc đấu tranh phòng, chống tội phạm này bao gồm việc phát hiện, điều tra và xử lý tội phạm. Tác giả xác định một số hạn chế còn tồn tại trong công tác hợp tác quốc tế, trong đó có hạn chế về việc điều tra tội phạm. Sau cùng, tác giả đưa ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong việc phòng chống tội phạm xâm hại động vật hoang dã có tổ chức xuyên quốc gia.

- Sách chuyên khảo “Уголовно-правовая охрана объектов животного мира” (Bảo hộ hình sự đối tượng thế giới động vật), tác giả Yu.A. Mechetin, Liên bang Nga, 2021 [156].

Công trình là một nghiên cứu chuyên sâu về bảo vệ động vật hoang dã dưới góc độ pháp luật hình sự Nga. Tác giả Yu.A. Mechetin phân tích khái niệm, cấu thành tội phạm, các dấu hiệu pháp lý đặc thù trong xử lý hình sự đối với hành vi VPQĐ về bảo vệ động vật hoang dã. Đặc biệt, cuốn sách nhấn mạnh vai trò của hoạt động ADPL trong điều tra, truy tố và xét xử các tội danh liên quan đến săn bắt, vận chuyển và buôn bán trái phép động vật hoang dã, đồng thời làm rõ ranh giới giữa vi phạm hành chính và vi phạm hình sự. Ngoài ra, tác giả cũng chỉ ra những bất cập trong pháp luật thực định và thực tiễn áp dụng tại Nga, từ đó kiến nghị các giải pháp hoàn thiện cơ chế pháp lý để nâng cao hiệu quả bảo vệ động vật hoang dã. Công trình góp phần cung cấp góc nhìn lý luận và thực tiễn trong hoạt động ADPL hình sự ở một quốc gia có hệ thống pháp luật tương đồng với Việt Nam ở một số phương diện, từ đó có thể tham khảo, đối chiếu để nghiên cứu chuyên sâu về ADPL trong điều tra tội phạm môi trường nói chung và tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH nói riêng.

- Sách chuyên khảo “野生动物资源的刑法保护体系完善研究” (Nghiên cứu hoàn thiện hệ thống bảo hộ hình sự tài nguyên động vật hoang dã), Lý Tao & Phùng Minh Vũ (姜涛, 冯明昱) – Đại học Luật Tây Nam, Trung Quốc, 2023 [137].

Cuốn sách chuyên khảo này phân tích sâu sắc về cách thức ADPL hình sự trong bảo vệ động vật hoang dã. Các tác giả hệ thống hóa nội dung pháp luật hiện hành, tập trung vào cấu trúc pháp lý bao gồm khái niệm, tiêu chí xác định “động vật quý hiếm”, hành vi phạm tội, quy trình điều tra hình sự và truy tố. Trong đó, các vấn đề như xác định chứng cứ, xác định thiệt hại sinh thái, nhận dạng loài và phân biệt giữa vi phạm hành chính và hình sự được làm rõ, giúp các nhà nghiên cứu và điều tra viên hiểu rõ hơn về cơ chế ADPL. Cuốn sách chỉ ra những hạn chế trong ADPL tại Trung Quốc - như tiêu chí áp dụng pháp luật lỏng lẻo hoặc áp dụng không thống nhất - và đề xuất giải pháp cụ

thể để hoàn thiện hệ thống bảo hộ hình sự nhằm đảm bảo ADPL nghiêm minh và hiệu quả.

Tại công trình này, tác giả đã phân tích dấu hiệu pháp lý của tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật hoang dã có tổ chức xuyên quốc gia và thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm này tại một số quốc gia châu Á. Đồng thời, tác giả cũng phân tích thực tiễn hợp tác quốc tế tại các quốc gia châu Á trong việc đấu tranh phòng, chống tội phạm này bao gồm việc phát hiện, điều tra và xử lý tội phạm. Tác giả xác định một số hạn chế còn tồn tại trong công tác hợp tác quốc tế, trong đó có hạn chế về việc điều tra tội phạm. Sau cùng, tác giả đưa ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong việc phòng chống tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật hoang dã có tổ chức xuyên quốc gia.

- Công trình nghiên cứu “Análisis de la efectiva aplicación de las sanciones penales para la protección de la fauna silvestre en el Distrito Central” (Phân tích hiệu quả áp dụng chế tài hình sự trong bảo vệ động vật hoang dã tại Quận Trung tâm), tác giả Ana María Vásquez, Trường Đại học Bách khoa Honduras, 2025 [118].

Công trình nghiên cứu này phân tích toàn diện thực trạng ADPL hình sự trong xử lý các hành vi xâm phạm đến động vật hoang dã tại khu vực đô thị trung tâm của Honduras. Tác giả tiếp cận vấn đề từ góc độ thực tiễn ADPL, đánh giá mức độ hiệu quả của hệ thống chế tài hình sự thông qua các vụ việc cụ thể. Bài nghiên cứu làm rõ những thách thức trong ADPL như: Thiếu cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng, năng lực điều tra hạn chế, nhận thức cộng đồng còn thấp và hệ thống pháp lý còn bất cập trong định danh loài, xác định mức độ nghiêm trọng của hành vi vi phạm.

Tác giả cũng đề xuất các giải pháp để nâng cao hiệu quả ADPL, trong đó nhấn mạnh đến việc đồng bộ hóa pháp luật nội địa với các điều ước quốc tế, tăng cường đào tạo chuyên sâu cho điều tra viên, cũng như đẩy mạnh giáo dục pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã trong cộng đồng dân cư. Công

trình này mang lại giá trị thực tiễn lớn trong việc nghiên cứu hiệu quả thực thi pháp luật hình sự ở cấp cơ sở, từ đó góp phần bổ sung góc nhìn so sánh và hỗ trợ cho việc đánh giá thực trạng ADPL trong điều tra tội phạm bảo vệ động vật NCQH tại Việt Nam.

- Tuyên bố Hội thảo quốc tế “*International conference on illegal wildlife trade adopts kasane statement*”, Kasane, UK, 25/03/2015 (Bản tuyên bố Kasane của Hội thảo quốc tế về chống buôn bán trái phép động thực vật hoang dã, Kasane, Vương quốc Anh, ngày 25/03/2015) [135].

Bản tuyên bố đã kêu gọi các quốc gia trên thế giới nhận thức được những tác hại về kinh tế - xã hội và môi trường của các hoạt động buôn bán trái phép động, thực vật hoang dã và kêu gọi cộng đồng quốc tế cùng hành động để chấm dứt tình trạng này. Bản tuyên bố đưa ra những biện pháp cụ thể nhằm hạn chế hoạt động buôn bán trái phép động, thực vật hoang dã. Nhấn mạnh sự cần thiết phải tăng cường khả năng thực thi pháp luật, áp dụng các biện pháp chuyên biệt trong phòng chống tội phạm xâm phạm động vật hoang dã, quý, hiếm. Bản tuyên bố đưa ra cam kết: Các quốc gia dự Hội thảo sẽ đẩy mạnh việc tăng cường chia sẻ kinh nghiệm và tạo điều kiện cho việc trao đổi thông tin trong hoạt động đấu tranh, chống tội phạm. Đồng thời, khuyến khích lực lượng chuyên môn của các quốc gia tăng cường hợp tác, áp dụng các biện pháp nghiệp vụ bí mật để bảo vệ động thực vật hoang dã đối với từng khu vực cũng như trên phạm vi toàn cầu.

- Bài viết “*Wildlife crime scene investigation: techniques, tools and technology*”, John E. Cooper, Margaret E. Cooper, Paul Budgen, *Endangered Species Research* Vol 9/2009 (“Điều tra hiện trường vụ án về động vật hoang dã: Kỹ thuật, công cụ và công nghệ”, John E. Cooper, Margaret E. Cooper, Paul Budgen, tạp chí *Endangered Species Research* số 9/2009) [121].

Trong bài viết này, nhóm tác giả đã phân tích các đặc điểm pháp lý đặc trưng của tội phạm liên quan đến động vật hoang dã cũng như diễn biến của tình hình tội phạm này ở giai đoạn 2005 - 2008. Đồng thời, nhóm tác giả đã

xác định những đặc trưng về “hiện trường vụ án” liên quan đến động vật hoang dã, nêu ra sự cần thiết phải sử dụng kết hợp cả thiết bị, công nghệ và kỹ thuật điều tra phù hợp đối với từng tình huống, từng hiện trường vụ án cụ thể liên quan đến động vật hoang dã. Cuối cùng, nhóm tác giả đã đưa ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả điều tra “hiện trường vụ án” liên quan đến động vật hoang dã.

Bài viết này cung cấp một nền tảng khoa học quan trọng cho việc điều tra tội phạm liên quan đến động vật hoang dã, đặc biệt là trong việc áp dụng các kỹ thuật, công cụ và công nghệ phù hợp để xử lý hiện trường vụ án. Những phân tích về đặc điểm pháp lý và tình hình tội phạm động vật hoang dã từ giai đoạn 2005-2008 giúp tác giả có cái nhìn cụ thể về sự phát triển và diễn biến của loại tội phạm này.

- Bài viết “*Current Issues with the Investigation of Wildlife Crime in Australia: Problems and Opportunities for Improvement*”, Sherryn Ciavaglia, Hannah Dridan, K. Paul Kirkbride, Adrian Linacre, *Journal of International Wildlife Law & Policy*, Volume 18/2015 (Những vấn đề đặt ra đối với việc điều tra tội phạm xâm phạm động vật hoang dã ở Úc: Khó khăn/thách thức và cơ hội”, Sherryn Ciavaglia, Hannah Dridan, K. Paul Kirkbride & Adrian Linacre, *Tạp chí Chính sách và Pháp luật về Động vật Hoang dã Quốc tế*, Số 18/2015) [120].

Trong bài viết này, tác giả đã phân tích tổng quan tình hình tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật hoang dã tại Australia và thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật trong việc điều tra và xử lý tội phạm. Qua phân tích một số vụ án điển hình, tác giả đã nêu ra những hạn chế còn tồn tại trong việc ADPL trong điều tra tội phạm này, từ đó, đánh giá yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động phòng, chống tội phạm này tại Australia. Cuối cùng, tác giả đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả điều tra đối với tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật hoang dã tại Australia;

- Bài viết khoa học “La protection pénale de l’animal” (Bảo vệ hình sự đối với động vật), tác giả Jérôme Leborne, đăng trên Tạp chí Revue de science criminelle et de droit pénal comparé (Pháp), 2025 [134].

Bài viết cung cấp cách tiếp cận lý luận sâu sắc về cơ chế ADPL hình sự trong bảo vệ động vật tại Pháp và một số quốc gia châu Âu. Tác giả Jérôme Leborne đã phân tích cấu trúc pháp lý của hệ thống bảo vệ hình sự đối với động vật, trong đó làm rõ các yếu tố pháp lý điều chỉnh hành vi VPQĐ về bảo vệ động vật và nguyên tắc ADPL trong thực tiễn điều tra, truy tố. Ngoài ra, bài viết cũng chỉ ra những hạn chế trong hệ thống tư pháp hình sự hiện hành, bao gồm sự thiếu thống nhất trong quy định về tiêu chí xác định loài được bảo vệ, việc áp dụng hình phạt còn mang tính hình thức và khó khăn trong việc đánh giá mức độ thiệt hại sinh thái.

Tác giả bài viết đề xuất hướng cải cách pháp luật theo hướng mở rộng phạm vi chủ thể được bảo vệ, nâng cao kỹ năng điều tra chuyên ngành và củng cố vai trò của các tổ chức bảo vệ động vật trong quy trình tố tụng hình sự. Bài viết là tài liệu giá trị trong nghiên cứu về khía cạnh lý luận của ADPL hình sự trong lĩnh vực môi trường và động vật hoang dã, từ đó giúp so sánh và đối chiếu với thực tiễn pháp lý và mô hình điều tra tại Việt Nam.

1.2. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.2.1. Nhận xét, đánh giá về tình hình nghiên cứu

Qua tiến hành nghiên cứu các công trình khoa học có liên quan đã làm rõ một số vấn đề cơ bản về lý luận, thực tiễn và hệ thống quan điểm giải pháp liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của luận án, cụ thể:

- Về *phương diện lý luận*, các công trình khoa học đã hệ thống hóa những vấn đề cơ bản về lý luận chung trong ADPL, làm sáng tỏ thêm một số khái niệm, nội dung, giai đoạn của ADPL. Bên cạnh đó, các công trình cũng đã làm rõ được vai trò, đặc điểm, vị trí của hoạt động ADPL trong một số lĩnh

vực cụ thể. Đây là nền tảng lý luận quan trọng cho việc tiếp tục nghiên cứu ADPL trong lĩnh vực chuyên ngành sau này.

- *Về phương diện thực tiễn*, các công trình đã khảo sát, đánh giá thực trạng ADPL cụ thể trong lĩnh vực hành chính, dân sự, hình sự. Qua đó, chỉ ra những thành tựu, kết quả đạt được cũng như hạn chế, bất cập trong thực tiễn. Đây là cơ sở quan trọng để đánh giá thực trạng trong lĩnh vực nghiên cứu của luận án.

- *Về hệ thống quan điểm, giải pháp và kiến nghị*, các công trình đã đề xuất được một số nhóm giải pháp khái quát nhằm nâng cao hiệu quả ADPL điều tra chung hoặc trong một số lĩnh vực pháp luật cụ thể. Đây là nội dung cơ sở quan trọng để xây dựng quan điểm, giải pháp cho vấn đề nghiên cứu được nêu ra trong luận án.

Tuy nhiên, qua khảo sát, đánh giá các công trình khoa học đã nghiên cứu, trên cả 3 phương diện lý luận, thực tiễn và quan điểm, giải pháp - kiến nghị vẫn còn tồn tại nhiều khoảng trống liên quan đến việc ADPL của Cơ quan Cảnh sát điều tra trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH cần phải tiếp tục nghiên cứu, làm rõ, cụ thể:

- *Về phương diện lý luận*: Chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu hoàn thiện về lý luận ADPL trong lĩnh vực này. Hiện nay, các công trình khoa học cơ bản đang dừng lại trong việc nghiên cứu về lý luận chung về ADPL hoặc về điều tra tội phạm nói chung, chưa đi sâu vào nghiên cứu đặc thù của công tác điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH. Do vậy, chưa có công trình khoa học nào có thể cung cấp đầy đủ cơ sở lý luận cho việc áp dụng các quy định của pháp luật trong điều tra loại tội phạm này.

Bên cạnh đó, các công trình hiện nay cũng chưa phân tích cụ thể về các nội dung, các giai đoạn ADPL đặc thù hay áp dụng chế tài hình sự trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra. Ngoài ra, các công trình hiện nay cũng chưa đi sâu nghiên cứu về các quy định của pháp luật trong nước và pháp luật quốc tế có liên quan đến bảo vệ

động vật NCQH. Cụ thể, việc vận dụng các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên như CITES vào công tác điều tra các vụ án vi phạm liên quan đến loại động vật này chưa được phân tích làm rõ. Chính vì vậy, hiệu quả ADPL quốc tế trong lĩnh vực này vẫn còn hạn chế, cần phải được hoàn thiện trong thời gian tới.

- *Về phương diện thực tiễn*: Trên thực tế, mặc dù một số công trình khoa học đã khái quát về thực trạng pháp luật và thực tiễn điều tra tội phạm nói chung, tuy nhiên, việc áp dụng các quy định cụ thể của pháp luật trong điều tra riêng tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH vẫn chưa được nghiên cứu đầy đủ.

Theo đó, một số công trình khoa học đã phân tích khái quát về thực trạng pháp luật chung liên quan đến việc bảo vệ động vật hoang dã, chủ yếu tập trung vào việc chỉ ra một số bất cập, hạn chế trong các văn bản pháp luật hiện hành như: Luật Bảo vệ môi trường, Luật Lâm nghiệp. Bên cạnh đó, một vài công trình khác đã tiến hành khảo sát sơ bộ thực trạng áp dụng một số hoạt động nghiệp vụ của Cơ quan Cảnh sát điều tra, cụ thể là trong công tác tiếp nhận, xác minh, điều tra đối với một số tội phạm thông thường như: Tội trộm cắp tài sản, lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên, cho đến nay các công trình trên vẫn chưa đi sâu phân tích thực trạng việc áp dụng cụ thể các quy định đặc thù của pháp luật của Cơ quan Cảnh sát điều tra trong tiến hành điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH.

Ngoài ra, các công trình khoa học hiện nay chưa đề cập đến một số vấn đề quan trọng khác trong quá trình tiến hành các hoạt động điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra. Cụ thể, các công trình khoa học chưa đánh giá thực tế về kết quả của việc Cơ quan Cảnh sát điều tra áp dụng các quy định của pháp luật trong suốt quá trình điều tra các vụ án vi phạm liên quan đến động vật hoang dã, NCQH đặc biệt này. Chẳng hạn như việc áp dụng các quy định về điều tra, xử lý, các biện pháp nghiệp vụ, các chế tài trong các văn bản pháp luật có hiệu quả trong thực tiễn.

Bên cạnh đó, các công trình cũng chưa phân tích thực trạng và đánh giá hiệu quả của công tác phối hợp liên ngành giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra với Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cũng như các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác trong toàn bộ quá trình điều tra các vụ án về động vật hoang dã, NCQH.

Như vậy, có thể nhận thấy vẫn còn khoảng trống trong việc nghiên cứu thực trạng ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra cần được tiếp tục làm rõ.

- *Về hệ thống quan điểm, giải pháp, kiến nghị:* Trên phương diện quan điểm, giải pháp và kiến nghị, các công trình trước đây đã làm rõ một số vấn đề như: Nâng cao nhận thức cho cơ quan chức năng và người dân thông qua các hoạt động tuyên truyền, giáo dục pháp luật, đào tạo bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho cán bộ cơ sở; hoàn thiện hệ thống pháp luật bằng cách sửa đổi bổ sung các chế tài xử phạt vi phạm hành chính, làm rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và chủ thể trong lĩnh vực bảo vệ động vật NCQH; ứng dụng công nghệ thông tin như xây dựng cơ sở dữ liệu ADN, số hóa quy trình xử lý tin báo tố giác tội phạm để hỗ trợ công tác điều tra. Tuy vậy, các giải pháp và kiến nghị trên vẫn còn mang tính khái quát, chưa thực sự cụ thể và sâu sắc.

Thứ nhất, chưa có công trình nào đưa ra được các giải pháp cụ thể, chi tiết để bảo đảm ADPL trong điều tra riêng tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH. Các nghiên cứu hiện tại chủ yếu mới dừng lại ở mức đề xuất các giải pháp mang tính khái quát, chung chung như nâng cao hiểu biết, nhận thức pháp luật cho người dân, hoàn thiện hệ thống pháp luật... Tuy nhiên, các giải pháp này vẫn chưa cụ thể, khó khăn trong triển khai thực hiện và hiệu quả thực tế còn hạn chế trong việc điều tra loại tội phạm này.

Thứ hai, các công trình hiện tại chưa phân tích sâu về những khó khăn và đề xuất giải pháp khắc phục trong việc áp dụng các quy định của pháp luật quốc tế trong điều tra loại tội phạm VPQĐ về động vật NCQH. Việt Nam là

thành viên của nhiều điều ước quốc tế về bảo tồn đa dạng sinh học và động vật hoang dã như Công ước CITES. Tuy nhiên, các khó khăn khi áp dụng các quy định của các điều ước này vào điều tra, xử lý tội phạm trong nước chưa được phân tích kỹ. Chưa có giải pháp cụ thể để nâng cao hiệu quả hoạt động ADPL cũng như tăng cường đàm phán, ký kết hiệu quả các hiệp định quốc tế, đảm bảo luật trong nước đồng bộ với pháp luật quốc tế.

Thứ ba, chưa có công trình khoa học nào đưa ra những giải pháp cụ thể để nâng cao hiệu quả phối hợp liên ngành giữa các cơ quan chức năng nói chung và các cơ quan quản lý chuyên ngành trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH. Tính chất phức tạp, xuyên quốc gia của tội phạm về động vật hoang dã đòi hỏi phải có sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các Cơ quan điều tra, xử lý của Việt Nam cũng như hợp tác với các cơ quan pháp luật nước ngoài. Tuy nhiên, các vấn đề phối hợp đặc thù trong điều tra loại tội phạm này chưa được làm rõ và có giải pháp khắc phục. Đây sẽ là vấn đề quan trọng trong các nghiên cứu tiếp theo.

Thứ tư, chưa có nghiên cứu nào đề cập cụ thể đến việc sử dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật để hỗ trợ, nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra tội phạm này. Với bối cảnh tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH ngày càng tinh vi, sử dụng nhiều phương thức, thủ đoạn để che giấu, việc tiến hành áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong giám định mẫu vật là vô cùng cần thiết.

1.2.2. Những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu

Qua nghiên cứu, đánh giá những công trình khoa học có liên quan tới đề tài luận án, cần phải tiếp tục nghiên cứu đề tài trên phương diện lý luận, thực trạng và hệ thống quan điểm, giải pháp đó là:

*** Về phương diện lý luận:**

- Nghiên cứu làm sáng tỏ và hoàn thiện về khái niệm ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH. Kết quả nghiên cứu phải đưa ra dựa trên những căn cứ lý luận và thực tiễn, có căn cứ khoa học thuyết phục.

- Nghiên cứu chỉ rõ đặc điểm ADPL trong điều tra tội phạm về VPQĐ bảo vệ động vật NCQH. Áp dụng pháp luật trong điều tra lĩnh vực này giống và khác gì so với những lĩnh vực điều tra khác. Từ đó bàn luận về những thuận lợi, khó khăn khi ADPL trong điều tra lĩnh vực này.

- Phân tích rõ vai trò của ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH. Áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm lĩnh vực này có tác động ảnh hưởng gì đối với Cơ quan Cảnh sát điều tra khi tiến hành điều tra.

- Nghiên cứu và đưa ra nội dung pháp luật và các giai đoạn ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH dựa trên cơ sở lý luận về Nhà nước và pháp luật. Nghiên cứu dựa trên cơ sở lý luận chung về ADPL và thực trạng điều tra loại tội phạm này của Cơ quan Cảnh sát điều tra. Phân tích rõ những tác động, ảnh hưởng khi ADPL vào điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra.

** Về phương diện thực tiễn:*

- Phân tích các yếu tố ảnh hưởng tích cực, tiêu cực đến ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam.

- Nghiên cứu thực tiễn hoạt động điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra hiện nay. Nội dung nghiên cứu được triển khai đối với ADPL trong giai đoạn thực hiện các bước điều tra tội phạm.

- Nghiên cứu đánh giá, phân tích rõ các kết quả đã đạt được và những vấn đề còn tồn tại, hạn chế khi tiến hành ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam.

** Về hệ thống quan điểm, giải pháp, kiến nghị:*

- Phân tích, đưa ra dự báo và nội dung dự báo về tình hình tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH ở Việt Nam trong thời gian tới.

- Nghiên cứu xác định hệ thống các quan điểm về bảo đảm ADPL của Cơ quan Cảnh sát điều tra trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH ở Việt Nam.

- Đề xuất, kiến nghị các giải pháp nhằm bảo đảm ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra trong bối cảnh mới ở Việt Nam hiện nay. Kết quả nghiên cứu phải bảo đảm lập luận thuyết phục hơn những quan điểm, giải pháp có liên quan đã được các công trình nghiên cứu khác đề cập.

1.3. GIẢ THUYẾT NGHIÊN CỨU VÀ CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

1.3.1. Giả thuyết nghiên cứu

Với kết quả tổng quan tình hình nghiên cứu và căn cứ vào lý luận của ADPL của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH, luận án đặt ra giả thuyết nghiên cứu như sau:

Áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra có vai trò quan trọng trong công tác bảo vệ môi trường, bảo vệ động vật NCQH và duy trì cân bằng hệ sinh thái. Lý luận về ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH hiện nay chưa được nghiên cứu hoàn thiện về nội dung pháp luật điều chỉnh, về các giai đoạn ADPL. Thực trạng ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra còn những hạn chế trên nhiều phương diện trong điều tra. Trước những thách thức mang tính khách quan như: Tác động của kinh tế thị trường, tác động của cách mạng khoa học công nghệ, hội nhập quốc tế cũng như các thách thức mang tính chủ quan do còn hạn chế về nhận thức, năng lực, trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ Cảnh sát điều tra trong ADPL và yêu cầu thực tiễn của đời sống xã hội. Vì vậy, cần tiếp tục hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH, Cơ quan Cảnh sát điều tra cần nâng cao nhận thức, năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho lực lượng Cảnh sát điều tra, tổ chức hiệu quả các biện pháp điều tra và nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các lực lượng có liên quan cũng như tăng cường công tác hợp tác quốc tế.

1.3.2. Câu hỏi nghiên cứu

Từ giả thuyết nghiên cứu trên, luận án đặt ra một số câu hỏi quan trọng để nghiên cứu:

- Hoạt động ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH được hiểu như thế nào? Đặc điểm, vai trò và điều kiện bảo đảm ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH được thể hiện như thế nào?

- Pháp luật về ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra gồm những nội dung nào? Áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra gồm những giai đoạn nào?

- Thực tiễn áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam thời gian qua đã đạt được những kết quả gì? Còn có những tồn tại, hạn chế gì và nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế đó?

- Để bảo đảm ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam trong thời gian tới cần quán triệt các quan điểm và thực hiện đồng bộ các giải pháp nào?

Kết luận chương 1

Thông qua việc khảo cứu tổng quan các công trình khoa học trong và ngoài nước có liên quan đến ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH, có thể nhận thấy rằng, vấn đề này đã và đang thu hút sự quan tâm nghiên cứu của nhiều học giả, chuyên gia pháp lý và cơ quan thực tiễn. Các nghiên cứu được tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau, đặc biệt là dưới khía cạnh tội phạm học, môi trường học, quản lý nhà nước và chính sách hình sự.

Tuy nhiên, phần lớn các công trình hiện có chủ yếu tập trung vào đánh giá, phân tích đặc điểm của loại tội phạm này, khảo sát thực tiễn vi phạm và đưa ra các đề xuất giải pháp phòng ngừa. Các nội dung liên quan trực tiếp đến hoạt động ADPL trong điều tra - với tư cách là một hình thức thực hiện pháp luật mang tính quyền lực nhà nước - chưa được phân tích một cách toàn diện, có hệ thống dưới góc nhìn lý luận về Nhà nước và pháp luật. Đặc biệt, hiện nay chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu chuyên sâu, độc lập về nội dung ADPL của Cơ quan Cảnh sát điều tra đối với loại tội phạm này trong tiến hành các hoạt động điều tra, trong đó bao gồm các khía cạnh như: Cơ sở pháp lý, quy trình nghiệp vụ, vai trò chủ thể ADPL, mối liên hệ giữa quy phạm pháp luật và hoạt động điều tra thực tiễn.

Từ việc phân tích tổng quan tình hình nghiên cứu, luận án đã chỉ ra được những giá trị kế thừa có thể vận dụng cũng như những khoảng trống lý luận cần tiếp tục làm rõ. Đây chính là cơ sở quan trọng để xác định hướng tiếp cận, nội dung trọng tâm và phạm vi nghiên cứu của đề tài. Đồng thời, chương 1 đã xác lập giả thuyết khoa học, xây dựng hệ thống câu hỏi nghiên cứu mang tính định hướng xuyên suốt cho toàn bộ luận án. Các giả thuyết và câu hỏi này sẽ được triển khai, phân tích và luận giải sâu sắc trong các chương tiếp theo nhằm làm sáng tỏ nội dung cốt lõi của đề tài “*Áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam*”.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TRONG ĐIỀU TRA TỘI PHẠM VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA

2.1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM, VAI TRÒ CỦA ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TRONG ĐIỀU TRA TỘI PHẠM VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA

2.1.1. Khái niệm áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Cơ quan Cảnh sát điều tra

** Khái niệm áp dụng pháp luật*

Về mặt lý luận, thực hiện pháp luật là một quá trình hành vi của con người có tổ chức, chủ đích thông qua những hành động hợp pháp phù hợp với những nguyên tắc, những quy định của pháp luật. Thực hiện pháp luật có thể là hành vi của chính cá nhân con người nhưng cũng có thể là hành động của các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, là một hiện tượng xã hội có tính pháp lý, thực hiện pháp luật: "Là một quá trình hoạt động có mục đích làm cho các quy định của pháp luật đi vào cuộc sống trở thành hành vi thực tế hợp pháp của các chủ thể pháp luật".

Các quy định pháp luật rất phong phú cho nên hình thức thực hiện pháp luật cũng rất phong phú và khác nhau. Căn cứ vào tính chất của hoạt động thực hiện pháp luật, khoa học pháp lý đã xác định và khái quát hóa thành những hình thức thực hiện pháp luật như sau:

Tuân thủ pháp luật (tuân theo pháp luật) là một hình thức thực hiện pháp luật (xử sự thụ động). Trong đó, các chủ thể pháp luật kiểm chế không tiến hành những hành động mà pháp luật ngăn cấm.

Thi hành pháp luật (chấp hành pháp luật) là hình thức thực hiện pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật thực hiện nghĩa vụ pháp lý của mình bằng

hành động tích cực. Những quy phạm pháp luật bắt buộc được thực hiện ở hình thức này.

Sử dụng pháp luật là một hình thức thực hiện pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật thực hiện quyền năng pháp lý của mình để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, của Nhà nước và của các chủ thể khác. Những quy phạm pháp luật quy định các quyền về tự do dân chủ của công dân được thực hiện ở hình thức này.

Áp dụng pháp luật là một hình thức thực thi pháp luật, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền được Nhà nước giao quyền để tổ chức, hướng dẫn các chủ thể thực hiện theo đúng quy định pháp luật. Đồng thời, Nhà nước cũng có thể trực tiếp căn cứ vào các quy định hiện hành để đưa ra quyết định làm phát sinh, thay đổi, đình chỉ hoặc chấm dứt các quan hệ pháp luật. Trong quá trình này, sự can thiệp của Nhà nước đảm bảo các quy định được thực thi một cách chính xác và công bằng. Ngoài ra, trong một số trường hợp cụ thể theo quy định pháp luật, các tổ chức chính trị - xã hội được Nhà nước ủy quyền cũng có thể tham gia vào quá trình ADPL.

Như vậy, *áp dụng pháp luật là hoạt động mang tính quyền lực nhà nước, được thực hiện bởi cơ quan, người có thẩm quyền theo trình tự, thủ tục luật định nhằm cá biệt hóa các quy phạm pháp luật vào những trường hợp cụ thể đối với tổ chức, cá nhân cụ thể thông qua việc ban hành quyết định áp dụng pháp luật làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ pháp lý của chủ thể trong quan hệ pháp luật.*

*** *Khái niệm động vật nguy cấp, quý, hiếm***

Hiện nay, pháp luật Việt Nam đưa ra nhiều quy định liên quan đến việc bảo vệ động vật NCQH nhằm bảo đảm cho việc bảo tồn và duy trì sự tồn tại của các loài có giá trị đặc biệt về kinh tế, khoa học và môi trường. Các văn bản pháp luật xác định rõ động vật NCQH là những loài có nguy cơ bị tuyệt chủng do số lượng ít ỏi trong tự nhiên và chịu sự khai thác quá mức. Những quy định này không chỉ làm rõ phạm vi đối tượng được bảo vệ mà còn đặt

nền móng cho việc xây dựng các biện pháp chế tài đối với hành vi xâm phạm. Bên cạnh đó, pháp luật cũng đồng bộ với các cam kết quốc tế như Công ước CITES, cho thấy sự hòa hợp trong việc bảo vệ động vật hoang dã, động vật NCQH ở cả cấp độ quốc gia và quốc tế. Từ những quy định pháp luật này, có thể thấy khái niệm "động vật nguy cấp, quý, hiếm" trong phạm vi nghiên cứu của tác giả được định hình dựa trên nhiều yếu tố, không chỉ về sinh thái mà còn về pháp lý.

Qua những quy định của pháp luật về động vật NCQH, có thể thấy các vấn đề đặc trưng như sau:

Thứ nhất, khái niệm “nguy cấp” được dùng để chỉ khả năng tuyệt chủng của một loài trong tương lai. Khái niệm này được đề cập đến trong Sách đỏ của IUCN (International Union for Conservation of Nature and Natural Resources) hay gọi tắt là Sách Đỏ IUCN (IUCN Red List of Threatened Species) - Danh sách về tình trạng bảo tồn và đa dạng của các loài động vật và thực vật trên thế giới. Các yếu tố như số lượng cá thể còn lại trong tự nhiên, sự suy giảm quần thể theo thời gian, tỷ lệ sinh sản, khu phân bố của loài, các mối đe dọa từ bên ngoài sẽ được xem xét khi đánh giá tính nguy cấp.

Thứ hai, các giá trị đặc biệt mà loài động vật rừng mang lại trong lĩnh vực kinh tế, khoa học, môi trường được giải thích trong Điều 6, Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ [18]. Cụ thể, một loài có giá trị đặc biệt về kinh tế khi loài đó mang lại nguồn lợi kinh tế cao khi được đem ra giao dịch trên thị trường. Giá trị đặc biệt về khoa học được thể hiện ở chỗ loài đó mang nguồn gen quý, hiếm để bảo tồn và chọn tạo giống. Còn giá trị đặc biệt về môi trường là khi loài đó giữ vai trò quyết định trong việc duy trì sự cân bằng sinh thái; hoặc có tính đại diện hay tính độc đáo của khu vực địa lý tự nhiên [18].

Thứ ba, về danh mục động vật rừng NCQH theo pháp luật Việt Nam. Theo quy định của pháp luật Việt Nam, các loài động vật được coi là động vật rừng NCQH nếu nằm trong Danh mục Động vật rừng NCQH được ban hành

kèm theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 và Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16/07/2019 của Chính phủ về Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm đã sửa đổi.

Từ những phân tích trên, tác giả đưa ra định nghĩa động vật nguy cấp, quý, hiếm như sau: *“Động vật nguy cấp, quý, hiếm là những loài động vật có giá trị đặc biệt về kinh tế, khoa học, y tế, sinh thái, cảnh quan và môi trường, số lượng còn ít trong tự nhiên hoặc có nguy cơ bị tuyệt chủng và được quy định trong Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB theo quy định của Chính phủ hoặc Phụ lục I Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp”*.

*** Khái niệm tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm**

Tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH đã được quy định trong pháp luật hình sự Việt Nam, phản ánh tầm quan trọng của việc bảo vệ các loài động vật có nguy cơ bị tuyệt chủng. Quy định này đặt nền tảng pháp lý để xử lý những hành vi khai thác, buôn bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép động vật NCQH, đồng thời nhấn mạnh rằng đối tượng tác động của tội phạm không chỉ bao gồm các cá thể động vật mà còn cả các bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm từ loài NCQH.

Để phù hợp hơn với một số văn bản pháp luật quốc tế quy định về việc bảo vệ động vật NCQH, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) đã sửa đổi, quy định lại cho phù hợp với tên gọi: Tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài NCQH được ưu tiên bảo vệ thành: Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm quy định tại Điều 244, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) [62].

Sự điều chỉnh trong quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội phạm liên quan đến bảo vệ động vật NCQH không chỉ là sự thay đổi về tên gọi mà còn thể hiện sự phát triển trong việc tiếp cận và bảo vệ các loài động

vật này theo hướng phù hợp hơn với các chuẩn mực quốc tế. Việc mở rộng phạm vi bảo vệ bao gồm cả những loài được quy định trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia, như Công ước CITES, thể hiện cam kết mạnh mẽ của Việt Nam trong việc bảo vệ động vật NCQH khỏi sự tuyệt chủng. Từ cơ sở các quy định này, khái niệm tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH cần phải bao quát toàn bộ các hành vi gây hại đến sự tồn tại và phát triển của các loài động vật này, dưới góc độ khoa học Luật hình sự, tác giả xây dựng khái niệm tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH như sau:

“Tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý hiếm là hành vi săn, bắt, giết, vận chuyển, nuôi, nhốt, buôn bán trái phép động vật hoặc vận chuyển, tàng trữ, buôn bán trái phép cá thể, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của loài động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được quy định trong pháp luật quốc gia và các điều ước, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia, do cá nhân có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại cố ý thực hiện đến mức phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự”.

Các yếu tố cấu thành của tội VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH gồm:

Một là, khách thể của tội phạm

Tội VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH là hành vi gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn các loài động vật đặc biệt có giá trị. Đồng thời, hành vi này còn tác động tiêu cực đến cân bằng sinh thái, làm suy giảm tính đa dạng sinh học, và tạo ra những hệ lụy nghiêm trọng khác đối với môi trường sống và xã hội nói chung.

Đối tượng tác động của tội phạm bao gồm: Các loại động vật, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của các loài động vật và sản phẩm của động vật NCQH.

Theo quy định tại Điều 2, Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP ngày 05/11/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống là những bộ phận của cơ thể động vật quyết định sự tồn tại của mỗi cá thể, nếu những bộ phận này bị tách rời thì cá thể sẽ chết. Ví dụ như: Tim, đầu, bộ da, bộ xương, buồng gan...[19].

Sản phẩm của động vật NCQH là các loại sản phẩm có nguồn gốc từ động vật NCQH như: Thịt, trứng, sữa, nội tạng, da, lông, xương, sừng, ngà... động vật, thủy sản đã qua sơ chế, chế biến ở dạng nguyên con hoặc sản phẩm có thành phần từ các bộ phận của động vật NCQH đã qua chế biến như: Cao nấu từ xương, túi xách làm từ da động vật...[19].

Hai là, mặt khách quan của tội phạm

- Hành vi khách quan

Cá nhân hoặc pháp nhân thương mại bị truy cứu trách nhiệm hình sự khi thực hiện một trong các hành vi sau:

Theo Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP ngày 05/11/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: Săn bắt động vật nguy cấp, quý hiếm vào thời gian bị cấm là hành vi săn, bắt động vật nguy cấp, quý hiếm vào mùa sinh sản hoặc mùa di cư của chúng. Việc xác định mùa sinh sản, mùa di cư của từng loài động vật nguy cấp, quý hiếm theo quy định của cơ quan có thẩm quyền [19].

Theo Khoản 3, Điều 3, Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP ngày 05/11/2018 Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: Sử dụng công cụ hoặc phương tiện săn bắt bị cấm là hành vi sử dụng các loại phương tiện, thiết bị hoặc công cụ có tính chất nguy hiểm mà pháp luật nghiêm cấm trong hoạt động săn bắt động vật, chẳng hạn như vũ khí, chất nổ, chất độc, tên lửa độc, bẫy điện, bẫy kiềng kích cỡ lớn, các loại bẫy có gắn chông hoặc lao nhọn, hàm, hố, các khối gỗ lớn, thanh sắt lớn và các loại phương tiện nguy hiểm khác theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền [19].

Hành vi vận chuyển trái phép động vật NCQH là việc di chuyển động vật thuộc danh mục bảo vệ đặc biệt từ địa điểm này sang địa điểm khác mà chưa có sự đồng ý hoặc cấp phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Hành vi buôn bán trái phép động vật NCQH là các giao dịch mua bán, trao đổi nhằm mục đích thu lợi bất chính đối với các loài động vật NCQH. Các giao dịch này có thể diễn ra dưới nhiều dạng hình thức khác nhau như

thanh toán tiền mặt, chuyển khoản ngân hàng, hoặc trao đổi bằng các lợi ích vật chất khác.

Hành vi nuôi, nhốt trái phép động vật NCQH là việc giữ các cá thể động vật thuộc diện bảo vệ đặc biệt trong tình trạng còn sống và khỏe mạnh ở nhiều địa điểm khác nhau, ví dụ như nhà ở, trang trại, vườn thú tư nhân, hoặc thậm chí là trong môi trường tự nhiên nhưng không được sự cho phép của cơ quan chức năng.

Tàng trữ trái phép động vật NCQH là hành vi cất giấu, lưu trữ trái phép cá thể đã chết, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật NCQH bằng cách sử dụng nhiều loại công cụ, phương tiện, hình thức khác nhau như: Chôn, giấu ở bất kỳ nơi nào, lưu trữ trong tủ đông...

Giết động vật NCQH là làm cho động vật NCQH chết sau khi đã bắt được.

- Hậu quả của tội phạm

Đối với tội phạm này, hậu quả không phải là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm, chỉ cần người phạm tội thực hiện hành vi khách quan là tội phạm đã hoàn thành. Tuy nhiên, việc xác định hậu quả của tội phạm cũng rất cần thiết vì nó là tình tiết, là yếu tố định khung hình phạt, nếu người phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 2 của Điều 244, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) [62].

Ba là, chủ thể của tội phạm

- Chủ thể của tội phạm trong trường hợp là cá nhân: Là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ độ tuổi theo quy định.

- Chủ thể của tội phạm trong trường hợp là pháp nhân thương mại: Theo Điều 75, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025): Pháp nhân thương mại chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự khi có đủ các điều kiện: Hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại; Hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân thương mại; Hành vi phạm tội được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp

nhân thương mại; Chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Việc pháp nhân thương mại chịu trách nhiệm hình sự không loại trừ trách nhiệm hình sự của cá nhân [62].

Chủ thể thực hiện hành vi cấu thành tội phạm thì sẽ bị áp dụng chế tài của pháp luật, cụ thể BLHS đã quy định như sau:

- Đối với cá nhân

Khoản 1, Điều 244, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025):
“Người nào vi phạm... thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 4.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”;

Khoản 2, Điều 244, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025):
“Phạm tội... thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm”;

Khoản 3, Điều 244, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025):
“Phạm tội... thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm”;

Khoản 4, Điều 244, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025):
“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

- Đối với pháp nhân thương mại phạm tội

Tại khoản 5, Điều 244, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025):

a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 10.000.000.000 đồng;

b) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, g, h, i và k khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 10.000.000.000 đồng đến 20.000.000.000 đồng;

c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 20.000.000.000 đồng đến 30.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm;

d) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn;

đ) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 600.000.000 đồng đến 1.200.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm [62].

Bốn là, mặt chủ quan của tội phạm

Tội phạm thực hiện với hình thức lỗi cố ý trực tiếp, tức là người phạm tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật NCQH nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước được hậu quả xuất phát từ hành vi của mình gây ra và mong muốn cho hậu quả đó xảy ra. Động cơ và mục đích không phải là yếu tố bắt buộc trong cấu thành tội phạm.

**** Khái niệm áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Cơ quan Cảnh sát điều tra***

Để xây dựng khái niệm áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH, trước hết cần xuất phát từ một số nội dung nhận thức cơ bản sau:

- Cơ quan Cảnh sát điều tra

Theo Điều 16, Luật Công an nhân dân năm 2018 (sửa đổi, bổ sung năm 2023) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Công an nhân dân và Điều 5, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) quy định về Cơ quan điều tra của Công an nhân dân thì: Cơ quan Cảnh sát điều tra là cơ quan là lực lượng trực tiếp sử dụng các nghiệp vụ trong ngành Cảnh sát để đấu tranh, phòng ngừa, phát hiện và trấn áp tội phạm đối với các loại tội phạm được quy định trong BLHS. Cơ quan Cảnh sát điều tra được tổ chức theo 3 cấp: Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương [67],[69]. Hiện nay, theo Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 18/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức mới của Bộ Công an thì Cơ quan Cảnh sát điều tra còn 2 cấp gồm cấp Bộ Công an và cấp tỉnh.

- Điều tra vụ án hình sự

Điều tra vụ án hình sự là một giai đoạn trong quá trình tố tụng hình sự, trong đó Cơ quan điều tra và các đơn vị được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thực hiện các biện pháp theo quy định pháp luật nhằm mục đích tiến hành thu thập chứng cứ, xác định tội phạm, người thực hiện hành vi phạm tội và các tình tiết quan trọng liên quan đến vụ án. Đồng thời, quá trình điều tra cũng giúp làm rõ nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội, từ đó đề xuất các biện pháp phòng ngừa. Trong quá trình này, các cơ quan điều tra chỉ được phép áp dụng các biện pháp, phương tiện kỹ thuật phù hợp với quy định pháp luật, đảm bảo không vi phạm các nguyên tắc pháp lý hiện hành.

- Thẩm quyền điều tra vụ án vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm

Cơ quan Cảnh sát điều tra có thẩm quyền điều tra các tội phạm liên quan đến VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH theo quy định của pháp luật Việt Nam. Cụ thể, Điều 244, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định về tội "Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm". Theo đó, hành vi săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật thuộc danh mục loài NCQH được ưu tiên bảo vệ hoặc tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép bộ phận cơ thể, sản phẩm của các loài này mà không có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra tổ chức phối hợp với các cơ quan chức năng như kiểm lâm, hải quan và các cơ quan quản lý chuyên ngành khác để thu thập chứng cứ chứng minh hành vi vi phạm.

Xuất phát từ những nhận thức cơ bản nêu trên, tác giả xây dựng khái niệm ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH như sau:

“Áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý hiếm của Cơ quan Cảnh sát điều tra là việc Cơ quan Cảnh sát điều tra thực hiện các quy định của pháp luật tố tụng hình sự và pháp luật có liên quan trong quá trình điều tra tội phạm vi phạm quy

định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm, nhằm phát hiện và xử lý hành vi phạm tội, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan theo đúng quy định của pháp luật”.

2.1.2. Đặc điểm áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Cơ quan Cảnh sát điều tra

Việc ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra là một hình thức thực thi pháp luật. Tuy nhiên, đây không chỉ là việc ADPL một cách chung chung mà còn là một hoạt động cụ thể trong quá trình tố tụng hình sự, do Cơ quan Cảnh sát điều tra thực hiện và áp dụng để điều tra, làm rõ một tội phạm cụ thể - tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH. Do đó, quá trình này không chỉ mang những đặc điểm chung của việc ADPL mà còn có những đặc thù riêng, cụ thể như sau:

Thứ nhất, áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm là hoạt động mang tính tổ chức, thể hiện ý chí, quyền lực của Nhà nước, của Cơ quan Cảnh sát điều tra

Hoạt động điều tra tội phạm là hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng mang tính quyền lực nhà nước. Chủ thể áp dụng quy định pháp luật trong trường hợp này là Cơ quan Cảnh sát điều tra, được trao quyền lực và trách nhiệm để thực hiện các nhiệm vụ theo đúng quy định của pháp luật. Điều này nhấn mạnh việc thực thi pháp luật là bắt buộc và thể hiện ý chí của chủ thể ADPL, đảm bảo rằng mọi hành động điều tra đều phải tuân thủ nghiêm ngặt theo quy định pháp luật.

Cơ quan Cảnh sát điều tra khi ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH phải luôn tuân thủ triệt để các quan điểm của Đảng và Nhà nước, chỉ thị của lãnh đạo Bộ Công an về phòng, chống tội phạm về môi trường nói chung và tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH nói riêng, thực thi nghiêm túc theo đúng pháp luật trong các quy định, văn bản, thông tư hiện hành hướng dẫn ADPL trong điều tra. Việc tuân thủ chặt chẽ các quy

định pháp luật trong quá trình điều tra không chỉ đảm bảo tính khách quan mà còn là cơ sở pháp lý vững chắc cho việc xử lý tội phạm. Tuân thủ đúng trình tự, thủ tục cũng giúp quá trình điều tra diễn ra một cách có hệ thống, từ đó nâng cao hiệu quả xác minh, thu thập chứng cứ và xử lý nhanh chóng, kịp thời các vụ việc.

Thực tế cho thấy, việc ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra luôn đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy và sự điều hành của lãnh đạo Bộ Công an. Đây là yếu tố then chốt nhằm bảo đảm quá trình điều tra tuân thủ đúng chủ trương, đường lối của Đảng, quy định pháp luật của Nhà nước, đồng thời bảo đảm tính chính xác trong việc ADPL. Việc này góp phần đáp ứng yêu cầu chính trị, đảm bảo không làm oan sai người vô tội, không bỏ lọt tội phạm và không tạo ra kẽ hở để tội phạm lợi dụng bỏ trốn.

Thứ hai, áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm gắn liền với hoạt động nghiệp vụ chuyên môn cao của lực lượng Cảnh sát điều tra và đòi hỏi có sự phối hợp chặt chẽ với các lực lượng chuyên môn khác

Thực tiễn cho thấy, các vụ án liên quan đến động vật NCQH thường xuất phát từ kết quả của các hoạt động nghiệp vụ do các lực lượng kiểm tra chuyên ngành hoặc trình sát tiến hành trước đó. Cơ quan Cảnh sát điều tra hiếm khi là lực lượng đầu tiên phát hiện vụ việc; ngược lại, thường tiếp nhận từ báo cáo, thông tin của lực lượng kiểm lâm, hải quan, bộ đội biên phòng, hoặc từ thông tin ban đầu do người dân, tổ chức phi chính phủ cung cấp. Điều này đặt ra yêu cầu bắt buộc về sự phối hợp liên thông giữa các lực lượng ngay từ khi khởi phát vụ việc. Các hoạt động như khám nghiệm hiện trường, định danh loài động vật, giám định mức độ nguy cấp hay truy nguyên nguồn gốc vật chứng đều đòi hỏi sự hỗ trợ từ lực lượng có chuyên môn phù hợp. Việc áp dụng đúng quy trình pháp luật, từ tiếp nhận tin báo, kiểm tra xác minh, đến

khởi tố vụ án, khởi tố bị can và điều tra các hành vi liên quan, không thể đạt hiệu quả nếu thiếu sự phối hợp này.

Sự phối hợp trong điều tra không chỉ mang tính hình thức hay hành chính, mà là yếu tố cốt lõi giúp đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và khách quan của quá trình thu thập, chuyển hóa và đánh giá chứng cứ. Trên thực tế, nhiều đối tượng phạm tội trong lĩnh vực này có mạng lưới hoạt động rộng, sử dụng thủ đoạn tinh vi như sử dụng giấy tờ giả, chia nhỏ lộ trình vận chuyển, cất giấu động vật hoặc sản phẩm từ động vật trong hàng hóa hợp pháp, hoặc lợi dụng tuyến biên giới rừng núi hiểm trở để vận chuyển trái phép. Trong bối cảnh đó, điều tra viên cần có thông tin chính xác và kịp thời từ các lực lượng nghiệp vụ về tổ chức, phương thức hoạt động, nhân thân và đặc điểm đối tượng vi phạm để xây dựng chiến thuật điều tra hiệu quả. Đây là quá trình vận dụng pháp luật hình sự và tố tụng hình sự một cách chuyên sâu, thể hiện rõ năng lực đánh giá chứng cứ, xác định tội danh, thực hiện hỏi cung bị can, đối chất, thực nghiệm điều tra... phù hợp với quy định pháp luật và đặc điểm loại tội phạm.

Lực lượng Kiểm lâm, Biên phòng, Hải quan hay Quản lý thị trường không chỉ cung cấp thông tin nghiệp vụ mà còn trực tiếp tham gia vào quá trình điều tra thông qua hoạt động kiểm tra chuyên đề, giám định tài liệu, hỗ trợ bắt giữ đối tượng hoặc thu giữ vật chứng. Những thông tin như nguồn gốc lô hàng, tuyến vận chuyển, đặc điểm sinh học của loài vật, tính chất nguy cấp hoặc giá trị bảo tồn đều là cơ sở pháp lý quan trọng giúp Cơ quan Cảnh sát điều tra xác lập đúng hành vi phạm tội, định tội danh chính xác và đưa ra quyết định khởi tố, bắt, khám xét đúng quy định. Đồng thời, sự phối hợp này còn giúp đảm bảo các chứng cứ thu thập được là hợp pháp, có giá trị sử dụng trước Tòa, tránh bị bác bỏ vì vi phạm thủ tục hoặc không đảm bảo tính khách quan, minh bạch.

Thứ ba, áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm đòi hỏi phải kết hợp linh hoạt giữa các

quy phạm pháp luật hình sự, pháp luật tố tụng hình sự và pháp luật chuyên ngành có liên quan

Đây là một trong những đặc điểm quan trọng thể hiện tính đa tầng, đa ngành của quá trình điều tra loại tội phạm này. Không giống như nhiều tội phạm hình sự thông thường - vốn có cơ chế điều chỉnh chủ yếu từ BLHS và BLTTHS - các hành vi VPQĐ về động vật NCQH còn bị chi phối chặt chẽ bởi hệ thống quy định của pháp luật chuyên ngành như: Luật Lâm nghiệp năm 2017, Luật Đa dạng sinh học năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2018) và các văn bản hướng dẫn thi hành, Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021), cũng như các điều ước quốc tế như Công ước CITES mà Việt Nam là thành viên.

Việc vận dụng pháp luật trong điều tra các vụ án loại này không chỉ dừng ở việc xác định hành vi có dấu hiệu tội phạm hay không, mà còn đòi hỏi điều tra viên phải xác định chính xác danh mục loài bị xâm hại (loài thuộc Phụ lục I, II, III của CITES, hay thuộc Danh mục IB, IIB theo Luật Lâm nghiệp), nguồn gốc hợp pháp của loài, trạng thái tang vật (sống, chết, đã chế tác...), cũng như yếu tố lỗi và mục đích phạm tội. Tất cả các yếu tố này đều là căn cứ pháp lý quan trọng để định tội danh theo Điều 244 BLHS hoặc các tội danh liên quan.

Mặt khác, các quy trình điều tra như trưng cầu giám định, bảo quản vật chứng, định giá tang vật, đánh giá mức độ nguy cấp, thậm chí tiêu hủy động vật bệnh tật hoặc thả lại môi trường - đều phải tuân thủ các quy định chặt chẽ trong hệ thống pháp luật chuyên ngành, đôi khi yêu cầu phối hợp chặt chẽ với các cơ quan như Kiểm lâm, Viện Sinh thái, Viện Sinh học nhiệt đới, hoặc các tổ chức bảo tồn quốc tế. Việc không nắm vững các quy phạm chuyên ngành có thể dẫn đến việc định tội sai, bỏ lọt tội phạm hoặc làm phát sinh trách nhiệm pháp lý cho người tiến hành tố tụng.

Do đó, một trong những yêu cầu quan trọng đặt ra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra khi ADPL trong điều tra loại tội phạm này là phải có năng lực pháp lý tổng hợp, có khả năng vận dụng đồng thời các bộ luật, luật chuyên ngành và điều ước quốc tế, từ đó bảo đảm tính đúng đắn, khách quan và hiệu lực thực thi pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ động vật NCQH.

Thứ tư, áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Cơ quan Cảnh sát điều tra là hoạt động mang tính điều chỉnh cá biệt và cụ thể đối với từng hành vi vi phạm pháp luật

Phạm vi trong ADPL phải dựa theo các quy định hiện hành của các Bộ luật, Luật, Nghị định...và các văn bản pháp luật khác có liên quan để có sự điều chỉnh phù hợp. Mỗi vụ án liên quan đến động vật NCQH có những đặc điểm riêng biệt, từ loài động vật bị buôn bán, phương thức hoạt động của tội phạm, đến mục đích vi phạm mà từ đây trong hoạt động điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra cần xem xét một cách kỹ lưỡng cẩn thận. Do đó, ADPL trong mỗi trường hợp cần được điều chỉnh để phù hợp với đúng đối tượng, tính chất cụ thể của từng vụ án mà pháp luật quy định. Ngoài ra, các quy định pháp luật về bảo vệ động vật NCQH thường phức tạp và liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau, từ luật bảo vệ môi trường, luật về thương mại quốc tế, đến luật về bảo tồn. Điều này đòi hỏi cơ quan Cảnh sát điều tra phải ADPL một cách linh hoạt và cá biệt dựa trên bản chất và hoàn cảnh cụ thể của mỗi vụ án.

Vì vậy, mỗi vụ việc điều tra phải được xem xét một cách cá biệt và cụ thể, phản ánh sự linh hoạt và thích ứng của pháp luật với từng trường hợp cụ thể. Cơ quan Cảnh sát điều tra cần theo dõi sát sao các thay đổi trong pháp luật để đảm bảo rằng các điều tra và quyết định xử lý luôn phù hợp với các quy định mới nhất.

2.1.3. Vai trò áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Cơ quan Cảnh sát điều tra

Áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra có vai trò quan trọng trên nhiều phương diện khác nhau, cụ thể:

Thứ nhất, áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm giúp nhân dân nâng cao ý thức pháp luật, góp phần bảo vệ các loài động vật, bảo vệ hệ sinh thái và môi trường tự nhiên

Nhân dân là chủ thể quan trọng trong việc thực thi pháp luật, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, và tham gia vào quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước. Việc nhân dân tôn trọng và tuân thủ pháp luật có ý nghĩa quan trọng trong việc duy trì trật tự và an ninh xã hội, bảo đảm sự công bằng và bình đẳng trước pháp luật, cũng như thúc đẩy sự phát triển bền vững của đất nước. Khi Cơ quan Cảnh sát điều tra ADPL trong điều tra các vụ án liên quan đến việc VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH đã góp phần thúc đẩy sự hiểu biết và tuân thủ của nhân dân về quy định pháp luật liên quan. Thực thi pháp luật một cách nghiêm ngặt giúp cộng đồng nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo tồn đa dạng sinh học và sự cần thiết của việc bảo vệ động vật NCQH, điều này góp phần giáo dục công chúng về mối liên hệ giữa bảo tồn thiên nhiên và sự phát triển bền vững. Áp dụng pháp luật một cách hiệu quả trong điều tra và xử lý tội phạm liên quan đến VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH cũng tạo ra sự răn đe mạnh mẽ đối với những hành vi vi phạm, từ đó góp phần giảm thiểu tình trạng săn bắt, buôn bán, tàng trữ trái phép động vật NCQH.

Thứ hai, áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm phục vụ công tác phòng, chống tội phạm của Cơ quan Cảnh sát điều tra

Áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH giúp Cơ quan Cảnh sát điều tra phát hiện, điều tra và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến động vật này. Điều này đồng nghĩa với việc ngăn chặn các hành vi phạm tội, bảo vệ quyền lợi của động vật NCQH và giữ gìn được sự cân bằng sinh thái. Đây cũng chính là một phần quan trọng của công tác phòng, chống tội phạm nói chung. Bằng cách đảm bảo rằng các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến động vật này được điều tra và xử lý một cách nghiêm túc và công bằng đã thể hiện ý chí của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc giải quyết các mâu thuẫn xã hội phát sinh, qua đó Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thể hiện vai trò, quyền hạn và nghĩa vụ đóng góp vào việc duy trì trật tự, an toàn và phát triển bền vững của xã hội.

Thứ ba, áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm góp phần bảo vệ môi trường và trật tự xã hội, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương

Áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH sẽ góp phần bảo vệ môi trường và trật tự an toàn xã hội; đồng thời nâng cao trình độ dân trí, nhận thức của nhân dân về phòng, chống tội phạm môi trường. Đây chính là điều kiện thuận lợi để pháp luật về phòng, chống tội phạm môi trường được thực hiện một cách đầy đủ, đúng đắn, hệ thống pháp luật được hoàn thiện, từ đó tạo ra động lực tích cực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần bảo đảm cho quốc phòng, an ninh và gìn giữ trật tự xã hội tại từng địa phương. Áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH có ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống nhân dân, đặc biệt là đối với nhân dân các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, sống chủ yếu dựa vào du canh du cư, khai thác các tài nguyên tự nhiên, trình độ dân trí thấp. Khi pháp luật về phòng, chống tội phạm môi trường được thực hiện một cách đầy đủ, đúng đắn sẽ bảo đảm giữ vững quốc phòng an ninh và trật tự an toàn xã hội, góp phần tạo động lực mạnh mẽ, tích cực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của từng địa phương.

Thứ tư, áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Cơ quan Cảnh sát điều tra là hoạt động nhằm đưa các quy định của pháp luật về bảo vệ động vật nguy cấp, quý hiếm vào thực tế đời sống xã hội và thực hiện có hiệu quả các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia ký kết

Điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH là nhiệm vụ quan trọng của Cơ quan Cảnh sát điều tra. Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra phải áp dụng các quy định của pháp luật để đảm bảo rằng các hành vi VPQĐ về bảo vệ động vật này được xử lý đúng mức và phù hợp với luật pháp. Các hành vi VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH thường diễn ra trong cộng đồng, từ việc săn bắn trái phép đến buôn bán, vận chuyển, tàng trữ và sử dụng bất hợp pháp các loài động vật NCQH. Việc điều tra và xử lý các vụ án liên quan đến động vật này không chỉ là việc bảo vệ môi trường tự nhiên mà còn ảnh hưởng đến sự cân bằng sinh thái và đời sống của cộng đồng. Điều tra và xử lý các vụ án liên quan đòi hỏi sự nắm vững về pháp luật và kỹ năng điều tra chuyên sâu của các Cơ quan Cảnh sát điều tra. Việc thực hiện pháp luật trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH không chỉ đảm bảo rằng các đối tượng vi phạm sẽ bị trừng phạt một cách công bằng mà còn tạo ra một tác động rõ ràng trong cộng đồng, thúc đẩy sự nhận thức và ý thức về bảo vệ môi trường và động vật trong xã hội.

Bên cạnh đó, việc ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH cũng góp phần thực hiện có hiệu quả các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia ký kết như: Công ước CITES, một số các Hiệp định, Biên bản ghi nhớ hợp tác... về đấu tranh phòng, chống tội phạm do Bộ Công an Việt Nam ký kết với các cơ quan nước ngoài. Việc thực hiện có hiệu quả các văn bản pháp lý quốc tế góp phần đưa Việt Nam tham gia hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, cùng với đó là các điều kiện, hỗ trợ về mặt pháp lý và các cơ chế hỗ trợ khác đối với Việt Nam trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung, tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH nói riêng.

2.1.4. Tiêu chí đánh giá hoạt động áp dụng pháp luật

Đánh giá hoạt động ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH là việc xác định mức độ phù hợp, đầy đủ và hiệu quả của hoạt động điều tra so với các quy định của pháp luật hiện hành về nội dung và hình thức. Về bản chất, đánh giá này dựa trên việc xem xét mức độ tuân thủ trình tự, thủ tục tố tụng hình sự và pháp luật chuyên ngành bảo vệ động vật NCQH trong toàn bộ giai đoạn điều tra, từ tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, khởi tố vụ án - bị can, thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ, đến đề nghị truy tố. Hoạt động ADPL được xem là bảo đảm khi các biện pháp điều tra được thực hiện đúng thẩm quyền; việc lập, sử dụng và bảo quản tài liệu trong hồ sơ điều tra phản ánh khách quan diễn biến sự việc; và quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan được tôn trọng và bảo vệ.

Về tiêu chí lý luận, đánh giá hoạt động ADPL trong điều tra loại tội phạm này cần tập trung vào bốn nội dung trọng tâm: (1) Tính đúng đắn của cơ sở pháp lý làm căn cứ cho các quyết định và hoạt động điều tra; (2) Tính hợp pháp của trình tự và phương pháp điều tra, bảo đảm không vi phạm quyền con người và quyền công dân; (3) Tính đầy đủ, logic và liên kết của hệ thống chứng cứ thu thập nhằm làm rõ hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, thiệt hại và các tình tiết liên quan; và (4) Tính phù hợp giữa kết quả điều tra và yêu cầu bảo vệ động vật NCQH theo chính sách hình sự của Nhà nước. Việc đánh giá cũng phải đặt trong mối liên hệ giữa yêu cầu bảo vệ môi trường - đa dạng sinh học và yêu cầu xử lý hành vi phạm tội nhằm cân bằng giữa bảo vệ lợi ích xã hội và đảm bảo quyền lợi của người tham gia tố tụng.

Như vậy, việc đánh giá hoạt động ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH không chỉ hướng tới xác định tính đúng đắn của việc tuân thủ pháp luật mà còn nhằm bảo đảm rằng hoạt động điều tra thực hiện đúng mục đích của pháp luật hình sự và pháp luật bảo tồn đa dạng sinh học, góp phần bảo vệ trật tự pháp luật, củng cố hiệu lực của Nhà nước và nâng cao ý nghĩa răn đe – phòng ngừa của chính sách hình sự.

2.2. NỘI DUNG PHÁP LUẬT VÀ CÁC GIAI ĐOẠN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TRONG ĐIỀU TRA TỘI PHẠM VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA

2.2.1. Nội dung pháp luật trong điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Cơ quan Cảnh sát điều tra

Bản chất của ADPL đó chính là quá trình chuyển hóa nội dung quy định của pháp luật vào quá trình giải quyết vụ án. Do đó, hệ thống các quy định của pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ động vật NCQH là những căn cứ quan trọng để Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành các hoạt động điều tra. Trong đó, cơ sở pháp lý bao gồm Hiến pháp, các luật, bộ luật và văn bản dưới luật quy định về phòng chống tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH.

Nội dung pháp luật về điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH bao gồm:

Một là, pháp luật về thẩm quyền điều tra

Trong quá trình thực thi quyền điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH, Cơ quan Cảnh sát điều tra phải thường xuyên vận dụng đồng bộ và đúng đắn hệ thống pháp luật hiện hành, bao gồm cả các văn bản pháp luật nội dung và tổ tụng, cũng như các văn bản hướng dẫn thi hành và tổ chức thực hiện trong nội bộ ngành Công an. Cụ thể:

Thứ nhất, quy định về thẩm quyền, trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử được thể hiện trong BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) là văn bản pháp lý cao nhất điều chỉnh toàn bộ trình tự, thủ tục tố tụng hình sự. Đặc biệt, từ Điều 34 đến Điều 37 của Bộ luật quy định cụ thể về quyền hạn của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, đồng thời quy định nguyên tắc hoạt động điều tra hình sự phải đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm.

Trong đó, Điều 163 đến Điều 166 quy định chi tiết về thẩm quyền điều tra, xác định rõ thẩm quyền theo loại tội phạm, theo cấp xét xử và theo địa bàn đối với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh, cấp huyện, và từ sau

1/7/2025 là phân quyền về Công an xã trong một số nhiệm vụ điều tra sơ bộ (khi không còn tổ chức Công an cấp huyện). Đặc biệt, Điều 163 về phân công thẩm quyền điều tra trong trường hợp có nhiều cơ quan có thẩm quyền điều tra cùng vào cuộc là căn cứ pháp lý quan trọng để xác định rõ thẩm quyền đối với các vụ án liên quan đến tội phạm về môi trường - vốn có tính chất liên ngành như đối với tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật NCQH.

Thứ hai, quy định cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành điều tra hình sự được thể hiện trong Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) là văn bản pháp lý chuyên ngành. Trong đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra thuộc Công an nhân dân là lực lượng chủ lực thực hiện điều tra đối với các tội phạm hình sự nói chung và tội phạm về môi trường nói riêng, bao gồm các tội danh được quy định tại Điều 234 và Điều 244 của BLHS. Từ Điều 18 đến Điều 21 của Luật này quy định thẩm quyền theo cấp tổ chức: Công an cấp tỉnh điều tra tội phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng hoặc có yếu tố xuyên biên giới; Công an cấp huyện điều tra các tội phạm ít nghiêm trọng và nghiêm trọng; và trong điều kiện không còn Công an cấp huyện, thì Công an xã có thể được phân quyền thực hiện một số nhiệm vụ điều tra sơ bộ theo quyết định của Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp tỉnh.

Thứ ba, quy định chi tiết về quy trình tổ chức hoạt động điều tra hình sự trong Công an nhân dân được thể hiện trong Thông tư số 26/2017/TT-BCA ngày 04/7/2017 của Bộ Công an và Thông tư số 56/2018/TT-BCA ngày 25/12/2018 sửa đổi Thông tư số 26/2017/TT-BCA ngày 04/7/2017. Văn bản này đã xác lập rõ các giai đoạn tổ chức điều tra, cách thức giao nhiệm vụ cho Điều tra viên, nguyên tắc phối hợp giữa các lực lượng trong ngành (Cảnh sát hình sự, Cảnh sát kinh tế, Cảnh sát môi trường...), quy trình xử lý vật chứng, báo cáo điều tra và lập hồ sơ vụ án hình sự. Đồng thời, văn bản cũng bổ sung quy định về kiểm soát nội bộ trong tổ chức điều tra, trách nhiệm báo cáo, cập nhật cơ sở dữ liệu nghiệp vụ và điều chỉnh tên gọi các đơn vị phù hợp với mô

hình tổ chức mới của Công an các cấp. Những sửa đổi này góp phần chuẩn hóa quy trình điều tra, nâng cao hiệu quả phối hợp và kiểm soát hoạt động điều tra trong tình hình mới, nhất là đối với các vụ án đặc thù như tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH.

Thứ tư, quy định về phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự, quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự được thể hiện trong Thông tư liên tịch số 04/2025/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 27/6/2025 giữa Bộ Công an - Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Tòa án nhân dân tối cao Đây là văn bản quy phạm pháp luật quan trọng nhằm hướng dẫn việc phối hợp thực hiện tố tụng hình sự, đặc biệt trong bối cảnh không tổ chức Công an cấp huyện. Thông tư quy định rõ nguyên tắc phối hợp, trách nhiệm và thẩm quyền giữa ba cơ quan tiến hành tố tụng là Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án trong các giai đoạn: Tiếp nhận, xử lý tố giác, tin báo về tội phạm; điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự.

Một nội dung quan trọng là việc ủy quyền hoặc phân công Điều tra viên của Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp tỉnh về Công an xã để thực hiện một số hoạt động điều tra sơ bộ, như lấy lời khai, bảo vệ hiện trường, thu thập chứng cứ ban đầu, đặc biệt đối với các tội phạm ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng (Điều 5). Đồng thời, Viện kiểm sát và Tòa án có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ trong quá trình kiểm sát điều tra, xét xử và quản lý thi hành án tại cơ sở.

Thứ năm, trong bối cảnh tổ chức chính quyền địa phương theo mô hình hai cấp (tỉnh - xã), việc phân công, phân quyền điều tra tại cơ sở ngày càng trở nên quan trọng nhằm bảo đảm hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm, trong đó có tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH. Trên cơ sở đó, Bộ Công an đã ban hành Hướng dẫn số 33/HD-BCA-V03 ngày 28/6/2025 nhằm quy định cụ thể việc bố trí, phân công nhiệm vụ và quy trình điều tra hình sự đối với Điều tra viên, Cán bộ điều tra tại Công an cấp xã. Theo đó, Điều tra viên có thể là Trưởng hoặc Phó Trưởng Công an xã, và được giao thẩm quyền

thụ lý, xử lý tố giác, tin báo về tội phạm theo quy định của BLTTHS. Hướng dẫn này cho phép những Điều tra viên là Trưởng Công an cấp xã, Phó Trưởng Công an cấp xã đủ điều kiện được ủy quyền ký các quyết định tố tụng quan trọng như tạm giữ người, khám nghiệm hiện trường, trưng cầu giám định hoặc xử lý vật chứng ban đầu trong các vụ án đơn giản.

Hướng dẫn số 33 cũng quy định rõ: *“Việc bố trí, sử dụng Điều tra viên, Cán bộ điều tra ở cấp xã phải căn cứ vào yêu cầu thực tiễn, bảo đảm chất lượng, đúng tiêu chuẩn và đúng quy định pháp luật”*, đồng thời giao trách nhiệm cho Công an cấp tỉnh ban hành quy chế phối hợp, giám sát chặt chẽ hoạt động điều tra tại cơ sở. Cơ quan điều tra cấp tỉnh chịu trách nhiệm hướng dẫn chuyên sâu theo từng lĩnh vực tương ứng. Đáng chú ý, văn bản này đảm bảo tính liên tục, thống nhất trong hoạt động điều tra hình sự ở cấp xã kể từ ngày 01/7/2025. Việc ban hành Hướng dẫn số 33 không chỉ góp phần nâng cao năng lực pháp lý cho lực lượng Công an xã mà còn là bước đi quan trọng để bảo đảm việc thực thi pháp luật được thực hiện từ cơ sở, sát với thực tiễn địa bàn nơi thường phát sinh các hành vi VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH.

Hai là, pháp luật về tiếp nhận và giải quyết tố giác, tin báo, kiến nghị khởi tố về tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm

Tiếp nhận và giải quyết tố giác, tin báo, kiến nghị khởi tố về các vi phạm là hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong đấu tranh phòng, chống tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH. Việc tiếp nhận, xử lý tố giác tin báo, kiến nghị khởi tố được thực hiện trên cơ sở các quy định của BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và các văn bản hướng dẫn liên ngành (ví dụ: Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP ngày 05/11/2018, Thông tư 28/2020/TT-BCA ngày 26/3/2020, Thông tư liên tịch số 01/2021/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 29/11/2021 quy định về phối hợp trong công tác tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm). Các quy định cụ thể về tội phạm liên quan đến bảo vệ động vật NCQH được nêu trong Điều 234, Điều 244 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Bộ

luật Tổ tụng hình sự quy định các nội dung về trình tự, thủ tục tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố tại các Điều 144, Điều 145, Điều 146, Điều 147.

Các cơ quan chức năng phải tiếp nhận và ghi nhận đầy đủ thông tin tố giác, tin báo của người dân về các hành vi săn bắt, buôn bán, vận chuyển, nuôi nhốt trái phép các loài động vật thuộc danh mục NCQH. Nếu tố giác, tin báo thuộc thẩm quyền giải quyết, cán bộ tiếp nhận sẽ báo cáo và đề xuất giao cho đơn vị có thẩm quyền để giải quyết. Trong trường hợp xác định tố giác hoặc tin báo không thuộc phạm vi thẩm quyền, cán bộ tiếp nhận phải nhanh chóng chuyển thông tin này đến cơ quan điều tra phù hợp trong thời hạn tối đa là 24 giờ kể từ khi phát hiện căn cứ chuyển giao. Quá trình phân loại, quản lý và lưu trữ các thông tin tố giác (tiếp nhận thông qua điện thoại đường dây nóng, email hay các hệ thống dữ liệu khác) cần tuân thủ nghiêm ngặt các quy định hành chính và tổ tụng hiện hành nhằm bảo đảm tính khách quan, minh bạch.

Cơ quan Cảnh sát điều tra có trách nhiệm tiến hành các hoạt động xác minh tính chính xác của thông tin tố giác hoặc tin báo nhằm thu thập các tài liệu, chứng cứ và làm rõ bản chất hành vi vi phạm. Theo Khoản 3, Điều 147, BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025): *“Khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, cơ quan có thẩm quyền có quyền tiến hành các hoạt động: a) Thu thập thông tin, tài liệu, đồ vật từ cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để kiểm tra, xác minh nguồn tin; b) Khám nghiệm hiện trường; c) Khám nghiệm tử thi; d) Trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản”* [63].

Trên cơ sở dữ liệu thu thập, Cơ quan Cảnh sát điều tra sẽ phải ra quyết định, cụ thể: Quyết định khởi tố vụ án hình sự hoặc Quyết định không khởi tố vụ án hình sự hoặc Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, từ đó triển khai tiến hành các hoạt động theo trình tự pháp luật.

Ba là, pháp luật về khởi tố bị can và áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm

Khởi tố vụ án hình sự và khởi tố bị can đối với tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH cần được tiến hành trên cơ sở đầy đủ chứng cứ, xác định rõ ràng hành vi phạm tội và đối tượng phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra phải tuân thủ quy định tại Điều 179 của BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) về điều kiện khởi tố bị can. Khi có đủ căn cứ xác định hành vi săn bắt, giết hại, buôn bán, tàng trữ, vận chuyển động vật thuộc danh mục loài NCQH, Cơ quan điều tra cần khởi tố vụ án để điều tra và xử lý.

Căn cứ, thẩm quyền khởi tố bị can: Khi có đủ căn cứ xác định một người hoặc pháp nhân thực hiện hành vi VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH, Cơ quan điều tra tiến hành ra quyết định khởi tố bị can theo Điều 179, BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Như vậy, sau khi tiến hành tiếp nhận và giải quyết tố giác, tin báo tội phạm và kiến nghị khởi tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra ADPL để tiến hành một số hoạt động điều tra nhằm thu thập chứng cứ, tài liệu có liên quan, khi đủ căn cứ theo luật định, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra quyết định khởi tố vụ án hình sự đến khi xác định được đối tượng thực hiện hành vi phạm tội thì ra quyết định khởi tố bị can và tiến hành các hoạt động điều tra theo quy định từ Điều 179 đến Điều 184, BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Trong quá trình điều tra, để đảm bảo việc xử lý tội phạm hiệu quả và ngăn chặn hành vi vi phạm tiếp tục xảy ra, cơ quan điều tra có thể áp dụng các biện pháp ngăn chặn theo quy định tại Chương VII, BLTTHS 2015, bao gồm:

- Giữ người trong trường hợp khẩn cấp: “...a) Có đủ căn cứ để xác định người đó đang chuẩn bị thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng; b) Người cùng thực hiện tội phạm hoặc bị hại hoặc người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm chính mắt nhìn thấy và xác nhận đúng là người đã thực hiện tội phạm mà xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn; c) Có dấu vết của tội phạm ở người hoặc tại chỗ ở hoặc nơi

làm việc hoặc trên phương tiện của người bị nghi thực hiện tội phạm và xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn hoặc tiêu hủy chứng cứ...” [63].

- Tạm giữ: “...áp dụng đối với người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang, người phạm tội tự thú, đầu thú hoặc đối với người bị bắt theo quyết định truy nã” [63].

- Tạm giam: Biện pháp này được áp dụng đối với bị can, bị cáo về tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc rất nghiêm trọng. Ngoài ra, tạm giam cũng có thể áp dụng đối với bị can, bị cáo về tội nghiêm trọng hoặc tội ít nghiêm trọng mà Bộ luật Hình sự quy định mức phạt tù trên 02 năm, khi có đủ căn cứ xác định bị can, bị cáo thuộc một trong các tình huống luật định: “...a) Đã bị áp dụng biện pháp ngăn chặn khác nhưng vi phạm; b) Không có nơi cư trú rõ ràng hoặc không xác định được lý lịch của bị can; c) Bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã hoặc có dấu hiệu bỏ trốn; d) Tiếp tục phạm tội hoặc có dấu hiệu tiếp tục phạm tội; đ) Có hành vi mua chuộc, cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật; tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án, tẩu tán tài sản liên quan đến vụ án; đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm và người thân thích của những người này. 3. Tạm giam có thể áp dụng đối với bị can, bị cáo về tội ít nghiêm trọng mà Bộ luật hình sự quy định hình phạt tù đến 02 năm nếu họ tiếp tục phạm tội hoặc bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã” [63].

- Bắt người phạm tội quả tang: Áp dụng đối với người đang thực hiện tội phạm hoặc ngay sau khi thực hiện tội phạm mà bị phát hiện.

- Bắt người (đối với người đang bị truy nã): Phát hiện người đang bị truy nã.

- Bắt bị can, bị cáo để tạm giam: Áp dụng đối với bị can, bị cáo khi có căn cứ cho rằng họ có thể bỏ trốn, tiêu hủy chứng cứ hoặc tiếp tục phạm tội.

- Cấm đi khỏi nơi cư trú: Áp dụng khi xét thấy không cần thiết phải tạm giam nhưng cần ngăn chặn bị can, bị cáo bỏ trốn và áp dụng đối với bị can, bị

cáo có nơi cư trú, lý lịch rõ ràng nhằm bảo đảm sự có mặt của họ theo giấy triệu tập của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án.

- Bảo lãnh: Cho phép bị can, bị cáo được tại ngoại nhưng phải có người hoặc tổ chức đứng ra bảo lãnh và cam kết không để họ vi phạm pháp luật.

- Đặt tiền để bảo đảm: Bị can, bị cáo hoặc người thân thích của họ đặt một khoản tiền để được tại ngoại và cam kết không vi phạm các nghĩa vụ trong quá trình tố tụng.

- Tạm hoãn xuất cảnh: Khi có căn cứ cho rằng người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố mà qua kiểm tra, xác minh có đủ căn cứ xác định người đó bị nghi thực hiện tội phạm và xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn hoặc tiêu hủy chứng cứ; bị can, bị cáo có dấu hiệu bỏ trốn.

Cần phải xác định đủ căn cứ pháp lý thì mới áp dụng các biện pháp ngăn chặn và thực hiện đúng các bước trong quy trình tố tụng hình sự, từ việc tiếp nhận thông tin, khởi tố vụ án đến áp dụng các biện pháp ngăn chặn, đảm bảo tính hợp pháp và khách quan trong quá trình điều tra.

Bốn là, pháp luật về các biện pháp điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm

Cơ quan Cảnh sát điều tra sau khi tiến hành xác định hành vi vi phạm pháp luật thì ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, xác định được đối tượng phạm tội thì ra quyết định khởi tố bị can, để làm rõ và chứng minh toàn bộ sự thật của vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra cần ADPL để tiến hành các hoạt động điều tra nhằm thu thập chứng cứ, tài liệu mới, kiểm tra, xác minh, đánh giá những chứng cứ, tài liệu có liên quan đã thu thập trong giai đoạn điều tra trước đó phản ánh những yếu tố cấu thành tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH và những vấn đề cần chứng minh trong giai đoạn này.

Theo quy định của BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), nội dung của hoạt động ADPL trong giai đoạn này gồm các biện pháp điều tra: Hỏi cung bị can, lấy lời khai người làm chứng, đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói, khám xét người, khám xét, thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật,

khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, thực nghiệm điều tra, giám định, định giá tài sản hoặc các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

Trong quá trình tiến hành các biện pháp điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật NCQH cần chú ý nội dung sau:

Thứ nhất, việc khám xét, thu giữ và tạm giữ tài liệu, đồ vật liên quan đến hành vi phạm tội là một yếu tố quan trọng. Các đối tượng vi phạm thường sử dụng nhiều phương thức tinh vi để che giấu hành vi phạm tội, như vận chuyển lậu động vật hoặc các bộ phận của chúng, làm giả giấy tờ hoặc sử dụng các kênh buôn bán trái phép. Do đó, việc thu giữ tang vật và các tài liệu liên quan, chẳng hạn như động vật còn sống, đã chết hoặc các sản phẩm chế biến từ chúng, phải được tiến hành theo đúng quy trình pháp luật được quy định tại Chương XIII của BLTTHS, đảm bảo giá trị pháp lý của chứng cứ. Điều này giúp Cơ quan điều tra làm rõ hành vi phạm tội, phạm vi vi phạm và mức độ nghiêm trọng của vụ việc.

Thứ hai, thu thập chứng cứ trong các vụ án VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH đòi hỏi điều tra viên phải có kiến thức sâu rộng về pháp luật và nghiệp vụ điều tra. Chứng cứ trong các vụ án này không chỉ bao gồm lời khai của các bên liên quan mà còn là các vật chứng cụ thể, như động vật thuộc danh mục bảo vệ, các giấy tờ chứng nhận nguồn gốc hoặc giấy phép vận chuyển. Để xác định được động vật bị vận chuyển, tàng trữ, buôn bán có thuộc loài NCQH hay không, Cơ quan Cảnh sát điều tra cần phải đối chiếu với các danh mục động vật NCQH do pháp luật quy định cũng như các điều ước quốc tế như CITES. Quy định về việc thu thập chứng cứ được đề cập chi tiết tại Điều 88, BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), đảm bảo thu thập đầy đủ và chính xác chứng cứ để làm cơ sở cho quyết định khởi tố hoặc truy tố.

Thứ ba, khám nghiệm hiện trường trong các vụ án VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH thường tập trung vào việc xác định vị trí, phương thức phạm tội, và các dấu vết còn lại. Hiện trường của các vụ vi phạm có thể bao gồm các điểm vận chuyển động vật trái phép, khu vực săn bắt hoặc nơi nuôi giữ bất hợp pháp các loài động vật NCQH. Việc khám nghiệm hiện trường, được

quy định tại Điều 201, BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) giúp điều tra viên xác định rõ các yếu tố về phương thức, công cụ phạm tội và các dấu vết còn lại, từ đó làm sáng tỏ hành vi phạm tội và cung cấp bằng chứng xác thực phục vụ cho quá trình truy tố. Điều này đặc biệt quan trọng trong các vụ án liên quan đến vận chuyển, săn bắt trái phép động vật hoang dã, NCQH nơi mà việc xác định rõ ràng hiện trường có thể mang tính quyết định trong việc xử lý tội phạm.

Thứ tư, giám định loài nhằm xác định chính xác loài động vật liên quan, đặc biệt là phân biệt giữa các loài có mức độ bảo vệ khác nhau theo pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế như Công ước CITES. Phương pháp giám định có thể bao gồm quan sát đặc điểm hình thái, phân tích ADN và các kỹ thuật chuyên môn khác. Phân tích ADN có thể đưa đến kết luận chính xác tuyệt đối, nhưng thường mất nhiều thời gian và chỉ áp dụng với những mẫu vật phức tạp. Sau khi có kết quả giám định, cần đối chiếu với các danh mục pháp luật hiện hành, như Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ theo Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019 của Chính phủ và các Phụ lục của Công ước CITES, Thông tư số 04/2017/TT-BNNPTNT ngày 24/02/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Công ước CITES, để xác định mức độ bảo vệ và khung hình phạt tương ứng.

Năm là, pháp luật về tạm đình chỉ điều tra hoặc kết thúc điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm

Theo Chương XVII của BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), việc tạm đình chỉ điều tra chỉ được áp dụng khi cơ quan điều tra xác định rằng do thiếu chứng cứ hoặc do các yếu tố khách quan khác mà không còn điều kiện để tiếp tục điều tra vụ án. Quyết định tạm đình chỉ phải được lập bằng văn bản, ghi rõ căn cứ, lý do và thời hạn tạm đình chỉ (nếu có). Ngược lại, khi cơ quan điều tra thu thập được đầy đủ chứng cứ làm rõ hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra sẽ ra quyết định kết thúc điều tra và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát để truy tố.

Áp dụng pháp luật trong tạm đình chỉ và kết thúc điều tra trong các vụ án liên quan đến động vật NCQH cũng cần được thực hiện thận trọng. Theo quy định tại Chương XVII, BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), khi quá trình điều tra không thể tiếp tục do thiếu chứng cứ hoặc các yếu tố khách quan khác, Cơ quan điều tra có thể tạm đình chỉ vụ án. Do tính chất đặc thù của các vụ án liên quan đến động vật NCQH (với các vật chứng có thể dễ bị hư hỏng hoặc mất mát), việc tạm đình chỉ điều tra cần được giám sát chặt chẽ bởi các cơ quan có thẩm quyền. Điều này nhằm tránh trường hợp bỏ lọt tội phạm hoặc làm giảm giá trị chứng cứ. Tuy nhiên, việc tạm đình chỉ chỉ được thực hiện khi không còn điều kiện điều tra, và phải được giám sát chặt chẽ để tránh bỏ lọt tội phạm. Trong trường hợp vụ án được tạm đình chỉ nhưng sau đó có bằng chứng mới phát sinh, Cơ quan điều tra cần có cơ chế rà soát định kỳ và nhanh chóng mở lại điều tra để không bỏ sót bất kỳ dấu hiệu vi phạm nào. Ngược lại, khi đã thu thập đầy đủ chứng cứ và làm rõ hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra sẽ ra quyết định kết thúc điều tra và chuyển hồ sơ đến Viện kiểm sát để truy tố.

Cơ sở pháp lý của hoạt động điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH còn được xác định tại một số văn bản dưới luật khác như: Pháp lệnh Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường, quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường; các Nghị định của Chính phủ (Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019, Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013), Thông tư số 27/TT/2025 ngày 24/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và môi trường; Thông tư của Bộ Công an (Thông tư số 26/2018/TT-BCA ngày 10/8/2018), Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 29/12/2017); Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP ngày 05/11/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 234 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã và Điều 244 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)...

2.2.2. Các giai đoạn áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý hiếm của Cơ quan Cảnh sát điều tra

Trong quá trình điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH ở Việt Nam, Cơ quan Cảnh sát điều tra thực hiện một loạt các giai đoạn ADPL để đảm bảo tính minh bạch, công bằng và hiệu quả. Các giai đoạn này gồm:

Một là, tiếp nhận thông tin, phân tích, đánh giá chính xác các tình tiết của sự việc thực tế đã xảy ra

Đây là giai đoạn ban đầu rất quan trọng, có tính chất bản lề, là cơ sở để giúp Cơ quan Cảnh sát điều tra định hướng cho các hoạt động tiếp theo. Để phân tích, đánh giá đúng, chính xác các tình tiết của sự việc thực tế đã xảy ra về tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH, Cơ quan Cảnh sát điều tra cần áp dụng đúng quy định pháp luật, cụ thể như sau:

Trong quá trình điều tra các vụ án liên quan đến tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH, giai đoạn đầu của việc tiếp nhận và xử lý thông tin là rất quan trọng. Đây là bước bản lề, tạo nền tảng cho các hoạt động điều tra tiếp theo. Để đảm bảo tính chính xác và hiệu quả trong việc đánh giá và xử lý sự việc, Cơ quan điều tra cần tuân thủ các quy định pháp luật nghiêm ngặt về quy trình tiếp nhận thông tin, xác minh và xử lý tin báo. Khi có sự việc thực tế xảy ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra cần nhanh chóng tiếp nhận và lập biên bản ghi nhận chi tiết các thông tin về sự việc. Điều này không chỉ giúp đảm bảo sự chính xác trong việc xử lý ban đầu mà còn tạo điều kiện cho quá trình phân loại và đánh giá thông tin một cách hệ thống.

Việc phân loại thông tin cần được triển khai tiến hành nhanh chóng, đảm bảo không bỏ sót các yếu tố quan trọng liên quan đến tội phạm. Trong quá trình xác minh, cán bộ điều tra cần nắm vững quy định pháp luật và sử dụng các phương pháp nghiệp vụ chuyên môn để sàng lọc thông tin. Việc này đòi hỏi sự kết hợp giữa việc hiểu, nắm rõ quy định của BLHS và kỹ năng điều tra thực tế, giúp điều tra viên xác định chính xác dấu hiệu vi phạm của các

hành vi liên quan đến động vật NCQH. Quá trình thu thập chứng cứ và đánh giá tình hình phải được thực hiện tỉ mỉ, dựa trên các quy định pháp lý hiện hành và các văn bản chuyên ngành để xác định đúng đối tượng và mức độ vi phạm. Những quy định này là cơ sở cho việc xây dựng khái niệm về tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH, giúp hình thành một khung pháp lý rõ ràng và nhất quán.

Đánh giá đúng sự việc dựa trên những tài liệu đã có phân tích được để ra quyết định khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự. Khi tiến hành xác minh, điều tra viên phải tập hợp tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử... liên quan và phân tích từng chứng cứ để chứng minh hành vi phạm tội. Ví dụ: Để xác định cá thể tê tê bị vận chuyển có thuộc loài nguy cấp hay không, Cơ quan Cảnh sát điều tra phải đối chiếu với danh mục động vật hoang dã quy định tại Nghị định 64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019 của Chính phủ và Phụ lục CITES. Đồng thời, Cơ quan Cảnh sát điều tra cũng cần làm rõ người vận chuyển có giấy phép theo Luật Lâm nghiệp, Luật Thủy sản hay không. Nếu đủ căn cứ kết luận có dấu hiệu phạm tội, Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra phải kịp thời ra quyết định khởi tố vụ án theo Điều 154, Bộ luật TTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và chuyển tới Viện kiểm sát cùng cấp trong thời hạn 24h để kiểm sát.

Trong quá trình điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH, ngoài việc áp dụng đồng bộ các quy định pháp luật, Cơ quan Cảnh sát điều tra còn có thể hợp tác với các chuyên gia và tổ chức trong và ngoài nước để nâng cao hiệu quả triển khai công tác điều tra.

Cụ thể, khi cần xác định giá trị khoa học, tình trạng bảo tồn hay mức độ nguy cấp của các loài động vật liên quan đến vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra có thể trưng cầu ý kiến từ các chuyên gia động vật học, sinh thái học. Việc tham khảo nhận định của giới chuyên môn sẽ giúp việc áp dụng Điều 244 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) để khởi tố tội phạm về hành vi săn bắt, vận chuyển, tàng trữ, buôn bán... động vật NCQH được chính xác và

có cơ sở khoa học hơn. Đồng thời, Cơ quan Cảnh sát điều tra có thể tận dụng sự hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế và phi chính phủ như WCS, WWF, TRAFFIC... trong việc thu thập thông tin, chia sẻ cơ sở dữ liệu về tình hình tội phạm động vật hoang dã xuyên quốc gia. Những thông tin này sẽ cung cấp bối cảnh đầy đủ hơn cho Cơ quan Cảnh sát điều tra trong việc điều tra các đường dây buôn bán, đặc biệt là các vụ án có yếu tố nước ngoài. Sự phối hợp này được Điều 6, Luật Công an nhân dân 2018 (sửa đổi, bổ sung năm 2023) và các Điều ước quốc tế về phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia mà Việt Nam tham gia.

Như vậy, bước đầu tiên của ADPL đòi hỏi sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa trình tự, thủ tục tố tụng hình sự, kiến thức về pháp luật nội dung và kỹ năng đánh giá, phân tích sự việc hiện tượng. Chỉ khi xác định đúng tội danh theo BLHS và có đầy đủ tài liệu, chứng cứ, Cơ quan Cảnh sát điều tra mới có thể ban hành các quyết định tố tụng thống nhất, đúng pháp luật.

Hai là, lựa chọn quy phạm pháp luật làm cơ sở pháp lý cho việc đưa ra các quyết định áp dụng pháp luật

Đây là giai đoạn đặc biệt quan trọng khi tiến hành lựa chọn quy phạm pháp luật trên cơ sở đánh giá một cách đầy đủ, chính xác, khách quan, toàn diện thông tin về sự việc xảy ra và cách xác minh thông tin ban đầu. Việc lựa chọn quy phạm pháp luật chính xác, phù hợp với thực tiễn giúp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra thực hiện tốt việc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên liên quan, bên cạnh đó thể hiện được vai trò của Nhà nước trong việc duy trì các mối quan hệ xã hội và đưa pháp luật vào thực tiễn đời sống.

Về nguyên tắc phải chọn quy phạm pháp luật còn hiệu lực và sát thực với nội dung sự kiện. Tiếp đó Cơ quan Cảnh sát điều tra phải phân tích nội dung quy phạm pháp luật đã chọn.

* Nếu có những quy định chồng chéo, trùng lặp thì phải dựa vào giá trị pháp lý hay hiệu lực theo thời gian của văn bản để lựa chọn cho chính xác.

Trên thực tế, việc lựa chọn quy phạm có thể xảy ra các khả năng sau:

- Có một quy phạm pháp luật phù hợp, đáp ứng giải quyết vụ việc.

Ví dụ: Cơ quan Cảnh sát điều tra áp dụng quy định tại Điều 244, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) về "Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm" để xác định các dấu hiệu cấu thành tội phạm. Theo đó, hành vi săn bắt, giết, vận chuyển, buôn bán trái phép các loài động vật này có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Điều luật cũng phân định rõ các khung hình phạt tương ứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, như phạm tội có tổ chức, phạm tội 2 lần trở lên, gây hậu quả nghiêm trọng... Với những vụ án tính chất đơn giản, có tình tiết rõ ràng như trong luật định, quy định mà không phát sinh ra thêm việc cần áp dụng thêm văn bản pháp luật thì Cơ quan Cảnh sát điều tra dựa vào đó để thực hiện ngay bước tiếp theo trong ADPL là ra quyết định ADPL.

- Có hai hay nhiều quy phạm pháp luật cùng điều chỉnh quan hệ đó nhưng cách giải quyết khác nhau.

Nếu như quy định chồng chéo, trùng lặp thì Cơ quan Cảnh sát điều tra có thể lựa chọn quy phạm pháp luật có giá trị pháp lý cao hơn và được ban hành sau để đưa ra quyết định. Cơ quan Cảnh sát điều tra có thể xác định, phân tích tình huống cụ thể để xác định các quy phạm pháp luật có thể điều chỉnh. Xác định thứ bậc của văn bản: Hiến pháp có giá trị pháp lý cao nhất, sau đó là luật, pháp lệnh, nghị quyết... Xác định thời điểm ban hành: Quy phạm pháp luật được ban hành sau có giá trị pháp lý cao hơn quy phạm pháp luật được ban hành trước. Xác định phạm vi điều chỉnh: Quy phạm pháp luật có phạm vi điều chỉnh rộng hơn có giá trị pháp lý cao hơn quy phạm pháp luật có phạm vi điều chỉnh hẹp hơn. Xem xét các yếu tố khác: Tính chuyên biệt, tính cập nhật, tính phù hợp với thực tiễn,...

- Không có quy phạm pháp luật làm cơ sở pháp lý cho việc áp dụng pháp luật với sự kiện đó.

Hiện nay, “lỗ hổng” của luật vẫn có, ví dụ: BLHS quy định hành vi mua bán trái phép 03 các thể lớp thú thuộc Nhóm IB là tội phạm, nhưng hành vi mua bán trái phép đồng thời 02 cá thể lớp thú, 06 cá thể lớp chim, bò sát và

09 cá thể động vật lớp khác thuộc Nhóm IB không bị coi là tội phạm. Nếu như điều này xảy ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra có thể sử dụng các văn bản pháp luật chuyên ngành như Luật Lâm nghiệp năm 2017, Luật Thủy sản năm 2017 với các quy định về Danh mục động vật nguy cấp quý hiếm được ưu tiên bảo vệ, hành vi bị nghiêm cấm như săn bắt, nuôi, nhốt trái phép... để xác định, đánh giá thêm các tình tiết.

Mặt khác, trong quá trình điều tra xác minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra cũng cần phối hợp với các cơ quan chuyên môn như: Kiểm lâm, Kiểm ngư, Hải quan... để trung cầu giám định tang vật, lấy ý kiến chuyên môn. Việc này được thực hiện theo quy định của Thông tư liên tịch 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN ngày 19/12/2017. Sự phối hợp đa ngành sẽ giúp việc thu thập chứng cứ toàn diện hơn, đồng thời tạo sự thống nhất cao giữa các cơ quan có thẩm quyền trong giải quyết vụ án.

Ba là, ra quyết định áp dụng pháp luật

Khi kết thúc giai đoạn lựa chọn quy phạm pháp luật VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH, nếu đã có đủ căn cứ, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra quyết định ADPL đối với người bị buộc tội. Việc này được thực hiện dựa trên quy định của Bộ luật TTHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Ở bước này, Cơ quan Cảnh sát điều tra cụ thể hóa quy định nêu trong văn bản quy phạm pháp luật thành quyết định cụ thể, áp dụng cho đối tượng bị ADPL. Nội dung của quyết định ADPL ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích của người được (bị) ADPL. Ra quyết định áp dụng là hoạt động thể hiện rất rõ trình độ và sáng tạo của chủ thể có thẩm quyền ADPL.

* Quyết định áp dụng pháp luật phải đáp ứng yêu cầu sau:

- Phải được ban hành hợp pháp (đúng thẩm quyền, có cơ sở pháp luật).

Các quyết định được đưa ra phải được ban hành đúng cấp, đúng thẩm quyền. Ví dụ như quyết định khởi tố bị can trong giai đoạn điều tra phải theo đúng thẩm quyền tại Điều 36, Bộ luật TTHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) là Thủ trưởng hoặc Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra mới có

quyền ra quyết định khởi tố. Trên cơ sở đúng pháp luật, tài liệu được chứng minh liên quan hành vi phạm tội VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của đối tượng bị khởi tố.

- Phải có tính khả thi (phù hợp với điều kiện thực tế).

Cơ quan Cảnh sát điều tra khi ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH phải bám đạo tính khả thi của quyết định ADPL. Quyết định phải được đưa ra dựa trên cơ sở thực tế khách quan, có thể thực hiện được trong điều kiện hiện tại. Quyết định phải phù hợp với tình hình thực tế của xã hội, không vi phạm các quy tắc đạo đức, văn hóa và tập quán xã hội. Quyết định phải xác định rõ thời hạn thực hiện cụ thể, ngày ký, thực thi các điều khoản phải có thời gian (ngày/tháng/năm).

Quyết định ADPL được thể hiện dưới hình thức văn bản được gọi là văn bản ADPL, thể hiện qua đặc điểm: Do cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền ban hành; Trình tự thủ tục, hình thức, tên gọi văn bản ADPL và được pháp luật quy định; Chứa đựng quy tắc xử sự cá biệt, cụ thể; Được thực hiện một lần đối với chủ thể có liên quan; Đảm bảo thực hiện bằng các biện pháp nhà nước.

Bên cạnh đó, việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế còn phải tuân thủ đúng thời hạn, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS như ra lệnh bằng văn bản, thông báo cho gia đình và chính quyền địa phương nơi người bị tạm giữ cư trú, đảm bảo quyền có mặt của người bào chữa... Đây là những bảo đảm quan trọng để hoạt động tước tự do của Cơ quan Cảnh sát điều tra không vi phạm quyền con người.

Bốn là, tổ chức thực hiện văn bản áp dụng pháp luật

Sau khi ra quyết định ADPL, Cơ quan Cảnh sát điều tra sẽ tổ chức thực hiện các quyết định ADPL. Đây là giai đoạn quan trọng, yêu cầu sự chính xác và hiệu quả trong tổ chức, đảm bảo rằng mọi hoạt động diễn ra đúng pháp luật và thực thi một cách nghiêm minh.

Trong giai đoạn này, Cơ quan Cảnh sát điều tra phải triển khai thực hiện các nội dung đã quyết định một cách nghiêm túc và đúng trình tự pháp

luật. Điều này bao gồm việc phân công nhiệm vụ cho các đơn vị và cá nhân liên quan, cũng như lên kế hoạch chi tiết cho từng giai đoạn thực thi. Bên cạnh đó, việc lên kế hoạch chi tiết cho từng giai đoạn thực thi cần được thực hiện cẩn thận, với sự chuẩn bị kỹ lưỡng về mặt tài nguyên, thời gian và phương pháp tiếp cận, để đảm bảo rằng mỗi bước tiến đều góp phần vào việc đạt được mục tiêu cuối cùng một cách hiệu quả.

Trong quá trình thực hiện, cần phải tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật, đảm bảo rằng mọi hoạt động đều có cơ sở pháp lý vững chắc và được thực hiện đúng quy trình. Mọi quyết định và hành động phải được xem xét kỹ lưỡng về mặt pháp lý trước khi triển khai để tránh vi phạm pháp luật và những hậu quả pháp lý có thể phát sinh.

Cần có sự giám sát liên tục để đánh giá tính hiệu quả của quá trình thực hiện quyết định. Việc giám sát này giúp phát hiện và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh, từ đó đưa ra các điều chỉnh cần thiết để cải thiện quá trình thực thi. Cơ quan Cảnh sát điều tra cần thông báo cho các bên liên quan, bao gồm gia đình người bị buộc tội và chính quyền địa phương, về các biện pháp đã áp dụng và các quyết định liên quan. Ngoài ra, việc đảm bảo các quyền cơ bản của người bị buộc tội là vô cùng quan trọng. Điều này bao gồm quyền được bào chữa bởi luật sư và quyền được xử lý công bằng theo đúng quy định của pháp luật. Các cơ quan thực thi pháp luật cần phải tôn trọng và bảo vệ những quyền này để tránh xảy ra các sai sót có thể dẫn đến vi phạm pháp luật và ảnh hưởng đến tính chính danh của quá trình tư pháp.

Tóm lại, việc ADPL trong quá trình điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH là cả một quy trình thống nhất, đòi hỏi sự am hiểu và vận dụng đồng bộ các quy định của BLHS, BLTTHS, các luật chuyên ngành và cả sự hợp tác liên ngành. Cơ quan Cảnh sát điều tra phải tiến hành các biện pháp một cách chặt chẽ, khách quan, kết hợp nhuần nhuyễn giữa kiến thức pháp lý và chuyên môn. Chỉ có như vậy, hoạt động điều tra mới thực sự đem lại công bằng và góp phần răn đe, ngăn chặn tội phạm, giữ vững an ninh sinh thái và bảo tồn đa dạng động vật NCQH.

2.3. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TRONG ĐIỀU TRA TỘI PHẠM VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT NGUY CẤP, QUÝ HIẾM CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA Ở VIỆT NAM

Các điều kiện bảo đảm ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra là một chỉnh thể gồm các điều kiện về chính trị; điều kiện pháp lý; điều kiện về kinh tế, điều kiện về văn hóa, xã hội và điều kiện về hợp tác quốc tế. Các điều kiện bảo đảm chính là môi trường mà trong đó pháp luật về bảo vệ động vật NCQH được vận hành và phát huy tác dụng. Các điều kiện bảo đảm tuy không trực tiếp tham gia vào quá trình ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra nhưng có tác động không nhỏ và quyết định đến hiệu quả của việc ADPL.

2.3.1. Điều kiện về chính trị

Điều kiện chính trị là yếu tố then chốt để bảo đảm hiệu quả của công tác phòng, chống tội phạm nói chung và ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH nói riêng. Sự ủng hộ và cam kết chính trị của Đảng, Nhà nước thể hiện ở chủ trương, chính sách và những biện pháp cụ thể nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác phòng chống tội phạm này.

Sự quan tâm sâu sắc, chỉ đạo quyết liệt trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý của Đảng, Nhà nước đối với công tác bảo vệ động vật hoang dã, đặc biệt là những loài NCQH. Đây là vấn đề có ý nghĩa chiến lược về môi trường, đa dạng sinh học và phát triển bền vững. Do vậy, việc bảo vệ các loài này cần được lồng ghép vào chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia và các địa phương, đặc biệt là những khu vực có hệ sinh thái đa dạng và nhiều loài động vật hoang dã, NCQH. Sự chỉ đạo từ cấp cao sẽ tạo điều kiện thuận lợi để triển khai các biện pháp phòng, chống tội phạm liên quan đến việc khai thác, buôn bán và tiêu thụ động vật hoang dã, giúp bảo vệ hiệu quả các loài động vật này. Đồng thời, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành và địa phương để đảm bảo việc thực thi pháp luật được đồng bộ và hiệu quả.

Sự lãnh đạo quyết liệt, thường xuyên của Đảng đã giúp Việt Nam chủ động, tích cực tham gia vào các điều ước quốc tế và các cam kết chính trị toàn cầu về bảo vệ động vật hoang dã là yếu tố quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả phòng, chống tội phạm liên quan đến động vật NCQH. Các cam kết quốc tế như Công ước CITES và các thỏa thuận song phương với các quốc gia có nạn buôn bán động vật hoang dã sẽ giúp Việt Nam không chỉ có được sự hỗ trợ về mặt kỹ thuật và tài chính mà còn tạo ra sức ép chính trị, thúc đẩy việc thực thi các chính sách, pháp luật trong nước. Sự hội nhập vào các chuẩn mực quốc tế không chỉ góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trong các vấn đề toàn cầu mà còn tạo cơ sở pháp lý vững chắc để xử lý các vụ vi phạm liên quan đến động vật NCQH, từ đó đảm bảo tính răn đe và hiệu quả của các biện pháp phòng ngừa.

Như vậy, điều kiện chính trị là yếu tố then chốt, tiên quyết để bảo đảm thực thi hiệu quả pháp luật trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH.

2.3.2. Điều kiện về pháp lý

Điều kiện pháp lý là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động của các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong xã hội. Trong lĩnh vực phòng, chống tội phạm nói chung và tội phạm về môi trường nói riêng, hệ thống pháp luật đóng vai trò hết sức quan trọng, cụ thể:

Pháp luật quy định các nguyên tắc, chủ trương, chính sách cơ bản của Đảng và Nhà nước về công tác phòng, chống tội phạm; trong đó có tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH. Trên cơ sở đó, các bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các biện pháp cụ thể phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Cụ thể, Chiến lược phòng, chống tội phạm đến năm 2025 đã chỉ rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhằm kiềm chế, kéo giảm phạm pháp hình sự; trong đó có các tội phạm về môi trường nói chung và tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH nói riêng.

Pháp luật quy định rõ ràng các hành vi bị cấm, hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ động vật NCQH. Đồng thời, quy định mức hình phạt tương ứng để răn đe, phòng ngừa vi phạm. Cụ thể, hệ thống pháp luật hiện hành đã có

nhiều quy định nhằm bảo vệ các loài động vật hoang dã, trong đó nổi bật là BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Luật Lâm nghiệp năm 2017 (sửa đổi, bổ sung năm 2023); Luật Đa dạng sinh học 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2018); Luật Bảo vệ môi trường năm 2020,... Trên cơ sở đó, hàng loạt nghị định, thông tư hướng dẫn cụ thể các quy định về bảo vệ động vật NCQH đã được ban hành.

Pháp luật quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên trách về bảo vệ động vật hoang dã nói riêng và bảo vệ môi trường nói chung như: Cục Kiểm lâm, Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường... Trên cơ sở đó, các cơ quan này xây dựng kế hoạch, biện pháp cụ thể và phối hợp chặt chẽ trong quá trình thực thi công vụ để đạt được mục tiêu bảo vệ các loài sinh vật hoang dã. Tất cả các cơ quan trên đều có chức năng quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định về bảo vệ tài nguyên, môi trường đa dạng sinh học.

2.3.3. Điều kiện về kinh tế

Điều kiện kinh tế là yếu tố quan trọng góp phần quyết định đến hiệu quả của công tác phòng, chống tội phạm nói chung và ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH nói riêng, cụ thể:

Đầu tư cơ sở hạ tầng, cung cấp đầy đủ trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác điều tra, xử lý tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH. Những thiết bị phục vụ quá trình điều tra, giám định hiện đại như các phương tiện nghiệp vụ kỹ thuật cao, vi tính, thiết bị bảo quản đồ vật, chứng cứ... sẽ giúp lực lượng điều tra làm rõ nhanh chóng hành vi phạm tội, thu thập đầy đủ chứng cứ phục vụ công tác xử lý nghiêm minh các đối tượng. Từ đó răn đe, phòng ngừa hiệu quả tội phạm về môi trường nói chung và tội phạm liên quan đến động vật NCQH nói riêng.

Tăng cường đầu tư cho công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ cao để giám sát, bảo vệ động vật hoang dã, đặc biệt là các loài NCQH. Việc sử dụng các thiết bị hiện đại như camera giám sát, thiết bị gắn thẻ điện tử, phần mềm nhận diện, cảnh báo xâm nhập... sẽ giúp theo dõi sát sao tình

trạng sinh sống, di trú cũng như phát hiện sớm các hành vi đe dọa đến sự tồn tại của các loài NCQH. Điều này góp phần nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ động vật hoang dã trước các nguy cơ tuyệt chủng.

Cơ chế hỗ trợ, khuyến khích các hoạt động nghiên cứu, bảo tồn đa dạng sinh học. Nguồn kinh phí đầu tư cho nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; xây dựng các trung tâm cứu hộ, bảo tồn động vật hoang dã bị thương, mắc bẫy; và nhân rộng các mô hình bảo vệ các loài sinh vật quý hiếm... sẽ đem lại nhiều kết quả tích cực. Đồng thời, việc khen thưởng, động viên những tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực này cũng góp phần nâng cao tinh thần, trách nhiệm cho cộng đồng trong công cuộc giữ gìn, bảo vệ các giá trị quý báu của tự nhiên.

Như vậy, điều kiện về kinh tế có vai trò quan trọng để đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị hiện đại cũng như thúc đẩy hoạt động nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ. Việc đáp ứng kịp thời, đầy đủ các nhu cầu về kinh phí, phương tiện, thiết bị cho các cơ quan chức năng là điều kiện tiên quyết giúp nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm về môi trường.

2.3.4. Điều kiện về văn hóa, xã hội

Văn hóa pháp luật là cơ sở quan trọng để đảm bảo rằng mọi người trong xã hội hiểu và tôn trọng pháp luật. Nó liên quan đến việc nhận thức và ý thức của cộng đồng về vai trò và ý nghĩa của pháp luật trong việc bảo vệ và duy trì trật tự xã hội. Trong trường hợp này, nếu có một văn hóa pháp luật mạnh mẽ, những người trong xã hội sẽ có động lực cao hơn để tuân thủ và hỗ trợ việc ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH.

Điều kiện về văn hóa và xã hội cũng bao gồm nhận thức của cộng đồng về vấn đề môi trường và sinh thái, bao gồm cả việc bảo vệ động vật NCQH. Thông qua văn hóa - giáo dục sẽ giúp con người có được nhận thức đầy đủ về các giá trị văn hóa để định hướng đúng đắn cho mọi hành động của họ và góp phần phòng, chống tội phạm môi trường. Yếu tố xã hội với các giá trị truyền thống, đạo đức, trách nhiệm của cá nhân đối với cộng đồng, phong tục tập

quán, phương thức sản xuất nhất định cùng trình độ dân trí và những giá trị chuẩn mực trong suy nghĩ và hành động của mỗi cá nhân, tạo ra các nền tảng giá trị đạo đức của xã hội là một trong những yếu tố giúp bảo đảm pháp luật.

Điều kiện về văn hóa và xã hội cũng bao gồm cả hệ thống giáo dục và truyền thông. Một hệ thống giáo dục và truyền thông mạnh mẽ có thể giúp tăng cường nhận thức và ý thức của cộng đồng về vấn đề bảo vệ động vật và vai trò của pháp luật trong việc giải quyết các vấn đề liên quan phòng chống tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH. Hệ thống giáo dục có vai trò quan trọng trong việc hình thành ý thức và nhận thức của các thế hệ về tầm quan trọng của việc bảo vệ động vật. Bằng cách tích hợp các nội dung về bảo vệ động vật vào chương trình giáo dục từ cấp tiểu học đến trung học, hệ thống giáo dục có thể giúp nâng cao ý thức pháp luật và tạo ra một tầm nhìn bao quát về vấn đề này cho các thế hệ tương lai.

2.3.5. Điều kiện về quan hệ hợp tác quốc tế

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và tính xuyên biên giới ngày càng rõ nét của tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH, điều kiện về quan hệ hợp tác quốc tế đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bảo đảm hiệu quả ADPL trong điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra. Tội phạm liên quan đến động vật hoang dã, nhất là các loài NCQH, không còn giới hạn trong phạm vi lãnh thổ quốc gia mà ngày càng thể hiện rõ tính chất có tổ chức, xuyên quốc gia, được điều hành bởi các mạng lưới buôn bán ngầm hoạt động phức tạp, sử dụng các tuyến đường vận chuyển bất hợp pháp qua nhiều quốc gia và khu vực. Do đó, việc điều tra, xử lý loại tội phạm này không thể chỉ dựa vào nỗ lực đơn phương của từng quốc gia mà cần có sự phối hợp chặt chẽ, kịp thời với các cơ quan chức năng nước ngoài và tổ chức quốc tế có liên quan.

Cơ sở pháp lý quan trọng tạo điều kiện cho hoạt động hợp tác quốc tế là việc Việt Nam là thành viên của Công ước CITES. Công ước này là khung pháp lý chủ đạo để các quốc gia phối hợp giám sát, kiểm soát hoạt động xuất nhập khẩu, vận chuyển các loài động vật, thực vật quý hiếm, tạo điều kiện để

chia sẻ dữ liệu về các tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm. Ngoài ra, Việt Nam cũng đã ký kết và tham gia một số hiệp định, thỏa thuận song phương và đa phương liên quan đến đấu tranh phòng, chống tội phạm về môi trường với các nước trong khu vực ASEAN, Trung Quốc, EU, Nam Phi... Đây là nền tảng để triển khai các hoạt động điều tra chung, chuyển giao thông tin, trao đổi chứng cứ, phối hợp bắt giữ, dẫn độ tội phạm hoặc trưng cầu giám định quốc tế.

Mặt khác, việc tăng cường tham gia các mạng lưới hợp tác thực tiễn như INTERPOL, ASEAN-WEN (Mạng lưới thực thi pháp luật về động vật hoang dã ASEAN), hay hỗ trợ kỹ thuật từ các tổ chức quốc tế như TRAFFIC, UNODC, WWF, USAID, FAO cũng góp phần nâng cao năng lực điều tra, truy vết tội phạm cho lực lượng Cảnh sát điều tra tại Việt Nam. Thông qua các chương trình đào tạo, tập huấn, hỗ trợ kỹ thuật và tài chính, các đơn vị nghiệp vụ được cập nhật phương pháp điều tra hiện đại, sử dụng công cụ phân tích dữ liệu liên quốc gia, từ đó rút ngắn thời gian và tăng độ chính xác trong điều tra.

Tuy nhiên, để khai thác hiệu quả điều kiện hợp tác quốc tế này, cần có cơ chế phối hợp pháp lý nội bộ rõ ràng giữa các lực lượng chuyên trách trong nước như Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Cục Pháp chế và cải cách hành chính - tư pháp, các cơ quan kiểm lâm, hải quan, kiểm dịch động vật... Đồng thời, cần chủ động hoàn thiện quy trình tiếp nhận, xử lý, sử dụng thông tin thu được từ hợp tác quốc tế, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tổ tụng theo quy định của BLTTHS.

2.4. ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TRONG ĐIỀU TRA TỘI PHẠM VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI VÀ GIÁ TRỊ THAM KHẢO ĐỐI VỚI VIỆT NAM

2.4.1. Áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của một số quốc gia trên thế giới

Khi nhắc đến quốc gia có hệ thống pháp luật chặt chẽ thì không thể không nhắc đến Hoa Kỳ với hệ thống pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã

và các cơ quan thực thi pháp luật như Cục Cá và động vật hoang dã Hoa Kỳ (USFWS). Vương quốc Anh, với hệ thống pháp luật đặc thù cũng như là quốc gia đầu tàu của Châu Âu trong việc phòng, chống buôn bán động vật NCQH cũng có những kinh nghiệm quý báu trong ADPL về điều tra loại tội phạm này. Liên Bang Nga với địa lý rộng lớn và sự đa dạng về sinh thái, cũng đã xây dựng các cơ chế về hợp tác quốc tế trong việc bảo vệ động vật NCQH khỏi nạn săn bắt và buôn bán trái phép. Trung Quốc, là một trong những điểm nóng của nhu cầu về động vật hoang dã, có nhiều chính sách mới nhằm ngăn chặn việc buôn bán và tiêu thụ động vật NCQH, là nguồn tham khảo quan trọng trong việc kiểm soát thị trường đen. Ngoài ra, đây cũng là quốc gia có hệ thống tư pháp và lập pháp có sự tương đồng với Việt Nam. Cuối cùng, Thái Lan là quốc gia trong khu vực Đông Nam Á, có nhiều điểm tương đồng với Việt Nam về môi trường tự nhiên và cũng đối mặt với nạn buôn bán động vật NCQH.

2.4.1.1. Hợp chủng quốc Hoa Kỳ

Mỹ là quốc gia thuộc Châu Mỹ có đa dạng hệ sinh thái, hệ động vật trong đó hệ động vật NCQH và hệ động vật hoang dã chiếm tỉ lệ cao. Mỹ là một trong những nước đi đầu trong việc xây dựng và thực thi các quy định pháp luật nhằm bảo vệ động vật hoang dã có nguy cơ tuyệt chủng. Một trong những văn bản quan trọng nhất là Đạo luật về các loài bị đe dọa (Endangered Species Act - ESA), được Quốc hội Mỹ thông qua vào năm 1973. Đạo luật này đóng vai trò nền tảng trong việc bảo vệ động vật hoang dã ở Mỹ và vẫn giữ nguyên giá trị cho đến nay.

Theo Đạo luật về các loài bị đe dọa (Endangered Species Act - ESA) do Quốc hội Mỹ ban hành năm 1973, Chính phủ liên bang có nhiệm vụ xác định và đưa vào danh sách các loài động, thực vật hoang dã đang đối mặt với nguy cơ tuyệt chủng, nhằm đảm bảo các biện pháp bảo vệ đặc biệt cho chúng. Việc xác định và phân loại các loài này là dựa trên cơ sở khoa học và kinh tế xã hội [125]. Các loài động, thực vật được phân thành ba nhóm chính: loài

nguy cấp, loài có nguy cơ bị đe dọa và loài có nguy cơ tuyệt chủng. Tính đến năm 2020, có tổng cộng 1.567 loài đang nằm trong danh sách bảo tồn theo Sách đỏ của Mỹ và được bảo vệ theo quy định của Đạo luật ESA. Trong số đó có 883 loài động vật và 684 loài thực vật [125]. Đạo luật ESA đã đặt ra những quy định cụ thể về việc bảo vệ các loài sinh vật hoang dã đang bị đe dọa tại Mỹ. Chính phủ liên bang chịu trách nhiệm quan trọng trong việc xác định, phân loại và áp dụng các biện pháp bảo vệ đặc biệt đối với những loài đang trong tình trạng nguy cấp. Quá trình phân loại này dựa trên các nghiên cứu khoa học kết hợp với yếu tố kinh tế - xã hội, nhằm đảm bảo tính khách quan và phù hợp với thực tiễn.

Việc điều tra và xử lý các hành vi vi phạm Đạo luật về các loài bị đe dọa (ESA) tại Hoa Kỳ được thực hiện theo các quy định chặt chẽ. Hai cơ quan chính đảm nhiệm nhiệm vụ này là Cục Cá và Động vật Hoang dã Hoa Kỳ (USFWS) và Cục Khảo sát Địa chất Hoa Kỳ (USGS). Theo thống kê từ USFWS, trong giai đoạn 2009-2019, có tổng cộng 745 vụ vi phạm ESA được điều tra và xử lý, với 784 cá nhân liên quan. Trong đó, USFWS đóng vai trò chủ chốt trong việc thực thi các quy định của đạo luật, trong khi USGS hỗ trợ công tác giám sát và bảo vệ các loài động thực vật hoang dã. Cả hai cơ quan này đều có thẩm quyền quan trọng trong việc thực thi luật bảo vệ động vật nguy cấp [149].

Trong quá trình ADPL, các cơ quan thực thi của Hoa Kỳ có thẩm quyền áp dụng đồng thời nhiều công cụ pháp lý để xử lý toàn diện hành vi phạm tội. Ngoài Endangered Species Act (ESA), các đối tượng vi phạm còn có thể bị truy tố theo Lacey Act, Bald and Golden Eagle Protection Act và các quy định về buôn lậu, rửa tiền, tội phạm có tổ chức liên bang nếu hành vi phạm tội liên quan đến việc vận chuyển, kinh doanh, xuất nhập khẩu hoặc che giấu nguồn gốc động vật hoang dã. Cách thức xử lý này giúp gắn trách nhiệm hình sự với hậu quả kinh tế – tài chính của tội phạm, góp phần thu hồi lợi nhuận bất hợp pháp và tịch thu tài sản liên quan. Ở giai đoạn truy tố và xét

xử, tòa án liên bang xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ do USFWS và DOJ cung cấp để áp dụng hình phạt tương xứng, bao gồm phạt tù, phạt tiền, tịch thu tang vật và công khai bản án nhằm tăng cường hiệu quả răn đe và phòng ngừa chung.

Nhìn chung, hệ thống pháp luật bảo vệ động vật hoang dã ở Mỹ được nghiên cứu xây dựng chặt chẽ, cùng với đó là các biện pháp xử lý nghiêm minh. Việc thường xuyên cập nhật và điều chỉnh các quy định pháp luật giúp đảm bảo tính phù hợp với thực tế và ứng phó kịp thời với những xu hướng vi phạm trong từng giai đoạn. Nhờ vào việc thực thi pháp luật hiệu quả, Mỹ đã trở thành một mô hình tiêu biểu trong công tác bảo vệ các loài động vật NCQH, cung cấp những kinh nghiệm giá trị mà nhiều quốc gia có thể tham khảo và áp dụng.

2.4.1.2. *Vương Quốc Anh*

Vương Quốc Anh là một trong những nước đi đầu trong việc bảo tồn đa dạng sinh học trên thế giới. Ngay từ đầu thế kỷ 19, Chính phủ Anh đã ban hành các đạo luật nhằm bảo vệ một số loài động vật bản địa quý hiếm như điều hâu và đại bàng. Đến nay, Vương Quốc Anh đã phát triển một hệ thống pháp luật toàn diện và chặt chẽ để bảo vệ động vật hoang dã [133].

Luật Bảo vệ các loài hoang dã và nông thôn năm 1981 được coi là văn bản pháp luật cơ bản nhất của Vương Quốc Anh trong lĩnh vực bảo vệ động vật hoang dã. Luật này quy định cụ thể việc bảo vệ pháp lý cho hơn 900 loài động, thực vật bản địa quý hiếm, đồng thời nghiêm cấm các hành vi giết hại, săn bắt, mua bán hay xuất khẩu trái phép các loài này với mục đích thương mại. Bên cạnh đó, Chính phủ Anh còn liên tục ban hành các văn bản luật bổ sung khác, chẳng hạn như Đạo luật Cá voi năm 1986 hay Luật thương mại các loài nguy cấp năm 1997, nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo tồn động vật hoang dã. Với hệ thống pháp lý đồng bộ và chặt chẽ, Vương Quốc Anh đã trở thành hình mẫu tiêu biểu trong lĩnh vực bảo vệ động vật hoang dã, được nhiều quốc gia khác tham khảo và học hỏi.

Cơ quan Cảnh sát Hoàng gia Anh (Royal Society for the Prevention of Cruelty to Animals - RSPCA) là đơn vị chính chịu trách nhiệm thực thi pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã tại Anh. Mỗi năm, RSPCA xử lý và điều tra hàng nghìn vụ việc liên quan đến động vật hoang dã. Theo báo cáo năm 2022 của RSPCA, trong năm 2021, tổ chức này đã tiếp nhận tổng cộng 171.915 cuộc gọi liên quan đến các vấn đề về động vật. Một số vi phạm phổ biến bao gồm sử dụng bẫy, lưới để bắt chim hoang dã; mua bán các bộ phận cơ thể của động vật hoang dã; hoặc săn bắn trái phép các loài như cáo, thỏ rừng. Đồng thời, RSPCA chỉ ra rằng số lượng vụ việc tăng 16% từ năm 2020 đến năm 2021 cho thấy tình hình ngày càng trở nên nghiêm trọng hơn [140]. Tại Anh, các hành vi vi phạm liên quan đến động vật hoang dã có thể bị xử lý nghiêm khắc, với mức án tối đa lên đến 6 tháng tù giam hoặc phạt tiền lên đến 20.000 bảng Anh. Theo Independent (2021), một số vụ án điển hình đã được đưa ra xét xử, chẳng hạn vào tháng 11/2021, một người thợ săn 67 tuổi bị kết án 4 tháng tù do săn bắt trái phép hai con chim ưng [131]. Điều này phản ánh xu hướng thắt chặt việc thực thi pháp luật nhằm bảo vệ động vật hoang dã của chính quyền Anh.

Bên cạnh hệ thống pháp luật được xây dựng toàn diện, Vương quốc Anh đặc biệt chú trọng hoạt động ADPL trong điều tra và xử lý tội phạm xâm hại động vật NCQH. Trong đó, lực lượng chủ trì thực thi là RSPCA, phối hợp với Cơ quan điều tra tội phạm môi trường của Cảnh sát Anh (National Wildlife Crime Unit – NWCU) và Cơ quan Thẩm quyền Quản lý Thương mại các loài có nguy cơ tuyệt chủng (UK CITES Management Authority). RSPCA đảm nhiệm vai trò phát hiện, tiếp nhận tố cáo, thu thập thông tin nghiệp vụ và xử lý ban đầu các hành vi săn bắt, nuôi nhốt, buôn bán, vận chuyển, tàng trữ động vật hoang dã trái phép; trong khi NWCU tập trung điều tra các đường dây tội phạm có tổ chức, thu thập chứng cứ, xác định mối liên hệ giữa các đối tượng và hỗ trợ lực lượng cảnh sát tại các vùng, địa phương thực hiện biện pháp tố tụng hình sự. Khi vụ án liên quan đến buôn bán quốc tế hoặc vận

chuyển xuyên biên giới, NWCU phối hợp RSPCA chuyển hồ sơ sang cơ quan CITES của Anh và cơ quan Hải quan để xử lý theo thẩm quyền, đồng thời thúc đẩy điều tra qua kênh Interpol và Europol nếu cần thiết.

Nhờ xây dựng được hệ thống pháp luật đầy đủ và đồng bộ, kết hợp với cơ chế thực thi nghiêm minh, Vương quốc Anh hiện được xem là một trong những quốc gia có hiệu quả cao nhất trong lĩnh vực bảo vệ động vật hoang dã. Việc tổ chức thực thi pháp luật chặt chẽ không chỉ góp phần gìn giữ và phục hồi các loài động vật quý hiếm, mà còn đóng vai trò quan trọng trong bảo vệ nguồn gen tự nhiên, duy trì cân bằng hệ sinh thái trên lãnh thổ Anh và tạo tác động tích cực đối với nỗ lực bảo tồn đa dạng sinh học ở phạm vi toàn cầu.

2.4.1.3. Cộng hòa Liên Bang Nga

Liên bang Nga là quốc gia có diện tích rộng nhất thế giới, đồng thời sở hữu hệ sinh thái phong phú với nhiều loài động vật đặc hữu. Tuy nhiên, tình trạng săn bắt trái phép cùng sự suy giảm môi trường sống đã khiến nhiều loài động vật quý hiếm đứng trước nguy cơ tuyệt chủng. Trước thực trạng đó, Nhà nước Nga đã xây dựng và ban hành một loạt văn bản pháp luật nhằm tăng cường bảo vệ động vật hoang dã, trong đó nổi bật là Luật Bảo vệ Động vật Hoang dã năm 1995 và Luật Săn bắn năm 2009, đặt nền tảng pháp lý quan trọng cho công tác quản lý, bảo tồn và phòng ngừa hành vi xâm hại các loài bị đe dọa [139].

Luật Bảo vệ Động vật Hoang dã năm 1995 của Nga quy định danh mục 151 loài động vật cần được bảo vệ đặc biệt, bao gồm các loài thú, chim và bò sát [139]. Luật đã quy định cụ thể các loài động vật thuộc diện cần ưu tiên bảo vệ trên cơ sở tính quý hiếm và mức độ đe dọa tuyệt chủng, qua đó thiết lập danh mục bảo vệ với phạm vi và tiêu chí rõ ràng. Việc xác định và công bố danh sách này thể hiện quyết tâm của Nhà nước Nga trong việc bảo tồn nguồn gen động vật hoang dã và duy trì đa dạng sinh học. Ngoài ra, luật cũng quy định các biện pháp cụ thể như hạn chế khai thác, cấm săn bắt một số loài và thiết lập các khu bảo tồn thiên nhiên nhằm đảm bảo môi trường sống an toàn

cho động vật hoang dã. Để tăng cường hiệu quả bảo vệ, Luật Săn bắn năm 2009 tiếp tục bổ sung các quy định nghiêm ngặt, cấm săn bắn trái phép và buôn bán các sản phẩm từ động vật hoang dã, đồng thời áp dụng mức phạt cao đối với hành vi vi phạm [139].

Để đối phó với tình trạng gia tăng vi phạm pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã, Chính phủ Liên bang Nga đặc biệt chú trọng hoạt động ADPL trong công tác phát hiện, điều tra và xử lý tội phạm xâm hại động vật hoang dã. Lực lượng chuyên trách thực thi pháp luật ở lĩnh vực này là Cơ quan Kiểm soát tài nguyên thiên nhiên và sinh thái Liên bang Nga (Rosprirodnadzor), phối hợp với Ủy ban Điều tra Liên bang Nga (Investigative Committee of Russia) và Cơ quan An ninh Liên bang (FSB) trong các vụ án lớn hoặc có yếu tố đường dây, buôn bán xuyên biên giới. Trên thực địa, lực lượng cảnh sát môi trường và lực lượng kiểm lâm quốc gia giữ vai trò quan trọng trong tiếp nhận tin báo, tuần tra, giám sát rừng và khu bảo tồn, kiểm tra các cơ sở kinh doanh, thu gom, vận chuyển sản phẩm từ động vật hoang dã, cũng như phát hiện các hành vi săn bắt, bẫy bắt, vận chuyển trái phép động vật thuộc danh mục bảo vệ.

Tuy nhiên, công tác thực thi các quy định pháp luật nói trên tại Nga vẫn đang đối mặt với không ít khó khăn và thách thức. Theo số liệu thống kê, tình hình vi phạm pháp luật liên quan đến bảo vệ động vật hoang dã vẫn diễn biến phức tạp. Cụ thể, chỉ trong nửa đầu năm 2022, các cơ quan chức năng của Nga đã phát hiện tới 1200 vụ vi phạm các quy định về bảo vệ động vật hoang dã [141]. Phần lớn các trường hợp vi phạm là các hành vi săn bắt và buôn bán trái phép những loài quý hiếm như hổ, sói, gấu và một số loài chim hoang dã. Những loài này đều là đối tượng được luật pháp bảo vệ ưu tiên. Tuy nhiên, chúng vẫn thường xuyên bị săn bắt để lấy da, lấy thịt hoặc bộ phận cơ thể khác, sau đó đưa vào chuỗi cung ứng phi pháp để thu lợi bất chính.

Trong những năm gần đây, Nga đã có nhiều thay đổi tích cực nhằm mục đích tăng cường các quy định của pháp luật. Năm 2022, Nga đã ký thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS liên quan đến tội phạm môi

trường [156]. Theo đó, các hành vi xâm hại động vật hoang dã, NCQH bị tăng mức phạt hơn trước từ 3 đến 4 lần.

2.4.1.4. Cộng hòa nhân dân Trung Hoa

Trung Quốc là một trong số ít quốc gia có hệ động thực vật phong phú và đa dạng nhất thế giới. Theo thống kê của Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Thế giới (WWF), Trung Quốc có hơn 10% số loài sinh vật trên Trái đất, bao gồm gần 7000 loài động vật có xương sống [155]. Tuy nhiên, bên cạnh đó, do áp lực về phát triển kinh tế và tăng trưởng dân số, nhiều loài động vật hoang dã Trung Quốc đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng, đặc biệt là hổ, tê tê, linh trưởng và một số loài chim quý hiếm. Cụ thể, theo số liệu của Quỹ Quốc tế Bảo vệ Thiên nhiên (WWF), số lượng hổ hoang dã tại Trung Quốc đã giảm 95% so với thế kỷ trước, chỉ còn khoảng 20-30 cá thể. Tê tê, một loài động vật có vú lớn quý hiếm đặc hữu của Trung Quốc cũng đứng bên bờ vực tuyệt chủng với ước tính chưa đầy 2000 cá thể còn tồn tại trong tự nhiên [155]. Các loài linh trưởng như vượn, khỉ, tinh tinh... cũng bị săn bắn quá mức đe dọa sự tồn tại.

Chính phủ Trung Quốc đã ban hành nhiều văn bản pháp luật quan trọng như Luật Bảo vệ Động vật Hoang dã năm 1988 và Luật về Nguồn gen sinh học năm 2020. Cụ thể, Luật Bảo vệ Động vật Hoang dã 1988 quy định các loài động vật hoang dã được chia thành 3 cấp bảo vệ, trong đó cấp 1 là nghiêm ngặt nhất [157]. Luật cũng quy định các biện pháp bảo vệ tương ứng với từng cấp độ, như hạn chế khai thác, cấm săn bắn, thiết lập các khu bảo tồn thiên nhiên. Đặc biệt, với Luật Nguồn gen sinh học 2020 có hiệu lực từ năm 2021, Trung Quốc đã nâng mức xử phạt tối đa đối với các hành vi vi phạm liên quan đến động vật hoang dã lên 20 triệu NDT (khoảng 3 triệu USD) [155].

Về mặt thực thi pháp luật bảo vệ động vật hoang dã, thời gian gần đây Trung Quốc đã có những động thái mạnh mẽ và quyết liệt hơn. Cụ thể, số liệu thống kê của Tổ chức Bảo vệ Môi sinh Quốc tế (IPE) cho thấy trong 6 tháng đầu năm 2022, các cơ quan pháp luật Trung Quốc đã phát hiện và xử lý tới

538 vụ vi phạm liên quan đến 757 đối tượng, tịch thu hơn 6000 kg sản phẩm động vật hoang dã bất hợp pháp [132].

Song song với việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, Trung Quốc đặc biệt chú trọng nâng cao hiệu quả ADPL trong phát hiện, điều tra và xử lý tội phạm xâm hại động vật hoang dã. Cơ quan chủ trì thực thi là Cục Lâm nghiệp và Thảo nguyên Quốc gia (NFGA), phối hợp chặt chẽ với Bộ Công an Trung Quốc (MPS) để tiếp nhận tố giác, nắm tình hình địa bàn và tổ chức điều tra các vụ săn bắt, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật hoang dã. Đối với các vụ việc có dấu hiệu phạm tội có tổ chức hoặc xuyên biên giới, lực lượng điều tra hình sự chuyên trách của MPS phối hợp với hải quan, cảnh sát biên phòng và lực lượng chống buôn lậu để truy bắt đối tượng cầm đầu, triệt phá đường dây và thu giữ tang vật. Trong quá trình điều tra, các cơ quan chức năng có thể áp dụng nhiều biện pháp nghiệp vụ như khám xét, thu giữ mẫu vật, giám định sinh học, theo dõi liên lạc, điều tra bí mật và giám sát giao dịch trên mạng xã hội, sàn thương mại điện tử – những địa bàn mà tội phạm động vật hoang dã thường lợi dụng để ẩn danh và tiêu thụ sản phẩm. Đáng chú ý, Trung Quốc áp dụng mô hình điều tra theo chuỗi cung ứng, xử lý không chỉ đối tượng trực tiếp săn bắt mà cả đầu nậu thu gom, người vận chuyển, trung gian tiêu thụ và đối tượng xuất khẩu trái phép ra thị trường quốc tế, qua đó nâng cao hiệu quả triệt phá toàn bộ mạng lưới tội phạm.

Nhìn chung, với hệ thống luật pháp ngày càng hoàn thiện cùng các chính sách bảo vệ nghiêm ngặt, Trung Quốc đã và đang nỗ lực hạn chế tội phạm về động vật hoang dã. Điều này có ý nghĩa rất quan trọng trong việc giữ gìn, bảo tồn các nguồn gen sinh học vô giá cho cả Trung Quốc và thế giới.

2.4.1.5. Vương quốc Thái Lan

Thái Lan từ lâu đã được biết đến là một trong những trung tâm lớn trên thế giới về trung chuyển và buôn bán động vật hoang dã trái phép. Báo cáo năm 2015 của tổ chức TRAFFIC (Trung tâm Theo dõi Buôn bán Động thực vật hoang dã) chỉ ra rằng Thái Lan đứng thứ hai trên thế giới về nguồn cung cấp

sừng tê giác bất hợp pháp, với lượng sừng tê giác bị buôn lậu hằng năm vào khoảng từ 300 đến 600 kg [146]. Thực trạng này cho thấy vấn đề buôn bán động vật hoang dã bất hợp pháp tại Thái Lan rất nghiêm trọng và phổ biến. Trước những tác động nghiêm trọng của tình trạng này, Chính phủ Thái Lan đã có nhiều động thái nhằm củng cố và hoàn thiện hệ thống pháp luật để kiểm soát và ngăn chặn các hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã. Đáng chú ý, năm 2015 Quốc hội Thái Lan đã ban hành Luật Bảo vệ động vật hoang dã với hệ thống chế tài nghiêm khắc hơn đối với hành vi săn bắt, vận chuyển và mua bán trái phép các loài động vật quý hiếm. Theo quy định của luật này, người vi phạm có thể bị phạt tù tối đa 4 năm và xử phạt tiền lên đến 40.000 USD. Song song với việc tăng cường khung pháp lý trong nước, Chính phủ Thái Lan còn chủ động mở rộng hợp tác khu vực và quốc tế nhằm ngăn chặn hoạt động buôn bán động vật hoang dã xuyên biên giới, thể hiện qua việc ký kết nhiều thỏa thuận song phương về bảo tồn đa dạng sinh học với các nước láng giềng như Campuchia, Lào và Việt Nam.

Thái Lan cũng đặc biệt chú trọng ADPL trong công tác điều tra và xử lý tội phạm VPQĐ bảo vệ động vật hoang dã. Lực lượng giữ vai trò nòng cốt là Cảnh sát Hoàng gia Thái Lan, phối hợp với Cơ quan Quản lý Công viên Quốc gia, Động vật hoang dã và Bảo tồn thực vật (DNP) và Tổng cục Hải quan Thái Lan trong việc phát hiện, truy bắt và triệt phá các hoạt động buôn bán, vận chuyển, tàng trữ động vật hoang dã trái phép. Đối với các vụ án có yếu tố đường dây, xuyên biên giới, lực lượng điều tra hình sự chống buôn lậu được huy động để theo dõi đối tượng trọng điểm, giám sát hoạt động trên các tuyến đường trọng yếu, cửa khẩu, cảng biển và sân bay quốc tế – nơi Thái Lan từng được coi là “điểm trung chuyển” trong mạng lưới buôn bán động vật hoang dã toàn cầu. Trong quá trình điều tra, các cơ quan chức năng có quyền khám xét, thu giữ tang vật và mẫu vật, kiểm tra giao dịch thương mại điện tử và mạng xã hội, điều tra tài chính và áp dụng các biện pháp nghiệp vụ bí mật đối với đối tượng nghi vấn.

Nhằm nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật, đến năm 2022 Chính phủ Thái Lan đã quyết định thành lập lực lượng đặc nhiệm gồm 200 cán bộ chuyên trách, có nhiệm vụ phối hợp thường xuyên với các cơ quan trung ương và địa phương trong việc tổ chức điều tra và xử lý các hành vi săn bắt, vận chuyển, buôn bán và tàng trữ trái phép động vật hoang dã [145].

Sự phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan thực thi pháp luật đã tạo ra những chuyển biến rõ rệt trong công tác ngăn chặn buôn bán động vật hoang dã ở Thái Lan. Số liệu của Tổng cục Hải quan Thái Lan cho thấy chỉ trong nửa đầu năm 2022, lực lượng chức năng đã phát hiện và xử lý 231 vụ việc liên quan đến vận chuyển và tiêu thụ trái phép động vật hoang dã và sản phẩm từ chúng. Thông qua các vụ án này, cơ quan chức năng đã thu giữ được 64 kg ngà voi và 413 kg vảy tê tê – những loại mẫu vật thuộc nhóm loài thường xuyên bị săn bắt và khai thác trái phép do giá trị kinh tế cao [31].

2.4.2. Giá trị tham khảo về áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm đối với Việt Nam

Từ kinh nghiệm của một số quốc gia tiêu biểu trên thế giới về ADPL trong đấu tranh phòng, chống tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH và những thành tựu mà các quốc gia này đạt được, có thể khẳng định việc nghiên cứu, rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam là hết sức cần thiết. Việc tổng hợp và kế thừa các kinh nghiệm phù hợp sẽ tạo cơ sở khoa học để đề xuất các giải pháp thiết thực, nhằm bảo đảm ADPL trong hoạt động phòng ngừa, điều tra và xử lý tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH.

Một là, hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm

Kinh nghiệm của các quốc gia phát triển như Hoa Kỳ, Vương quốc Anh, Trung Quốc cho thấy việc thiết lập hệ thống pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã - đặc biệt đối với các loài NCQH - cần được tiến hành theo hướng đầy đủ, thống nhất và đồng bộ từ trung ương đến địa phương. Khung

pháp luật phải xác định rõ danh mục các loài thuộc diện bảo vệ, phân loại mức độ bảo vệ theo tiêu chí khoa học, đồng thời cụ thể hóa hành vi vi phạm và tương ứng với từng hình thức xử lý để bảo đảm tính nghiêm minh, răn đe và khả năng thực thi trên thực tế.

Tại Việt Nam, Luật Đa dạng sinh học năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2018) cùng với Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng NCQH là hai văn bản pháp lý quan trọng trong lĩnh vực bảo vệ động vật hoang dã [150]. Tuy nhiên, hệ thống pháp luật hiện hành vẫn mang tính tổng quát, chưa thực sự chi tiết và toàn diện trong việc bảo vệ động vật hoang dã. Đặc biệt, việc phân loại nhóm động vật thuộc diện ưu tiên bảo vệ theo mức độ nguy cấp vẫn chưa thật sự hợp lý, dẫn đến khó khăn trong xác định phạm vi đối tượng cần được bảo vệ đặc biệt. Đồng thời, danh mục hành vi bị nghiêm cấm và các chế tài xử lý tương ứng chưa được quy định đầy đủ và chi tiết, làm giảm tính minh bạch và khả năng răn đe của pháp luật. Bên cạnh đó, các quy định về bảo vệ môi trường sống, sinh cảnh và nơi cư trú tự nhiên của động vật hoang dã vẫn còn nhiều khoảng trống, đòi hỏi tiếp tục được hoàn thiện. Thực tiễn đấu tranh cho thấy vi phạm liên quan đến động vật hoang dã, NCQH vẫn diễn biến phức tạp và xảy ra với tần suất cao; điển hình, theo thống kê của Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam năm 2021, trong giai đoạn 2016–2020 đã phát hiện và xử lý 5.372 vụ việc liên quan đến động vật hoang dã, NCQH, tập trung chủ yếu vào các hành vi săn bắt, vận chuyển và tàng trữ trái phép; riêng năm 2020, con số vi phạm được ghi nhận là 753 vụ [150].

Vì vậy, để nâng cao hiệu quả trong công tác kiểm tra và xử lý các vi phạm liên quan đến động vật NCQH, Việt Nam cần sớm nghiên cứu và xây dựng một hệ thống pháp luật chuyên biệt cho lĩnh vực này. Cụ thể, việc ban hành các nghị định, thông tư riêng nhằm bảo vệ động vật NCQH là cần thiết. Các văn bản này cần quy định rõ ràng danh mục các loài động vật được ưu tiên bảo vệ, đồng thời xác định cụ thể các hành vi bị nghiêm cấm đối với từng

nhóm động vật, kèm theo mức xử phạt tương ứng. Ngoài ra, các địa phương cũng cần xây dựng hệ thống văn bản pháp lý để thể chế hóa các quy định hiện hành, điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế tại từng khu vực, góp phần nâng cao hiệu quả bảo vệ động vật NCQH.

Hai là, xây dựng lực lượng chuyên trách thực thi pháp luật

Trong bối cảnh tội phạm liên quan đến động vật NCQH ngày càng tinh vi, xuyên quốc gia và có tổ chức, kinh nghiệm của nhiều quốc gia phát triển cho thấy: việc chỉ dừng lại ở sửa đổi, bổ sung pháp luật là chưa đủ. Yêu cầu cấp thiết đặt ra là hình thành một lực lượng chuyên trách có năng lực chuyên sâu, có trang thiết bị công nghệ hiện đại và đủ thẩm quyền pháp lý để thực thi nhiệm vụ bảo vệ động vật hoang dã một cách thống nhất, hiệu lực và hiệu quả trên phạm vi toàn quốc. Tại các quốc gia phát triển như Anh, Mỹ đều có các đơn vị đặc nhiệm chuyên trách đảm nhiệm nhiệm vụ này [128]. Việc xây dựng lực lượng chuyên trách đóng vai trò quan trọng trong công tác điều tra, phát hiện và xử lý nhanh chóng, hiệu quả các hành vi vi phạm, góp phần bảo vệ động vật hoang dã một cách bền vững.

Việt Nam hiện đang gặp khó khăn lớn trong công tác bảo vệ động vật NCQH do chưa hình thành được một lực lượng chuyên trách có đủ năng lực, thẩm quyền và nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ này một cách độc lập và hiệu quả. Sự thiếu vắng bộ phận chuyên môn thống nhất dẫn đến tình trạng quản lý phân tán, việc kiểm tra, giám sát và xử lý các vi phạm liên quan đến động vật NCQH còn mang tính bị động, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Trong khi đó, tại nhiều quốc gia phát triển, lực lượng chuyên trách bảo vệ động vật NCQH được tổ chức chuyên nghiệp, có cơ chế phối hợp chặt chẽ và quyền hạn đầy đủ, qua đó phát hiện kịp thời hành vi vi phạm, tiến hành điều tra toàn diện và xử lý nghiêm minh, tạo hiệu quả răn đe rõ rệt. Từ những kinh nghiệm đó có thể thấy việc thành lập một cơ quan liên ngành chuyên trách về bảo vệ động vật NCQH ở Việt Nam là rất cần thiết, nhằm chủ động triển khai các biện pháp điều tra và xử lý vi phạm, tăng cường hiệu quả ADPL trước mắt, đồng

thời thiết lập nền tảng bền vững cho công tác bảo tồn động vật hoang dã, NCQH trong dài hạn.

Ba là, tăng cường hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng chống tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm

Tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật hoang dã, NCQH là một trong những vấn đề cần được quan tâm đặc biệt của mỗi quốc gia, nó mang tính chất toàn cầu. Các hoạt động này thường gắn liền với những đường dây buôn bán xuyên quốc gia, với sự tham gia của nhiều đối tượng từ nhiều khu vực khác nhau trên thế giới. Vì vậy, việc hợp tác quốc tế, trao đổi thông tin và phối hợp trong điều tra, phát hiện cũng như xử lý các vụ án là vô cùng quan trọng. Nhằm tăng cường sự hợp tác pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ động vật hoang dã, nhiều quốc gia đã ký kết các hiệp định song phương và đa phương, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho việc phối hợp hành động trên phạm vi quốc tế.

Việt Nam hiện được xem là một trong những địa bàn có mức độ phức tạp cao về buôn bán trái phép động vật hoang dã, NCQH và các sản phẩm từ động vật NCQH. Điều này cho thấy vai trò đặc biệt quan trọng của hợp tác quốc tế trong điều tra và đấu tranh xử lý tội phạm có yếu tố xuyên biên giới. Theo số liệu ghi nhận giai đoạn 2014 - 2017, Việt Nam có liên quan đến 178 vụ vận chuyển động vật hoang dã, NCQH trái phép qua biên giới [28], cho thấy sự đan xen chặt chẽ giữa các đường dây tội phạm trong nước với mạng lưới tội phạm quốc tế. Tuy nhiên, khả năng tham gia, triển khai và khai thác hiệu quả các cơ chế hợp tác quốc tế của Việt Nam trong lĩnh vực này vẫn còn nhiều hạn chế.

Vì vậy, để nâng cao hiệu quả phòng ngừa và đấu tranh đối với tội phạm liên quan đến động vật hoang dã, NCQH Việt Nam cần chủ động và tích cực hơn trong việc tham gia các điều ước quốc tế, sáng kiến và tổ chức chuyên trách về chống buôn bán động vật hoang dã, NCQH. Bên cạnh đó, việc thúc đẩy ký kết và thực hiện các thỏa thuận hợp tác song phương với các quốc gia trong khu vực nhằm trao đổi thông tin nghiệp vụ, chia sẻ dữ liệu tội phạm và

phối hợp điều tra các vụ án xuyên biên giới là hết sức cần thiết. Những biện pháp này sẽ góp phần từng bước triệt phá các đường dây tội phạm có tổ chức, nâng cao năng lực phát hiện và xử lý vi phạm, đồng thời hỗ trợ kiểm soát hiệu quả tình trạng buôn bán động vật hoang dã trong thời gian tới.

Bốn là, nâng cao nhận thức cộng đồng về tầm quan trọng của việc đấu tranh, phòng chống tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm

Các quốc gia phát triển luôn chú trọng nâng cao nhận thức cộng đồng về tầm quan trọng của việc bảo vệ động vật hoang dã, đặc biệt là các loài NCQH, coi đây là một giải pháp then chốt để ngăn chặn tội phạm trong lĩnh vực này. Thông qua các chiến dịch truyền thông đa dạng, người dân có thể hiểu rõ hơn về những hậu quả nghiêm trọng khi các loài động vật NCQH bị săn bắt, buôn bán trái phép và đứng trước nguy cơ tuyệt chủng. Nhờ đó, ý thức tuân thủ pháp luật của cộng đồng được nâng cao, đồng thời thúc đẩy sự chủ động trong việc bảo vệ các loài động vật hoang dã.

Tuy nhiên, tại Việt Nam, nhận thức của một bộ phận không nhỏ người dân về bảo tồn động vật hoang dã, NCQH vẫn còn hạn chế; nhiều người chưa thấy rõ giá trị sinh thái, kinh tế - xã hội cũng như tầm quan trọng của việc bảo vệ các loài quý hiếm. Vì vậy, cần triển khai mạnh mẽ các chương trình truyền thông quy mô rộng, hướng tới đa dạng nhóm đối tượng trên phạm vi cả nước, nhằm làm rõ những hệ lụy tiêu cực của tội phạm về động vật hoang dã đối với môi trường, kinh tế và an ninh sinh thái. Đồng thời, cần khơi dậy ý thức trách nhiệm cá nhân và cộng đồng trong việc chung tay bảo vệ các loài sinh vật quý hiếm, xem đây là nghĩa vụ của mỗi công dân đối với tài nguyên thiên nhiên và di sản đa dạng sinh học của quốc gia.

Sự thay đổi trong nhận thức sẽ góp phần quan trọng vào việc nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, từ đó giúp giảm thiểu các hành vi vi phạm liên quan đến động vật hoang dã, đặc biệt là các loài NCQH. Đây sẽ là nền tảng

vững chắc cho công tác bảo vệ động vật hoang dã và bảo tồn đa dạng sinh học tại Việt Nam trong tương lai.

Năm là, đầu tư hiện đại hóa công cụ, phương tiện nghiệp vụ cho cơ quan chức năng trong điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm

Việc sử dụng, ứng dụng công nghệ hiện đại theo các chuyên gia đánh giá là xu hướng trong việc tiến hành các hoạt động điều tra nhằm nâng cao khả năng phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi xâm hại động vật hoang dã. Một số công nghệ tiên tiến có thể được áp dụng bao gồm hệ thống camera giám sát thông minh tích hợp trí tuệ nhân tạo (AI), radar quét di động, thiết bị bay không người lái (UAV) và cảm biến phát hiện chuyển động. Những công nghệ này cho phép giám sát chặt chẽ tại các khu vực trọng điểm như khu bảo tồn, vườn quốc gia, biên giới và cửa khẩu, giúp phát hiện sớm các hoạt động bất thường và cảnh báo kịp thời cho lực lượng chức năng để ngăn chặn hiệu quả.

Ngoài ra, việc đầu tư vào các thiết bị phân tích ADN và xác định nguồn gốc gen đóng vai trò quan trọng trong công tác điều tra. Phương pháp này giúp nhận diện chính xác loài động vật hoang dã và xác định nguồn gốc cá thể dựa trên các mẫu vật thu thập tại hiện trường, qua đó hỗ trợ truy vết chuỗi cung ứng và đường dây phạm tội. Công nghệ phân tích ADN đã chứng minh hiệu quả cao trong điều tra và xử lý các vụ án buôn bán động vật hoang dã tại nhiều quốc gia như Anh, Mỹ và Nga, góp phần triệt phá thành công nhiều đường dây tội phạm.

Kết luận chương 2

Việc tiến hành nghiên cứu, làm rõ cơ sở lý luận về ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam có vai trò, ý nghĩa rất quan trọng. Đây là nền tảng để tiến hành ADPL trong các hoạt động điều tra loại tội phạm này. Trong chương này, tác giả tập trung phân tích khái niệm, đặc điểm và vai trò của ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH.

Tác giả đã tiến hành phân tích, làm rõ nội dung pháp luật và các giai đoạn ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra với 05 nội dung pháp luật và 04 giai đoạn áp dụng pháp luật. Bên cạnh đó, tác giả nghiên cứu các điều kiện bảo đảm việc ADPL trong điều tra loại tội phạm này có ảnh hưởng như thế nào, từ đó làm cơ sở đánh giá thực trạng ADPL trong thời gian qua và đưa ra các giải pháp nhằm bảo đảm việc ADPL hiệu quả. Tác giả cũng nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới về ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH, trên cơ sở lý luận và mô hình tổ chức thực tiễn ADPL trong công tác điều tra loại tội phạm này, tác giả rút ra những giá trị tham khảo nhất định đối với Việt Nam.

Đây là chương lý luận và là tiền đề cơ sở quan trọng, cần thiết cho tác giả tiếp tục nghiên cứu thực trạng ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH tại Chương 3.

Chương 3

YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG VÀ THỰC TRẠNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TRONG ĐIỀU TRA TỘI PHẠM VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA Ở VIỆT NAM

3.1. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THỰC TRẠNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TRONG ĐIỀU TRA TỘI PHẠM VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA Ở VIỆT NAM

3.1.1. Đặc điểm địa lý, tự nhiên, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội

3.1.1.1. Đặc điểm địa lý, tự nhiên

Việt Nam nằm ở cực Đông Nam của bán đảo Đông Dương; biên giới Việt Nam giáp với vịnh Thái Lan ở phía Nam, vịnh Bắc bộ và biển Đông tại phía Đông, Trung Quốc ở phía Bắc; nước Lào và Campuchia ở phía Tây. Do đó, nước ta có các đặc điểm về địa hình rất phong phú với diện tích lãnh thổ trải dài theo hình chữ S có chiều dài khoảng 1.650 km và có vị trí đẹp nhất, bề rộng khoảng 50 km. Đường bờ biển trải dài 3.260 km không kể các bán đảo và các đảo lớn nhỏ. Ngoài vùng nội thủy thì Việt Nam sở hữu 12 hải lý lãnh hải, 12 hải lý vùng tiếp giáp lãnh hải, 200 hải lý các vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. Diện tích vùng biển của Việt Nam khoảng 1.000.000 km². Đây là diện tích mà Việt Nam đã tuyên bố chủ quyền và quyền tài phán [96].

Việt Nam có 168 khu bảo tồn sinh thái và 33 vườn quốc gia, bao gồm: Các khu dự trữ thiên nhiên, các khu bảo vệ hoang dã, các vườn quốc gia, các khu bảo tồn loài và sinh cảnh, các khu bảo tồn cảnh quan đất liền hoặc biển, các khu bảo tồn thắng cảnh tự nhiên, các khu dự trữ sinh quyển, các khu di sản thiên nhiên [98].

Về khu bảo tồn loài và sinh cảnh trên cả nước, hiện nay có 13 khu bảo tồn trong đó được phân bố ở 5 vùng [38]. Việt Nam là một trong những quốc gia có đa dạng sinh học cao trên thế giới, đặc biệt là đa dạng về loài. Theo báo cáo quốc gia lần thứ 6 đối với Công ước đa dạng sinh học (2019), Việt Nam

có khoảng loài 51.400 sinh vật đã được xác định, bao gồm: Khoảng 7.500 chủng vi sinh vật; khoảng 20.000 loài thực vật trên cạn và dưới nước; khoảng 10.900 loài động vật trên cạn; khoảng 2.000 loài động vật không xương sống và cá nước ngọt; và hơn 11.000 loài sinh vật biển khác. Hàng năm, nhiều loài mới tiếp tục được phát hiện, nổi dài danh lục các loài hiện có ở Việt Nam. Về tính đặc hữu, khu hệ động vật Việt Nam khá giàu về thành phần loài và có mức độ cao về tính đặc hữu so với các nước trong vùng Đông Dương. Trong số 21 loài khi có trong vùng này thì Việt Nam có 15 loài, trong đó có 7 loài và phân loài đặc hữu. Trong vùng này có 49 loài chim đặc hữu thì Việt Nam đã có 33 loài, trong đó có 10 loài đặc hữu của Việt Nam [17].

Địa hình Việt Nam chủ yếu là đồi núi (chiếm khoảng 3/4 diện tích) nhưng phần lớn là đồi núi thấp (dưới 1000 m chiếm 85%), núi cao trên 2000m chỉ chiếm 1%, còn đồng bằng khoảng 1/4 diện tích. Quá trình kiến tạo, đã nâng cao địa hình, hình thành nhiều bậc kế tiếp nhau (đồi núi, đồng bằng, thềm lục địa) với hướng nghiêng Tây Bắc - Đông Nam, trong đó có hai hướng chính là Tây Bắc - Đông Nam và vòng cung. Đặc điểm nhiệt đới gió mùa cùng sự tác động của con người đã làm địa hình bị cắt xẻ, xâm thực, tạo nên karst nhiệt đới độc đáo và nhiều dạng địa hình nhân tạo như đô thị, hầm mỏ, hồ chứa nước, đê... [96].

Về khí hậu, Việt Nam có đặc điểm khí hậu nhiệt đới nóng ẩm cùng với sự phong phú về hệ sinh thái, tạo điều kiện thuận lợi cho sự tồn tại và phát triển của khoảng 11.217 loài động vật. Trong số này, có trên 300 loài động vật có vú, bao gồm các loài lớn như voi châu Á, gấu ngựa, gấu chó, hổ Đông Dương, báo và nhiều loài thú nhỏ hơn như các loài linh trưởng đặc biệt quý hiếm (như voọc mũi hếch, khỉ), cùng các loài như dơi, sóc bay, cầy và rái cá [97].

Điều kiện tự nhiên của Việt Nam có những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực đến quá trình ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra, cụ thể như sau:

- Ảnh hưởng tích cực:

Việt Nam có hệ sinh thái phong phú và đa dạng với nhiều loài động vật NCQH như sao la, voi, bò xám, hổ, báo, các loài linh trưởng và các loài

rùa nước ngọt. Điều này tạo điều kiện cho các cơ quan thực thi pháp luật và các tổ chức bảo tồn dễ dàng xác định và lập danh sách các loài cần bảo vệ. Các khu bảo tồn và vườn quốc gia đã được thiết lập để bảo vệ những loài này, giúp tạo cơ sở pháp lý để quản lý và giám sát các hoạt động liên quan đến bảo vệ động vật hoang dã, NCQH.

Hệ thống khu bảo tồn và vườn quốc gia rộng lớn là một yếu tố quan trọng trong công tác bảo vệ và gìn giữ đa dạng sinh học của Việt Nam. Với 33 vườn quốc gia và 168 khu bảo tồn sinh thái trải dài trên khắp cả nước, Việt Nam đã xây dựng được một mạng lưới các khu vực bảo tồn thiên nhiên khá chặt chẽ và toàn diện. Các khu bảo tồn và vườn quốc gia còn đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp thông tin và hỗ trợ các cơ quan chức năng trong công tác điều tra, phát hiện và ngăn chặn các hành vi vi phạm liên quan đến săn bắt và buôn bán động vật hoang dã trái phép. Nhờ có hệ thống bảo tồn này, nhiều vụ việc liên quan đến việc VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH đã được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, các khu bảo tồn còn là điểm tựa để triển khai các chiến dịch bảo vệ môi trường, nâng cao nhận thức cộng đồng về tầm quan trọng của việc bảo tồn động vật hoang dã và môi trường tự nhiên.

- Ảnh hưởng tiêu cực:

Với địa hình chiếm 3/4 là đồi núi, nhiều khu vực hoang vu và khó tiếp cận, đặc biệt ở miền Bắc, miền Trung và Tây Nguyên các đối tượng thường lợi dụng địa hình hiểm trở để thực hiện các hành vi săn bắt, vận chuyển trái phép động vật NCQH. Thêm vào đó, các tuyến đường mòn, lối nhỏ trên núi thường được các đối tượng tội phạm sử dụng để né tránh sự kiểm soát của các trạm kiểm lâm hay các cơ quan chức năng địa phương. Điều này gây khó khăn cho việc giám sát, điều tra và truy bắt tội phạm của lực lượng chức năng.

Việt Nam có đường biên giới dài giáp với Trung Quốc, Lào và Campuchia, tạo điều kiện cho các đối tượng thực hiện các hành vi buôn bán trái phép động vật hoang dã xuyên biên giới. Các đường mòn, lối mở tự phát, các tuyến đường sông dọc biên giới thường được các đối tượng buôn lậu lợi

dụng để đưa các loài động vật quý hiếm như rùa, tê tê, hay ngà voi ra khỏi Việt Nam một cách dễ dàng. Điều này gây khó khăn cho các cơ quan thực thi pháp luật trong việc kiểm soát và xử lý các hành vi vi phạm tại các khu vực biên giới phức tạp. Đường bờ biển dài 3.260 km cùng vùng biển rộng khoảng 1.000.000 km² là điều kiện thuận lợi cho các đối tượng buôn bán và vận chuyển động vật hoang dã trái phép xuyên biên giới qua đường biển. Việc kiểm soát và thực thi pháp luật tại những khu vực này gặp nhiều khó khăn do các đối tượng thường sử dụng tàu thuyền nhỏ, hoạt động ngầm và chuyển hàng hóa bất hợp pháp vào ban đêm.

Một số loài NCQH của Việt Nam có tính đặc hữu cao, như voọc mũi hếch hay tê giác, đã và đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng. Điều này khiến việc thực thi các quy định bảo vệ trở nên phức tạp, vì các đối tượng vi phạm thường tìm mọi cách săn bắt để bán cho thị trường đen với giá trị rất cao, làm tăng mức độ phức tạp trong công tác điều tra và xử lý.

Quá trình khai thác rừng và chuyển đổi mục đích sử dụng đất làm giảm diện tích rừng tự nhiên, dẫn đến việc động vật hoang dã, NCQH mất đi môi trường sống, buộc chúng phải di chuyển đến các khu vực dân cư, làm tăng nguy cơ xung đột giữa người và động vật. Đây cũng là thách thức trong việc ADPL, vì các hành vi VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH có thể diễn ra ngay tại các khu vực dân cư mà không dễ phát hiện.

3.1.1.2. Đặc điểm kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội

Trong các đặc điểm kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội có những mặt tích cực và tiêu cực còn tồn tại là các yếu tố ảnh hưởng đến ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra hiện nay.

**** Đặc điểm tình hình kinh tế, chính trị***

Chủ trương và chính sách phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước Việt Nam gắn với bảo tồn tài nguyên rừng được xem là một phần quan trọng trong

chiến lược phát triển bền vững của đất nước. Một số điểm chính phản ánh những chủ trương và chính sách này bao gồm:

Thứ nhất, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật nhằm tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng, và phát triển rừng bền vững. Các biện pháp này nhằm ngăn chặn tình trạng phá rừng, chặt cây trái phép và khuyến khích việc trồng mới rừng.

Luật Bảo vệ và Phát triển rừng được Quốc hội phê chuẩn tại Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khoá XI, ngày 3/12/2004, có hiệu lực kể từ ngày 01/4/2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) [64]. Qua 19 năm thực hiện, Luật Bảo vệ và Phát triển rừng tạo môi trường pháp lý thuận lợi trong công tác bảo vệ và phát triển rừng, thể chế hoá các quan điểm phát triển lâm nghiệp của Đảng, tạo chuyển biến tích cực trong phát triển lâm nghiệp, từ nền lâm nghiệp kinh tế quốc doanh là chủ yếu sang nền lâm nghiệp xã hội với nhiều thành phần kinh tế tham gia; từ chủ yếu dựa vào khai thác, chế biến rừng tự nhiên sang bảo vệ, chăm sóc, gây trồng, phát triển rừng; quyền và trách nhiệm của chủ rừng được luật hoá. Ngày 12/01/2017, Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 13-CT/TW, "về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng", theo đó nhấn mạnh: "Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, nhất là đối với các địa phương có rừng; tăng cường sự giám sát của người dân, cộng đồng, các đoàn thể nhân dân, các cơ quan thông tin đại chúng trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng".

Thứ hai, phát triển kinh tế gắn với bảo vệ rừng, chính sách phát triển kinh tế của Việt Nam nhấn mạnh vào việc phát triển kinh tế gắn liền với bảo vệ và phát triển rừng. Điều này bao gồm việc khuyến khích các hoạt động kinh doanh bền vững, phát triển nông nghiệp sạch, và khai thác hợp lý tài nguyên rừng.

Trong nhiều năm qua, Đảng, Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách để quản lý, bảo vệ và phát triển rừng và là một lĩnh vực quan trọng, đa mục tiêu, vừa góp phần bảo vệ môi trường, góp phần bảo đảm an ninh quốc

phòng và phát triển kinh tế - xã hội. Đây cũng là nội dung Tiểu dự án 1, thuộc Dự án 3, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, đó là: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân. Mục tiêu của Tiểu dự án này là tạo việc làm, thu nhập cho người dân làm nghề rừng; hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp, đặc biệt là phát triển kinh tế dưới tán rừng gắn với bảo vệ rừng bền vững tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, góp phần duy trì ổn định tỷ lệ che phủ rừng toàn quốc, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học. Tuy nhiên, không phải tất cả mục tiêu phát triển, bảo vệ và quản lý rừng bền vững đều đạt được thành tựu như mong đợi. Có một phần lý do chính từ việc thiếu hụt nhân lực cũng như kiến thức chuyên môn của cán bộ quản lý để triển khai các chính sách, phổ cập và hỗ trợ người dân. Cũng như nhận thức, hiểu biết về pháp luật của người dân chưa được cải thiện, các văn bản luật và quy định không được tuân thủ nghiêm ngặt; các chế tài chưa đủ sức răn đe.

Thứ ba, chính sách hỗ trợ tài chính và kỹ thuật. Nhà nước cung cấp hỗ trợ tài chính và kỹ thuật cho các hoạt động bảo vệ rừng và phát triển rừng bền vững. Điều này bao gồm cả việc cung cấp vốn vay ưu đãi cho các dự án trồng rừng, bảo vệ rừng, và khôi phục rừng bị hại.

Theo quy định tại Điều 7, Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số hoạt động về lâm nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 [14]. Kinh phí lập hồ sơ khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng là 50.000 đồng/ha; kinh phí lập hồ sơ thiết kế, dự toán khoanh nuôi tái sinh rừng có trồng bổ sung là 900.000 đồng/ha, được bố trí trong tổng kinh phí khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung, cấp cho các đơn vị, địa phương thực hiện Chương trình. Đối tượng,

tiêu chí, phương thức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 5, Điều 9 Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT. Mức hỗ trợ đối với Công ty lâm nghiệp: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 9 Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT [14]. Dự thảo đề xuất, mức hỗ trợ đối với Ban quản lý rừng, Ủy ban nhân dân cấp xã 100.000 đồng/ha/năm. Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, tổ chức được Nhà nước giao rừng sản xuất là rừng tự nhiên, mức hỗ trợ 300.000 đồng/ha/năm.

** Đặc điểm văn hóa, xã hội*

Đặc điểm về văn hóa, xã hội ảnh hưởng một phần không nhỏ tới hoạt động bảo vệ động vật NCQH. Cụ thể tại một số điểm sau:

Thứ nhất, hiện nay chủ yếu tại các vùng có dân tộc thiểu số sinh sống, một số còn phong tục săn bắt động vật hoang dã nhằm lấy thức ăn hoặc mục đích khác. Điều này cũng tạo khó khăn trong việc bảo vệ động vật NCQH. Có thể thấy tập quán sinh hoạt săn bắn hái lượm của người dân có ý nghĩa to lớn đối với cuộc sống của họ. Đó là nguồn đạm cần thiết trong thực phẩm giúp chúng ta có thể lực tốt, ý chí ngoan cường đương đầu với thiên nhiên khắc nghiệt, làm chủ địa hình núi non hiểm trở, cheo leo.

Thứ hai, tình trạng săn, bắt, giết mổ, vận chuyển, tàng trữ, kinh doanh, tiêu thụ bất hợp pháp các loài động vật NCQH còn diễn biến phức tạp ở một số địa bàn, địa phương với tính chất và mức độ vi phạm ngày càng tinh vi, xảo quyệt, nhất là những khu vực cửa khẩu, đường mòn, lối mở, khu vực giáp ranh, khu vực biên giới...; ý thức bảo vệ động vật NCQH của người dân còn rất hạn chế làm gia tăng nguy cơ tuyệt chủng nhiều loài động vật NCQH trong môi trường tự nhiên, ảnh hưởng tiêu cực đến cân bằng sinh thái... Cùng với đó, nguy cơ lây nhiễm dịch bệnh từ động vật sang con người, gia súc và gia cầm tại khu vực này cũng gia tăng. Các địa điểm được xác định là có nguy cơ cao trong việc lây truyền bệnh giữa các loài động vật nuôi phổ biến, động vật hoang dã, động vật NCQH và con người bao gồm các chợ buôn bán động vật hoang dã, động vật NCQH nhà hàng chế biến thịt thú rừng, trang trại chăn

nuôi động vật, trung tâm cứu hộ và bảo tồn động vật hoang dã cũng như những khu vực có sự hiện diện của động vật hoang dã xung quanh nơi cư trú của con người.

Thứ ba, giá trị trong y học. Nhiều tài liệu y học cổ truyền đề cập đến việc sử dụng một số bộ phận của động vật NCQH làm thuốc, như: hùng đởm (mật gấu), xuyên sơn giáp (vảy tê tê), sừng tê giác, hổ cốt (xương hổ)... Với vảy tê tê, cũng không khó để liệt kê 25 cây thuốc, vị thuốc có tác dụng điều trị các chứng huyết ứ, tiêu độc đã được y học cổ truyền sử dụng rộng rãi để chữa các bệnh về phong thấp, sốt rét, viêm ruột, mụn nhọt... Các vị thuốc này bao gồm: bồ công anh, búp giấm, cam thảo bắc, cỏ sữa lá lớn, diếp cá, hạ khô thảo, hoà sơn, hoàng cầm, hương nhu tía, ích mẫu, nghệ vàng Mặc dù qua truyền thông, xu hướng sử dụng các sản phẩm từ động vật NCQH có giảm song người dân vẫn săn lùng mật gấu, vảy tê tê, sừng tê giác... dù cho việc mua bán diễn ra phức tạp, trái pháp luật. Đơn cử từ năm 2017 - 2021, cơ sở dữ liệu vi phạm về động vật NCQH của ENV ghi nhận 342 vụ vi phạm liên quan đến quảng cáo, rao bán, tàng trữ, vận chuyển sừng tê giác tại Việt Nam [106].

- Ảnh hưởng tích cực:

Chính sách phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước gắn liền với việc bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là rừng và động vật NCQH, đã tạo cơ sở pháp lý và chính trị vững chắc cho công tác điều tra và phòng chống tội phạm. Các văn bản pháp luật như Luật Bảo vệ và Phát triển rừng và các chỉ thị, chương trình hành động như Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 đã xác định rõ tầm quan trọng của việc bảo vệ rừng và tài nguyên thiên nhiên. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho các Cơ quan điều tra trong việc thực hiện nhiệm vụ, khi có sự hỗ trợ chính trị mạnh mẽ từ Đảng và Nhà nước. Sự chuyển đổi từ nền lâm nghiệp quốc doanh sang lâm nghiệp xã hội, với nhiều thành phần kinh tế tham gia, cũng thúc đẩy trách nhiệm của các cá nhân và tổ chức trong việc bảo vệ rừng và tài nguyên thiên nhiên. Quyền và trách nhiệm của chủ rừng được luật hóa, tạo động lực cho các tổ chức và cá nhân trong việc

đầu tư vào phát triển rừng, đồng thời hỗ trợ công tác bảo vệ rừng một cách hiệu quả hơn.

Nhà nước cung cấp các chính sách hỗ trợ tài chính và kỹ thuật cho các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng bền vững, giúp các hộ gia đình, tổ chức và cộng đồng dân cư có thêm động lực bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. Các chính sách hỗ trợ về kinh phí, như quy định tại Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022, không chỉ giúp đẩy mạnh bảo vệ rừng mà còn giảm thiểu gánh nặng tài chính cho người dân trong quá trình bảo tồn, đồng thời tạo cơ hội phát triển kinh tế dưới tán rừng.

- Ảnh hưởng tiêu cực:

Mặc dù đã có nhiều chủ trương và chính sách về quản lý và bảo vệ rừng, nhưng việc triển khai thực tế đôi khi gặp khó khăn do thiếu hụt nhân lực và kiến thức chuyên môn. Các cán bộ quản lý trong lĩnh vực lâm nghiệp, bảo vệ rừng tại nhiều địa phương còn hạn chế về năng lực và kỹ năng nghiệp vụ, dẫn đến áp dụng các chính sách và pháp luật không hiệu quả dẫn tới ảnh hưởng đến quá trình tiến hành điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH.

Một phần lớn người dân còn hạn chế về nhận thức, đặc biệt là ở các khu vực miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số việc được phổ biến, hướng dẫn các quy định liên quan đến bảo vệ rừng và động vật NCQH chưa được chú trọng triển khai. Điều này dẫn đến việc vi phạm pháp luật mà không ý thức được hậu quả nghiêm trọng. Sự thiếu nhận thức này khiến việc tiến hành điều tra và xử lý tội phạm gặp nhiều khó khăn, khi mà các quy định không được tuân thủ nghiêm ngặt và hành vi phạm tội diễn ra khá phổ biến ở những khu vực khó tiếp cận.

Mặc dù các quy định pháp luật đã được xây dựng khá chi tiết và toàn diện, nhưng một số chế tài chưa đủ mạnh để răn đe các hành vi vi phạm. Trong một số trường hợp, việc tiến hành xử phạt hành chính hoặc hình sự đối với các hành vi xâm phạm tài nguyên rừng và động vật NCQH chưa tạo ra hiệu ứng đủ lớn để ngăn chặn tái phạm. Tình trạng phá rừng, săn bắt và buôn

bán động vật NCQH vẫn diễn ra tại nhiều địa phương, cho thấy rằng hệ thống pháp luật cần được củng cố hơn nữa về mức độ nghiêm khắc và tính khả thi của các biện pháp xử lý.

3.1.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam

Theo quy định tại Điều 18, Luật tổ chức Cơ quan điều tra hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và cơ cấu tổ chức hiện nay thì:

“Tổ chức bộ máy của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an gồm có: Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra; Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội (gọi tắt là Cục Cảnh sát hình sự); Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu (gọi tắt là Cục Cảnh sát kinh tế); Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy;

Tổ chức bộ máy của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an cấp tỉnh gồm có: Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra; Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội (gọi tắt là Phòng Cảnh sát hình sự); Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu; Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy” [69].

Căn cứ Điều 19, Luật Tổ chức Cơ quan điều tra hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2021) quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

“(1) Tổ chức công tác trực ban hình sự, tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; phân loại và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thuộc thẩm quyền giải quyết của mình hoặc chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

(2) Tiến hành điều tra vụ án hình sự thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh về những tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp, xảy ra trên địa bàn nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia nếu xét thấy cần trực tiếp điều tra; các vụ án đặc biệt nghiêm trọng thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan

Cảnh sát điều tra do Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hủy để điều tra lại.

(3) Hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ điều tra và kiểm tra việc chấp hành pháp luật, nghiệp vụ trong công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và công tác điều tra, xử lý tội phạm đối với các cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh, Công an cấp huyện; hướng dẫn các cơ quan của lực lượng Cảnh sát nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thực hiện hoạt động điều tra.

(4) Kiến nghị với cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng biện pháp khắc phục nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh tội phạm.

(5) Tổ chức sơ kết, tổng kết công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và công tác điều tra, xử lý tội phạm thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan Cảnh sát điều tra của Công an nhân dân.

(6) Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của BLTTHS” [69].

Ngoài ra, đối với nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp tỉnh cũng đã được quy định tại Điều 20 trong Luật Tổ chức Cơ quan điều tra hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2021). Về cơ bản, các nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp tỉnh cũng tương tự đối với Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp Bộ, chỉ khác tại một số điểm:

* Đối với Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp tỉnh:

- Phạm vi điều tra: Theo Điều 268, BLTTHS năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025) khi tiến hành điều tra các vụ án hình sự có tính chất rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng mà thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

- Hướng dẫn nghiệp vụ: Giúp Giám đốc Công an cấp tỉnh kiểm tra; hướng dẫn các cơ quan khác của lực lượng Cảnh sát nhân dân trên địa bàn thực hiện thẩm quyền điều tra theo quy định.

- Sơ kết, tổng kết: Tổ chức sơ kết, tổng kết công tác điều tra, xử lý tội phạm trên địa bàn cấp tỉnh.

Tính đến ngày 01/7/2025, thực trạng Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam như sau:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an gồm: Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra; Cục Cảnh sát hình sự; Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu; Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy.

Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp tỉnh (34 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh, thành phố), gồm: Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra; Phòng Cảnh sát hình sự; Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu; Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy.

- Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp tỉnh phân quyền cho Trưởng Công an cấp xã, Phó Trưởng Công an cấp xã thực hiện nhiệm vụ xác minh, giải quyết tin báo tội phạm và tiến hành điều tra đối với tội phạm ít nghiêm trọng, nghiêm trọng. Hiện nay trên cả nước có 3.319 Công an cấp xã (2.621 xã, 687 phường, 11 đặc khu) [112].

3.1.3. Tình hình tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm ở Việt Nam

Trong những năm qua, tình trạng săn bắt, buôn bán, vận chuyển, tàng trữ, buôn lậu, nuôi, nhốt các loài động vật hoang dã NCQH bao gồm cả các bộ phận của chúng như: ngà voi, xương hổ, vảy tê tê, sừng tê giác.... diễn biến ngày càng phức tạp, dẫn đến việc suy giảm nghiêm trọng các cá thể hoang dã, NCQH trong tự nhiên. Việt Nam được thế giới công nhận là 1/16 nước trên thế giới có tính đa dạng sinh học cao, trong đó có hệ động vật hoang dã phong phú nhất. Tuy nhiên cho đến nay, nguồn động vật hoang dã, NCQH đã sụt giảm ở con số đáng báo động.

Từ năm 2015 đến năm 2020, số vụ buôn bán động vật hoang dã, NCQH bất hợp pháp bị bắt tăng gấp 5 lần so với giai đoạn 2010-2015, kể cả khi BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) có hiệu lực về quy định nặng hơn các mức xử phạt đối với hành vi buôn bán động vật hoang dã, NCQH thì vẫn chưa có dấu hiệu hạ thấp. Số vụ vi phạm pháp luật về buôn bán động vật hoang dã, NCQH cũng được ghi nhận có sự gia tăng mạnh vào

năm 2019, 2020 cùng thời điểm với dịch Covid 19. Cụ thể từ năm 2015 đến năm 2020, số vụ buôn bán động vật hoang dã, NCQH trên cả nước có chiều hướng gia tăng, năm 2017 với 94 vụ, năm 2018 với 122 vụ, năm 2019 với 154 vụ và năm 2020 với 137 vụ [Bảng 1]. Cùng với đó, tổng khối lượng hàng cấm gồm ít nhất 39 tấn ngà voi, tương đương với khoảng 5947 cá thể; 8 tấn sừng tê giác; da, xương và các sản phẩm khác có nguồn gốc từ ít nhất 79 cá thể hổ; ít nhất 51 tấn cơ thể và vảy tê tê [1].

Trong giai đoạn 2020-2021, các cơ quan thực thi pháp luật của Việt Nam đã ra quyết định khởi tố hình sự đối với 298 vụ án và 389 bị can do vi phạm các quy định pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã và các loài động vật NCQH (trong đó có 16 vụ án chưa xác định được người thực hiện hành vi phạm tội). Trong tổng số 298 vụ án nêu trên, đã xác định có 84 loài động vật hoang dã. Cụ thể: 40/84 loài NCQH kèm theo Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019 của Chính phủ; 42/84 loài thuộc nhóm IB và 23/84 loài thuộc nhóm IIB của Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm kèm theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ; 01/84 loài thuộc Danh mục loài thủy sản NCQH kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ và 14/84 loài là loài động vật rừng thông thường [104].

Năm 2022, ENV đã ghi nhận 181 vụ án hình sự về động vật hoang dã, NCQH, trong số đó có tới 176 vụ án các cơ quan chức năng đã phát hiện và bắt giữ thành công đối tượng vi phạm (chiếm tỉ lệ 97,2%). Trong số 148 vụ án có các đối tượng bị bắt giữ trong năm 2022, 165 vụ (chiếm tỉ lệ 93,8%) có một hoặc nhiều đối tượng có liên quan đã bị đưa ra xét xử. Tỷ lệ các vụ án có đối tượng bị áp dụng hình phạt tù giam trong năm 2022 là 46,5%, tiếp tục giữ ở mức cao hơn 45% kể từ sau khi Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung. Năm 2022 tiếp tục thể hiện những nỗ lực chung đáng khích lệ của các cơ quan chức năng trong công tác xử lý tội phạm về động vật hoang dã, NCQH ở Việt Nam với tỉ lệ vụ án hình sự có đối tượng bị bắt giữ.

Trong năm 2023, ENV đã ghi nhận tổng cộng 3.595 trường hợp liên quan đến động vật hoang dã, NCQH, bao gồm 3.460 vi phạm riêng biệt với 257 vụ án hình sự. Các vi phạm này bao gồm 226 vụ buôn lậu, 2.494 vụ buôn bán và quảng cáo động vật hoang dã, NCQH, và 740 vụ nuôi nhốt và tàng trữ động vật hoang dã, NCQH, chủ yếu là các trường hợp nuôi nhốt động vật hoang dã, NCQH còn sống. Trong tổng số các vụ việc, 55,3%, tương đương 2.199 trường hợp, đã được người dân phát hiện và báo cáo đến đường dây nóng của ENV. Bên cạnh đó, 1.832 vụ việc là hoạt động quảng cáo và bán động vật hoang dã, NCQH trên mạng Internet được xử lý thành công, nhờ vào sự can thiệp của các cơ quan chức năng và sự hợp tác từ phía các đơn vị cung cấp dịch vụ mạng xã hội, trang thông tin điện tử, cũng như sự tuân thủ của các cá nhân vi phạm sau khi nhận được cảnh báo và khuyến cáo từ ENV [Biểu đồ 2]. Với sự hỗ trợ từ ENV, các cơ quan chức năng đã tịch thu hoặc tiếp nhận chuyển giao 2.517 cá thể động vật hoang dã, NCQH còn sống, với 139 cá thể khi, 04 cá thể vượn, 08 cá thể gấu ngựa, 976 cá thể rùa cạn và rùa nước ngọt, 11 cá thể rái cá, 06 cá thể hổ, 1.156 cá thể chim cùng nhiều loài động vật hoang dã, NCQH khác [100].

Năm 2024, ENV ghi nhận tổng cộng 1.914 vụ việc liên quan đến động vật hoang dã, NCQH được cộng đồng báo cáo, trong đó 180 vụ án hình sự được khởi tố [109]. Điều này cho thấy tình trạng săn bắt, buôn bán, vận chuyển, tàng trữ và tiêu thụ sản phẩm trái phép từ động vật hoang dã, NCQH vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp tại Việt Nam. Đáng chú ý, số vụ vi phạm được thực hiện thông qua không gian mạng có xu hướng gia tăng 15% so với năm 2023. Điều này phản ánh thực tế rằng các đối tượng buôn bán động vật hoang dã đang ngày càng lợi dụng nền tảng công nghệ, đặc biệt là các trang mạng xã hội, website thương mại điện tử, và ứng dụng nhắn tin để quảng bá, giao dịch trái phép một cách tinh vi và phức tạp. Theo Tổ chức Nghiên cứu Lâm nghiệp quốc tế (CIFOR), tại Việt Nam, tổng doanh thu và lợi nhuận hằng năm từ

buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã ước tính lần lượt đạt mức 66,5 triệu USD và 21 triệu USD.

Trong 06 tháng đầu năm 2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã phát hiện và khởi tố 63 vụ với 77 bị can [24]. Những số liệu từ năm 2015 đến năm 2025 cho thấy tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH có xu hướng gia tăng, đặc biệt là từ 2022 đến năm 2025 và với nhiều thủ đoạn phức tạp, tinh vi. Qua áp dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu, thống kê, so sánh, phân tích, tổng hợp, tham khảo ý kiến chuyên gia, có thể phân tích, đánh giá tình hình tội phạm trên những mặt sau:

** Địa bàn hoạt động*

Hoạt động buôn bán động vật hoang dã, NCQH xuất hiện ở hầu khắp các tỉnh, địa bàn địa lý Việt Nam, trong đó, Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh bắt giữ được nhiều đối tượng tham gia buôn bán, tàng trữ động vật hoang dã, NCQH trái phép nhất. Xếp sau lần lượt là các tỉnh, địa bàn sát biên giới như Gia Lai với 37 vụ bắt giữ, Quảng Ninh với 34 vụ bắt giữ, v.v Trong năm 2020, do giãn cách xã hội và lệnh đóng cửa Biên giới vì COVID 19, số vụ buôn bán động vật hoang dã, NCQH ở địa bàn thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh có xu hướng giảm sút, thay vào đó, tội phạm buôn bán động vật hoang dã, NCQH tập trung nhiều hơn ở các tỉnh giáp ranh Biên giới và biển, bao gồm Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng... [Bảng 6]. Các vụ bắt giữ các cá thể động vật trái phép diễn ra ở nhiều tỉnh trải dài từ Nam ra Bắc, trong đó, tỉnh bắt giữ nhiều nhất là Hà Tĩnh và Quảng Ninh. Các vụ bắt giữ buôn bán ngà voi trái phép diễn ra ở 4 tỉnh: Buôn Mê Thuột, Cao Bằng, Hà Nội và Vĩnh Phúc; trong đó, tỉnh có tổng số vụ bắt giữ nhiều nhất vẫn là Hà Nội với 17 vụ án. Các vụ bắt giữ buôn bán trái phép sừng tê giác chỉ có ở Cần Thơ, Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh; trong đó Hà Nội có nhiều vụ án được bắt giữ nhất là 4 vụ [1].

Qua nghiên cứu số liệu cho thấy, tình hình VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH có nhiều diễn biến phức tạp, tỉ lệ số vụ và số đối tượng phạm tội có xu hướng tăng trong cơ cấu các hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm về môi

trường [Bảng 2]. Các hành vi phạm tội tập trung chủ yếu ở dạng hành vi vận chuyển, tàng trữ, buôn bán động vật NCQH hoặc các sản phẩm của chúng.

** Thời gian, địa điểm phạm tội*

Về thời gian, tội phạm vi phạm các quy định về bảo vệ động vật NCQH xảy ra ở nhiều khung giờ khác nhau. Thời gian có thể ban đêm, có thể ban ngày và chúng thường lợi dụng vào những khoảng thời gian mà ít người để ý như buổi trưa, hoặc đêm khuya. Cùng với những thủ đoạn rất tinh vi, cất dấu, ngụy trang hàng trong những vật dụng mà không ai để ý, hoặc lợi dụng người già, phụ nữ có thai và trẻ em để vận chuyển, vì những đối tượng này đã được ưu tiên bảo vệ trong BLHS.

Về địa điểm, thường hay xảy ra loại tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH là ở biên giới quốc gia, đường biên giới giữa nước ta và những nước giáp danh như Lào, Campuchia, Trung quốc hoặc ở những sân bay quốc tế như: Sân bay Nội bài, Tân sơn nhất, hoặc những cảng biển quốc tế lớn như cảng Cát lái, cảng Tiên sa- Đà Nẵng, cảng Hải phòng. Đây là những địa điểm mà hành vi vi phạm này hay xảy ra nhất. Hành vi phạm tội thì chủ yếu là hành vi mua bán xác cá thể đã chết hoặc mua bán cá thể sống của những người săn bắn về để nuôi, nhốt, để phục vụ nhà hàng hoặc để lấy sản phẩm từ các loài động vật hoang dã hoặc hành vi vận chuyển từ nước ngoài về Việt nam để buôn bán thu lợi nhuận. Một ví dụ điển hình là vào ngày 29/9/2021, cơ quan chức năng đã phát hiện và thu giữ 56,3kg xương hổ, 9,7kg xương báo gấm, 6,6kg xương báo hoa mai, 17kg xương sư tử, 505kg cá ngựa khô, cùng nhiều sản phẩm động vật hoang dã khác được nhập lậu từ Indonesia về Việt Nam [107].

** Về phương thức, thủ đoạn phạm tội*

Một số đối tượng lợi dụng xin phép nuôi nhốt sinh trưởng, sinh sản động vật NCQH hoặc lợi dụng việc hành nghề khám chữa bệnh và bán thuốc đông y để hợp thức thủ tục giấy tờ, che dấu hành vi buôn bán hoặc giết mổ trái phép động vật NCQH mà hiện nay phổ biến là việc buôn bán, chế biến sản phẩm từ hổ, tê giác. Mặt khác, các nhà hàng vì lợi nhuận đã tìm cách móc

nổi với các đối tượng buôn bán động vật NCQH về để mua, nuôi nhốt và chế biến thành các món đặc sản để thu hút khách hàng. Một thủ đoạn nữa mà bọn tội phạm thường xuyên dùng đến đó là sử dụng giấy tờ giả để buôn bán, vận chuyển trái phép động vật NCQH. Các giấy tờ thường được làm giả là chứng nhận của cơ quan Cites, hợp đồng mua bán, vận chuyển và hóa đơn bán hàng. Từ thực tiễn công tác đấu tranh, phòng chống với loại tội phạm này cho thấy, nhiều hợp đồng được ký kết với các công ty nước ngoài, nhưng khi các cơ quan chức năng tiến hành xác minh thông qua kênh của Interpol thì phát hiện không có cơ quan nào có địa chỉ như khai báo, hoặc công ty được khai báo không có chức năng kinh doanh động vật hoang dã, NCQH.

Điển hình như trường hợp trang trại nuôi hổ của đối tượng Nguyễn Mậu Chiến tại khu vực công Tào Voi, xã Xuân Tín, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Từ năm 2006, bằng nhiều con đường khác nhau, Chiến đã có được 12 cá thể hổ con mang về nuôi nhốt tại trang trại. Sau đó, đối tượng Chiến đã xin được giấy phép của chi cục Kiểm lâm tỉnh Thanh Hóa về việc nuôi sinh trưởng, sinh sản để bảo tồn. Nhưng thực tế đây là thủ đoạn để đối tượng này thực hiện hành vi mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép động vật NCQH [46].

Ngoài ra, đối với cơ quan hải quan, thủ đoạn của bọn chúng là lợi dụng chính sách thương mại, xuất nhập khẩu để hoạt động tội phạm. Lợi dụng chính sách tạm nhập, tái xuất, quá cảnh, việc phân luồng hải quan luồng xanh, luồng đỏ, luồng vàng để khai báo hàng hóa năm trong diện miễn kiểm tra hoặc kiểm tra xác suất 5-10 để nhập khẩu trái phép động vật NCQH. Lợi dụng giấy phép nhập khẩu để nhập các loại động vật và các sản phẩm từ chúng. Bên cạnh đó, chính sách hải quan tạm nhập - tái xuất đã được bọn tội phạm coi là hình thức an toàn, bởi hàng hóa này thông thường sẽ ít bị cơ quan hải quan kiểm tra nghiêm ngặt, và hơn nữa đây là một loại hình hàng hóa không phải nộp thuế, đây chỉ là hình thức trung chuyển từ sang nước thứ ba.

Một phương thức, thủ đoạn phạm tội mới khác đó là trên không gian mạng. Năm 2019 đến năm 2021 do bị ảnh hưởng bởi dịch Covid 19, các đối tượng chuyển hướng thực hiện các giao dịch mua bán trên không gian mạng (qua các phương tiện Facebook, Zalo...). Với xu hướng gia tăng như hiện tại của vi phạm về động vật hoang dã, NCQH trên không gian mạng, việc tiếp cận và xử lý từng hành vi vi phạm cụ thể là không khả thi. Thay vào đó, các cơ quan chức năng cần đánh giá đúng tầm quan trọng của việc xóa bỏ vi phạm về động vật hoang dã, NCQH trên Internet và tập trung xử lý những đầu mối cung cấp động vật hoang dã, NCQH lớn cũng như tăng cường hiệu quả răn đe, phòng ngừa vi phạm. Nhiều vụ việc buôn bán động vật hoang dã trên mạng xã hội đã được các cơ quan chức năng phát hiện, xử lý. Ghi nhận thống kê vào năm 2021 cho thấy, số vụ buôn bán động vật hoang dã qua Internet phát hiện được chiếm tỉ lệ 12% trên thế giới, so với các quốc gia trong cùng khu vực Việt Nam đứng đầu về tỉ lệ mua bán qua mạng xã hội (Thái Lan 8%, Myanmar 2%, Trung Quốc 7%) [Biểu đồ 4].

** Hình thức vận chuyển*

Hình thức vận chuyển của tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH hết sức phức tạp và tinh vi, hoạt động theo đường dây buôn bán với nhiều mắt xích. Những người dân địa phương cấu kết với tội phạm nước ngoài; các công ty xuất, nhập khẩu hay du lịch; thậm chí là Quan chức chính phủ trong các chuyến công du, công tác;... cũng có thể là một phần của hoạt động buôn bán động vật hoang dã, NCQH trái phép tại Việt Nam. Các hoạt động buôn bán, vận chuyển hàng hóa trái phép bằng nhiều hình thức vận tải: Đường bộ, đường thủy hay thậm chí là đường hàng không. Trong đó, đường bộ vẫn là đường vận chuyển chủ yếu của loại tội phạm này chiếm tỉ lệ không nhỏ với năm 2020 là 37,78% [Biểu đồ 3]. Đặc biệt, ngày nay gia tăng ở các hình thức vận chuyển không biết tức chưa thống kê và có phương thức phòng chống rõ ràng được với loại hình vận chuyển kiểu mới tinh vi, phức tạp này (năm 2020 chiếm tỉ lệ 59,55% hình thức vận chuyển chưa phát hiện được) [Biểu đồ 3].

Đối với tuyến đường biển, các đối tượng thường sử dụng thủ đoạn như: khai sai tên hàng, khai báo sai chủng loại và tên khoa học, để lẫn hàng hóa vi phạm với các hàng hóa được khai báo hải quan, thường là các mặt hàng thông thường, có trị giá không quá lớn, không gây chú ý về xuất xứ hoặc các mặt hàng có đặc tính phù hợp với việc được chuyển tải qua nhiều nước và cũng gây khó khăn, mất nhiều thời gian khi kiểm hóa như: hạt điều, hạt lạc, thực phẩm đông lạnh, vỏ ốc biển, sừng động vật, thủ công mỹ nghệ, phế liệu...; dùng thủ đoạn cất giấu tinh vi và để ở các vị trí gây khó khăn cho công tác kiểm tra của cơ quan Hải quan [108].

Còn trên tuyến hàng không, hàng hóa vi phạm thường được cất giấu trong các lô hàng nhập khẩu và hành lý ký gửi của hành khách nhập cảnh cùng chuyến. Nổi bật, gần đây, các đối tượng chủ hàng còn lợi dụng thuê mướn những người mang quốc tịch nước ngoài bị tàn tật (dị tật ở chân, tay, mắt...) để xách hàng thuê trên tuyến này. Hoặc thuê người Việt Nam đang lao động tại một số nước châu Phi vận chuyển hàng về Việt Nam, hoặc thuê người Việt Nam sang các nước châu Phi theo hình thức du lịch (được các đối tượng chi trả toàn bộ chi phí đi lại, ăn ở, visa và công vận chuyển) rồi vận chuyển hàng về Việt Nam [108].

** Đối tượng phạm tội*

Tội phạm liên quan tội danh này chủ yếu là nam giới, và có độ tuổi từ 18 đến 40 tuổi, những đối tượng này không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, trình độ văn hóa thấp trong khi rất cần tiền để phục vụ cho mục đích cá nhân, một số ít các đối tượng bị dính các tệ nạn xã hội. Báo cáo tình hình tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH năm 2020 - 2021 chỉ ra rằng tỷ lệ Nam giới phạm tội liên quan đến động vật hoang dã, NCQH chiếm đa số so với Nữ giới, tỷ lệ lần lượt là 83,8% (326/389 bị can) và 16,2% (63/389 bị can). Các đối tượng trong độ tuổi 30-35 chiếm tỷ lệ cao nhất với 22,37% và không có trường hợp nào là người dưới 18 tuổi phạm tội liên quan đến động vật hoang dã, NCQH trong giai đoạn này [104]. Do ảnh hưởng của văn hóa, phong tục

tập quán nên còn có một bộ phận lớn người dân chưa hiểu biết hoặc có sự hiểu biết sai lầm về tác dụng sản phẩm của một số loài động vật như: mật gấu, sừng tê giác chữa bách bệnh; cao hổ giúp bồi bổ, cường tráng cơ thể; rắn hổ ngâm rượu trị bệnh.... nên đã săn bắt, nuôi, nhốt hoặc buôn bán những loài động vật NCQH. Đây là một trong những nguyên nhân làm cho tình hình tội VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH gia tăng.

Một số vụ án, vụ việc có chủ hàng là người nước ngoài nên gặp khó khăn trong công tác xác minh, làm rõ. Việc giải quyết những vụ án về động vật NCQH có yếu tố nước ngoài như chủ hàng ở nước ngoài, hàng hóa là động vật NCQH có nguồn gốc từ nước ngoài... nên gặp rất nhiều khó khăn trong việc truy vết người phạm tội, phải phụ thuộc vào tương trợ tư pháp. Tuy nhiên thời gian chờ kết quả tương trợ tư pháp để xử lý vụ án là rất lâu, thậm chí có vụ án không nhận được kết quả tương trợ tư pháp. Điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện, nhân lực của các lực lượng làm công tác bảo vệ và xử lý hành vi VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH còn thiếu và lạc hậu. Năng lực chuyên môn, trình độ và kỹ năng của lực lượng thực thi pháp luật, cơ quan tiến hành tố tụng chưa phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

** Hình phạt*

Về hình phạt, có thể thấy những tín hiệu tích cực, cứng rắn hơn trong việc xử lý các vụ án về động vật NCQH. Mức phạt tù trung bình hàng năm được tuyên ngày càng nghiêm khắc cho loại tội phạm này (năm 2016 mức trung bình 1,55 năm, 2017 là 1,21 năm, 2018 là 3,08 năm, 2019 mức trung bình là 4,48 năm; 2020 mức trung bình là 4,09 năm, 2021 là 3,6 năm, 2022 là 3,06 năm, 2023 là 2,8 năm) [Bảng 2]. Kèm theo đó, số vụ án được các cơ quan chức năng phát hiện, khởi tố về tội VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH cũng được ghi nhận tăng cao trong 2 năm 2019, 2020 (năm 2019 với 90 vụ và năm 2020 với 122 vụ). Việc xử phạt đối với tội phạm về động vật hoang dã vẫn duy trì ở mức ổn định, với 47,5% vụ án có đối tượng bị phạt tù giam,

mức án tù trung bình đối với loại tội phạm này trong năm 2022 có phần nhẹ hơn các năm trước, trung bình ở mức 3,01 năm tù [95].

Ví dụ: Ngày 28/2/2024, TAND quận 6, TP Hồ Chí Minh đã tuyên phạt đối tượng Vu Ngọc Thái (SN 1992, trú tại TP Hồ Chí Minh) 24 tháng tù về tội “VPQĐ về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm” theo quy định tại khoản 1 Điều 244 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Thái cũng bị phạt bổ sung 50 triệu đồng. Tháng 6/2023, Công an quận 6, TP Hồ Chí Minh đã phát hiện và bắt giữ Thái khi đối tượng này đang có hành vi vận chuyển, buôn bán trái phép 03 cá thể rùa đầu to. Trước đó, vào tháng 9/2022, Công an huyện Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh đã xử phạt Thái 1.250.000 đồng cho hành vi quảng cáo kinh doanh trái phép sản phẩm từ động vật hoang dã, NCQH. Bất chấp việc đã bị xử phạt cho hành vi trên, Thái tiếp tục tạo thêm nhiều tài khoản mạng xã hội để quảng cáo bán trái phép nhiều loài động vật hoang dã, NCQH, trong đó có nhiều loài rùa được pháp luật Việt Nam bảo vệ ở cấp độ cao nhất như rùa đầu to, các loài rùa hộp trán vàng miền Bắc và miền Nam [76].

3.2. THỰC TRẠNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TRONG ĐIỀU TRA TỘI PHẠM VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA Ở VIỆT NAM

3.2.1. Những kết quả đã đạt được khi áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Cơ quan Cảnh sát điều tra và nguyên nhân

3.2.1.1. Kết quả đã đạt được

Thông qua quá trình thực tiễn và áp dụng linh hoạt các hoạt động ADPL về tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra trên địa bàn cả nước. Đồng thời nghiên cứu, đánh giá và phân tích các số liệu thu thập được từ năm 2015 đến năm 2024, tác giả nhận thấy Cơ quan Cảnh sát điều tra trên cả nước khi ADPL trong tiến hành hoạt động điều tra đối với loại tội phạm này đạt được một số kết quả, cụ thể:

Giai đoạn 1, tiếp nhận thông tin, phân tích, đánh giá các tình tiết của sự việc thực tế đã xảy ra để đưa ra quyết định xử lý

- Kết quả phân tích, đánh giá các tình tiết vụ việc trong xác định bản chất sự việc làm căn cứ khởi tố vụ án, khởi tố bị can

Hoạt động của tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH luôn để lại nhiều dấu vết khác nhau, đây có thể được coi là nguồn chứng cứ, tài liệu liên quan có chất lượng phục vụ đánh giá chính xác hành vi phạm tội để làm căn cứ tiến hành ADPL.

Muốn có chứng cứ để phân tích, đánh giá đúng, chính xác các tình tiết, hoàn cảnh, điều kiện của sự việc thực tế đã xảy ra, từ đó chứng minh làm rõ tội phạm, Cơ quan Cảnh sát điều tra phải sử dụng nhiều biện pháp để phát hiện, thu thập chứng theo yêu cầu của pháp luật quy định cả về căn cứ áp dụng, nội dung, thủ tục, thẩm quyền tiến hành. Những gì thu thập không theo quy định của pháp luật thì không được coi là chứng cứ. Việc tuân thủ thẩm quyền, trình tự, thủ tục mà BLTTHS quy định không chỉ là xác định tính hợp pháp của chứng cứ mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến tính chính xác, hiệu lực chứng minh của chứng cứ. Đồng thời, việc phát hiện, thu thập chứng cứ phải được tiến hành tích cực, khẩn trương, tỉ mỉ, chú ý đến mọi khía cạnh, tình tiết của vụ án. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tổ chức thực hiện tốt quy định của pháp luật về tiếp nhận và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, cụ thể:

Giai đoạn tiếp nhận thông tin về tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Khi có sự việc xảy ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành đánh giá, phân tích các tình tiết của vụ việc một cách rõ ràng, đồng thời tiến hành các hoạt động điều tra hiệu quả, bên cạnh đó việc đánh giá chính xác các tình tiết của vụ việc đã giúp việc lựa chọn quy phạm pháp luật để tiến hành ADPL một cách kịp thời, đảm bảo không bỏ lọt tội phạm.

Các hoạt động kiểm tra, xác minh thông tin được tổ chức thực hiện theo quy định, một số trường hợp đã phát hiện được tội phạm VPQĐ về bảo vệ

động vật NCQH từ nguồn tin báo của quần chúng nhân dân. Hằng năm, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp nhận và xử lý hàng nghìn tin báo, tố giác tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH với nhiều hình thức đa dạng: Tiếp nhận trực tiếp, qua điện thoại, tin nhắn, hộp thư điện tử, qua bưu điện, qua các phương tiện thông tin đại chúng, tin báo của cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và các hình thức khác và hiệu quả nhất trong việc xử lý là tiếp nhận tin báo bằng hình thức trực tiếp. Có thể thấy đối với tố giác, tin báo tội phạm bằng hình thức khai báo trực tiếp, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành lập biên bản tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, đáp ứng yêu cầu như một lời khai nhân chứng. Quá trình tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, cán bộ điều tra, điều tra viên đã yêu cầu người báo tin cung cấp đầy đủ về tên, tuổi, địa chỉ, số điện thoại... để phục vụ cho việc liên lạc, kiểm tra khi có yêu cầu.

Đối với tố giác, tin báo về tội phạm qua điện thoại hoặc các phương tiện thông tin, liên lạc, chất lượng của tố giác, tin báo về tội phạm qua điện thoại, giá trị của thông tin đối với công tác phát hiện, điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH là không nhiều. Cá biệt có một số trường hợp giả mạo, bịa đặt vì những lý do khác nhau. Do đó, trong quá trình tiếp nhận thông tin qua điện thoại, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã chủ động hỏi rõ về tên tuổi, địa chỉ, nơi làm việc, số điện thoại, địa chỉ email... của người báo tin để thuận tiện cho việc kiểm tra và liên lạc khi có yêu cầu.

Trong những năm qua, Cơ quan Cảnh sát điều tra các cấp đã rất chú trọng tiến hành hoạt động tiếp nhận và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH. Trên cơ sở quán triệt những quy định của BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và các văn bản hướng dẫn thi hành, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã triển khai tổ chức lực lượng trực tiếp làm công tác tiếp nhận và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, tổ chức cho cán bộ tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ điều tra hình sự nói chung, nghiệp vụ về tiếp nhận và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm nói riêng. Đồng thời,

lãnh đạo các đơn vị thường xuyên quán triệt việc thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm trong đơn vị và trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo về chuẩn bị các trang bị, phương tiện, hệ thống sổ sách, biểu mẫu, trụ sở tiếp nhận và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm trong các trường hợp cụ thể. Nhìn chung, hoạt động tiếp nhận và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm của Cơ quan Cảnh sát điều tra được thực hiện đúng quy định của pháp luật, cũng như nhiệm vụ, quyền hạn, cơ bản bảo đảm tính nhanh chóng, kịp thời, góp phần quan trọng vào công tác phòng ngừa, ngăn chặn, điều tra xử lý tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH.

Thời gian vừa qua, các cơ quan có liên quan đã tiếp nhận nhiều tin báo của quần chúng nhân dân về việc đối tượng quảng cáo, rao bán động vật hoang dã, NCQH trái phép trên mạng xã hội và các hình thức khác. Nhiều vụ việc bị xử lý theo quy định của pháp luật đã góp phần lập lại trật tự xã hội, ngăn chặn hành vi vi phạm của các đối tượng, bảo vệ hiệu quả động vật hoang dã, NCQH.

Ví dụ: Ngày 11/10/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính với đối tượng Phạm Hương Lan (sinh năm 1984, trú tại huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang) với mức phạt 77,5 triệu đồng về hành vi đăng tải quảng cáo sản phẩm từ động vật hoang dã NCQH thuộc loại hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định. Trước đó, đối tượng đã sử dụng tài khoản Facebook cá nhân tên “Phạm Lan” để quảng cáo rao bán các sản phẩm được chế tác từ ngà voi, móng gấu, cao hổ và nhiều sản phẩm khác [114].

Ví dụ: Từ nguồn tin báo của quần chúng nhân dân về hành vi mua bán, tàng trữ động vật NCQH của một số đối tượng trên địa bàn xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Cán bộ quản lý địa bàn đã nhanh chóng khoanh vùng, lập kế hoạch tiến hành xác minh thông tin. Bằng cách vào vai nhân viên nghiên cứu về động tra, vật, trinh sát đã khéo léo tiếp cận một số cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa như: Phòng tài nguyên môi trường, Chi cục Kiểm lâm... để xác minh, làm rõ thông tin. Qua

đó phát hiện đối tượng Lê Nguyên Bốn là đối tượng chuyên mua bán, cung cấp các loại thịt thú rừng cho một số nhà hàng trên địa bàn huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi xác định được đối tượng này đang tàng trữ các cá thể động vật NCQH với số lượng lớn, trinh sát đã báo cáo lãnh đạo để lập kế hoạch, tiến hành vây bắt đối tượng. Ngày 26/12/2016, Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường Công an tỉnh Thanh Hóa đã tiến hành kiểm tra phát hiện đối tượng Lê Nguyên Bốn, sinh năm 1964 ở xã Thạch cảm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tàng trữ 03 tủ bảo ôn có chứa: 01 cá thể báo gấm, 01 cá thể báo lửa, 04 cá thể cây mực, 01 bộ da hổ, 01 cá thể khi mặt đỏ, 62 cá thể cây vòi mốc, 02 cá thể lợn rừng, 05 cá thể hoẵng, 01 cá thể don. Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường Công an tỉnh Thanh Hóa đã hoàn thiện hồ sơ ban đầu và chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạch Thành khởi tố, điều tra theo thẩm quyền [60].

- Kết quả phân tích, đánh giá các tình tiết trong khởi tố và tiến hành các biện pháp ngăn chặn để điều tra bản chất của sự việc

Sau khi ban hành quyết định khởi tố bị can đối với đối tượng VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH, Cơ quan Cảnh sát điều tra tổ chức, triển khai thực hiện các quyết định khởi tố bị can thông qua các văn bản như: Lệnh phê chuẩn quyết định khởi tố bị can cùng quyết định khởi tố bị can và hồ sơ tài liệu, chứng cứ gửi đến Viện kiểm sát cùng cấp đề nghị xem xét phê chuẩn. Khi Viện kiểm sát phê chuẩn quyết định khởi tố bị can thì Cơ quan Cảnh sát điều tra tổ chức giao quyết định khởi tố bị can, quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố bị can đối tượng vi phạm và giải thích quyền và nghĩa vụ cho bị can. Việc giao nhận này được lập biên bản theo quy định tại Điều 133 của BLTTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Các biện pháp ngăn chặn trong thời gian qua được Cơ quan Cảnh sát điều tra áp dụng trong quá trình điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH gồm: Bắt, tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú. Một số ít biện pháp được áp dụng như: Biện pháp bảo lãnh hay biện pháp đặt tiền hoặc tài

sản để bảo đảm. Trong các vụ án, các đối tượng đều bị áp dụng biện pháp ngăn chặn, phần lớn bị áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam do hành vi có tính nguy hiểm cao và phạm tội quả tang.

Biện pháp bắt được áp dụng nhiều là bắt đối với người phạm tội quả tang vì các lý do như: Hoạt động của đối tượng hết sức tinh vi, xảo quyệt, các đối tượng có kinh nghiệm đối phó với công tác đấu tranh của Cơ quan Cảnh sát điều tra, trong một số trường hợp khi đối tượng bị phát hiện, đối tượng tiến hành thủ đoạn bỏ trốn hoặc thậm chí tấn công, chống đối lại lực lượng chức năng nhằm trốn tránh trách nhiệm khi bị phát hiện, nhiều trường hợp gây thương tích hoặc đe dọa đến tính mạng, sức khỏe của cán bộ, chiến sĩ.

Diễn hình như vụ án xảy ra hồi 12h ngày 19/01/2019, tại khách sạn Sao Việt, địa chỉ: khối 2 phường Vinh Tân, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường, Công an tỉnh Nghệ An bắt quả tang 04 đối tượng đang có hành vi mua, bán động vật NCQH trái phép. Tại thời điểm bị bắt giữ, 4 đối tượng gồm: Nguyễn Văn Chiến (27 tuổi); Hoàng Văn Sơn (40 tuổi); Hồ Trung Sơn (45 tuổi) và Phan Phương (40 tuổi), điều khiển xe ô tô bán tải BKS: 37C-258.60 chở 13 cá thể khỉ, 2 cá thể Vọc còn sống, tổng khối lượng 48kg. Khám xét trên xe ô tô bán tải của các đối tượng, Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường Công an tỉnh Nghệ An đã tạm giữ nhiều biển số xe ô tô giả. Phía sau cốp xe ô tô bán tải, được các đối tượng trang bị cả quạt gió nhằm bảo quản động vật sống. Khi bị lực lượng Công an phát hiện, Sơn đã chống trả quyết liệt, lái xe đâm thẳng vào xe ô tô của tổ công tác nhằm chạy thoát. Khi bị vây bắt, các đối tượng ngồi trong xe ô tô khoá chặt cửa, buộc tổ công tác phải phá kính để không ché, bắt giữ [58].

Việc ADPL đảm bảo nguyên tắc: Quyết định bắt, quyết định tạm giữ, tạm giam (thể hiện bằng lệnh bắt, lệnh tạm giữ, lệnh bắt tạm giam) phải đảm bảo đủ chứng cứ, tài liệu. Khi ban hành lệnh bắt, tạm giữ, tạm giam các đối tượng có hành vi phạm tội về VPQĐ bảo vệ động vật NCQH thì phải bảo đảm

đủ cơ sở để đưa ra xử lý về hình sự, không để sơ hở về mặt pháp lý để các phần tử xấu khai thác, lợi dụng.

- Kết quả phân tích, đánh giá tình tiết sự việc trong các hoạt động điều tra tố tụng hình sự

Trong giai đoạn này Cơ quan điều tra sẽ tiến hành việc thu thập chứng cứ theo Điều 88, BLTTHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), bảo quản chứng cứ Điều 90, BLTTHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), kiểm tra chứng cứ và đánh giá chứng cứ Điều 108, BLTTHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) kèm với đó là áp dụng các biện pháp điều tra quy định trong BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), từ đó có tài liệu cơ sở để ra quyết định khởi tố bị can với người phạm tội.

Năm 2022 đánh dấu 5 năm kể từ khi BLHS sửa đổi, có hiệu lực vào năm 2018. Bộ luật Hình sự sửa đổi đã tạo cơ sở pháp lý vững chắc hơn cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình thực thi công tác điều tra, xử lý tội phạm về động vật hoang dã, NCQH, từ đó, gia tăng số vụ bắt giữ, xét xử và áp dụng hình phạt tù đối với loại tội phạm này kể từ năm 2018 với giai đoạn trước đó. Nhằm đánh giá hiệu quả xử lý các vụ án hình sự về động vật hoang dã, NCQH tại Việt Nam, ENV đã có các phân tích dựa trên 156 vụ án hình sự về động vật hoang dã, NCQH phát hiện trong năm 2022 được ghi nhận trên Cơ sở dữ liệu vi phạm về động vật hoang dã, NCQH của ENV. Kết quả phân tích cho thấy, Việt Nam tiếp tục đạt được những kết quả đáng khích lệ trong công tác xử lý tội phạm về động vật hoang dã, NCQH. Theo đó, trong số 156 vụ án hình sự về động vật hoang dã, NCQH xảy ra năm 2022, có tới 148 vụ án các cơ quan chức năng đã phát hiện và bắt giữ thành công đối tượng vi phạm (chiếm tỉ lệ 95%) [29].

Bà Bùi Thị Hà, Phó Giám đốc ENV chia sẻ: *“Tỷ lệ các vụ án hình sự về động vật hoang dã, NCQH có đối tượng bị bắt giữ tiếp tục ở mức cao trong năm 2022 rõ ràng đã cho thấy những thay đổi tích cực kể từ khi BLHS sửa đổi có hiệu lực vào năm 2018. Trong giai đoạn 5 năm kể từ khi BLHS sửa đổi*

có hiệu lực (2018-2022), tỷ lệ các vụ án hình sự về động vật hoang dã có đối tượng phạm tội bị bắt giữ đã đạt 92,2% so với tỷ lệ 84,6% trong giai đoạn 2014-2017” [105]. Trong số 148 vụ án có các đối tượng bị bắt giữ trong năm 2022, 117 vụ (chiếm tỉ lệ 79%) có một hoặc nhiều đối tượng có liên quan đã bị đưa ra xét xử. Bên cạnh đó, tại thời điểm tháng 5/2023, vẫn còn 30 vụ án hình sự về động vật hoang dã, NCQH phát hiện trong năm 2022 đang trong quá trình xử lý và chưa được đưa ra xét xử. Trong 4 năm sau khi BLHS sửa đổi có hiệu lực (2018-2021), trung bình, tỷ lệ các vụ án có đối tượng bị bắt giữ được đưa ra xét xử là 90,9%. Ngược lại, tỷ lệ trung bình này trong vòng 4 năm trước khi BLHS có hiệu lực chỉ đạt ở mức 62,2% [105].

+ Kết quả phân tích, đánh giá các tình tiết sự việc trong hoạt động khám xét, thu giữ, tạm giữ

Để phát hiện, thu giữ, tạm giữ những vật chứng, phải tiến hành khám người, đồ vật, phương tiện, khám xét chỗ ở, địa điểm, nơi làm việc, hay khám xét thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm hoặc bằng các tác động nghiệp vụ để đối tượng mang nộp. Trên cơ sở ADPL Tổ tụng hình sự, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành kết hợp với hoạt động nghiệp vụ điều tra hình sự nhằm mang lại hiệu quả cao nhất trong việc phát hiện, thu thập chứng cứ là động vật NCQH hoặc sản phẩm từ động vật NCQH. Việc khám xét được tiến hành đồng bộ và thường giúp Cơ quan Cảnh sát điều tra thu thập những đồ vật, tài liệu có giá trị chứng minh cao.

Điều này thể hiện qua việc hoạt động tìm kiếm, phát hiện và thu thập chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội được triển khai một cách tương đối hiệu quả. Theo thống kê, trong tất cả các vụ VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH bị phát hiện, cơ quan chức năng đều đã thu giữ và tạm giữ được phương tiện, đồ vật, vật chứng vi phạm, trong đó có nhiều vụ có số lượng vật chứng lên đến hàng trăm cá thể động vật NCQH. Bên cạnh đó, công tác khám xét, tạm giữ người và phương tiện vi phạm cũng được tiến hành một cách chặt chẽ, tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng hình sự.

Diễn hình như vụ án xảy ra vào ngày 12/3/2022, Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị nghiệp vụ Bộ Công an và Công an tỉnh Nghệ An bắt giữ 2 đối tượng về hành vi vận chuyển trái phép 6 cá thể hổ đông lạnh. Ngay sau khi phát hiện, lực lượng chức năng đã lập tức tiến hành các biện pháp tố tụng như: Thu giữ vật chứng, tạm giữ đối tượng, khám xét nơi ở, lấy lời khai... đảm bảo đúng trình tự, thủ tục quy định. Không chỉ vậy, các hoạt động tố tụng khác như lấy lời khai người bị tạm giữ, lấy lời khai người biết việc, khởi tố vụ án, chuyển vụ án cho Cơ quan điều tra... cũng được lực lượng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường thực hiện nghiêm túc, đúng thẩm quyền và thời hạn theo quy định của pháp luật [24].

Qua khảo sát các vụ án VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH cho thấy việc áp dụng biện pháp khám xét, thu giữ, tạm giữ trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH được tiến hành đúng căn cứ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Các đồ vật, tài liệu có giá trị chứng cứ cơ bản được bảo quản, xử lý đúng quy định, những đồ vật, tài sản không còn liên quan hoặc không có giá trị chứng minh được trả lại cho chủ sở hữu hoặc tịch thu, tiêu hủy theo quy định, theo thẩm quyền xử lý trong giai đoạn điều tra vụ án.

+ *Kết quả phân tích, đánh giá các tình tiết sự việc trong lấy lời khai người làm chứng*

Lấy lời khai người làm chứng vừa là biện pháp nghiệp vụ điều tra, vừa là biện pháp thu thập chứng cứ theo pháp luật Tố tụng hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra áp dụng các điều 133, 134, 135, 136 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định những vấn đề liên quan đến biện pháp lấy lời khai người làm chứng.

Quá trình tiến hành lấy lời khai, Cơ quan Cảnh sát điều tra giải thích quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng được áp dụng biện pháp điều tra lấy lời khai, nội dung này được thể hiện vào biên bản lấy lời khai và thể hiện đầy đủ thông tin, tình tiết liên quan đến vụ án được ghi lại đầy đủ, có giá trị pháp lý, giá trị chứng minh vụ án hình sự.

Kết thúc quá trình lấy lời khai, điều tra viên, cán bộ điều tra để người tham gia tố tụng được áp dụng biện pháp điều tra lấy lời khai viết bản tự khai hoặc bản tường trình và đọc lại biên bản cho người được lấy lời khai nghe, ký xác nhận.

Bên cạnh đó, nhằm mục đích mở rộng các thông tin, tài liệu có liên quan đến vụ án VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH, lực lượng Cảnh sát điều tra còn tiến hành lấy lời khai của các đối tượng như: Người biết việc, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đối tượng nghi vấn. Tùy vào tính chất của từng vụ án cụ thể, công tác lấy lời khai của người biết việc, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đối tượng nghi vấn có thể được tiến hành tại các địa điểm khác nhau như: tại hiện trường vụ án, tại trụ sở Cơ quan Công an, tại nơi sinh sống, làm việc của người vi phạm, người làm chứng... Trong đó, địa điểm thường sử dụng để tiến hành hoạt động lấy lời khai người bị tạm giữ, người làm chứng đó là tại trụ sở Cơ quan Công an gần nơi xảy ra vụ án nhất.

+ Kết quả phân tích, đánh giá tình tiết vụ việc trong hỏi cung bị can

Hỏi cung bị can được thực hiện ngay sau khi có quyết định khởi tố bị can. Hỏi cung bị can giữ vai trò đặc biệt quan trọng, làm sáng tỏ các tình tiết, sự kiện của hành vi phạm tội và nhân thân tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH, mở rộng phạm vi điều tra. Trước khi tiến hành hỏi cung, điều tra viên cần nghiên cứu hồ sơ vụ án, làm rõ vai trò, vị trí, đặc điểm nhân thân, tâm lý, thái độ khai báo của bị can; xác định những thông tin, tài liệu có thể sử dụng trong quá trình hỏi cung; chú ý xây dựng kế hoạch cụ thể để hỏi cung bị can đạt hiệu quả.

Quá trình áp dụng các quy định pháp luật đối với hỏi cung đòi hỏi phải rất chủ động và linh hoạt để vừa đảm bảo pháp luật, vừa thu thập, củng cố chứng cứ. Khi kết thúc cuộc hỏi cung bị can, Điều tra viên đều lập biên bản theo quy định tại Điều 133 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Biên bản hỏi cung bị can được ghi đầy đủ câu hỏi Điều tra viên đặt ra và lời trình bày của bị can cùng với dữ liệu ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh theo

quy định, Điều tra viên đã đọc lại cho những người có mặt tại buổi hỏi cung biết và ký xác nhận vào biên bản ghi lại nội dung việc hỏi cung hoặc để cho bị can cũng như người có mặt ở buổi hỏi cung tự đọc khi họ yêu cầu.

+ *Kết quả phân tích, đánh giá tình tiết vụ việc trong khám nghiệm hiện trường*

Khám nghiệm hiện trường giúp ghi nhận những dấu vết, đồ vật, phương tiện tại nơi xảy ra vụ án hình sự. Quá trình tiến hành, Điều tra viên chủ trì phân tích các tình tiết, thông tin, tài liệu và chứng cứ thu thập được trong việc xác định có dấu hiệu tội phạm xảy ra. Qua đánh giá các vụ phạm tội VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH có hiện trường trên các tuyến giao thông chiếm phần lớn, các đối tượng phạm tội thường sử dụng các loại phương tiện giao thông như: ô tô và xe máy để vận chuyển vật chứng vi phạm, do vậy, quá trình tiến hành khám nghiệm hiện trường còn rất khó khăn bởi hiện trường quá rộng, không xác định được phạm vi, các dấu vết để lại không rõ ràng, có nhiều phương tiện giao thông qua lại nên hiện trường bị xáo trộn, đây cũng là điểm cần đặc biệt chú ý trong quá trình tiến hành ADPL trong quá trình điều tra loại tội phạm này.

Sau khi kết thúc khám nghiệm hiện trường, điều tra viên lập biên bản, ghi nhận tất cả thông tin tài liệu có liên quan và đọc lại cho các thành phần tham gia khám nghiệm hiện trường cùng nghe, ký biên bản theo quy định của pháp luật.

+ *Kết quả phân tích, đánh giá tình tiết vụ việc trong trung cầu giám định*

Việc phối hợp ngay từ đầu giữa lực lượng Cảnh sát điều tra với Cơ quan giám định để xác định được loài động vật của vật chứng vi phạm thường mang lại hiệu quả rất cao. Ngoài việc phối hợp từ đầu với cơ quan giám định, lực lượng Cảnh sát điều tra còn chủ động sử dụng các phần mềm trực tuyến để có thể nhận biết được loài động vật thông qua đặc điểm hình thái ngoài, từ đó nhanh chóng xác định được hướng điều tra, việc lập hồ sơ vi phạm sẽ nhanh chóng, hiệu quả hơn, rút ngắn được thời gian xử lý vụ việc.

Trên thực tế, lực lượng Cảnh sát điều tra đã sử dụng công cụ giám định động vật trên nền tảng web (www.giamdinhloai.vn) và phần mềm trên nền tảng điện thoại di động (ứng dụng: Giamdinhloai) do Tổ chức WCS - Chương trình Việt Nam kết hợp với các cơ quan khoa học và cơ quan quản lý nhà nước phát triển. Tài liệu định dạng bao gồm 400 loài động vật hoang dã thường gặp trong các vụ vi phạm. Công cụ này được thiết kế với 06 chức năng chính bao gồm: Tìm kiếm loài theo tên (tên khoa học, tên tiếng Việt, tên địa phương tiếng Việt và tên tiếng Anh); Tìm kiếm loài theo hệ thống phân loại sinh học theo từng cấp độ: Lớp - Bộ - Loài; Nhận dạng loài theo các đặc điểm đặc trưng; Nhận dạng các sản phẩm loài. Hỗ trợ gửi/nhận ảnh nhận dạng loài/sản phẩm loài; Hỗ trợ liên lạc chuyên gia trong lĩnh vực nhận dạng loài.

+ *Kết quả phân tích, đánh giá tình tiết vụ việc trong tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ khác*

Nhận dạng: Trong các trường hợp cần thiết, để làm rõ các tình tiết có liên quan trong vụ án VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH, Cơ quan Cảnh sát điều tra có thể tiến hành biện pháp nhận dạng người, đồ vật, tài liệu có liên quan trong vụ án.

Thực nghiệm điều tra: Việc thực nghiệm điều tra trong các vụ án VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH hạn chế áp dụng hơn trong các loại án khác, việc thực nghiệm điều tra thường để làm rõ cách thức hoạt động, thủ đoạn của tội phạm.

Giai đoạn 2, lựa chọn quy phạm pháp luật làm cơ sở pháp lý cho việc đưa ra các quyết định áp dụng pháp luật

Lựa chọn quy phạm pháp luật phù hợp để ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can cần phải đặc biệt chú trọng đến việc xác định tội danh. Việc tiến hành xác định tội danh khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can là việc Cơ quan Cảnh sát điều tra trên cơ sở hành vi vi phạm của đối tượng phạm tội phù hợp với cấu thành tội phạm của tội nào được quy định trong BLHS. Từ đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra ADPL ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can với đối tượng phạm tội theo tội danh đó. Trong khởi tố các vụ án,

phải kiểm tra, xác minh về dấu hiệu tội phạm, về đối tượng thực hiện hành vi phạm tội trước khi ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can; phải đảm bảo rằng, việc khởi tố là đúng căn cứ, và quá trình điều tra sẽ phải xử lý được đối tượng, tuyệt đối không để xảy ra trường hợp khởi tố sai, hay có sơ hở.

Một là, lựa chọn quy phạm pháp luật đối với hành vi cấu thành tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) là văn bản duy nhất quy định tội phạm và trách nhiệm hình sự

Theo quá trình phát triển của pháp luật hình sự Việt Nam, quy định về hành vi vi phạm liên quan đến bảo vệ động vật hoang dã đã có những thay đổi đáng kể. Bộ luật Hình sự năm 1985 ban đầu chỉ đưa ra các quy định chung, trong đó gộp hành vi vi phạm về bảo vệ động vật hoang dã vào cùng nhóm các hành vi xâm phạm tài nguyên rừng. Đến BLHS năm 1999, lần đầu tiên Việt Nam dành riêng một điều luật để xử lý tội phạm liên quan đến động vật hoang dã quý hiếm. Hiện nay, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) đã có sự hoàn thiện hơn khi chia thành hai điều luật cụ thể, phân biệt rõ mức độ nguy cấp và quý hiếm của các loài động vật hoang dã. Điều 234, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) (thuộc Chương XVIII) xử lý hành vi phạm tội xâm hại động vật hoang dã thuộc nhóm IIB hoặc nằm trong Phụ lục II của Công ước CITES. Trong khi đó, Điều 244, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) (thuộc Chương XIX) quy định về các hành vi VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH thuộc nhóm IB hoặc nằm trong Phụ lục I của Công ước CITES.

Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định các trình tự, thủ tục tố tụng xử lý các hành vi VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH, quy định về xử lý vật chứng, quy định về các trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định, tiến hành định giá tài sản [63]. Ngày 5/11/2018, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã ra Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/12/2018) hướng dẫn áp dụng Điều 234 về tội VPQĐ về bảo vệ động vật hoang dã và Điều 244 về tội

VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của BLHS và Điều 106 về xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử của BLTTHS [30].

Nếu Điều 190 của BLHS năm 1999 chỉ quy định một tội danh duy nhất liên quan đến bảo vệ động vật hoang dã, với mức án tối đa là 7 năm tù, thì BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) đã có sự phân chia rõ ràng hơn thành hai điều luật cụ thể. Theo đó, nếu một người phạm cùng lúc cả hai tội, tổng hợp hình phạt có thể lên tới 27 năm tù. So với Điều 190, BLHS năm 1999, Điều 234 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) đã bổ sung nhiều quy định chi tiết và cụ thể hơn, đặc biệt là lượng hóa rõ ràng các tiêu chí làm cơ sở xác định trách nhiệm hình sự. Ví dụ như quy định cụ thể về số lượng, giá trị của động vật hoang dã hoặc động vật NCQH, sản phẩm từ động vật hoặc các bộ phận không thể tách rời của chúng, giúp quá trình điều tra, truy tố và xét xử trở nên minh bạch và thuận lợi hơn. Đặc biệt, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) lần đầu tiên đưa ra quy định xử lý trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại khi vi phạm các tội danh này. Theo quy định mới, các pháp nhân vi phạm có thể phải chịu mức phạt lên đến 15 tỷ đồng, bị đình chỉ hoạt động từ 6 tháng đến 3 năm, hoặc bị cấm hoạt động vĩnh viễn nếu mức độ vi phạm nghiêm trọng.

Trong thời gian vừa qua, Việt Nam đạt được nhiều thành tựu trong công tác xử lý tội phạm về động vật hoang dã, NCQH. Tính đến giữa tháng 5 năm 2022, 60,2% các vụ án có đối tượng bị phát hiện trong năm 2021 cũng đã truy cứu trách nhiệm hình sự thành công các đối tượng phạm tội. Bên cạnh đó, 47,9% các vụ án có đối tượng bị đưa ra xét xử về tội phạm liên quan đến động vật hoang dã, NCQH trong năm 2021 đã bị áp dụng hình phạt tù giam với mức hình phạt tù giam trung bình cho các đối tượng phạm tội là 3,83 năm, đây là tỷ lệ và mức hình phạt tù giam trung bình được duy trì kể từ khi BLHS năm 2015 có hiệu lực. Những kết quả này đã bước đầu cho thấy quyết tâm rất lớn của các cơ quan chức năng, cơ quan tiến hành tố tụng tại Việt Nam [102].

Hai là, lựa chọn quy phạm pháp luật khi đã cụ thể hóa các quy định còn chung chung, chưa rõ ràng; loại bỏ các quy định không khả thi nhằm đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ; quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan liên quan trong điều tra

Việc ban hành chính sách pháp luật nhằm thực hiện Công ước CITES đã cơ bản nội luật hóa một cách đầy đủ các quy định của Công ước này, từ đó tạo ra một hành lang pháp lý vững chắc cho việc thi hành. Điều này bao gồm việc quản lý nuôi cấy, buôn bán, vận chuyển các loài động vật và thực vật NCQH, cũng như xử lý các vi phạm và tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các điều khoản được quy định trong Công ước. Hiện tại, Việt Nam được công nhận là quốc gia có mức hình phạt nghiêm khắc nhất đối với những hành vi vi phạm pháp luật xâm hại động và thực vật hoang dã theo Phụ lục của Công ước CITES trong khu vực Đông Nam Á.

Như vậy, hệ thống văn bản quy định quản lý các loài động, thực vật hoang dã, NCQH ngày càng hoàn thiện, được xây dựng, sửa đổi để phù hợp với thực tiễn, phù hợp với luật pháp quốc tế; bảo đảm được việc quản lý theo chuỗi, truy xuất được nguồn gốc; tạo thuận lợi cho công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Công ước CITES. Chính sách pháp luật về thực thi Công ước CITES đã đi vào cuộc sống, hình thành hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về thực thi Công ước CITES; phát triển hoạt động gây nuôi, xuất khẩu các loài động, thực vật hoang dã và mẫu vật của chúng, góp phần phát triển kinh tế-xã hội. Trên cơ sở văn bản pháp luật quy định cụ thể, việc lựa chọn các quy phạm để tiến hành hoạt động ADPL của Cơ quan Cảnh sát điều tra được cụ thể, chi tiết, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác đấu tranh với tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH.

Giai đoạn 3, ra quyết định áp dụng pháp luật

Đây là giai đoạn cụ thể hóa các quy định của pháp luật bằng các văn bản pháp luật do Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành như: Quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định khởi tố bị can,

quyết định tạm giữ, quyết định trưng cầu giám định, lệnh bắt tạm giam, lệnh khám xét, quyết định thực nghiệm điều tra...

** Kết quả trong ban hành các quyết định áp dụng pháp luật*

Việc ban hành các quyết định do Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành thực hiện trên cơ sở thực tế và cơ sở pháp lý; căn cứ vào tài liệu, chứng cứ xác thực, được thu thập, kiểm tra, đánh giá, sử dụng theo đúng quy định của pháp luật. Các quyết định được lập theo mẫu và đảm bảo đầy đủ các nội dung thông tin, tuân thủ quy định của BLTTHS. Các quyết định này vừa tạo điều kiện định hướng có hiệu quả cho công tác điều tra, truy tố, xét xử tiếp theo một cách chính xác, chặt chẽ, phù hợp, xử lý có hiệu quả đối tượng phạm tội.

Các trường hợp khởi tố đều đúng với quy định của pháp luật hiện hành, đúng tội danh giữa hành vi thực tế với hành vi nêu trong quyết định khởi tố, đảm bảo về trình tự, thủ tục, thẩm quyền và đảm bảo về mặt chứng cứ chứng minh. Cùng với các tình tiết của vụ án và các cơ sở pháp lý vững chắc thì Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành ban hành các quyết định phù hợp với tình hình thực tiễn, đảm bảo yêu cầu nghiệp vụ và trình tự tiến hành thủ tục tố tụng hình sự.

Ví dụ: Vụ án xảy ra hồi 11 giờ 15 phút ngày 11/01/2017, trên tuyến quốc lộ 8A thuộc địa phận xã Sơn Diệm, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Phòng Cảnh sát môi trường Công an tỉnh Hà Tĩnh phát hiện xe ô tô mang nhãn hiệu Toyota Hilux mang biển kiểm soát: 38C – 017.35 vận chuyển 22 cá thể tê tê, có tổng khối lượng 80,6 kg. Quá trình bắt giữ, lái xe và phụ xe bỏ trốn. Qua điều tra, xác minh, xét thấy vụ việc có dấu hiệu tội phạm, Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường Công an tỉnh Hà Tĩnh khởi tố vụ án, chuyển hồ sơ cho Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh, tiếp tục điều tra, xử lý theo thẩm quyền. Như vậy, sau khi phân tích, đánh giá tình hình, lựa chọn quy pháp pháp luật thì Cơ quan Cảnh sát điều tra cụ thể hóa quy phạm pháp luật bằng việc ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khi tiến hành xác minh cụ thể danh tính lái xe và phụ xe có hành vi vận chuyển trái

phép động vật NCQH tiến hành khởi tố bị can theo quy định bằng quyết định khởi tố bị can; tiến hành ra quyết định bắt bị can và tổ chức thực hiện bắt bị can và các hoạt động điều tra tiếp theo [54].

** Kết quả ra quyết định trong tạm đình chỉ hoặc kết thúc điều tra*

Đây là giai đoạn thể hiện rõ tính chất chuyên sâu về nghiệp vụ của Cơ quan Cảnh sát điều tra. Kết thúc điều tra vụ án tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH khi đã thu thập đầy đủ chứng cứ xác định rõ hành vi phạm tội, vấn đề năng lực trách nhiệm hình sự của từng bị can, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như các tình tiết về nhân thân người phạm tội và các vấn đề liên quan cần thiết phải chứng minh trong vụ án, cụ thể như sau:

- Tạm đình chỉ điều tra

Việc tạm đình chỉ điều tra vụ án VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH được thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 229 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), cụ thể:

+ Khi hết thời hạn điều tra mà Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa xác định được bị can hoặc không biết rõ bị can ở đâu, đối với trường hợp này Cơ quan Cảnh sát điều tra phải ra quyết định truy nã trước khi ra quyết định tạm đình chỉ điều tra;

+ Khi có kết luận giám định xác định bị can trong vụ án bị bệnh tâm thần hoặc bệnh hiểm nghèo;

+ Khi hết thời hạn điều tra nhưng chưa có kết quả hoạt động trung cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản, tương trợ tư pháp.

Trường hợp vụ án có nhiều bị can mà lý do tạm đình chỉ điều tra không liên quan đến tất cả bị can thì Cơ quan Cảnh sát điều tra có thể tạm đình chỉ điều tra đối với từng bị can.

- Kết thúc điều tra

Sau khi tiến hành các biện pháp điều tra, thu thập tài liệu chứng cứ; điều tra viên thụ lý vụ án VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH căn cứ vào

Điều 85 BLTTHS năm 2015 để kiểm tra, xem xét, đánh giá lại toàn bộ tài liệu chứng cứ đã thu thập được xem có đầy đủ cơ sở kết luận về tội phạm và tính chất mức độ phạm tội của các bị can trong vụ án VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH hay chưa? Cần phải thu thập tài liệu, chứng cứ để chứng minh, làm rõ vấn đề nào liên quan đến vụ án nữa hay không? Căn cứ quy định của Bộ luật TTHS, có 02 hình thức kết thúc điều tra vụ án VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH, cụ thể:

+ Viết bản kết luận điều tra, đề nghị truy tố

Đối với hình thức này, sau khi đã thu thập đầy đủ chứng cứ làm rõ về nội dung, diễn biến của vụ án, điều tra viên thụ lý vụ án phải tổng hợp kết quả điều tra thu được, báo cáo Thủ trưởng hoặc Phó thủ trưởng Cơ quan CSĐT và xây dựng, hoàn thiện bản kết luận điều tra.

+ Viết bản kết luận điều tra, đình chỉ điều tra

Trong quá trình điều tra vụ án VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH, nếu xét thấy người phạm tội có một trong các điều kiện quy định tại khoản 1, Điều 230 của BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), hoặc có căn cứ quy định tại Điều 16 hoặc Điều 29 hoặc khoản 2 Điều 91 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2015), hoặc đã hết thời hạn điều tra nhưng Cơ quan điều tra không chứng minh được bị can đã thực hiện tội phạm thì Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra ra quyết định đình chỉ điều tra, đồng thời viết bản kết luận điều tra.

Qua nghiên cứu cho thấy, thực tiễn ADPL trong kết thúc điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tập trung làm tốt các nội dung sau: 1/Củng cố chính xác, chặt chẽ phần tố tụng hình sự, đảm bảo về trình tự, thủ tục tố tụng; xây dựng bản kết luận điều tra chính xác, khác quan, toàn diện. 2/Khi hoàn thiện các tài liệu phục vụ tố tụng đảm bảo sự nhất quán giữa nội dung thông tin phản ánh trong tài liệu và các chứng cứ, đảm bảo yêu cầu bảo mật theo quy định. 3/Làm tốt chế độ báo cáo xin phê duyệt chủ trương xử lý và chủ động đề xuất hình thức xử lý với lãnh đạo cấp có thẩm quyền.

Giai đoạn 4, tổ chức thực hiện quyết định áp dụng pháp luật

Sau khi các quyết định ADPL được ban hành, việc tổ chức thực hiện quyết định ADPL đảm bảo hiệu lực của văn bản ADPL và thể hiện tính tổ chức, quyền lực Nhà nước được cơ quan tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thực hiện đảm bảo nguyên tắc và hiệu lực thi hành.

Qua nghiên cứu thực tế, sau khi ra quyết định ADPL, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành tổ chức thực hiện các nội dung đã quyết định một cách nghiêm túc và đúng trình tự pháp luật. Bên cạnh đó, trong quá trình tổ chức thực hiện quyết định ADPL, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã chủ động triển khai thực hiện một cách nhanh chóng, khoa học, đảm bảo việc thực hiện quyết định ADPL góp phần đảm bảo quá trình điều tra và hiệu lực thi hành. Quá trình thực hiện quyết định ADPL, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành lập hồ sơ đảm bảo theo trình tự tố tụng hình sự như: Khám xét, bắt người, thu giữ đồ vật, trưng cầu giám định... được ghi nhận đầy đủ bằng biên bản, có chữ ký của người tham gia, người chứng kiến và lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

Trong thực tiễn tiến hành tổ chức thực hiện ADPL, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người bị ADPL khi thông báo rõ quyền, nghĩa vụ của người bị ADPL, đảm bảo đúng thời hạn và đối tượng theo quy định.

Ví dụ: Đối với quyết định khởi tố vụ án hình sự, theo Điều 154, BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025): “Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải gửi quyết định đó kèm theo tài liệu liên quan đến Viện kiểm sát có thẩm quyền để kiểm sát việc khởi tố”; Điều 156, BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025): “Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải gửi quyết định kèm theo các tài liệu liên quan đến việc

thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự cho Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền để kiểm sát việc khởi tố” [63].

Đối với quyết định khởi tố bị can, theo Điều 154, BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025): “Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định khởi tố bị can, Cơ quan điều tra phải gửi quyết định khởi tố và tài liệu liên quan đến việc khởi tố bị can cho Viện kiểm sát cùng cấp để xét phê chuẩn. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định khởi tố bị can, Viện kiểm sát phải quyết định phê chuẩn hoặc quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố bị can hoặc yêu cầu bổ sung chứng cứ, tài liệu làm căn cứ để quyết định việc phê chuẩn và gửi ngay cho Cơ quan điều tra. Trường hợp Viện kiểm sát yêu cầu bổ sung chứng cứ, tài liệu thì trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được chứng cứ, tài liệu bổ sung, Viện kiểm sát phải ra quyết định phê chuẩn hoặc quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố bị can” [63].

Qua nghiên cứu thực tiễn, việc giao nhận các quyết định đều được thực hiện đúng theo quy trình, mẫu quy định, đảm bảo theo trình tự TTHS, khi nhận được quyết định khởi tố bị can, các bị can trong vụ án VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH đều có thái độ chấp hành, trừ một số đối tượng ngoan cố, có hành vi chống đối.

Trong quá trình điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH việc xử lý vật chứng là động vật sống cũng đã được đặc biệt chú trọng, quan tâm, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã phối hợp với các cơ quan như Kiểm lâm, các cơ quan cứu hộ, trung tâm bảo tồn, trung tâm giám định... để kịp thời đưa ra các phương án chăm sóc các loài NCQH, đảm bảo các điều kiện sống cho động vật NCQH phục vụ công điều tra và bảo tồn đối với động vật NCQH.

3.2.1.2. Nguyên nhân của kết quả đạt được

Thứ nhất, sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện và sát sao của Đảng, Nhà nước, Đảng ủy Công an Trung ương, lãnh đạo Bộ Công an và cấp uỷ, lãnh đạo các cấp trong việc bảo vệ đa dạng sinh học và ngăn chặn các hành vi VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH. Điều này được thể hiện qua việc

ban hành các chính sách và chiến lược quốc gia về bảo tồn thiên nhiên, như Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng NCQH và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; Quyết định số 49/QĐ-TTg ngày 08/01/2025 phê duyệt Chương trình quốc gia về bảo tồn các loài động vật hoang dã NCQH được ưu tiên bảo vệ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Thứ hai, hệ thống pháp luật ngày càng được củng cố với việc ban hành và sửa đổi các văn bản quan trọng như BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), trong đó Điều 234 quy định về tội VPQĐ về bảo vệ động vật hoang dã và Điều 244 về tội VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH. Cùng với đó là ban hành các văn bản hướng dẫn ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH như Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP ngày 05/11/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã hướng dẫn chi tiết về việc áp dụng các điều luật liên quan, các Nghị định... giúp thống nhất trong quá trình điều tra và xét xử. Bên cạnh đó, Cơ quan tư pháp đã tăng cường công tác điều tra, truy tố và xét xử các vụ án liên quan đến VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH trong những năm từ 2022 đến nay.

Các Nghị quyết của Đảng liên quan đến công tác cải cách tư pháp đã được ban hành đã thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước trong việc tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các cơ quan tư pháp, trong đó có Cơ quan Cảnh sát điều tra. Đặc biệt là hiệu lực của Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp nước ta đến năm 2020; Kết luận số 92-KL/TW ngày 12/03/2014 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Ngoài ra còn có các Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Ban cải cách tư pháp Trung ương, Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, các Thông tư liên ngành... đã được ban hành và triển khai thực hiện. Các văn bản này có ý nghĩa vô cùng to lớn và quan trọng, đã tác động trực

tiếp đến việc chỉ đạo và đẩy nhanh tiến độ và thời hạn, cơ bản đã khắc phục được lỗi chủ quan của chủ thể có thẩm quyền ADPL.

Thứ ba, Cơ quan Cảnh sát điều tra thường xuyên chủ động tích cực phối hợp chặt chẽ với các cơ quan bảo vệ pháp luật, nhất là cơ quan Viện Kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân các cấp nên hoạt động ADPL thời gian qua đã được tiến hành khẩn trương, khách quan và rất thận trọng. Vì thế, cơ bản đã hạn chế tình trạng oan, sai hoặc bỏ lọt tội phạm.

Thứ tư, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng, điều tra viên, cán bộ điều tra trong Cơ quan Cảnh sát điều tra luôn tích cực khắc phục những khó khăn, nêu cao tinh thần trách nhiệm, có ý thức tự hoàn thiện về chuyên môn, luôn nâng cao trình độ nghiệp vụ và năng lực công tác, khả năng sử dụng công nghệ thông tin, rèn luyện về bản lĩnh chính trị và phẩm chất đạo đức và hoàn thành mọi chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao. Nhiều cá nhân luôn tích cực chủ động và sáng tạo trong việc nghiên cứu, tiếp cận các văn bản khoa học pháp lý, đổi mới tư duy nhằm nâng cao chất lượng trong ADPL trong điều tra tội VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH.

Thứ năm, cơ sở vật chất và nguồn kinh phí được tăng cường. Nguồn lực tài chính được phân bổ cho các hoạt động bảo vệ và bảo tồn động vật hoang dã, bao gồm việc trang bị thiết bị hiện đại cho lực lượng chức năng và hỗ trợ các chương trình bảo tồn. Ngoài ra, Việt Nam đã nhận được hỗ trợ tài chính và kỹ thuật từ các tổ chức quốc tế trong việc nâng cao năng lực điều tra và bảo vệ động vật NCQH. Sự hợp tác này giúp chia sẻ kinh nghiệm, công nghệ và nguồn lực, góp phần nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ.

Thứ sáu, các chiến dịch truyền thông và giáo dục đã được triển khai rộng rãi, giúp người dân hiểu rõ hơn về tầm quan trọng của việc bảo vệ động vật hoang dã và những hậu quả pháp lý của hành vi vi phạm. Người dân cũng ngày càng tích cực tham gia vào việc bảo vệ động vật hoang dã, NCQH thông qua việc cung cấp thông tin cho cơ quan chức năng và tham gia các hoạt động bảo tồn.

3.2.2. Hạn chế áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam và nguyên nhân của hạn chế

3.2.2.1. Hạn chế

Mặc dù đã đạt được một số kết quả nhất định trong điều tra ban đầu tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH. Tuy nhiên, quá trình triển khai một số hoạt động ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra vẫn tồn tại một số hạn chế:

Giai đoạn 1, tiếp nhận thông tin, phân tích, đánh giá chính xác các tình tiết của sự việc

Thứ nhất, chưa chủ động thu thập đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan đến tình huống điều tra

Trong thực tiễn điều tra các vụ án liên quan đến tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH, một hạn chế phổ biến là sự thiếu chủ động của Cơ quan Cảnh sát điều tra trong việc thu thập đầy đủ thông tin, tài liệu ngay từ giai đoạn tiếp nhận ban đầu. Nhiều trường hợp, điều tra viên chỉ dừng lại ở việc ghi nhận sơ bộ hiện trường hoặc lời khai ban đầu, mà không triển khai đầy đủ các biện pháp nghiệp vụ cần thiết như thu thập dữ liệu điện tử từ điện thoại, camera an ninh, hồ sơ kiểm dịch, vận đơn vận chuyển, hóa đơn chứng từ, chứng cứ từ các nguồn mở (mạng xã hội, web thương mại...) để làm rõ bối cảnh và hành vi vi phạm. Điều này dẫn đến việc thiếu cơ sở để đánh giá chính xác tình huống pháp lý. Ví dụ, trong vụ việc ngày 14/5/2021 tại tỉnh Quảng Bình, lực lượng Công an bắt giữ một xe tải chở nhiều thùng xốp chứa cá thể rắn hổ mang, kỳ đà và trăn, nhưng do không thu thập kịp thời thông tin từ nhà xe, trạm thu phí và không trích xuất dữ liệu từ camera hành trình, nên cơ quan điều tra không xác định được nguồn gốc thực sự của tang vật, ảnh hưởng đến việc chứng minh hành vi vận chuyển trái phép có tổ chức hay chỉ là hành vi đơn lẻ [59]. Ngoài ra, việc chưa khai thác các công cụ phân tích dữ liệu chuyên sâu và phối hợp với các đơn vị kỹ thuật (phân tích số điện thoại, trích

lục giao dịch ngân hàng, dữ liệu hải quan...) cũng khiến Cơ quan điều tra bỏ lỡ các dấu hiệu về đường dây phạm tội. Thực tế này cho thấy sự bị động trong điều tra ban đầu đã làm giảm đáng kể hiệu quả ADPL đối với loại tội phạm đặc thù có yếu tố ẩn, liên quan đến tổ chức tội phạm xuyên quốc gia.

Thứ hai, chưa đánh giá đầy đủ, toàn diện các thông tin, tài liệu ban đầu thu thập được

Ngay cả trong những trường hợp đã thu thập được thông tin, tài liệu tương đối đầy đủ, thì một hạn chế khác là việc đánh giá chưa toàn diện và khách quan, dẫn đến những nhận định sai lệch về bản chất vụ việc. Nhiều điều tra viên có xu hướng chú trọng vào các yếu tố vật chứng (số lượng cá thể, chủng loài...) mà chưa xem xét đến các yếu tố chứng minh ý thức chủ quan, mức độ tổ chức, hành vi liên tiếp hay tái phạm, cũng như chưa khai thác triệt để giá trị từ lời khai, dữ liệu điện tử hay các nguồn tin trinh sát để tái dựng toàn bộ chuỗi hành vi. Ví dụ điển hình là vụ án tại huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang năm 2020, nơi lực lượng Công an phát hiện một đối tượng nuôi nhốt 02 cá thể cu li lớn - loài thuộc Phụ lục I CITES. Do đánh giá đây là hành vi nhỏ lẻ, không gây hậu quả lớn nên Cơ quan điều tra ban đầu chỉ kiến nghị xử phạt hành chính. Tuy nhiên, sau đó, qua thông tin phản ánh từ tổ chức bảo tồn động vật hoang dã, xác định đối tượng này từng nhiều lần rao bán các loài động vật quý hiếm trên mạng xã hội và có liên hệ với một đầu mối ở Lào, nên vụ việc được khởi tố lại và chuyển sang điều tra theo hướng có tổ chức [49]. Việc thiếu đánh giá tổng thể khiến nhiều vụ việc bị bỏ lọt yếu tố cấu thành tội phạm hoặc định tội sai mức độ. Ngoài ra, do áp lực xử lý nhanh vụ việc hoặc hạn chế về chuyên môn, nhiều hồ sơ điều tra chỉ tập trung vào tình tiết hiện tại mà bỏ qua quá khứ vi phạm, hành vi chuẩn bị phạm tội hoặc tầm ảnh hưởng đến đa dạng sinh học. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến kết quả điều tra mà còn làm suy yếu vai trò răn đe của pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ động vật VPQĐ.

Thứ ba, chưa đánh giá đúng bản chất vụ việc, vụ án ngay từ đầu, dẫn đến định hướng sai trong điều tra

Một thiếu sót nghiêm trọng trong ADPL là việc Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa đánh giá đúng bản chất vụ án ngay từ thời điểm đầu, dẫn đến việc định hướng điều tra bị lệch hướng hoặc xử lý không tương xứng với mức độ vi phạm. Thực tế cho thấy nhiều vụ việc tưởng chừng là vận chuyển động vật nhỏ lẻ nhưng thực chất là mắt xích trong một chuỗi buôn bán xuyên quốc gia, hoặc là hành vi mang tính thương mại được ngụy trang dưới hình thức cá nhân tiêu dùng. Do không phân tích đầy đủ các mối liên hệ về thời gian, không gian, nhân thân đối tượng và dấu hiệu tổ chức, nhiều vụ án bị "hạ thấp" tính chất, chỉ bị xử lý hành chính hoặc truy tố ở mức khung nhẹ. Ví dụ: trong vụ án năm 2022 tại TP. Hồ Chí Minh, lực lượng chức năng phát hiện đối tượng vận chuyển 06 cá thể tắc kè và 05 cá thể rùa hộp trán vàng miền Bắc – thuộc Nhóm IB. Ban đầu, Cơ quan điều tra nhận định đây là hành vi "vận chuyển trái phép không có giấy tờ", nên chỉ xử lý ở khung hành vi hành chính. Tuy nhiên, qua xác minh sau đó, phát hiện đối tượng là người thường xuyên mua bán loài này cho các đầu mối tại Trung Quốc và Malaysia [55]. Nếu nhận diện đúng từ đầu, vụ việc hoàn toàn có thể xử lý theo Điều 244 BLHS, nhóm tội có tổ chức và thực hiện nhiều lần, với khung hình phạt cao hơn. Việc đánh giá sai bản chất còn dẫn đến sai lầm trong lựa chọn biện pháp tố tụng như không kịp thời trưng cầu giám định, không áp dụng biện pháp ngăn chặn phù hợp, làm mất dấu đối tượng hoặc để tang vật bị tiêu hủy, gây khó khăn cho điều tra. Những sai sót này cho thấy một lỗ hổng nghiêm trọng trong kỹ năng phân tích tình huống điều tra và vận dụng pháp luật thực định của một bộ phận điều tra viên hiện nay.

Bên cạnh đó, việc thiếu cơ chế phối hợp chặt chẽ trong hợp tác quốc tế giữa Việt Nam và các quốc gia khác trong việc cung cấp thông tin, khuyến cáo về thủ đoạn, phương thức phạm tội của loại tội phạm này cũng chưa thường xuyên; thiếu cơ chế hỗ trợ về tài chính và kinh nghiệm quốc tế trong

tiến hành các hoạt động điều tra dẫn tới việc đánh giá chưa đúng bản chất sự việc, thiếu bao quát và triển khai các hoạt động tiếp theo không hiệu quả.

Giai đoạn 2, lựa chọn quy phạm pháp luật làm cơ sở pháp lý cho việc đưa ra các quyết định áp dụng pháp luật

Một là, lựa chọn quy phạm pháp luật nhằm hoặc thiếu chính xác trong quá trình điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH do một số điều tra viên không phân biệt rõ ràng giữa các nhóm loài được bảo vệ theo hệ thống pháp luật quốc gia và theo các Phụ lục của Công ước CITES. Trên thực tế, các quy định pháp luật hiện hành có sự phân chia theo hai hệ thống: (1) hệ thống pháp luật Việt Nam, tiêu biểu là Luật Lâm nghiệp năm 2017, Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019 về Danh mục loài NCQH được ưu tiên bảo vệ và các văn bản liên quan; (2) hệ thống quốc tế theo các Phụ lục I, II, III của Công ước CITES mà Việt Nam là thành viên. Mỗi hệ thống có tiêu chí phân loại riêng biệt, phục vụ cho những mục đích bảo tồn, quản lý và truy cứu trách nhiệm khác nhau. Tuy nhiên, trong thực tiễn điều tra, việc điều tra viên nhầm lẫn giữa các danh mục hoặc không tiến hành tra cứu, đối chiếu đầy đủ khiến cho việc lựa chọn quy phạm áp dụng gặp nhiều sai sót.

Trong bản chất, đây là sai sót xuất hiện ngay tại giai đoạn lựa chọn quy phạm pháp luật. Việc nhận diện sai nhóm loài, theo cảm tính hoặc dựa vào tên gọi thông thường thay vì tiêu chí pháp lý, dẫn đến việc xác lập sai căn cứ pháp lý ngay từ đầu, kéo theo hệ quả sai lệch trong toàn bộ hoạt động tố tụng tiếp theo. Điều này thể hiện sự thiếu đầy đủ về kiến thức liên ngành cũng như thiếu chuẩn hóa quy trình lựa chọn quy phạm trong các vụ việc loại này.

Một biểu hiện phổ biến là điều tra viên chỉ dựa vào tên gọi thông thường hoặc nhận thức chủ quan về mức độ quý hiếm của loài mà không tiến hành đối chiếu với danh mục pháp lý cụ thể. Điều này dẫn đến việc hành vi đáng ra phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 244 BLHS lại bị xử lý theo hướng vi phạm hành chính theo Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 hoặc Luật Lâm nghiệp năm 2017. Trong nhiều vụ việc, sau khi đã tiến hành xử phạt hành chính hoặc tạm đình chỉ vụ án, kết quả giám định sau

đó mới cho thấy loài bị xâm hại thuộc nhóm IB hoặc Phụ lục I CITES, làm nảy sinh tình trạng "xử lý nhầm thẩm quyền", ảnh hưởng đến hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm, và gây khó khăn trong việc phục hồi thủ tục tố tụng hình sự.

Sự nhầm lẫn này cho thấy giai đoạn lựa chọn quy phạm pháp luật chưa được thực hiện đúng yêu cầu về chuyên môn. Sai lầm ở giai đoạn nền tảng này khiến các quyết định ADPL ban đầu thiếu cơ sở pháp lý chính xác, buộc cơ quan điều tra phải điều chỉnh, phục hồi hoặc làm lại các bước tố tụng, dẫn đến kéo dài thời gian xử lý và giảm hiệu quả răn đe.

Ví dụ, trong vụ việc xảy ra tháng 3/2022 tại huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông, Cơ quan Cảnh sát điều tra phát hiện một người dân nuôi nhốt 08 cá thể rùa đất lớn. Ban đầu, vụ việc chỉ bị xử lý hành chính với lý do chưa xác định đây là loài được bảo vệ nghiêm ngặt. Tuy nhiên, sau đó kết quả giám định của Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật xác nhận đây là loài rùa đất lớn (*Heosemys grandis*), được xếp vào Nhóm IB của Danh mục tại Nghị định số 64/2019/NĐ-CP và thuộc Phụ lục I Công ước CITES [52]. Việc lựa chọn sai quy phạm đã kéo dài tiến độ khởi tố, làm ảnh hưởng đến việc áp dụng biện pháp xử lý phù hợp đối với người vi phạm, đồng thời đặt cơ quan điều tra vào thế bị động, phải điều chỉnh hồ sơ, tiến hành lại các bước tố tụng từ đầu.

Trường hợp này minh chứng rõ nét cho việc lựa chọn sai quy phạm pháp luật đã làm sai lệch toàn bộ hướng xử lý, khiến quyết định ADPL ban đầu không còn phù hợp, buộc Cơ quan điều tra phải thực hiện lại quy trình, làm giảm hiệu quả giải quyết vụ việc.

Hai là, hạn chế trong việc lựa chọn quy phạm pháp luật khi có nhiều văn bản cùng điều chỉnh một hành vi, dẫn đến chồng chéo hoặc mâu thuẫn trong áp dụng.

Một hạn chế đáng chú ý trong thực tiễn điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH là việc điều tra viên lúng túng trong lựa chọn quy phạm pháp luật do tồn tại nhiều văn bản quy phạm cùng điều chỉnh một hành vi nhưng nội dung, phạm vi hoặc hình thức xử lý có sự khác biệt. Sự đa dạng

của các quy định hiện hành như BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Luật Lâm nghiệp năm 2017, Luật Thủy sản năm 2017, Luật Đa dạng sinh học năm 2008, Công ước CITES và các nghị định hướng dẫn như Nghị định số 64/2019/NĐ-CP, Nghị định số 07/2022/NĐ-CP đã tạo nên một hệ thống pháp luật phức tạp, đòi hỏi người tiến hành tố tụng phải có trình độ pháp lý chuyên sâu và kỹ năng phân tích, lựa chọn quy phạm phù hợp.

Sự phức tạp này càng trở nên nghiêm trọng hơn khi chưa có nguyên tắc ưu tiên lựa chọn quy phạm thống nhất. Nhiều điều tra viên vẫn lúng túng trong việc xác định quy phạm nào đóng vai trò trung tâm khi hành vi vi phạm đồng thời chịu sự điều chỉnh của nhiều luật. Việc thiếu hệ tiêu chí khoa học trong lựa chọn quy phạm dẫn đến tình trạng “mỗi nơi áp dụng một kiểu”, làm suy giảm tính thống nhất trong áp dụng pháp luật hình sự đối với loại tội phạm này.

Ví dụ điển hình là các vụ vận chuyển hổ hoặc sừng tê giác bị phát hiện tại cửa khẩu. Có trường hợp điều tra viên áp dụng Điều 244 BLHS về tội VPQĐ bảo vệ động vật NCQH, trong khi đáng lẽ cần áp dụng Điều 191 BLHS về tội vận chuyển hàng cấm (do pháp luật hình sự Việt Nam xem ngà voi, sừng tê giác là “hàng cấm” theo hướng dẫn tại Công văn số 156/TANDTC-PC năm 2020). Ngược lại, có trường hợp áp dụng Điều 191 lại không phù hợp khi hành vi xâm hại là săn bắt, giết, nuôi động vật còn sống thuộc Phụ lục I CITES. Việc áp dụng không thống nhất giữa các cơ quan tiến hành tố tụng làm nảy sinh mâu thuẫn về tội danh, kéo dài thời gian điều tra, thậm chí ảnh hưởng đến kết quả xét xử.

Thực tế này phản ánh hạn chế cốt lõi của giai đoạn lựa chọn quy phạm pháp luật: nếu quy phạm được chọn làm nền tảng cho quyết định ADPL sai, quyết định khởi tố, trả hồ sơ hoặc thay đổi tội danh về sau đều sẽ thiếu căn cứ pháp lý, làm giảm chất lượng giải quyết vụ án.

Bên cạnh đó, một số hành vi như chế biến, tiêu thụ, sử dụng sản phẩm từ động vật NCQH hiện vẫn đang được điều chỉnh rải rác trong các văn bản dưới luật, chưa được hình sự hóa toàn diện, khiến điều tra viên khó xác định

đúng bản chất pháp lý để ra quyết định xử lý. Trong một số trường hợp, cùng một hành vi có thể vừa bị xử phạt hành chính theo Nghị định số 07/2022/NĐ-CP, vừa bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu đạt ngưỡng quy định tại Điều 244 BLHS, nhưng việc xác định ngưỡng này không được hướng dẫn cụ thể, gây lúng túng và làm phát sinh rủi ro pháp lý.

Điều này cho thấy thiếu hụt tiêu chí định lượng và định tính thống nhất trong việc phân định ranh giới hành chính - hình sự, làm cho quyết định lựa chọn quy phạm pháp luật trong giai đoạn ADPL mang tính cảm tính và phụ thuộc nhiều vào kinh nghiệm cá nhân của điều tra viên.

Ba là, lựa chọn quy phạm pháp luật thiếu chính xác, do vậy sai hình thức xử lý và đánh giá không đúng bản chất hành vi vi phạm - nhầm lẫn giữa xử lý hành chính và xử lý hình sự.

Việc Cơ quan Cảnh sát điều tra đánh giá không đúng bản chất của hành vi VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH, dẫn đến lựa chọn sai hình thức xử lý, chuyển nhầm vụ việc từ tội phạm hình sự sang vi phạm hành chính. Hạn chế này bắt nguồn từ việc nhận thức chưa đầy đủ về các dấu hiệu định tội của Điều 244 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), đồng thời chưa vận dụng chính xác các quy định hướng dẫn tại Nghị định số 07/2022/NĐ-CP và các văn bản liên ngành khác trong việc phân định ranh giới giữa hai chế tài.

Bản chất của sai sót này xuất phát từ giai đoạn lựa chọn quy phạm pháp luật chưa chính xác. Khi căn cứ pháp lý được chọn sai ngay từ đầu, quyết định xử lý - hành chính hoặc hình sự - tất yếu sẽ sai lệch, kéo theo việc xác định không đúng tính chất nguy hiểm của hành vi và làm giảm hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Thực tế cho thấy, nhiều vụ việc vi phạm liên quan đến vận chuyển, tàng trữ, nuôi nhốt trái phép động vật hoang dã quý, hiếm, dù có dấu hiệu cấu thành tội phạm rõ ràng, nhưng lại được xử lý hành chính, dẫn đến nguy cơ bỏ lọt tội phạm. Ví dụ, năm 2021, tại tỉnh Kon Tum, lực lượng Kiểm lâm và Công an phát hiện một đối tượng vận chuyển 05 cá thể khỉ mặt đỏ (*Macaca arctoides*) - loài động vật thuộc nhóm IB và Phụ lục I CITES, nhưng chỉ ra

quyết định xử phạt hành chính với lý do “chưa rõ mục đích vận chuyển” và “không đủ căn cứ định lượng cấu thành tội phạm” [24]. Trong khi đó, hành vi vận chuyển trái phép dù không có mục đích thương mại vẫn có thể đủ yếu tố cấu thành tội phạm nếu động vật thuộc nhóm IB, theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 244 BLHS. Sự nhầm lẫn này không chỉ ảnh hưởng đến hiệu lực răn đe của pháp luật hình sự mà còn tạo ra tiền lệ xấu cho các đối tượng phạm tội tiếp tục lợi dụng kẽ hở để trục lợi.

Hạn chế này cũng cho thấy điều tra viên chưa được trang bị đầy đủ tiêu chí nhận diện hành vi cấu thành tội phạm theo Điều 244 BLHS và chưa có quy trình chuẩn để lựa chọn quy phạm tương ứng khi hành vi tiền hành có tính chất phức tạp, đan xen nhiều yếu tố hành chính – hình sự.

Ngoài ra, sự phối hợp chưa đồng bộ giữa Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và cơ quan chuyên ngành như Kiểm lâm, Hải quan... cũng góp phần làm chậm trễ hoặc sai lệch trong nhận định tính chất hành vi. Một số trường hợp, Cơ quan Cảnh sát điều tra còn phải chờ kết quả giám định trong thời gian dài, dẫn đến quyết định xử lý tạm thời mang tính hành chính, làm giảm khả năng khởi tố sau đó vì vật chứng không còn nguyên trạng. Điều này đặc biệt nghiêm trọng đối với các vụ án có đối tượng là cá thể động vật sống, dễ chết, hoặc vật chứng dễ bị hư hại, như ngà voi, sừng tê giác, vảy tê tê...

Việc quá phụ thuộc vào kết luận giám định và không tiến hành nhận dạng sơ bộ để định hướng quy phạm áp dụng ngay từ đầu cũng là một hạn chế điển hình trong lựa chọn quy phạm pháp luật. Điều này làm giảm tính chủ động của điều tra viên và ảnh hưởng trực tiếp đến thời hạn, tiến độ và chất lượng giải quyết vụ án.

Giai đoạn 3, ra quyết định áp dụng pháp luật

Một là, ban hành quyết định áp dụng pháp luật khi chưa có đầy đủ căn cứ pháp lý và chứng cứ vững chắc

Một trong những hạn chế đáng chú ý trong giai đoạn ra quyết định ADPL của Cơ quan Cảnh sát điều tra đối với các vụ án VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH là việc ban hành quyết định khi chưa có đầy đủ căn cứ pháp lý và

chứng cứ xác đáng. Thực tiễn cho thấy, áp lực phải xử lý vụ việc nhanh chóng, cùng với những khó khăn trong quá trình thu thập chứng cứ đặc thù của loại tội phạm này như giám định mẫu vật động vật, định giá tài sản, xác minh nguồn gốc hợp pháp... khiến nhiều quyết định khởi tố, đề nghị truy tố được đưa ra trong khi cơ sở chứng minh còn thiếu vững chắc. Việc xác định dấu hiệu tội phạm chưa được kiểm chứng đầy đủ dẫn tới nguy cơ làm oan người vô tội hoặc bỏ lọt tội phạm.

Ví dụ điển hình có thể kể đến vụ việc tại huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, tháng 7/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định khởi tố vụ án về hành vi buôn bán 03 cá thể rắn hổ mang được xác định là loài VPQĐ. Tuy nhiên, do không có kết luận giám định pháp y về loài vật chuẩn xác (vì cá thể đã chết và không bảo quản đúng quy cách), Viện kiểm sát nhân dân đã phải yêu cầu hủy bỏ quyết định khởi tố do thiếu chứng cứ xác thực chứng minh cá thể bị buôn bán thuộc nhóm IB hoặc Phụ lục I CITES [60]. Trường hợp này không chỉ kéo dài thời gian giải quyết vụ án mà còn ảnh hưởng đến uy tín, tính thận trọng và chính danh trong hoạt động điều tra của cơ quan có thẩm quyền.

Một trong những hạn chế đáng quan ngại trong hoạt động ADPL của Cơ quan Cảnh sát điều tra là tình trạng ra quyết định tố tụng khi chưa thu thập đầy đủ các chứng cứ cần thiết, đặc biệt là đối với các vụ án VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH. Việc ban hành quyết định khởi tố vụ án hoặc khởi tố bị can khi chưa có đầy đủ căn cứ chứng minh hành vi phạm tội không chỉ đi ngược lại các nguyên tắc cơ bản trong tố tụng hình sự như nguyên tắc suy đoán vô tội, mà còn làm suy giảm hiệu quả điều tra và dễ dẫn tới những hậu quả pháp lý bất lợi trong quá trình truy tố, xét xử.

Trên thực tế, có nhiều trường hợp Cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố vụ án hình sự mà chưa có kết quả giám định tang vật, hoặc chưa xác minh rõ tính hợp pháp của các giấy tờ liên quan đến động vật bị thu giữ. Ví dụ, trong vụ việc xảy ra tại huyện Lạc Dương (tỉnh Lâm Đồng) tháng 8/2021, sau khi

thu giữ 05 cá thể chim nghi là họa mi rừng thuộc nhóm IIB, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã lập tức khởi tố vụ án theo Điều 244 BLHS. Tuy nhiên, sau đó kết quả giám định cho thấy đây là loài được nuôi sinh sản có kiểm soát trong điều kiện được cấp phép hợp pháp. Vụ án bị đình chỉ, gây ảnh hưởng đến uy tín của cơ quan tiến hành tố tụng và gây thiệt hại về tinh thần, danh dự cho người bị điều tra [56].

Hai là, chưa phân tích, viện dẫn đầy đủ các căn cứ pháp luật trong quyết định

Một trong những thiếu sót phổ biến trong thực tiễn ADPL của Cơ quan Cảnh sát điều tra trong các vụ án VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH là việc chưa phân tích, viện dẫn đầy đủ và chính xác các căn cứ pháp lý trong các quyết định tố tụng. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến tính thuyết phục, mà còn làm suy giảm hiệu lực pháp lý và khả năng kiểm tra, giám sát của các cơ quan tiến hành tố tụng khác đối với quyết định đã ban hành.

Trong quá trình điều tra, khi ra các quyết định quan trọng như quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, tạm giữ, tạm giam hay trưng cầu giám định, Cơ quan Cảnh sát điều tra có trách nhiệm viện dẫn rõ ràng các quy phạm pháp luật làm cơ sở pháp lý để đảm bảo tính minh bạch, chính danh và tuân thủ pháp luật. Tuy nhiên, trên thực tế, nhiều quyết định vẫn còn thể hiện sự sơ sài trong viện dẫn căn cứ. Một số văn bản chỉ viện dẫn chung chung như “căn cứ Bộ luật Hình sự năm 2015” hoặc “căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015” mà không trích dẫn cụ thể điều, khoản áp dụng. Việc này không những gây khó khăn trong việc xác định cơ sở pháp lý, mà còn tạo kẽ hở cho các đối tượng lợi dụng để khiếu nại, phản bác quyết định.

Đặc biệt, trong các vụ án liên quan đến động vật hoang dã, NCQH nhiều quyết định tố tụng còn thiếu viện dẫn đến các văn bản pháp luật chuyên ngành có tính chất bắt buộc như Luật Lâm nghiệp năm 2017, Nghị định số 64/2019/NĐ-CP về Danh mục động vật rừng VPQĐ và chế độ quản lý, hoặc Công ước CITES - là cơ sở quốc tế quan trọng để xác định tính chất pháp lý

của loài bị xâm hại. Việc không trích dẫn các văn bản này hoặc trích dẫn sai quy định có thể khiến quyết định ADPL không phù hợp với bản chất hành vi vi phạm, làm giảm tính chính xác trong việc định danh tội phạm và định hướng điều tra.

Ví dụ cụ thể, trong vụ án xảy ra tại tỉnh Bình Dương năm 2021, một đối tượng bị khởi tố về hành vi buôn bán trái phép 03 cá thể vượn má trắng – một loài thuộc Phụ lục I của Công ước CITES và Nhóm IB theo Nghị định 64/2019/NĐ-CP. Tuy nhiên, quyết định khởi tố bị can chỉ viện dẫn Điều 244 BLHS mà không nêu rõ căn cứ từ Nghị định 64 hay Phụ lục CITES, khiến hồ sơ vụ án bị Viện kiểm sát yêu cầu hoàn thiện lại để làm rõ cơ sở pháp lý xác định loài động vật được bảo vệ [50]. Điều này làm kéo dài thời gian điều tra, gây ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án và hiệu quả thực thi pháp luật.

Ba là, còn một số chậm trễ trong ban hành quyết định, vi phạm thời hạn tố tụng

Một hạn chế đáng quan ngại trong giai đoạn ra quyết định ADPL của Cơ quan Cảnh sát điều tra trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH là tình trạng chậm trễ trong việc ban hành các quyết định tố tụng, không bảo đảm thời hạn theo quy định của BLTTHS. Việc vi phạm các mốc thời gian bắt buộc không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị can, bị cáo mà còn dẫn đến nguy cơ cao các quyết định bị tuyên hủy, hồ sơ bị trả lại để điều tra bổ sung hoặc thậm chí phải đình chỉ vụ án.

Theo Điều 147, Điều 155 và các điều khoản liên quan trong BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), các quyết định như quyết định khởi tố vụ án, trưng cầu giám định, áp dụng biện pháp ngăn chặn, thu giữ và bảo quản vật chứng... đều có thời hạn cụ thể mà Cơ quan điều tra phải tuân thủ. Tuy nhiên, trong thực tiễn, nhiều vụ án VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH lại không bảo đảm tiến độ ban hành các quyết định này. Một phần nguyên nhân xuất phát từ việc thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chuyên môn như kiểm lâm, cơ sở cứu hộ động vật, đơn vị giám định... nhưng nguyên nhân

quan trọng hơn vẫn là sự thiếu chủ động, lúng túng trong tổ chức tiến hành tố tụng của một số điều tra viên.

Điển hình là vụ án xảy ra tại huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh năm 2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã phát hiện và lập biên bản tạm giữ 11 cá thể cu li lớn - loài thuộc Nhóm IB và Phụ lục I CITES - nhưng mất hơn 17 ngày để ra quyết định trưng cầu giám định do chưa xác định được cơ quan chuyên môn phù hợp. Việc chậm trễ này đã kéo theo hệ lụy là quyết định khởi tố bị trì hoãn, Viện kiểm sát từ chối phê chuẩn lệnh tạm giam, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ điều tra. Sau đó, do một số cá thể bị chết trong quá trình tạm giữ không có điều kiện chăm sóc, Hội đồng giám định từ chối đánh giá giá trị thiệt hại, dẫn đến không đủ căn cứ xử lý hình sự [54].

Giai đoạn 4, tổ chức thi hành quyết định áp dụng pháp luật

Một là, chậm triển khai hoặc triển khai không đúng nội dung quyết định áp dụng pháp luật

Một trong những hạn chế nổi bật trong giai đoạn tổ chức thực hiện văn bản ADPL của Cơ quan Cảnh sát điều tra trong các vụ án VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH là tình trạng triển khai chậm trễ hoặc thực hiện không đúng nội dung quyết định đã được ban hành. Quyết định ADPL, đặc biệt là quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, trưng cầu giám định hay áp dụng biện pháp ngăn chặn, chỉ thực sự có hiệu lực trong thực tế nếu được thi hành đầy đủ, đúng thời điểm, đúng nội dung đã nêu. Tuy nhiên, thực tế điều tra cho thấy nhiều trường hợp các quyết định tố tụng được ban hành nhưng việc triển khai thực tế bị trì hoãn, hoặc thực hiện không đầy đủ, gây ảnh hưởng lớn đến tiến trình điều tra và hiệu lực thực thi pháp luật.

Tình trạng chậm triển khai có thể bắt nguồn từ việc thiếu kế hoạch thực hiện chi tiết ngay sau khi ban hành quyết định, hoặc do điều tra viên chưa chủ động phối hợp với các lực lượng có liên quan như kiểm lâm, hải quan, biên phòng, cơ quan giám định... để thi hành các nội dung theo quyết định. Ví dụ, trong một vụ án điển hình tại tỉnh Gia Lai năm 2021, Cơ quan Cảnh sát điều

tra đã ra quyết định khởi tố bị can về hành vi vận chuyển trái phép động vật nguy cấp thuộc Phụ lục I Công ước CITES và Nhóm IB theo Nghị định 64/2019/NĐ-CP. Tuy nhiên, phải sau 12 ngày kể từ ngày ra quyết định, lệnh khám xét nơi cất giấu tang vật mới được thực hiện do điều tra viên không bố trí được lực lượng hỗ trợ và phương tiện kỹ thuật cần thiết. Sự chậm trễ này đã tạo điều kiện cho đối tượng tiêu hủy một phần tang vật, ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc thu thập chứng cứ [53].

Hai là, còn một số hạn chế khi lập hồ sơ, biên bản trong quá trình thực hiện

Một trong những thiếu sót nghiêm trọng ảnh hưởng đến tính hợp pháp và giá trị chứng minh của các hoạt động điều tra là việc không lập hoặc lập không đầy đủ hồ sơ, biên bản khi tổ chức thực hiện các quyết định ADPL. Theo quy định của BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), mọi hành vi tố tụng như khám xét, bắt người, thu giữ vật chứng, tạm giữ người, trưng cầu giám định, di lý hoặc xử lý tang vật đều phải được ghi nhận đầy đủ bằng biên bản, có chữ ký của người tham gia, người chứng kiến và phải lưu trữ đầy đủ trong hồ sơ vụ án. Tuy nhiên, trên thực tế, vẫn còn nhiều vụ việc cho thấy Cơ quan điều tra chưa tuân thủ đầy đủ quy định này.

Tình trạng phổ biến là việc chỉ lập biên bản hình thức, thiếu chữ ký của những người bắt buộc phải có mặt như người bị khám xét, người chứng kiến hoặc người lập biên bản; thậm chí có trường hợp hoàn toàn không lập biên bản do chủ quan hoặc do điều kiện tác nghiệp không cho phép. Ví dụ, trong vụ điều tra vận chuyển trái phép 05 cá thể cu li nhỏ (*Nycticebus pygmaeus*) tại huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai năm 2022, lực lượng điều tra đã thu giữ tang vật và di lý cá thể động vật về nơi chăm sóc mà không có biên bản bàn giao vật chứng, không có chữ ký của đại diện cơ quan tiếp nhận. Sau đó, khi xảy ra tranh chấp giữa Cơ quan điều tra và đơn vị cứu hộ về số lượng, tình trạng sức khỏe cá thể tiếp nhận, không có tài liệu để làm căn cứ pháp lý xác minh [57].

Ba là, vi phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người bị áp dụng pháp luật

Trong quá trình tổ chức thực hiện các quyết định ADPL, một trong những hạn chế nghiêm trọng và có hệ quả pháp lý lớn là việc xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người bị ADPL. Dù BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) đã quy định rõ ràng các nguyên tắc bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự, song trên thực tế vẫn còn nhiều trường hợp Cơ quan điều tra thực hiện sai lệch, không đúng trình tự, thủ tục, dẫn đến việc người bị điều tra bị ảnh hưởng nghiêm trọng về quyền cá nhân và quyền được bảo vệ pháp lý.

Một vi phạm phổ biến là không thông báo kịp thời các quyết định ADPL như khởi tố bị can, áp dụng biện pháp ngăn chặn, trưng cầu giám định tâm thần, khám xét chỗ ở... theo đúng thời hạn và đúng đối tượng theo quy định tại Điều 119, Điều 134 và các điều liên quan của BLTTHS. Việc không thông báo hoặc thông báo chậm khiến người bị áp dụng không biết rõ quyền, nghĩa vụ của mình trong tố tụng, đồng thời mất đi cơ hội chuẩn bị bào chữa hoặc phản hồi kịp thời các cáo buộc từ phía cơ quan có thẩm quyền.

Bốn là, không xử lý kịp thời vật chứng là động vật sống

Một trong những hạn chế nghiêm trọng, thường xuyên xảy ra trong thực tiễn điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH là việc không kịp thời xử lý vật chứng là động vật sống. Đây là loại vật chứng đặc thù, đòi hỏi chế độ chăm sóc, cứu hộ và bảo quản đặc biệt, tuy nhiên quy trình xử lý ở nhiều nơi còn bị buông lỏng, thiếu thống nhất, dẫn đến nhiều hệ quả pháp lý và xã hội nghiêm trọng.

Ví dụ điển hình là vụ án xảy ra vào ngày 04/8/2021 tại tỉnh Nghệ An: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã phát hiện và bắt giữ 17 cá thể hổ trưởng thành nuôi nhốt trái phép tại hai hộ dân. Sau khi gây mê và vận chuyển đến Khu sinh thái Mường Thanh Diễn Lâm để chăm sóc, 08 trong số 17 cá thể hổ đã bị chết chỉ trong vòng 24 giờ do không đảm bảo điều kiện vận chuyển và chăm sóc y tế [58]. Vụ việc không chỉ gây tổn thất nghiêm trọng về tang vật, mà còn dẫn đến phản ứng gay gắt từ dư luận, ảnh hưởng tới hình ảnh ngành Công

an trong công tác bảo vệ động vật hoang dã, NCQH cũng như uy tín trong thực thi pháp luật.

Bên cạnh đó, thiếu quy trình phối hợp liên ngành hiệu quả giữa Công an, Kiểm lâm, cơ quan cứu hộ, trung tâm giám định... cũng là nguyên nhân dẫn đến sự chậm trễ trong xử lý vật chứng là động vật sống. Trong nhiều trường hợp, chưa có cơ chế phân công cụ thể cơ quan chịu trách nhiệm tiếp nhận, chăm sóc và xử lý tang vật sống, dẫn đến tình trạng bị “đùn đẩy trách nhiệm” hoặc tạm giữ vật chứng tại nơi không đủ điều kiện. Một số địa phương còn thiếu danh mục chính thức về các "cơ sở có đủ điều kiện bảo quản động vật sống" để áp dụng khoản 3 Điều 106 BLTTHS, dẫn tới lúng túng khi triển khai thực hiện quyết định tố tụng.

Năm là, thiếu quy trình rõ ràng trong bàn giao, xử lý hậu kiểm

Một trong những thiếu sót đáng lưu ý trong tổ chức thực hiện văn bản ADPL của Cơ quan Cảnh sát điều tra là thiếu quy trình rõ ràng, minh bạch trong việc bàn giao, xử lý hậu kiểm các quyết định đã ban hành. Trong bối cảnh điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH - một lĩnh vực đòi hỏi sự phối hợp liên ngành và theo dõi liên tục - việc không thiết lập cơ chế giám sát, tổng kết và bàn giao chặt chẽ đã gây ra nhiều hệ lụy nghiêm trọng đối với hiệu quả thực thi pháp luật.

Trên thực tế, sau khi ban hành các quyết định như trưng cầu giám định, thu giữ tang vật, chuyển giao vật chứng, hay áp dụng các biện pháp ngăn chặn, nhiều Cơ quan điều tra không tiến hành lập biên bản bàn giao đúng quy chuẩn, hoặc không kiểm tra việc thực hiện quyết định ở giai đoạn hậu kiểm. Điều này dẫn đến tình trạng một số quyết định không được thực thi đầy đủ, hoặc việc thực hiện không đúng nội dung, thời hạn quy định, nhưng không bị phát hiện kịp thời. Ví dụ: trong vụ án tháng 5/2023 tại tỉnh Bình Phước, sau khi ra quyết định chuyển giao 06 cá thể khi đuôi lợn là tang vật vụ án sang một trung tâm cứu hộ động vật hoang dã, không có biên bản ghi nhận quá trình bàn giao, cũng không có cơ chế giám sát sau đó. Hậu quả là 03 cá thể bị chết trong quá trình nuôi dưỡng, không xác định được trách nhiệm, làm

ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính hợp pháp và giá trị chứng cứ trong hồ sơ vụ án [51].

Có thể thấy, những hạn chế, thiếu sót nêu trên đã ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả công tác đấu tranh, phòng chống loại tội phạm này. Trong đó cần nhìn rõ hơn về những khó khăn, vướng mắc chủ yếu của công tác bảo vệ động vật NCQH, đặc biệt, việc thiếu cơ chế quản lý, theo dõi, giám sát việc thực hiện áp dụng pháp luật dẫn tới việc thực hiện áp dụng pháp luật kém hiệu quả, thông tin trao đổi giữa các cơ quan có thẩm quyền không thường xuyên, không có những đánh giá tổng kết, bài học kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn và chưa xây dựng được hệ thống quản lý dữ liệu để phục vụ khai thác trong hoạt động điều tra dẫn tới nhiều mặt hạn chế cần khắc phục trong thời gian tới.

3.2.2.2. Nguyên nhân của những hạn chế

Những hạn chế trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có một số nguyên nhân cơ bản sau:

- Nguyên nhân khách quan:

Thứ nhất, quy định của một số văn bản pháp luật chưa giải thích rõ hoặc quy định chưa thống nhất, gây khó khăn cho Cơ quan Cảnh sát điều tra và các cơ quan thực thi pháp luật có liên quan trong quá trình vận dụng các quy định pháp luật để đánh giá đúng tình tiết, bản chất của sự việc, làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra.

Thứ hai, hoạt động xác minh, điều tra về tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH đôi lúc còn chậm, thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng, thiếu sự chuẩn bị về lực lượng, phương tiện và chiến thuật dẫn tới giảm hiệu quả ADPL. Kinh phí, phương tiện phục vụ hoạt động phát hiện, điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH còn nhiều hạn chế, chưa được quan tâm đầu tư đúng mức.

Thứ ba, trong quá trình tiến hành các hoạt động ADPL, hiện vẫn còn khó khăn do các cơ quan chức năng chưa xây dựng được hệ thống cơ sở dữ

liệu về đặc điểm, phương thức, thủ đoạn của tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH hoặc các thông tin về loài động vật NCQH để phục vụ cho công tác khai thác, sử dụng trong hoạt động điều tra dẫn tới thiếu công cụ phân tích, so sánh và đưa ra nhận định, đánh giá đúng bản chất của sự việc trong quá trình ADPL.

- Nguyên nhân chủ quan:

Thứ nhất, một bộ phận điều tra viên, cán bộ điều tra khi được phân công giải quyết các vụ án còn chưa nhận thức được đầy đủ vị trí, vai trò, thẩm quyền khi ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra. Một số điều tra viên, cán bộ điều tra còn thiếu kỹ năng nhận biết đặc điểm loài động vật NCQH, chưa vận dụng đúng đắn, chính xác các quy định của pháp luật để áp dụng vào trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Bên cạnh đó, việc thiếu nhận thức đúng của người dân và cộng đồng xã hội dẫn tới việc hiểu chưa đúng bản chất và mức độ vi phạm của hành vi.

Thứ hai, khi tiến hành các hoạt động ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH, Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa xây dựng được quy chế phối hợp đầy đủ, đồng bộ giữa lực lượng Cảnh sát điều tra với các lực lượng có liên quan trong phòng chống tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH dẫn đến hoạt động phối hợp triển khai các hoạt động điều tra gặp khó khăn, thiếu tính kịp thời khi hồ sơ vật chứng là động vật sống hoặc bộ phận cần xử lý ngay.

Thứ ba, quá trình tiến hành ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH, Cơ quan Cảnh sát điều tra còn hạn chế trong việc phối hợp và tăng cường cơ chế hỗ trợ về tổ chức hoạt động điều tra giữa các nước tham gia các Công ước, Điều ước quốc tế và hỗ trợ kỹ thuật, tài chính của các cơ quan thực thi pháp luật quốc tế, đặc biệt đối với các vụ án tội phạm có tính chất xuyên quốc gia.

Thứ tư, việc quản lý, theo dõi, giám sát hoạt động áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa hình thành cơ chế chuyên biệt và thường xuyên dẫn đến còn nhiều vụ án kéo dài thời gian điều tra, một số hồ sơ còn sai sót trong việc định tội danh, khung hình phạt và thiếu cơ chế phản hồi từ Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân; công tác thống kê, phân tích tình hình điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH chưa đầy đủ, chưa có hệ thống chuyên biệt dẫn tới việc đánh giá hiệu quả, xác định hạn chế, đề xuất giải pháp thiếu căn cứ khoa học.

Kết luận chương 3

Trong chương 3, tác giả đã sử dụng nhiều phương pháp: Thống kê, tổng hợp, phân tích, so sánh để làm rõ thực trạng ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam; tác giả đã khảo sát tình hình, đặc điểm địa lý, văn hóa xã hội, cơ cấu tổ chức của Cơ quan Cảnh sát điều tra trên cả nước nói chung và nhiệm vụ, quyền hạn của từng cấp trong Cơ quan Cảnh sát điều tra, bằng số liệu thống kê trong giai đoạn 2015 - 2024 và các vụ án cụ thể ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra, tác giả đã làm rõ những kết quả đạt được trong lĩnh vực này. Đánh giá tổng quan, hoạt động ADPL trong điều tra loại tội phạm này đã đạt được những hiệu quả và kết quả đáng khích lệ, góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm giữ gìn an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội và bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên.

Tuy nhiên, hoạt động ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra trong những năm qua vẫn còn những hạn chế nhất định, chưa đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm và bảo tồn hệ sinh thái trong tình hình mới. Hạn chế xuất phát từ nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, song chủ yếu do hệ thống pháp luật thực định tuy được chỉnh sửa, bổ sung nhưng vẫn còn một số bất cập, năng lực của điều tra viên, cán bộ điều tra còn hạn chế, công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát nhiều lúc còn chưa thường xuyên..., do vậy, ảnh hưởng tới chất lượng ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH.

Từ thực tiễn kết quả đạt được và hạn chế của hoạt động ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ bảo vệ động vật NCQH, là cơ sở quan trọng cho tác giả tiếp tục nghiên cứu giải pháp góp phần bảo đảm hoạt động ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam trong thời gian tới.

Chương 4

DỰ BÁO, QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TRONG ĐIỀU TRA TỘI PHẠM VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA Ở VIỆT NAM

4.1. DỰ BÁO, QUAN ĐIỂM BẢO ĐẢM ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TRONG ĐIỀU TRA TỘI PHẠM VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA Ở VIỆT NAM

4.1.1. Dự báo các yếu tố ảnh hưởng đến áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Cơ quan Cảnh sát điều tra

4.1.1.1. Cơ sở dự báo

Việc dự báo tình hình tội phạm và xây dựng giải pháp hoàn thiện hoạt động ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra phải được đặt trên nền tảng dự báo khoa học, khách quan và toàn diện. Cơ sở dự báo của luận án được xác lập trên các yếu tố chính trị - pháp lý, thực tiễn xã hội, tình hình tội phạm, tổ chức thực thi pháp luật và lý luận pháp lý, cụ thể như sau:

Thứ nhất, về cơ sở chính trị - pháp lý, yêu cầu hoàn thiện thể chế trong bối cảnh xây dựng và phát triển Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam tiếp tục được khẳng định mạnh mẽ trong các văn kiện của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền đến năm 2030, định hướng đến năm 2045, Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Trong đó, việc nâng cao chất lượng ADPL, hiệu lực thực thi pháp luật và tăng cường trách nhiệm của các cơ quan tư pháp, trong đó có Cơ quan Cảnh sát điều tra, được xem là một yêu cầu cốt lõi. Điều này dự báo sẽ dẫn đến những cải cách pháp luật và thể chế thực thi pháp luật hình sự có tính

chuyên sâu trong những năm tới, trong đó có lĩnh vực điều tra tội phạm về môi trường và bảo vệ động vật NCQH.

Thứ hai, về cơ sở thực tiễn xã hội, tình hình vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường nói chung và VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH nói riêng đang có chiều hướng gia tăng với tính chất ngày càng nghiêm trọng và phức tạp. Đa dạng sinh học tiếp tục suy giảm, hệ sinh thái bị tác động mạnh bởi quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng, nạn phá rừng, ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu. Những yếu tố này làm thu hẹp môi trường sống của các loài động vật hoang dã, NCQH khiến cho nguy cơ tuyệt chủng của nhiều loài ngày càng cao, đồng thời tạo điều kiện phát sinh, phát triển các hành vi xâm hại trái pháp luật để thu lợi bất chính.

Thứ ba, về cơ sở dự báo tình hình tội phạm, các hoạt động săn bắt, giết mổ, tàng trữ, vận chuyển, tiêu thụ động vật NCQH vẫn diễn ra ở cả vùng sâu, vùng xa và khu vực đô thị. Các đối tượng phạm tội hoạt động theo đường dây, có tổ chức, với sự phân công, phối hợp chặt chẽ và ngày càng chuyên nghiệp, có sự tham gia của người nước ngoài và lợi dụng công nghệ cao để che giấu hành vi phạm tội. Việc buôn bán động vật NCQH qua mạng xã hội, các sàn thương mại điện tử, vận chuyển qua cửa khẩu, đường mòn, lối mở, khu dân cư và nhà hàng đặc sản ngày càng phổ biến. Đặc biệt, lợi nhuận lớn từ loại tội phạm này khiến các đối tượng sẵn sàng đối phó, mua chuộc, lẩn tránh, gây khó khăn rất lớn cho công tác điều tra, phát hiện và xử lý. Trong bối cảnh Việt Nam hội nhập ngày càng sâu rộng với quốc tế, đặc biệt là các hiệp định thương mại tự do, giao lưu biên giới mở rộng, nếu không kiểm soát tốt, sẽ là môi trường thuận lợi cho hoạt động buôn lậu, gian lận thương mại và tội phạm xuyên quốc gia phát sinh.

Thứ tư, về cơ sở tổ chức thực thi pháp luật, lực lượng trực tiếp thực hiện nhiệm vụ điều tra loại tội phạm này - đặc biệt là Cơ quan Cảnh sát điều tra - còn gặp nhiều khó khăn về nhân lực, trang thiết bị, điều kiện tác nghiệp và trình độ chuyên môn. Đội ngũ điều tra viên chưa được đào tạo chuyên sâu

về lĩnh vực bảo vệ động vật hoang dã, NCQH, thiếu kiến thức về sinh học, pháp y môi trường và công nghệ thông tin, trong khi loại tội phạm này đòi hỏi phải có hiểu biết liên ngành và khả năng ứng dụng kỹ thuật điều tra hiện đại. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tăng cường năng lực thể chế và cá nhân cho lực lượng ADPL trong điều tra.

Trên cơ sở các yếu tố dự báo nói trên, có thể nhận định rằng trong thời gian tới, tình hình tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH ở Việt Nam sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp, tinh vi và khó kiểm soát hơn. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải hoàn thiện các quy định pháp luật có liên quan, nâng cao chất lượng tổ chức và thực hiện hoạt động điều tra, đặc biệt là quá trình ADPL của Cơ quan Cảnh sát điều tra - chủ thể trực tiếp thực hiện chức năng tố tụng hình sự. Việc nghiên cứu, xây dựng giải pháp trên nền tảng dự báo khoa học và thực tiễn như vậy là cần thiết để nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này, góp phần bảo vệ an ninh sinh thái, đa dạng sinh học và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong giai đoạn phát triển mới của đất nước.

4.1.1.2. Nội dung dự báo

Trên cơ sở phân tích diễn biến thực tiễn, bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế và những yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp đến công tác bảo vệ động vật NCQH, có thể đưa ra một số dự báo cơ bản sau về tình hình tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH trong thời gian tới:

- Dự báo về tình hình và xu hướng phát triển của tội phạm

Tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH có xu hướng tiếp tục gia tăng cả về số vụ việc, tính chất và mức độ nguy hiểm, đặc biệt tại các khu vực rừng núi, vùng giáp ranh với khu bảo tồn, khu dân cư có truyền thống săn bắt, tiêu thụ động vật hoang dã. Tình trạng suy giảm số lượng cá thể trong tự nhiên làm gia tăng giá trị của các loài, từ đó kích thích hoạt động khai thác, buôn bán bất hợp pháp. Bên cạnh đó, quá trình đô thị hóa, phát triển du lịch sinh thái và nhu cầu tiêu dùng đặc sản quý hiếm cũng là những yếu tố kích thích tội phạm phát triển.

- Dự báo về đối tượng phạm tội

Các đối tượng phạm tội trong thời gian tới sẽ ngày càng trở nên đa dạng về thành phần và chuyên nghiệp hơn. Bên cạnh những cá nhân nhỏ lẻ tại địa phương, sẽ tiếp tục xuất hiện các đường dây có tổ chức, băng nhóm chuyên nghiệp, hoạt động liên tỉnh, liên vùng và xuyên quốc gia, có sự phân công nhiệm vụ cụ thể giữa người săn bắt, vận chuyển, trung gian và tiêu thụ. Một bộ phận không nhỏ trong nhóm đối tượng còn là người có kinh nghiệm về rừng núi, kỹ thuật giết mổ, chế biến, che giấu, thậm chí có sự tham gia của người nước ngoài hoặc cấu kết với cán bộ thoái hóa biến chất.

- Dự báo về phương thức, thủ đoạn phạm tội

Phương thức, thủ đoạn phạm tội ngày càng tinh vi, phức tạp và khó kiểm soát. Các đối tượng thường nguy trang tang vật, lợi dụng các kênh vận chuyển chính thống như hàng ký gửi, hàng hóa thương mại, hoặc cất giấu trong xe cá nhân, hành lý xách tay, hàng đông lạnh... Một số nhóm còn sử dụng công nghệ thông tin để giao dịch, thanh toán, quảng bá, rao bán qua mạng xã hội, website ngầm (deep web), gây nhiều khó khăn cho công tác điều tra. Ngoài ra, thủ đoạn giả mạo giấy tờ hợp pháp, như giấy phép nuôi nhốt, vận chuyển, hợp đồng mua bán, chứng nhận kiểm dịch cũng được sử dụng ngày càng phổ biến.

- Dự báo về tính xuyên biên giới của tội phạm

Tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH mang tính xuyên biên giới rõ nét, có sự liên kết giữa các đối tượng ở nhiều quốc gia trong khu vực, đặc biệt là Lào, Campuchia, Myanmar, Thái Lan, Trung Quốc và Việt Nam. Các tuyến vận chuyển qua biên giới như cửa khẩu Cầu Treo, Cha Lo, Lao Bảo, Bờ Y, Mộc Bài... được tận dụng với các đường mòn, lối mở để đưa động vật hoặc bộ phận cơ thể vào nội địa. Tội phạm còn sử dụng Việt Nam làm điểm trung chuyển để vận chuyển các loài NCQH từ châu Phi, Đông Nam Á sang Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản hoặc các quốc gia khác.

- Dự báo về chủng loại động vật nguy cấp, quý, hiếm bị xâm hại

Trong thời gian tới, các loài động vật có giá trị cao về kinh tế, dược liệu,

trang sức hoặc tâm linh sẽ tiếp tục là đối tượng bị xâm hại chủ yếu. Bao gồm: hổ, báo, gấu, tê tê, rùa, các loài chim quý, khi, voọc, linh trưởng và nhiều loài bò sát có giá trị cao. Các sản phẩm chế biến từ động vật như cao hổ, xương gấu, da thú, nanh, móng vuốt, sừng tê giác, ngà voi... vẫn có nhu cầu tiêu thụ lớn. Đáng chú ý, một số loài đã bị cấm hoàn toàn trong giao dịch quốc tế theo Công ước CITES nhưng vẫn tiếp tục bị buôn bán lén lút tại thị trường nội địa.

- Dự báo về nhu cầu thị trường

Thị trường tiêu thụ động vật NCQH ở Việt Nam vẫn tồn tại và thậm chí có dấu hiệu gia tăng tại các khu vực đô thị, vùng giàu có. Một bộ phận người dân có quan niệm sai lệch cho rằng các sản phẩm từ động vật NCQH là biểu tượng của đẳng cấp, tài lộc, sức khỏe. Ngoài ra, nhu cầu làm thuốc, trưng bày, sưu tầm hoặc làm quà tặng... tiếp tục tồn tại dai dẳng trong văn hóa tiêu dùng truyền thống. Việc thương mại hóa các loại hình du lịch sinh thái chưa kiểm soát tốt cũng tạo điều kiện cho việc “hợp thức hóa” việc tiếp cận và sử dụng các loài nguy cấp.

- Dự báo về địa bàn hoạt động của tội phạm

Các địa bàn trọng điểm được dự báo là nơi phát sinh, trung chuyển và tiêu thụ tội phạm bao gồm:

+ Vùng biên giới: như Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An, Kon Tum, Lạng Sơn, Cao Bằng... nơi thuận lợi cho hoạt động vận chuyển, tiếp nhận hàng hóa từ nước ngoài.

+ Vùng đệm khu bảo tồn, rừng quốc gia: như Vườn Quốc gia Cúc Phương, Pù Mát, Phong Nha - Kẻ Bàng, Yok Đôn... nơi dễ xảy ra hành vi săn bắt, nuôi nhốt, che giấu động vật NCQH.

+ Các trung tâm đô thị lớn: như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng... nơi tập trung nhu cầu tiêu thụ, nhà hàng đặc sản, cơ sở đông y, buôn bán trang sức, sưu tầm.

+ Các địa bàn có yếu tố du lịch, xuất nhập khẩu lớn: như Quảng Ninh, Nha Trang, Phú Quốc, Lào Cai - nơi tội phạm lợi dụng vỏ bọc du lịch để che giấu hành vi vận chuyển, tiêu thụ.

4.1.2. Quan điểm bảo đảm áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam

Việc điều tra các tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH chịu ảnh hưởng từ nhiều yếu tố chính trị, pháp lý, kinh tế và văn hóa - xã hội. Do đó, cần thiết phải đề ra các quan điểm nhằm đảm bảo việc ADPL trong quá trình điều tra được hiệu quả hơn trong thời gian tới. Do vậy, cần đưa ra giải pháp cho các quan điểm bảo đảm này, cụ thể:

Thứ nhất, quán triệt sâu sắc quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, bảo đảm sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng về áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm

Việc quán triệt các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, bảo đảm sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng cùng với các Công ước quốc tế như CITES có vai trò hết sức quan trọng trong công tác bảo vệ động vật hoang dã, NCQH. Những văn bản này không chỉ cung cấp cơ sở pháp lý vững chắc cho việc điều tra, truy tố và xét xử các hành vi vi phạm, mà còn định hướng cho các cơ quan chức năng trong việc thực hiện các biện pháp bảo vệ và bảo tồn hiệu quả.

Các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, Công ước quốc tế về bảo vệ, phát triển, bảo tồn thiên nhiên, quản lý động vật hoang dã, đặc biệt là Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 3/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị, Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 23/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ, Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã, nguy cấp (CITES) tạo sự thống nhất trong xã hội về nhận thức và hành động tham gia bảo vệ động vật, thực vật hoang dã, NCQH.

Bên cạnh việc quán triệt thực hiện nghiêm túc các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng về bảo vệ động vật NCQH với các lực lượng thực thi

pháp luật như Cơ quan Cảnh sát điều tra thì cần tổ chức các chương trình tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo vệ động vật NCQH đến mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là tại các địa phương có nguy cơ cao về săn bắt và buôn bán động vật NCQH.

Việc triển khai và thực hiện nghiêm túc các chủ trương, chính sách này sẽ góp phần bảo vệ hiệu quả các loài động vật NCQH, giữ gìn sự cân bằng sinh thái và bảo tồn những giá trị thiên nhiên quan trọng. Đồng thời, đây cũng là cách thể hiện trách nhiệm của Việt Nam đối với cộng đồng quốc tế trong việc chung tay bảo vệ đa dạng sinh học toàn cầu.

Thứ hai, áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam phải tuân thủ đúng pháp luật

Việc ADPL trong điều tra các tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH ở Việt Nam là một vấn đề vô cùng quan trọng. Các cơ quan chức năng có thẩm quyền tiến hành điều tra phải luôn đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật, không được có bất kỳ hành vi nào vi phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong quá trình thực thi công vụ.

Hiện nay, pháp luật Việt Nam đã có nhiều quy định liên quan đến việc bảo vệ động vật NCQH. Luật Đa dạng sinh học 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2018) quy định tại khoản 6, Điều 7 những hành vi bị nghiêm cấm như "Săn bắt, khai thác, sử dụng, tiêu thụ, tàng trữ, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, trao đổi mua bán trái phép nguồn gen và loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ". Đồng thời, BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) cũng quy định hình phạt nghiêm khắc đối với các tội phạm liên quan đến động vật hoang dã như: Tội VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH (Điều 244), tội VPQĐ về bảo tồn đa dạng sinh học (Điều 245)...

Ngoài ra, Điều 11, BLTTHS năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025) cũng nêu rõ "*Mọi người có quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản. Mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật tính*

mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của cá nhân đều bị xử lý theo pháp luật". Các Cơ quan điều tra khi tiến hành điều tra, thu thập chứng cứ để chứng minh hành vi phạm tội, xác định đối tượng phạm tội trong các vụ án liên quan đến động vật NCQH phải tuyệt đối tuân thủ pháp luật, không được có bất cứ hành vi nào vi phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của người bị tình nghi phạm tội, người làm chứng hay bất kỳ cá nhân, tổ chức nào khác. Cụ thể là, các điều tra viên, cán bộ điều tra không được lạm quyền, sử dụng các biện pháp nghiệp vụ ngoài phạm vi cho phép của pháp luật để ép cung, mớm cung, dùng nhục hình với người bị tình nghi hoặc nhân chứng. Mọi lời khai, chứng cứ thu thập được bằng các biện pháp phi pháp đều không có giá trị chứng minh và phải bị loại bỏ.

Đồng thời, việc áp dụng các biện pháp điều tra như khám xét, bắt, tạm giam đối với đối tượng bị tình nghi cũng phải thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Việc hạn chế quyền tự do của công dân hay quyền bảo hộ về chỗ ở chỉ được thực hiện khi có căn cứ xác định người đó có hành vi vi phạm, phạm tội được pháp luật quy định. Ví dụ, việc khám xét chỗ ở của công dân khi có căn cứ cho rằng trong đó có công cụ, phương tiện phạm tội, đồ vật, tài liệu,... có liên quan đến vụ án thì phải có lệnh của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Viện kiểm sát cùng cấp, trong trường hợp khẩn cấp thì có thể khám xét trước nhưng phải có quyết định của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra. Khoản 2, Điều 193 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định “Trong trường hợp khẩn cấp, những người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 110 của Bộ luật này có quyền ra lệnh khám xét”.

Tóm lại, việc tuân thủ pháp luật, tôn trọng các quy định về thủ tục, thẩm quyền điều tra trong các vụ án liên quan đến động vật NCQH là hết sức cần thiết, vừa đảm bảo hiệu quả quá trình tố tụng, góp phần xử lý nghiêm minh tội phạm, vừa bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, thực hiện tốt chủ trương của Đảng và Nhà nước về việc xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, tránh oan sai, bỏ lọt tội phạm.

Thứ ba, áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Cơ quan Cảnh sát điều tra phải đảm bảo tính nghiệp vụ của lực lượng Công an nhân dân, giữ gìn an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội

Bên cạnh việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật, một nguyên tắc quan trọng khác cần phải được đảm bảo trong quá trình điều tra các vụ án liên quan đến động vật NCQH, đó là tính nghiệp vụ. Tính nghiệp vụ trong điều tra các vụ án liên quan đến động vật NCQH được hiểu là trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ và tác phong làm việc chuyên nghiệp của cán bộ điều tra. Đồng thời, tính nghiệp vụ cũng đòi hỏi sự tuân thủ quy trình tố tụng, đảm bảo khách quan, đúng pháp luật và đúng quy định trong suốt quá trình điều tra.

Hoạt động điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH thường đòi hỏi chuyên môn sâu và kỹ năng nghiệp vụ cao của Cơ quan Cảnh sát điều tra thuộc Công an nhân dân. Những vụ án liên quan đến săn bắn, buôn bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép động vật NCQH thường có sự tham gia của các đường dây tội phạm tinh vi, có tổ chức. Nếu không đảm bảo tính nghiệp vụ, cán bộ điều tra khó phát hiện được hành vi vi phạm, khó thu thập đầy đủ chứng cứ, dẫn đến việc khởi tố, xử lý không hiệu quả hoặc bỏ lọt tội phạm.

Việc đảm bảo tính nghiệp vụ trong điều tra giúp lực lượng Công an nhân dân tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và quy trình tố tụng hình sự. Quá trình điều tra những vụ án bảo vệ động vật NCQH thường phức tạp, đòi hỏi sự phối hợp với các cơ quan chức năng khác (như Kiểm lâm, Hải quan, Cảnh sát môi trường...) cũng như với các tổ chức quốc tế. Năng lực nghiệp vụ vững vàng là cơ sở để đảm bảo tính khách quan, minh bạch, hợp pháp của kết luận điều tra, tránh oan sai, bỏ lọt tội phạm và giúp củng cố niềm tin của nhân dân vào cơ quan công quyền.

Tính nghiệp vụ cao còn giúp lực lượng Công an nhân dân không chỉ xử lý các vụ án cụ thể mà còn chủ động phòng ngừa, đấu tranh với những mối đe

dọa tiềm ẩn đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội. Hoạt động buôn bán và vận chuyển trái phép động vật NCQH có liên quan đến nhiều vấn đề như rửa tiền, buôn lậu vũ khí, ma túy hay tội phạm xuyên quốc gia. Đội ngũ điều tra viên, cán bộ điều tra được trang bị nghiệp vụ tốt sẽ kịp thời phát hiện những dấu hiệu tội phạm mới, đấu tranh hiệu quả, góp phần duy trì an ninh trật tự.

Bảo vệ các loài động vật NCQH là trách nhiệm của toàn xã hội, trong đó lực lượng Công an nhân dân đóng vai trò then chốt. Bên cạnh việc đảm bảo an ninh và trật tự, hoạt động điều tra, xử lý nghiêm minh tội phạm trong lĩnh vực bảo vệ động vật hoang dã còn thể hiện cam kết của Việt Nam đối với cộng đồng quốc tế về bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển bền vững. Để thực hiện tốt sứ mệnh ấy, tính nghiệp vụ của lực lượng thực thi pháp luật là điều kiện tiên quyết nhằm phòng ngừa, phát hiện và ngăn chặn hiệu quả mọi hành vi VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH.

Thứ tư, áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam bảo đảm xử lý nghiêm minh, không bỏ lọt tội phạm và làm oan người vô tội

Ngoài việc đảm bảo tuân thủ pháp luật và tính công khai, minh bạch, một yêu cầu vô cùng quan trọng trong quá trình điều tra các tội phạm liên quan đến động vật NCQH đó là cơ quan chức năng phải xử lý nghiêm minh, đúng quy trình, không bỏ lọt tội phạm nhưng cũng không làm oan người vô tội. Việc áp dụng nghiêm minh pháp luật vừa thể hiện sự quyết liệt của các cơ quan bảo vệ pháp luật trong việc trừng trị các hành vi vi phạm, vừa bảo vệ tính sống, tính ổn định của hệ thống pháp luật, phòng ngừa tội phạm.

Muốn xử lý nghiêm minh, đúng quy trình, Điều 7, BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) đề cập rằng mọi hoạt động tố tụng hình sự phải được thực hiện theo quy định của Bộ luật này. Do đó, Cơ quan điều tra phải căn cứ các quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng để khởi tố, điều tra, truy tố đúng thời hạn, đúng tội danh, xác định chính xác tính chất, mức độ

hành vi phạm tội, vai trò của từng đối tượng tham gia, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Ví dụ như trong các vụ án buôn bán trái phép động vật NCQH, Cơ quan điều tra cần xác định cụ thể số lượng các cá thể, bộ phận cơ thể động vật bị thu giữ để xác định hành vi vi phạm thuộc các tình tiết định khung tăng nặng hay không. Theo điểm b, khoản 3, Điều 244 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) nếu “số lượng động vật nguy cấp, quý hiếm quy định tại điểm c khoản 1 Điều này hoặc số lượng bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống cùng loại của 12 cá thể lớp thú trở lên, 16 cá thể lớp chim, bò sát trở lên hoặc 21 cá thể động vật trở lên thuộc các lớp khác” thì hình phạt có thể lên đến 15 năm tù.

Cơ quan điều tra cũng phải làm rõ hành vi phạm tội của các đối tượng, vai trò đồng phạm, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như có phạm tội nhiều lần, có tổ chức, có tính chất chuyên nghiệp hay không để xác định tội danh và mức hình phạt tương ứng. Khoản 1, Điều 2, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định "Chỉ người nào phạm một tội đã được Bộ luật hình sự quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự". Vì vậy, nếu chưa thu thập đầy đủ chứng cứ thì chưa thể xác định hành vi đó đã cấu thành tội phạm hay chưa.

Bên cạnh đó, quá trình điều tra phải bảo đảm không bỏ lọt tội phạm, không để các đối tượng phạm tội lọt lưới pháp luật. Theo thống kê của ENV, từ năm 2005 đến năm 2023 đã ghi nhận 29.041 vụ việc, trong đó bao gồm 84.376 vi phạm riêng lẻ [113], trong đó có rất ít vụ việc bị xử lý hình sự. Con số này cho thấy vẫn nhiều vụ việc vi phạm chưa được xử lý hoặc chỉ bị xử lý hành chính. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra cần mở rộng phạm vi quản lý, tăng cường phối hợp đấu tranh, trao đổi thông tin với các lực lượng chức năng như Hải quan, Biên phòng, Kiểm lâm... để ngăn chặn, điều tra làm rõ tội phạm, không để sót bất kỳ đối tượng nào vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, việc điều tra nghiêm minh cũng phải gắn liền với việc bảo đảm không làm oan sai đối với bất kỳ ai. Điều 10, BLTTHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) nêu rõ "*Mọi*

người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể. Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Tòa án, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát, trừ trường hợp phạm tội quả tang". Tại khoản 1, Điều 31, Hiến pháp năm 2013 cũng ghi nhận " *Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của tòa án đã có hiệu lực pháp luật* " [71]. Điều này có nghĩa Cơ quan Cảnh sát điều tra phải bảo đảm có đầy đủ chứng cứ, tài liệu để chứng minh hành vi vi phạm, không vì muốn sớm kết thúc vụ án, đạt mục tiêu đấu tranh phòng chống tội phạm mà áp dụng các biện pháp cưỡng chế tùy tiện, quy chụp tội phạm cho các đối tượng.

Như vậy, việc ADPL nghiêm minh, trừng trị đúng người, đúng tội trong điều tra các vụ án về động vật NCQH sẽ tạo được sức răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung cho xã hội, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của pháp luật, bảo đảm công bằng và nhân đạo trong hoạt động bảo vệ và thực thi pháp luật. Cơ quan Cảnh sát điều tra phải thực hiện đúng chức trách, quy định của pháp luật, phù hợp với nhiệm vụ cách mạng trong tình hình mới, góp phần duy trì đa dạng sinh học và bảo vệ môi trường sống của chúng ta.

Thứ năm, áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Cơ quan Cảnh sát điều tra phải đáp ứng quá trình chủ động hội nhập của Việt Nam với khu vực và các nước trên thế giới

Trong bối cảnh Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng với thế giới trong nhiều lĩnh vực khác nhau, việc ADPL trong điều tra các tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH cũng cần có sự thay đổi để đáp ứng các yêu cầu, chuẩn mực quốc tế. Quá trình toàn cầu hoá đã khiến cho tội phạm về động vật NCQH trở nên xuyên quốc gia với sự móc nối chặt chẽ giữa các đối tượng trong và ngoài nước. Chính điều này đòi hỏi cơ quan thực thi pháp luật cần tăng cường hợp tác với các nước trong khu vực và trên thế giới trong công tác điều tra, truy bắt tội phạm.

Một trong những giải pháp đó là tích cực tham gia ký kết và thực hiện các điều ước quốc tế song phương và đa phương về chống buôn bán động vật

hoang dã, tiến hành dẫn độ tội phạm, tương trợ tư pháp. Việt Nam đã phê chuẩn Công ước CITES năm 1994 về buôn bán quốc tế các loài động thực vật hoang dã nguy cấp. Ngoài ra, nước ta cũng đã ký Hiệp định ASEAN về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học năm 1985, Công ước về đa dạng sinh học năm 1994... Các cam kết quốc tế này là cơ sở pháp lý quan trọng để Cơ quan điều tra phối hợp với các nước bắt giữ, xử lý tội phạm.

Bên cạnh đó, để hoạt động điều tra đạt hiệu quả, cơ quan thực thi pháp luật cũng cần tiếp thu kinh nghiệm điều tra, xét xử của các nước phát triển, những quốc gia có hệ thống pháp luật tiến bộ trong đấu tranh, phòng ngừa tội phạm xâm hại động vật hoang dã như Hoa Kỳ, Anh, Nga... Đồng thời tăng cường tham gia các chương trình hợp tác, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế như UNODC, Interpol hay USAID, WCS trong việc nâng cao năng lực cho cán bộ, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, trao đổi thông tin... Tuy nhiên, trong quá trình hội nhập, Việt Nam cũng cần thận trọng, có sự chọn lọc khi tiếp thu kinh nghiệm quốc tế. Điều 6, Hiến pháp 2013 nêu rõ "*Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và cơ quan khác của Nhà nước*" [71]. Điều 11, BLTTHS năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025) cũng nhấn mạnh "*Mọi người có quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản. Mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của cá nhân đều bị xử lý theo pháp luật*" [63].

Như vậy, việc điều tra các tội phạm về động vật hoang dã, NCQH dựa trên kinh nghiệm quốc tế cũng phải phù hợp với bối cảnh, điều kiện và văn hoá pháp luật của Việt Nam, không ảnh hưởng đến chủ quyền và quyền làm chủ của nhân dân. Ví dụ, Cơ quan điều tra không thể sử dụng các biện pháp nghiệp vụ đặc biệt như nghe lén, theo dõi, đặt thiết bị định vị... một cách tùy tiện, không có kiểm soát như ở một số nước phát triển, vì điều này có thể xâm phạm nghiêm trọng quyền riêng tư của công dân và chỉ được thực hiện khi có

quyết định của cơ quan có thẩm quyền, hoặc trong các trường hợp đặc biệt theo quy định của pháp luật.

Tóm lại, ADPL trong tiến hành hoạt động điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH ở nước ta cần có sự tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế, phù hợp với thực tiễn và hệ thống pháp luật của Việt Nam, từ đó góp phần hoàn thiện hành lang pháp lý trong bảo vệ động vật NCQH, bảo tồn sự đa dạng và phong phú của tự nhiên.

4.2. GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TRONG ĐIỀU TRA TỘI PHẠM VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA

Tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH là một trong những tội danh được quy định trong BLHS. Trong những năm qua, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã phối hợp với các lực lượng khác như: Kiểm lâm, Hải quan, Quản lý thị trường, Biên phòng... tiến hành đấu tranh, ngăn chặn đối với những hành vi buôn bán, tàng trữ, vận chuyển, nuôi nhốt, giết, mổ động vật NCQH. Nhưng trong quá trình phát hiện, đấu tranh xử lý còn bộc lộ nhiều hạn chế, quá trình ADPL trong tiến hành hoạt động điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa đảm bảo, bố trí lực lượng cho lĩnh vực này quá mỏng, công tác phòng ngừa chưa được chú trọng quan tâm.

Để đảm bảo ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra trong thời gian tới, tác giả đề xuất một số nhóm giải pháp sau:

4.2.1. Nâng cao nhận thức cho các chủ thể về áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm

Trong bối cảnh các loài động vật hoang dã, NCQH đang bị đe dọa tuyệt chủng nghiêm trọng do các hành vi săn bắt, tàng trữ, buôn bán, vận chuyển, giết mổ trái phép, yêu cầu đặt ra là phải tăng cường hiệu quả của hoạt động điều tra và ADPL trong lĩnh vực này. Tuy nhiên, một trong những rào cản lớn nhất hiện nay không chỉ nằm ở hành lang pháp lý hay kỹ thuật điều tra, mà

còn ở chính sự thiếu hụt về nhận thức của cả cộng đồng và lực lượng thực thi pháp luật đối với yêu cầu bảo vệ động vật hoang dã, NCQH. Việc người dân chưa nhận thức rõ tầm quan trọng của bảo vệ động vật NCQH, cũng như việc Điều tra viên, cán bộ điều tra còn hạn chế kiến thức chuyên môn về loài, môi trường sống và các yếu tố sinh học liên quan, đã trực tiếp ảnh hưởng đến hiệu quả phát hiện, xử lý tội phạm. Do đó, nâng cao nhận thức pháp luật, hiểu biết khoa học và kỹ năng thực tiễn cho các chủ thể liên quan là giải pháp có ý nghĩa chiến lược trong giai đoạn hiện nay.

Một là, đối với người dân - lực lượng đóng vai trò là "tai mắt" quan trọng trong cộng đồng - việc nâng cao nhận thức cần được thực hiện thông qua nhiều hình thức tuyên truyền, giáo dục linh hoạt. Các chiến dịch truyền thông đại chúng trên các nền tảng như truyền hình, phát thanh, báo in và mạng xã hội cần được đẩy mạnh, với nội dung nhấn mạnh mối liên hệ giữa bảo vệ động vật NCQH và việc duy trì cân bằng hệ sinh thái, môi trường sống của chính con người. Cùng với đó, lồng ghép nội dung giáo dục về bảo vệ động vật hoang dã, NCQH vào chương trình học phổ thông sẽ tạo nền tảng nhận thức từ sớm cho thế hệ trẻ. Đặc biệt, tại các địa bàn trọng điểm như vùng rừng núi, vùng giáp ranh, khu bảo tồn, nơi sinh sống của nhiều loài động vật NCQH, cần tổ chức các buổi tọa đàm, tuyên truyền kết hợp với hoạt động cộng đồng để người dân không chỉ tiếp nhận thông tin mà còn được trực tiếp chia sẻ, tham gia các chương trình bảo vệ động vật. Việc vận động người dân làm cộng tác viên, tình nguyện viên giám sát, báo tin tội phạm về động vật NCQH sẽ tạo nên một cơ chế bảo vệ mang tính nhân dân, bền vững và có tính lan tỏa cao trong thực tiễn.

Hai là, đối với lực lượng điều tra viên, cán bộ điều tra: Song song với việc tuyên truyền cho cộng đồng, việc nâng cao năng lực chuyên môn và nhận thức pháp luật cho lực lượng Cảnh sát điều tra là yếu tố then chốt để bảo đảm ADPL chính xác và hiệu quả. Thực tiễn cho thấy, trong quá trình điều tra, Điều tra viên, cán bộ điều tra không chỉ cần nắm vững pháp luật hình sự, tố

tụng hình sự mà còn cần kiến thức chuyên sâu về sinh học loài, đặc điểm nhận dạng, môi trường sống và cả chuỗi hành vi phạm tội đặc thù của tội phạm trong lĩnh vực này. Do đó, các đơn vị nghiệp vụ cần thường xuyên kiểm tra, đánh giá trình độ, kỹ năng nhận diện loài động vật NCQH, tổ chức thi tuyển, kiểm tra năng lực định kỳ để lựa chọn đội ngũ cán bộ phù hợp cho công tác điều tra chuyên sâu. Trên cơ sở đánh giá kết quả kiểm tra, cần xây dựng chương trình bồi dưỡng kiến thức pháp lý và sinh học liên ngành, giúp điều tra viên, cán bộ điều tra nâng cao năng lực thực thi nhiệm vụ.

Việc tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn cần được triển khai dưới nhiều hình thức: Học lý thuyết chuyên môn, thực địa tại các trung tâm cứu hộ, trạm kiểm lâm, vườn quốc gia; tham gia nghiên cứu môi trường sống và đặc điểm hành vi các loài động vật NCQH; học hỏi trực tiếp từ các nhà khoa học, chuyên gia của Cơ quan khoa học CITES Việt Nam hoặc các tổ chức quốc tế như WCS. Trong các buổi tập huấn, nội dung không chỉ dừng lại ở nhận dạng loài mà còn mở rộng sang kỹ năng cứu trợ động vật, bảo quản vật chứng sinh học, nhận diện sản phẩm có nguồn gốc động vật quý hiếm (như nanh, sừng, vảy...), đảm bảo cho điều tra viên, cán bộ điều tra hiểu và thực hiện đúng các quy trình pháp lý trong xử lý vật chứng.

Bên cạnh đó, cần tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu, hướng dẫn tay nghề cho đội ngũ điều tra viên và cán bộ điều tra về cách thức tiến hành nghiên cứu, đánh giá đúng bản chất sự việc, căn cứ để đưa ra các lựa chọn quy phạm pháp luật một cách chính xác, việc ra quyết định và tổ chức thực hiện áp dụng pháp luật một cách hiệu quả. Như vậy, việc bồi dưỡng tay nghề cho đội ngũ điều tra viên, cán bộ điều tra sẽ đảm bảo tính chiều sâu, nắm chắc quy định của pháp luật và linh hoạt trong xử lý các tình huống phát sinh cụ thể trong thực tiễn.

Một hướng tiếp cận đặc biệt hiệu quả là đào tạo điều tra viên biết khai thác và ứng dụng công nghệ hiện đại vào công tác điều tra. Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang lan rộng, việc ứng dụng các

phần mềm giám định loài, nhận dạng qua hình ảnh, lưu trữ dữ liệu điều tra, bản đồ hóa điểm nóng... cản trở thành kỹ năng bắt buộc đối với cán bộ điều tra. Trên cơ sở Nghị quyết số 26-NQ/ĐUCA ngày 13/4/2015 của Đảng ủy Công an Trung ương về đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác Công an, các đơn vị cần tổ chức hướng dẫn sử dụng các nền tảng số như www.giamdinhloai.vn hay ứng dụng “Giamdinhloai” trên điện thoại di động – là những công cụ giúp xác định tên loài, tình trạng bảo tồn và tính pháp lý liên quan, hỗ trợ rất lớn trong điều kiện không có chuyên gia sinh học đi cùng. Cùng với đó, cần phối hợp với lực lượng kỹ thuật nghiệp vụ đầu tư các thiết bị chuyên dụng như camera ngụy trang, máy quay đêm, thiết bị định vị GPS để theo dõi hoạt động của đối tượng phạm tội. Hệ thống lưu trữ cơ sở dữ liệu về các vụ án, mẫu vật chứng, đặc điểm sinh học và phương thức thủ đoạn tội phạm cũng cần được cập nhật, khai thác thường xuyên nhằm phục vụ điều tra hiệu quả.

Tuy nhiên, để việc nâng cao nhận thức và đào tạo đạt hiệu quả thực chất, cần có sự cam kết từ lãnh đạo các cấp, đảm bảo đầu tư ngân sách, thời gian và nhân lực cho công tác này. Đồng thời, cần xây dựng bộ tiêu chí chuẩn đánh giá năng lực cán bộ điều tra về lĩnh vực bảo vệ động vật NCQH, làm cơ sở để xem xét bố trí nhân sự, khen thưởng, luân chuyển hoặc bổ nhiệm chuyên trách. Mặt khác, cần gắn hoạt động đào tạo - nâng cao nhận thức với việc triển khai các mặt công tác khác như công tác tham mưu, quản lý địa bàn, thống kê tình hình tội phạm... để đảm bảo tính đồng bộ trong toàn bộ hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm.

Tổng thể, giải pháp nâng cao nhận thức cho các chủ thể liên quan trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH không chỉ đơn thuần là vấn đề truyền thông hay đào tạo, mà là một chiến lược dài hạn, bao trùm cả hệ thống chính trị - pháp luật - xã hội. Việc thực hiện đồng bộ, nghiêm túc và bài bản giải pháp này sẽ tạo tiền đề vững chắc để nâng cao hiệu quả ADPL, đồng

thời thúc đẩy ý thức bảo vệ đa dạng sinh học trong toàn xã hội - một điều kiện tiên quyết để phát triển bền vững đất nước trong thời kỳ mới.

4.2.2. Tiếp tục hoàn thiện pháp luật trong điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam

Để nâng cao hiệu quả và chất lượng các hoạt động tư pháp, đặc biệt là hoạt động điều tra, cần phải liên tục cập nhật, nghiên cứu và kịp thời sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật cho phù hợp với thực tế áp dụng trong quá trình điều tra vụ án hình sự. Điều này đòi hỏi các cơ quan lập pháp và các cơ quan chuyên môn phải thường xuyên rà soát, phát hiện các khó khăn, vướng mắc khi thực thi pháp luật trong lĩnh vực điều tra hình sự nói chung, và điều tra các vụ án liên quan đến tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH nói riêng. Trên cơ sở đó, chủ động đề xuất, kiến nghị điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện các văn bản pháp luật, đặc biệt cần tập trung vào các nội dung cụ thể như sau:

** Hoàn thiện pháp luật về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm*

Thứ nhất, Điều 244 BLHS năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025) vẫn còn thiếu các quy định cụ thể về số lượng, khối lượng hoặc giá trị của các sản phẩm từ động vật NCQH. Bên cạnh đó, mặc dù khái niệm “bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống” của động vật đã được giải thích cụ thể tại Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP ngày 05/11/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tuy nhiên chưa có hướng dẫn rõ ràng đối với trường hợp “vây” của một số loài động vật, dẫn đến sự không thống nhất trong cách hiểu và ADPL trên thực tế. Do đó, cần sớm nghiên cứu, xây dựng và ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết nhằm xác định rõ liệu vây của động vật NCQH có phải là bộ phận không thể tách rời sự sống hay không. Ngoài ra, cần đề xuất sửa đổi Điều 244 theo hướng bổ sung các tiêu chí rõ ràng hơn về số lượng, khối lượng, giá trị của sản phẩm động vật NCQH để làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự một cách nhất quán và hiệu quả.

Thứ hai, Chính phủ cần sớm sửa đổi, bổ sung nội dung một số Nghị định đã ban hành quy định về danh mục, tiêu chí xác định loài động, thực vật rừng NCQH theo hướng rõ ràng hơn trong việc xác định danh mục các loài động vật NCQH ưu tiên bảo vệ, tránh tình trạng có những loài thực tế đang rất NCQH nhưng không được đưa vào danh mục này.

** Hoàn thiện pháp luật về điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Cơ quan Cảnh sát điều tra*

Thứ nhất, hoàn thiện quy trình tiếp nhận và xử lý tố giác, tin báo về tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm

Cần có quy định rõ ràng, cụ thể hơn về việc thu giữ, bảo quản, xử lý vật chứng là động vật NCQH trong giai đoạn tiếp nhận tin báo, tố giác tội phạm. Việc bảo quản động vật sống, các sản phẩm từ động vật cần được đưa vào quy trình chi tiết nhằm đảm bảo vật chứng không bị hư hỏng hoặc suy giảm giá trị pháp lý trong quá trình xử lý. Đặc biệt, cần có văn bản pháp lý hướng dẫn cụ thể việc chuyển giao động vật sống cho các cơ quan cứu hộ ngay từ giai đoạn ban đầu của quá trình điều tra. Cần đầu tư nguồn lực để phát triển các cơ sở cứu hộ động vật, đảm bảo các điều kiện cần thiết để nuôi dưỡng và chăm sóc động vật NCQH trong thời gian tạm giữ. Đồng thời, tổ chức các khóa tập huấn chuyên sâu cho cán bộ điều tra và kiểm lâm về kỹ thuật chăm sóc động vật NCQH, giảm thiểu tỷ lệ tử vong của vật chứng sống trong quá trình bảo quản.

Để đảm bảo hiệu quả của hoạt động tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm, ngoài việc tiếp nhận nhanh chóng thông tin cần phải tiến hành có hiệu quả công tác kiểm tra, xác minh, đảm bảo được yêu cầu về thời gian và tính thời sự của tin báo, từ đó đưa ra các quyết định khởi tố, hay không khởi tố vụ án hình sự. Vì vậy, việc tiếp nhận tin báo về tội phạm, nắm tình hình và tiến hành kiểm tra, xác minh phải được thực hiện nghiêm túc theo quy định của pháp luật. Đồng thời, phải tiến hành khẩn trương, triển khai các biện pháp để kiểm tra, xác minh tố giác, tin báo về tội phạm làm cơ sở

cho việc đưa ra những nhận xét, đánh giá khách quan, đầy đủ về sự việc nhằm xác định cơ sở và căn cứ để khởi tố vụ án hình sự. Đồng thời kiểm tra xác minh tố giác, tin báo còn phục vụ cho việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong các trường hợp theo quy định pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động điều tra tiếp theo. Đặc biệt, đối với các vụ án VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH, chủ yếu là bắt quả tang hành vi vi phạm. Do đó, nhanh chóng xác minh chính xác tin báo về tội phạm có ý nghĩa rất lớn để tiến hành các hoạt động nghiệp vụ điều tra tiếp theo.

Quá trình kiểm tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra có thể sử dụng các biện pháp như sau: Kiểm tra mối quan hệ của người có tố giác, tin báo với vụ việc xảy ra, đặc điểm nhân thân của người báo tin; nghiên cứu nội dung tố giác, tin báo, hồ sơ, tài liệu, vật chứng có liên quan đến sự việc; yêu cầu người có tố giác, tin báo về tội phạm giải thích những mâu thuẫn trong lời trình báo, tố giác, những nội dung chưa rõ, chưa chính xác; lấy lời khai của người bị hại, người biết việc; đến hiện trường xảy ra sự việc để nghiên cứu, xem xét, xác định người bị hại, những người biết việc... Trong các trường hợp khác nhau cần vận dụng các biện pháp kiểm tra xác minh một cách khéo léo, phù hợp.

Thứ hai, về công tác tổ chức thực hiện các biện pháp cấp bách trong quá trình tiếp nhận tin báo, tố giác về tội phạm

Song song với việc tiếp nhận và kiểm tra tin báo về tội phạm, các cơ quan tiếp nhận tố giác, tin báo phải khẩn trương phối hợp với các lực lượng nghiệp vụ tiến hành các biện pháp cấp bách để ngăn chặn hành vi và hậu quả của tội phạm, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động điều tra tiếp theo.

Đối với vụ án VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH, các biện pháp cấp bách thường áp dụng trong giai đoạn điều tra có nhiều biện pháp, có thể kể đến một số biện pháp như: Truy bắt đối tượng phạm tội, ổn định trật tự trong khu vực xảy ra vụ án, bảo vệ hiện trường và lấy lời khai người phạm tội, người biết việc. Trong đó, đối với những trường hợp đã rõ đối tượng phạm tội thì hoạt động tổ chức bắt quả tang hành vi phạm tội đóng vai trò quyết định

sự thành công của quá trình điều tra. Trường hợp chưa rõ thủ phạm, chưa xác định chính xác người có hành vi phạm tội thì công tác bảo vệ hiện trường, thu thập mẫu vật, thông tin, tài liệu... tại hiện trường vụ án lại quan trọng hơn, vì thông qua hoạt động này, lực lượng điều tra mới có thể xác định những chứng cứ chứng minh tội phạm, từ đó xác định được đối tượng phạm tội.

Mặt khác, cần thiết phải tổ chức thực hiện công tác bảo vệ và khám nghiệm hiện trường. Bởi vì hiện trường của vụ án là nơi chứa đựng rất nhiều thông tin phản ánh hoạt động của tội phạm, nếu không tiến hành khám nghiệm hiện trường, có thể rất nhiều thông tin về tội phạm sẽ bị bỏ qua, ảnh hưởng đến quá trình điều tra vụ án.

Thứ ba, giải quyết tố giác, tin báo trong trường hợp liên quan đến nhiều đơn vị có thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm

Trong quá trình xử lý các nội dung tin báo, thường có các trường hợp chồng chéo về thẩm quyền giải quyết. Vì vậy đối với tin báo, tố giác về tội phạm thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan điều tra nhưng có nội dung liên quan đến nhiều đơn vị có chức năng giải quyết thuộc Cơ quan điều tra thì Thủ trưởng hoặc Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra cần ra quyết định tách tố giác, tin báo để phân công và phối hợp thực hiện. Trường hợp cơ quan khác được giao một số nhiệm vụ tiến hành điều tra khi tiến hành tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm vừa có tội phạm thuộc cơ quan mình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan điều tra thì giao cho cơ quan 1 điều tra tiếp nhận, giải quyết toàn bộ nội dung sự việc.

Công tác giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH được thực hiện một cách nghiêm chỉnh sẽ góp phần hiệu quả vào công tác phòng ngừa, đấu tranh phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội giữ vững kỷ cương và pháp luật của Nhà nước, đồng thời sẽ góp phần tạo sự tin tưởng của quần chúng nhân dân với lực lượng Công an nhân dân.

Thứ tư, Điều 164 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định rõ về nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan được giao thực hiện một số

hoạt động điều tra. Theo đó, "...nếu phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm thì có quyền khởi tố vụ án hình sự, tiến hành hoạt động điều tra ban đầu và chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án hình sự" [63]. Tuy nhiên, do BLTTHS năm 2015 chưa đưa ra giải thích rõ về khái niệm "hoạt động điều tra ban đầu" tại Điều 4, dẫn tới cách hiểu chưa thống nhất, gây vướng mắc trong thực tiễn áp dụng. Vì vậy, cần sửa đổi, bổ sung khoản 1, Điều 4 BLTTHS để làm rõ các thuật ngữ như "hoạt động điều tra ban đầu" và "hoạt động điều tra tiếp theo", giúp việc ADPL trở nên nhất quán và thuận lợi hơn.

Thứ năm, Điều 38 của Luật Tổ chức Cơ quan điều tra hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan thuộc lực lượng Cảnh sát nhân dân được giao thực hiện một số hoạt động điều tra. Theo đó, lực lượng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường được quyền khởi tố vụ án hình sự, lấy lời khai, tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám xét, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng cùng tài liệu liên quan, sau đó chuyển giao hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra có thẩm quyền trong vòng 07 ngày kể từ ngày khởi tố vụ án. Căn cứ vào quy định này, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường và Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường thuộc Công an cấp tỉnh có quyền trực tiếp chỉ đạo, tổ chức lực lượng tiến hành khám nghiệm hiện trường.

Tuy nhiên, theo Điều 201, BLTTHS năm 2015, Điều tra viên là chủ thể duy nhất chủ trì tiến hành hoạt động khám nghiệm hiện trường. Ngoài Điều tra viên, BLTTHS chưa quy định những chủ thể khác được chủ trì hoặc tổ chức hoạt động khám nghiệm hiện trường.

Như vậy, giữa BLTTHS năm 2015 và Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2021) còn tồn tại một số điểm chưa đồng bộ, nhất quán. Cụ thể, theo quy định tại BLTTHS năm 2015, lực lượng Cảnh sát môi trường không được tự mình tổ chức khám nghiệm hiện

trường độc lập, do lực lượng này không có điều tra viên làm chủ trì, nên khi tiến hành khám nghiệm phải phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra. Tuy nhiên, theo Điều 38 của Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), các lãnh đạo của lực lượng Cảnh sát môi trường (như Cục trưởng, Trưởng phòng thuộc Công an cấp tỉnh) có quyền tổ chức khám nghiệm hiện trường một cách độc lập. Sự khác biệt này dẫn tới việc nhận thức không thống nhất, gây nhiều khó khăn trong thực tiễn đấu tranh, phòng chống tội phạm.

Thứ sáu, cần bổ sung quy định rõ ràng để đưa các cơ quan khoa học của CITES, hoặc các tổ chức giám định chuyên môn công lập về mẫu vật động vật, thực vật hoang dã, NCQH vào danh sách các tổ chức giám định tư pháp theo Luật Giám định tư pháp hiện hành. Hiện nay, các cơ quan khoa học như Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật (thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam) vẫn chưa được công nhận là tổ chức giám định tư pháp chính thức. Trong khi đó, các cơ quan quản lý nhà nước như Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) hoặc UBND cấp tỉnh lại chưa có đầy đủ thẩm quyền để bổ sung các cơ quan này vào danh sách tổ chức giám định tư pháp, gây ra những hạn chế nhất định trong quá trình giám định và xử lý các vụ án liên quan.

4.2.3. Kịp thời xác minh thông tin, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện áp dụng pháp luật về bảo vệ động vật nguy cấp, quý hiếm

Trong quá trình điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH, hoạt động ADPL giữ vai trò đặc biệt quan trọng, là giai đoạn then chốt thể hiện sự vận dụng cụ thể các quy định pháp lý vào điều kiện, hoàn cảnh thực tế nhằm đạt được mục tiêu phát hiện, bắt giữ, thu giữ chứng cứ, vật chứng phục vụ chứng minh tội phạm. Đối với loại tội phạm này, đặc trưng thường diễn ra bí mật, có tổ chức, hoạt động linh hoạt, nhiều thủ đoạn che giấu tinh vi và thường lợi dụng địa hình hiểm trở hoặc đặc điểm vùng giáp ranh, biên giới để thực hiện hành vi. Thực tiễn cho thấy, không ít vụ án đã không đạt hiệu quả

trong điều tra chỉ vì chậm trễ trong khâu xác minh, không có kế hoạch cụ thể hoặc tổ chức thực hiện thiếu phối hợp, thiếu sự chuẩn bị đầy đủ về lực lượng, phương tiện và chiến thuật. Trong bối cảnh đó, đặt ra yêu cầu cấp thiết phải hoàn thiện quy trình kịp thời xác minh thông tin, lập kế hoạch chi tiết và tổ chức thực hiện hoạt động ADPL một cách khoa học, linh hoạt và hiệu quả, đặc biệt đối với Cơ quan Cảnh sát điều tra tại các đơn vị địa phương.

Để nâng cao hiệu quả của hoạt động này, trước tiên, cần tổ chức công tác xác minh thông tin bài bản và đa nguồn, coi đây là bước khởi đầu mang tính nền tảng cho toàn bộ quá trình điều tra. Sau khi tiếp nhận nguồn tin ban đầu hoặc phát hiện dấu hiệu vi phạm, Cơ quan Cảnh sát điều tra cần chủ động triển khai đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ để thu thập, kiểm chứng thông tin. Việc xác định rõ hành vi vi phạm, hình thức tổ chức, địa điểm thực hiện (trong rừng sâu, tại nhà dân, trên phương tiện vận chuyển...), cũng như thời gian và mối liên hệ giữa các đối tượng có ý nghĩa quyết định đến việc đánh giá tình hình, nhận diện chính xác loại tội phạm và thủ đoạn sử dụng. Thông tin thu thập được phải được tổng hợp thành báo cáo đánh giá toàn diện, là cơ sở để xác lập phương án điều tra và tổ chức hoạt động bắt giữ phù hợp với thực tiễn.

Trên cơ sở thông tin xác minh đã đầy đủ, việc lập kế hoạch tổ chức ADPL cần được thực hiện một cách khoa học, cụ thể, trong đó mọi tình huống phát sinh phải được tính toán trước. Một kế hoạch bài bản phải xác định rõ thời gian, địa điểm hành động; phân công nhiệm vụ cho từng cán bộ, chiến sĩ tham gia; huy động và chuẩn bị đầy đủ phương tiện kỹ thuật, lực lượng hỗ trợ; đồng thời xây dựng phương án xử lý vật chứng, bảo vệ hiện trường và phòng chống các tình huống chống trả, bỏ trốn của đối tượng. Kế hoạch càng cụ thể thì việc triển khai càng chủ động, linh hoạt, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác điều tra công khai về sau. Tùy vào đặc điểm loài vật chứng, nếu có thể nhận diện ngay qua hình thái ngoài, Cơ quan Cảnh sát điều tra cần phối hợp với cơ quan chuyên môn xác định loài, lập biên bản, tạm giữ

và bảo quản theo đúng quy trình. Trường hợp vật chứng cần giám định gen, cần có phương án phối hợp với các đơn vị giám định tư pháp để tổ chức tạm giữ đối tượng, niêm phong mẫu vật và gửi giám định khẩn trương, tránh để mất dấu hoặc hủy hoại chứng cứ.

Việc tổ chức ADPL trên thực địa đòi hỏi sự phối hợp đa lực lượng, đa ngành với sự chuẩn bị kỹ lưỡng về mặt pháp lý và nghiệp vụ. Tuy nhiên, để giải pháp này thực sự phát huy hiệu quả, cần chú trọng đến một số vấn đề trong triển khai thực tiễn. Trước hết là bảo đảm tính hợp pháp trong toàn bộ quá trình hành động: Từ việc ra lệnh, thực hiện lệnh bắt giữ, khám xét, đến thu giữ vật chứng và tiến hành giám định đều phải tuân thủ nghiêm các quy định của BLTTHS và các văn bản hướng dẫn liên quan. Việc thiếu người chứng kiến, không lập biên bản đúng mẫu hoặc không ghi nhận chính xác vị trí, tình trạng vật chứng có thể khiến chứng cứ bị loại bỏ trong giai đoạn truy tố hoặc xét xử.

Bên cạnh đó, tính hiệu quả của hoạt động ADPL phụ thuộc lớn vào khả năng tổ chức phối hợp giữa các lực lượng trong Công an nhân dân như: Lực lượng Cảnh sát môi trường, Cảnh sát cơ động, Cảnh sát giao thông, cùng các lực lượng ngoài ngành như Kiểm lâm, Hải quan, Biên phòng... Sự phối hợp này không chỉ dừng lại ở hỗ trợ lực lượng tại hiện trường mà còn bao gồm chia sẻ thông tin tình báo, dữ liệu chuyên môn về động vật NCQH và kinh nghiệm nghiệp vụ trong xử lý tình huống. Các đơn vị tham gia cần được tập huấn định kỳ để nâng cao kỹ năng phối hợp tác chiến, nhận diện loài, xử lý vật chứng và phòng tránh rủi ro nghề nghiệp trong điều kiện địa bàn phức tạp, địa hình hiểm trở.

Một yếu tố nữa không thể thiếu là việc đảm bảo tính linh hoạt trong xây dựng và triển khai kế hoạch. Trong nhiều trường hợp, đối tượng phạm tội có thể thay đổi địa điểm, giờ giấc, phương thức giao dịch; vì vậy kế hoạch điều tra phải có kịch bản thay thế, điều chỉnh nhanh chóng khi cần thiết. Các điều tra viên cũng cần trang bị kỹ năng đánh giá, xử lý tình huống phát sinh đột

xuất, giữ vững nguyên tắc tố tụng nhưng không để lỡ cơ hội bắt giữ hoặc thu thập chứng cứ quan trọng. Đồng thời, cần quan tâm đến công tác tổng kết, đánh giá sau mỗi vụ việc - đây là cơ sở để rút kinh nghiệm, hoàn thiện quy trình tổ chức thực hiện và nâng cao chất lượng huấn luyện, đào tạo điều tra viên trong lĩnh vực tội phạm môi trường.

Tóm lại, giải pháp kịp thời xác minh thông tin, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện ADPL về bảo vệ động vật NCQH là nội dung mang tính chiến thuật - nghiệp vụ cốt lõi trong hoạt động điều tra hình sự. Việc triển khai đồng bộ, bài bản giải pháp này sẽ góp phần nâng cao chất lượng điều tra, tăng hiệu quả phát hiện, xử lý tội phạm và bảo đảm tính răn đe, phòng ngừa chung trong lĩnh vực bảo vệ đa dạng sinh học. Đây cũng là một trong những nội dung cần được thể chế hóa trong các hướng dẫn nghiệp vụ của lực lượng Cảnh sát điều tra cũng như đưa vào các chương trình đào tạo chuyên ngành điều tra tội phạm về môi trường trong thời gian tới.

4.2.4. Phối hợp chặt chẽ việc áp dụng pháp luật giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra với các cơ quan thực thi pháp luật trong điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm trên địa bàn các đơn vị, địa phương

Điều 43, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định rõ: “Mọi người có quyền được sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường”. Quy định này khẳng định công tác bảo vệ môi trường là trách nhiệm chung của toàn xã hội, trong đó lực lượng Cảnh sát điều tra cùng nhiều cơ quan hành pháp giữ vai trò chủ lực. Thực tế điều tra các vụ án VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH cho thấy hoạt động này mang tính liên ngành, có yếu tố kỹ thuật cao và phức tạp về địa bàn; do đó, việc phối hợp giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra với lực lượng chuyên trách như Cảnh sát môi trường, Cảnh sát giao thông, Cảnh sát cơ động, Biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, Quản lý thị trường, Thanh tra Tài nguyên - Môi trường, Viện kiểm sát và Tòa án là vô cùng cần thiết.

Thông tư 55/2013/TT-BCA ngày 12/11/2013 của Bộ Công an đã ban hành quy chế phối hợp liên ngành trong phòng chống tội phạm về môi trường, làm nền tảng pháp lý để triển khai các hoạt động điều tra tội phạm liên quan đến động vật NCQH. Tuy nhiên, quá trình áp dụng vẫn còn nhiều bất cập: Chưa có quy định cụ thể hóa trách nhiệm theo chủng loại tội phạm, địa bàn; tính linh hoạt, đột xuất còn hạn chế; công tác trao đổi thông tin có lúc chưa kịp thời; một số đơn vị liên quan chưa xác định rõ vai trò và trách nhiệm khi phối hợp. Đặc biệt, đối với Viện kiểm sát và Tòa án tại địa phương, thông tin trao đổi phục vụ cho truy tố - xét xử còn chậm trễ, nhất là khi hồ sơ vật chứng là động vật sống hoặc bộ phận động vật cần xử lý cấp thời.

Do đó, việc thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ, đồng bộ và hướng đến hiệu quả trong ADPL là điều cấp thiết, giúp tăng cường năng lực phát hiện, điều tra và xử lý các hành vi VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH, từ đó nâng cao hiệu lực ADPL hình sự và bảo vệ đa dạng sinh học.

Để thực hiện tốt giải pháp này, cần chú ý thực hiện các nội dung sau:

Thứ nhất, cần tiếp tục đẩy mạnh, củng cố quan hệ phối hợp giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra với các lực lượng nghiệp vụ trong Công an như Cảnh sát môi trường, Cảnh sát giao thông, Cảnh sát cơ động. Thực hiện nghiêm chỉnh Thông tư 55/2013/TT-BCA, các đơn vị cần chủ động trao đổi, chia sẻ thông tin về vụ việc, phương thức thủ đoạn tội phạm, cập nhật tình hình địa bàn. Trường hợp triển khai bắt giữ, khám xét cần có kế hoạch đồng bộ: phối hợp tổ chức đấu tranh, tổ chức truy vết, ngăn chặn vận chuyển và hỗ trợ xử lý vật chứng đúng quy định. Đặc biệt, các trường hợp có yếu tố phức tạp về địa bàn, đối tượng nước ngoài, cần sớm báo cáo Ban Giám đốc Công an cấp tỉnh hoặc lãnh đạo Bộ Công an để được hỗ trợ chỉ đạo.

Thứ hai, rà soát, hoàn thiện quy chế phối hợp liên ngành tại địa phương

Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an và các tỉnh, thành phố cần chủ động rà soát và đề xuất sửa đổi quy chế phối hợp đã ký giữa các đơn vị chức năng như Hải quan, Kiểm lâm, Quản lý thị trường, Biên phòng, Viện kiểm sát

và Tòa án. Việc rà soát cần hướng đến: i) Bổ sung quy định về trách nhiệm báo cáo nhanh chuyên môn và pháp lý khi phát hiện vụ việc; ii) Thiết lập quy trình bàn giao hồ sơ, vật chứng, đối tượng giữa các đơn vị (ví dụ: điều kiện tiếp cận, ghi nhận, xác thực); iii) Làm rõ cấp độ phối hợp (không chỉ chủ động định kỳ mà còn đột xuất, ứng phó với vụ việc cấp bách); iv) Bổ sung hướng dẫn trao đổi thông tin giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát/Tòa án, đặc biệt về chứng cứ đặc thù như mẫu vật, hình ảnh giám định, nguồn gốc loài. Trên cơ sở đó, triển khai hội nghị sơ kết, tổng kết hằng năm tại từng địa bàn để chia sẻ kinh nghiệm, đánh giá hiệu quả và điều chỉnh kịp thời các nội dung phối hợp, hướng đến tính linh hoạt và hiệu quả cao.

Thứ ba, thành lập tổ công tác liên ngành thường xuyên và cơ động

Cần hình thành các tổ công tác liên ngành cấp tỉnh hoặc xã (phường), bao gồm Cơ quan Cảnh sát điều tra, lực lượng Cảnh sát môi trường, Biên phòng, Kiểm lâm, Hải quan (nếu tại huyện có cửa khẩu nội địa), Cảnh sát giao thông (khi có liên quan đến vận chuyển). Các tổ công tác này phải họp định kỳ hàng tháng để cập nhật tình hình tội phạm, vạch ra các đường tuần tra, giám sát cụ thể theo địa bàn. Khi phát sinh đường dây, vụ việc nghiêm trọng, tổ công tác sẽ bố trí lực lượng triển khai kiểm tra, bắt giữ khẩn cấp, xử lý hiện trường, bảo vệ vật chứng, truy xuất dấu vết theo phương thức phối hợp đa phương. Mô hình này không chỉ nâng cao hiệu quả điều tra mà còn đóng vai trò răn đe hành vi vi phạm.

Thứ tư, tổ chức hợp tác quốc tế trong điều tra chung

Đặc biệt tại các vùng biên giới Việt Nam - Lào, Trung Quốc, Campuchia, lực lượng Cảnh sát điều tra cần chủ trì phối hợp tổ chức trao đổi thông tin tức thời với lực lượng tương đương qua biên giới. Cần ký kết cam kết cơ chế liên lạc nhanh, phương án tuần tra biên giới chung, chia sẻ thông tin khai thác, vận chuyển trái phép nguồn động vật NCQH. Đối với khu vực địa hình hiểm trở, cần phối hợp đồng thời nhiều lực lượng như Biên phòng, Hải quan và Kiểm lâm cả hai bên biên giới để kiểm soát hiệu quả đường mòn,

lỗi mở, cửa khẩu, phòng tránh lọt nhóm đối tượng tội phạm. Việc này phải được triển khai theo khung pháp lý quốc tế, phù hợp với luật pháp Việt Nam và quốc gia láng giềng, bổ sung bằng cơ chế trao đổi chuyên trách và buổi tập huấn nghiệp vụ chung định kỳ.

Khi triển khai thực hiện giải pháp này, cần chú ý một số vấn đề sau:

Một là, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng đơn vị: Cơ quan Cảnh sát điều tra chịu trách nhiệm chính về mặt pháp lý và nghiệp vụ; lực lượng Cảnh sát môi trường, Biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm tập trung cung cấp thông tin kỹ thuật, vật chứng và hỗ trợ bảo vệ hiện trường; Viện kiểm sát và Tòa án phải chủ trì tiếp nhận thông tin trong khâu truy tố - xét xử. Phân công rõ tránh trùng lặp đầu việc, tạo thuận lợi cho cơ quan chịu trách nhiệm chính có thể huy động hỗ trợ kịp thời.

Hai là, cần xây dựng hoặc điều chỉnh thông tư hướng dẫn, quy chế phối hợp đặc thù chuyên ngành bảo vệ động vật hoang dã, NCQH. Mỗi đơn vị ký cam kết “đầu mối phối hợp pháp lý” để giảm thiểu rủi ro trong quá trình triển khai nghiệp vụ; đồng thời tạo cơ sở pháp lý vững chắc khi đối phó với thủ đoạn tội phạm mới, tinh vi.

Ba là, thông tin về đối tượng, tang vật, tuyến đường, hình ảnh hiện trường nên được chia sẻ qua hệ thống nội bộ bảo mật, có xác thực, để kịp thời hỗ trợ việc bắt giữ hoặc ngăn chặn. Cần xây dựng “ban chỉ đạo điều tra xuyên ngành” cho các vụ án lớn, cấp mã đơn hàng bí mật, có thể truy xuất lịch sử và phân quyền truy cập phù hợp.

Bốn là, đội ngũ điều tra viên và thành viên tổ công tác liên ngành cần được đào tạo liên tục, chuyên sâu về nghiệp vụ phối hợp, kỹ năng phân loại vật chứng, kỹ thuật giám định, xử lý chứng cứ đa ngành và vận hành hệ thống trao đổi thông tin an toàn. Việc đào tạo phải theo hình thức mô phỏng tình huống thực tế, có đánh giá theo chuẩn đầu ra và gắn liền với yêu cầu nâng cao năng lực điều tra.

Năm là, đánh giá đột xuất và định kỳ, phân tích hiệu quả và rút kinh nghiệm. Ngoài sơ kết định kỳ, cần có chế tài đánh giá đột xuất nếu xảy ra sai sót nghiêm trọng, chuẩn hóa qua đó để tính đến trách nhiệm thực thi pháp luật. Kết quả đánh giá phải được công khai nội bộ, cập nhật thường xuyên vào hệ thống dữ liệu để các vụ án sau không lặp lại cùng sai lầm.

Qua việc triển khai giải pháp phối hợp chặt chẽ liên ngành trong điều tra, lưu trữ và khai thác thông tin về tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH, hiếm, lực lượng Cảnh sát điều tra cùng các cơ quan chức năng sẽ đạt được hiệu quả điều tra cao hơn, giảm được thời gian xử lý vụ án, nâng cao chất lượng quyết định, kết luận. Đồng thời, giải pháp còn có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng mức răn đe tội phạm, xây dựng cơ chế pháp chế hiệu quả và góp phần bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học theo định hướng phát triển bền vững của đất nước.

4.2.5. Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu đáp ứng yêu cầu áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Cơ quan Cảnh sát điều tra

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của các cơ quan nhà nước nói chung và cơ quan tiến hành tố tụng nói riêng không còn là lựa chọn, mà là yêu cầu bắt buộc nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa. Nhận thức rõ tầm quan trọng của công nghệ số, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương lớn nhằm thúc đẩy chuyển đổi số trong các lĩnh vực, trong đó có công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đã nhấn mạnh đến nhiệm vụ “phát triển hạ tầng và nền tảng số phục vụ quản trị quốc gia, đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội”. Trên cơ sở đó, Đảng ủy Công an Trung ương cũng đã ban hành Nghị quyết số 26-NQ/ĐUCA ngày 13/4/2015 về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển

công nghệ thông tin phục vụ công tác công an trong tình hình mới. Những định hướng này cho thấy xu thế tất yếu của việc ứng dụng công nghệ và xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành để phục vụ yêu cầu thực tiễn của công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Trong đó, tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH là một loại tội phạm đặc thù, có tính chất phức tạp và chịu sự chi phối của nhiều yếu tố như địa hình, hệ sinh thái, tập tính của loài vật, nhu cầu thị trường, tính chất xuyên biên giới... Những yếu tố này đặt ra yêu cầu phải có hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành để phục vụ cho việc nhận diện tội phạm, phân tích phương thức, thủ đoạn hoạt động, xác định đối tượng vi phạm, loại hình tang vật, cũng như hướng dẫn hoạt động cứu hộ, bảo quản, xử lý vật chứng là động vật hoang dã, NCQH hoặc sản phẩm từ động vật hoang dã, NCQH. Việc thiếu hụt cơ sở dữ liệu đồng nghĩa với việc thiếu công cụ phân tích, so sánh, suy luận pháp lý trong quá trình ADPL để giải quyết vụ án hình sự.

Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ điều tra các tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH phải được tiếp cận như một nhiệm vụ vừa có tính công nghệ, vừa có tính pháp lý - nghiệp vụ cao. Cơ sở dữ liệu cần được hiểu là hệ thống thông tin được tổ chức, phân loại, cập nhật và vận hành theo chuẩn hóa pháp lý - nghiệp vụ để phục vụ cho mục đích thu thập, lưu trữ, tra cứu, phân tích và sử dụng trong hoạt động điều tra.

Trước tiên, hệ thống này cần bao gồm các nhóm thông tin chủ yếu sau:

Một là, thông tin về các loài động vật NCQH: Mã hóa theo Danh mục pháp lý (theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP, Công ước CITES...), đặc điểm nhận dạng, tập tính sinh học, khu vực phân bố, mức độ nguy cấp, khả năng nhận diện trên thực địa hoặc qua ảnh.

Hai là, thông tin về phương thức, thủ đoạn phạm tội: Tập hợp các dạng hành vi vi phạm đã được phát hiện, truy tố, xét xử; phân loại các mô hình hoạt động phạm tội điển hình (vận chuyển qua biên giới, sử dụng giấy tờ giả, hợp thức hóa giấy phép nuôi nhốt, ngụy trang dưới danh nghĩa y học cổ truyền...).

Ba là, thông tin nghiệp vụ điều tra: Bao gồm các biểu mẫu nghiệp vụ, hướng dẫn kỹ thuật xử lý vật chứng là động vật sống hoặc chế phẩm từ động vật; phương pháp phối hợp với cơ quan giám định, cứu hộ, kiểm lâm; quy trình xử lý tại hiện trường và lưu giữ mẫu vật theo chuẩn giám định.

Bốn là, thông tin hỗ trợ pháp lý: Tích hợp các văn bản pháp luật, nghị quyết hướng dẫn ADPL liên quan đến Điều 234, 244 BLHS và các văn bản dưới luật; các án lệ, bản án đã có hiệu lực liên quan đến loại tội phạm này.

Năm là, thông tin hợp tác quốc tế: Cập nhật dữ liệu hợp tác, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan thực thi pháp luật trong khu vực và quốc tế về các đường dây, đối tượng truy nã, phương thức hoạt động có yếu tố nước ngoài.

Sáu là, để triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu hiệu quả, cần thiết lập một cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa Bộ Công an (Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra, Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Cục Khoa học, Chiến lược và Lịch sử Công an...), các cơ quan giám định tư pháp về môi trường, Tổng cục Lâm nghiệp, Cơ quan Kiểm lâm, các trung tâm cứu hộ động vật hoang dã, tổ chức bảo tồn thiên nhiên quốc tế (WWF, TRAFFIC, WCS...). Các bên này sẽ đóng vai trò thu thập, chuyển giao, chia sẻ và cập nhật thông tin theo cơ chế phân quyền và bảo mật. Cổng dữ liệu nên được thiết kế tích hợp đa tầng, có khả năng lọc thông tin theo loại tội danh, địa bàn, nhóm động vật, hình thái vật chứng, đặc điểm đối tượng vi phạm...

Khi triển khai thực hiện giải pháp này, cần chú ý một số vấn đề sau:

Thứ nhất, phải đảm bảo tính thống nhất về hệ tiêu chuẩn pháp lý và kỹ thuật khi thiết kế, triển khai cơ sở dữ liệu. Thông tin đưa vào cơ sở dữ liệu phải được đối chiếu, chuẩn hóa theo hệ quy chuẩn pháp luật Việt Nam và các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia. Cơ sở dữ liệu không chỉ là kho lưu trữ kỹ thuật mà còn phải là công cụ pháp lý, phục vụ cho quá trình ADPL nên tính chính xác và cập nhật phải được đặt lên hàng đầu.

Thứ hai, phải có cơ chế phân quyền sử dụng, khai thác và bảo mật thông tin chặt chẽ. Vì cơ sở dữ liệu liên quan đến các vụ án đang điều tra hoặc

các đối tượng trọng điểm, việc chia sẻ thông tin cần được phân quyền rõ ràng: ai được truy cập, ở mức độ nào, trong thời gian bao lâu, có lưu vết truy cập hay không... Đặc biệt, đối với dữ liệu thu thập từ hợp tác quốc tế, cần cam kết bảo mật theo các tiêu chuẩn song phương và đa phương đã ký kết.

Thứ ba, cần có đội ngũ cán bộ chuyên trách được đào tạo chuyên sâu về cả pháp luật, nghiệp vụ điều tra và công nghệ thông tin để vận hành hệ thống. Không nên để cán bộ điều tra kiêm nhiệm vận hành cơ sở dữ liệu, mà cần có lực lượng chuyên trách kỹ thuật, làm đầu mối tiếp nhận – xử lý – cập nhật – báo cáo dữ liệu theo định kỳ.

Thứ tư, bảo đảm tính linh hoạt và khả năng tích hợp mở rộng trong tương lai. Cơ sở dữ liệu phải có khả năng mở rộng để cập nhật thêm các loại tội phạm môi trường khác, bổ sung dữ liệu hình ảnh, video từ hiện trường, kết quả giám định pháp y động vật... Việc kết nối với các hệ thống khác trong ngành (CSDL dân cư, dữ liệu tội phạm quốc gia, hệ thống giám định tư pháp) cũng cần được tính đến để đồng bộ hóa thông tin và phục vụ điều tra toàn diện.

Thứ năm, nguồn tài chính, kỹ thuật và pháp lý để duy trì vận hành hệ thống phải được đảm bảo. Cần có đề án chính thức, báo cáo khả thi trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt, đồng thời huy động nguồn lực xã hội hóa, hợp tác quốc tế để triển khai hiệu quả.

4.2.6. Tăng cường hợp tác quốc tế chặt chẽ với các cơ quan thực thi pháp luật ngoài nước khi áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Cơ quan Cảnh sát điều tra

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH ngày càng mang tính chất xuyên quốc gia, có tổ chức, thủ đoạn tinh vi, thường xuyên thay đổi địa bàn và phương thức hoạt động, thì hoạt động điều tra hình sự không thể chỉ dựa vào năng lực của từng quốc gia riêng lẻ. Sự gia tăng các vụ buôn bán, vận chuyển, tàng trữ trái phép động vật hoang dã, NCQH qua biên giới Việt Nam - Lào, Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Campuchia... cho thấy cần có sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả hơn giữa lực

lượng Cảnh sát điều tra Việt Nam và các cơ quan thực thi pháp luật của các nước liên quan. Bên cạnh đó, nhiều công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (như CITES) cũng đặt ra yêu cầu hợp tác xuyên biên giới trong phòng, chống tội phạm về động vật hoang dã, NCQH.

Tuy nhiên, hiện nay mối quan hệ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này vẫn còn phân tán, chưa có cơ chế thống nhất, thiếu chiều sâu, chưa khai thác hiệu quả các kênh thông tin, hỗ trợ kỹ thuật và tài chính từ quốc tế. Do đó, việc xây dựng giải pháp tăng cường hợp tác quốc tế theo hướng cụ thể hóa, có hệ thống là đòi hỏi cấp thiết, góp phần bảo đảm hiệu quả ADPL trong điều tra các vụ án có yếu tố nước ngoài hoặc liên quan đến đường dây tội phạm xuyên quốc gia.

Do đó, để nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế nhằm thực hiện ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH, thời gian tới cần thiết phải:

Thứ nhất, hoàn thiện cơ chế đánh giá và tổng kết định kỳ kết quả phối hợp quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm

Cơ quan Cảnh sát điều tra cần chủ trì phối hợp với các lực lượng như Hải quan, Biên phòng, Kiểm lâm và các cơ quan đại diện ngoại giao tổ chức sơ kết, tổng kết định kỳ (hàng năm hoặc 6 tháng/lần) hoạt động hợp tác quốc tế. Các báo cáo cần phân tích rõ tình hình phối hợp, nêu bật những kết quả đạt được, chỉ ra những bất cập, hạn chế trong cơ chế phối hợp, đặc biệt về chia sẻ thông tin, triển khai các chiến dịch chung, trao đổi nghiệp vụ điều tra và dẫn độ tội phạm. Trên cơ sở đó, đề xuất kiến nghị sửa đổi, bổ sung thỏa thuận hợp tác, quy trình phối hợp, góp phần nâng cao hiệu lực thực thi pháp luật trong khuôn khổ hợp tác quốc tế.

Thứ hai, cụ thể hóa và mở rộng nội dung hợp tác với các nước láng giềng và đối tác chiến lược.

Cần chủ động ký kết hoặc sửa đổi, bổ sung các thỏa thuận song phương và đa phương giữa Bộ Công an Việt Nam với cơ quan thực thi pháp luật của các nước trong khu vực. Nội dung hợp tác cần cụ thể, bao gồm: i) Thiết lập

đầu mối liên lạc trực tiếp giữa lực lượng Cảnh sát điều tra với cảnh sát môi trường, Biên phòng, Hải quan của các nước liên quan; ii) Chia sẻ thông tin nghiệp vụ (về đối tượng, thủ đoạn, tuyến vận chuyển, điểm tập kết động vật hoang dã, NCQH...); iii) Tổ chức các chiến dịch kiểm tra, kiểm soát xuyên biên giới tại các khu vực cửa khẩu, đường mòn, lối mở có nguy cơ cao; iv) Triển khai cơ chế phản ứng nhanh khi phát hiện đường dây hoặc vụ việc nghiêm trọng liên quan đến buôn bán, vận chuyển trái phép động vật NCQH.

Thứ ba, khai thác và tận dụng hiệu quả nguồn lực tài chính, kỹ thuật và tri thức từ quốc tế

Cần chủ động phối hợp với các tổ chức quốc tế (như UNODC, WWF, TRAFFIC...) đề xuất xây dựng các quỹ hỗ trợ tài chính cho các chiến dịch điều tra xuyên biên giới, đầu tư trang thiết bị hiện đại như máy bay không người lái, camera bẫy ảnh, thiết bị giám sát qua vệ tinh, phần mềm phân tích dữ liệu. Bên cạnh đó, đẩy mạnh tổ chức các chương trình đào tạo chuyên sâu, ngắn hạn và dài hạn, dành cho cán bộ điều tra về kỹ năng điều tra hiện trường, phân tích dấu vết, nhận diện loài, công nghệ điều tra số... Ngoài ra, cần triển khai cơ chế luân chuyển cán bộ điều tra sang thực tập tại nước ngoài hoặc tiếp nhận chuyên gia quốc tế vào huấn luyện tại Việt Nam.

Để giải pháp này triển khai có hiệu quả, cần lưu ý một số vấn đề sau: i) Thống nhất đầu mối thực hiện hợp tác quốc tế: Phải xác định rõ trách nhiệm của Cơ quan Cảnh sát điều tra trong việc chủ trì phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Ngoại giao, Tổng cục Hải quan, Bộ Tư pháp để điều phối hoạt động hợp tác quốc tế theo đúng quy định pháp luật; ii) Bảo đảm tính pháp lý và tuân thủ chuẩn mực quốc tế: Khi xây dựng các cơ chế hợp tác, cần bảo đảm tính tương thích với pháp luật quốc tế, không vi phạm chủ quyền quốc gia, đồng thời phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và các luật chuyên ngành tại Việt Nam; iii) Bảo mật thông tin và an ninh dữ liệu: Việc chia sẻ thông tin nghiệp vụ, dữ liệu điều tra cần có cơ chế kiểm soát bảo mật nghiêm ngặt, tránh để lộ lọt thông tin có thể ảnh hưởng đến quá trình điều tra hoặc bị các đối tượng tội phạm khai thác; iv) Tránh hình thức, đảm bảo thực chất: Việc ký

kết hợp tác cần gắn với các kế hoạch, hoạt động cụ thể, có chỉ tiêu, mốc thời gian rõ ràng; tránh tình trạng hợp tác dàn trải, kém hiệu quả. Kết quả hợp tác cần được lượng hóa, theo dõi và đánh giá định kỳ.

4.2.7. Tăng cường cơ chế quản lý, theo dõi, giám sát việc thực hiện áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm

Việc ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH không chỉ là hoạt động nghiệp vụ của Cơ quan Cảnh sát điều tra mà còn là một khâu trọng yếu bảo đảm hiệu lực, hiệu quả của hệ thống pháp luật hình sự và bảo vệ đa dạng sinh học. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, việc giám sát, kiểm tra, đánh giá hiệu quả thực hiện hoạt động này vẫn còn hạn chế, chưa tương xứng với tính chất phức tạp, tinh vi, ẩn danh và xuyên quốc gia của loại tội phạm này.

Trước hết, công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động điều tra chưa hình thành một cơ chế giám sát chuyên biệt và thường xuyên đối với việc ADPL trong các vụ án liên quan đến động vật NCQH. Trong khi đó, nhiều vụ án kéo dài thời gian điều tra, chất lượng kết luận điều tra còn thấp, một số hồ sơ còn sai sót trong việc định tội, định khung hình phạt hoặc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, ảnh hưởng đến kết quả truy tố, xét xử. Mặt khác, còn thiếu cơ chế phản hồi từ Viện kiểm sát và Tòa án đối với những hạn chế, bất cập trong ADPL của Cơ quan điều tra, dẫn đến tình trạng “không có vòng lặp cải thiện”.

Ngoài ra, công tác thống kê, phân tích tình hình điều tra tội phạm về lĩnh vực bảo vệ động vật NCQH chưa đầy đủ, chưa có hệ thống dữ liệu chuyên biệt theo dõi tình trạng ADPL theo tiêu chí cụ thể (theo loài động vật, địa bàn, phương thức, biện pháp điều tra, kết quả xử lý...). Điều này khiến việc đánh giá hiệu quả, xác định nguyên nhân tồn tại và đề xuất biện pháp điều chỉnh còn mang tính cảm tính, thiếu căn cứ khoa học.

Chính vì vậy, để bảo đảm hiệu quả của hoạt động ADPL trong điều tra tội phạm về động vật NCQH, cần thiết phải xây dựng và hoàn thiện cơ chế

quản lý, theo dõi, giám sát hoạt động này một cách toàn diện, hệ thống và có khả năng điều chỉnh kịp thời trong thực tiễn.

Để bảo đảm công tác quản lý, theo dõi, giám sát việc thực hiện ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH, cần làm tốt một số vấn đề sau:

Một là, xây dựng cơ chế quản lý nội bộ chuyên biệt trong lực lượng Cảnh sát điều tra để theo dõi việc ADPL trong điều tra tội phạm về bảo vệ động vật NCQH. Cơ chế này cần có tính phân cấp rõ ràng, gắn trách nhiệm của từng cấp lãnh đạo với kết quả thực hiện tại đơn vị. Cần xây dựng các tiêu chí đánh giá định lượng và định tính về hiệu quả ADPL, bao gồm: thời gian điều tra, tỷ lệ hồ sơ bị trả lại, tính đầy đủ của chứng cứ, tỷ lệ kháng nghị, tỷ lệ truy tố - xét xử thành công, mức độ tuân thủ quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục điều tra...

Hai là, tăng cường cơ chế kiểm tra, thanh tra định kỳ và đột xuất của cơ quan cấp trên đối với việc điều tra các vụ án liên quan đến động vật NCQH. Việc kiểm tra không chỉ nhằm phát hiện sai phạm mà còn để tổng hợp vướng mắc, bất cập về pháp luật hoặc hướng dẫn ADPL từ thực tiễn điều tra, từ đó kịp thời kiến nghị cơ quan lập pháp, cơ quan tư pháp có hướng điều chỉnh. Việc này cần gắn kết chặt chẽ với hoạt động thanh tra của Bộ Công an, cũng như sự giám sát của các cơ quan dân cử.

Ba là, ứng dụng công nghệ thông tin để xây dựng hệ thống quản lý dữ liệu điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH theo hướng số hóa và chuyên ngành hóa. Hệ thống cần bảo đảm tính liên thông giữa các cấp điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án. Trên cơ sở này, cơ quan quản lý có thể theo dõi tiến độ điều tra từng vụ án, phân tích xu hướng vi phạm, thống kê thủ đoạn mới và cảnh báo những điểm nóng về tội phạm, qua đó giúp công tác giám sát, chỉ đạo điều tra mang tính định hướng và dự báo. Đồng thời, dữ liệu tập trung cũng là công cụ để phân tích hiệu quả ADPL theo thời gian, khu vực và loại tội phạm.

Bốn là, thiết lập cơ chế phản hồi hai chiều giữa Cơ quan điều tra với Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân trong hoạt động ADPL. Cần quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan này trong việc đánh giá, góp ý hoặc kiến nghị điều chỉnh hoạt động ADPL của Cơ quan điều tra sau mỗi vụ án được chuyển sang giai đoạn truy tố hoặc xét xử. Các ý kiến phản hồi cần được tổng hợp, phân tích định kỳ để rút kinh nghiệm chung và điều chỉnh nghiệp vụ.

Năm là, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho điều tra viên, cán bộ điều tra về các kỹ năng phát hiện, thu thập, đánh giá chứng cứ đối với loại tội phạm này, đặc biệt là năng lực phân tích pháp lý, khả năng nhận diện các tình tiết pháp lý đặc thù, áp dụng đúng khung hình phạt, tình tiết định khung, tình tiết tăng nặng - giảm nhẹ. Việc đào tạo cần lồng ghép nội dung về kỹ năng ADPL theo phương pháp luận khoa học, sử dụng các tình huống thực tiễn để mô phỏng và đánh giá chất lượng ADPL qua từng giai đoạn điều tra.

Kết luận chương 4

Trên cơ sở lý luận và thực tiễn đã có về ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam, tác giả đã đưa ra cơ sở dự báo và nội dung dự báo tình hình loại tội phạm này ở Việt Nam trong thời gian tới. Bên cạnh đó, trình bày các quan điểm nhất quán, thống nhất nhằm đảm bảo ADPL của Cơ quan Cảnh sát điều tra trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH ở Việt Nam được chặt chẽ, hiệu quả.

Từ những luận điểm trên, tác giả đã xây dựng, đưa ra nhiều nhóm giải pháp ý nghĩa, trước hết về nâng cao nhận thức cho các chủ thể tiến hành hoạt động ADPL và chủ thể bị ADPL; hoàn thiện hệ thống pháp luật, các văn bản quy định; tạo hành lang pháp lý vững chắc về điều tra tội VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH. Sửa đổi, kiện toàn thống nhất chức năng, nhiệm vụ hệ thống các Cơ quan điều tra hình sự cũng như trong công tác, quá trình điều tra tội phạm của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và quy trình tổ chức ADPL trong quá trình tiến hành điều tra; tăng cường công tác phối

hợp, hợp tác giữa các lực lượng trong nước và quốc tế. Cuối cùng, nhóm giải pháp tăng cường cơ chế quản lý theo dõi, giám sát việc thực hiện ADPL. Những nhóm giải pháp này góp phần bảo đảm tính hiệu quả thực thi ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam trong thời gian tới.

KẾT LUẬN

Sau khi nghiên cứu toàn bộ nhiệm vụ, mục đích của luận án “Áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm ở Việt Nam”, tác giả rút ra được một số kết luận sau:

Áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra là việc tuân thủ, thực hiện nghiêm ngặt và chính xác các quy định của pháp luật nhằm phòng chống, điều tra và xử lý tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các bên liên quan và thực hiện công bằng, minh bạch theo đúng quy định pháp luật.

Bên cạnh đặc điểm chung của ADPL thì ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH có những đặc điểm riêng về năng lực, chủ thể tiến hành điều tra và phối hợp, đặc điểm về thời gian điều tra, và là hoạt động mang tính điều chỉnh cá biệt và cụ thể đối với từng hành vi vi phạm pháp luật.

Nội dung ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH được thể hiện cụ thể trong 04 giai đoạn ADPL, đó là giai đoạn tiếp nhận thông tin, phân tích, đánh giá chính xác các tình tiết của sự việc thực tế đã xảy ra, giai đoạn lựa chọn quy phạm pháp luật làm cơ sở pháp lý cho việc đưa ra các quyết định ADPL, giai đoạn ra quyết định ADPL và giai đoạn tổ chức thực hiện văn bản ADPL.

Giai đoạn từ năm 2015 đến 6/2025, tình hình tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH có xu hướng gia tăng về số vụ vi phạm pháp luật kèm với đó là địa bàn hoạt động, phương thức, thủ đoạn và hình thức vận chuyển của loại tội phạm này ngày càng tinh vi và phức tạp. Áp dụng pháp luật trong điều tra loại tội phạm này thời gian qua ngày càng đạt nhiều kết quả, pháp luật được hoàn thiện quy định về tội danh này, được áp dụng kịp thời, đảm bảo trong hoạt động điều tra. Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế về nội dung, giai đoạn và điều kiện bảo đảm ADPL trong điều tra loại tội phạm này. Các văn bản pháp luật chưa hoàn chỉnh, vẫn còn vướng mắc, thực tiễn ADPL bị chông chéo và khó khăn trong một số hoạt động điều tra cụ thể.

Trên cơ sở lý luận, thực tiễn, đề tài luận án đã nghiên cứu, đưa ra dự báo, nội dung dự báo tình hình tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH ở Việt Nam trong thời gian tới và các quan điểm bảo đảm ADPL. Bên cạnh đó, nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế thực tiễn ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH, tác giả đã đưa ra 07 nhóm giải pháp nhằm bảo đảm ADPL trong điều tra tội phạm VPQĐ về bảo vệ động vật NCQH của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam được chặt chẽ, hiệu quả và đúng pháp luật.

CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Đặng Bá Vinh (2024), *Kinh nghiệm quốc tế về đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm hại động vật hoang dã - Giá trị tham khảo cho Việt Nam*, Tạp chí Quản lý nhà nước, ISSN e: 2815-5831, 10/5/2024.

2. Đặng Bá Vinh (2024), *Hoàn thiện pháp luật trong điều tra tội phạm xâm hại động vật hoang dã ở Việt Nam*, Tạp chí Quản lý nhà nước, ISSN e: 2815-5831, 23/8/2024.

3. Đặng Bá Vinh (2024), *Một số giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trong điều tra các tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Khoa học Kiểm sát, ISSN: 2354-063X, số 08, tháng 8/2024.

4. Đặng Bá Vinh (2025), *Nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm xâm hại động vật nguy cấp, quý, hiếm ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Nghề luật, ISSN: 1859-3631, số tháng 06/2025.

5. Đặng Bá Vinh (2025), *Giải pháp nâng cao hiệu quả giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm*, Tạp chí Kiểm sát, ISSN: 0866-7357, số 12/2025.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

* Tài liệu Tiếng Việt

1. Nguyễn Thị Vân Anh (2023), “*Quản lý và bảo tồn động vật hoang dã tại Việt Nam: Từ chính sách đến thực tiễn*”, Báo cáo kỹ thuật 275, Tổ chức Nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế (CIFOR), Hà Nội.
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2022), *Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền đến năm 2030, định hướng đến năm 2045*.
3. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2025), *Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới*.
4. Bộ Chính trị (2011), *Chỉ thị số 09-CT/TW, ngày 01/12/2011 của Ban Bí thư (khóa XI) về Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới*.
5. Bộ Chính trị (2015), *Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 22/6/2015 về Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh, trật tự trong tình hình mới*.
6. Bộ Công an (2023), *Báo cáo tổng kết số vụ vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Cục Cảnh sát môi trường trong 10 năm, Hà Nội*.
7. Bộ Công an (2025), *Hướng dẫn số 11/HD-BCA-V03 ngày 27/02/2025 của Bộ Công an quy định về việc bố trí Điều tra viên, cán bộ điều tra tại Công an cấp xã*.
8. Bộ Công an (2025), *Hướng dẫn số 33/HD-BCA-V03 ngày 28/6/2025 nhằm quy định cụ thể việc bố trí, phân công nhiệm vụ và quy trình điều tra hình sự đối với Điều tra viên, Cán bộ điều tra tại Công an cấp xã*.

9. Bộ Công an (2015), *Nghị quyết số 26-NQ/ĐUCA ngày 13/04/2015 của Bộ Công an về “Đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin phục vụ công tác Công an trong tình hình mới”*

10. Bộ Công an (2015), *Nghị quyết số 26-NQ/ĐUCA ngày 13/04/2015 của Bộ Công an về “Đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin phục vụ công tác Công an trong tình hình mới”*.

11. Bộ Công an (2017), *Thông tư số 56/2017/TT-BCA, các vụ án quy định tại Chương XIX; Các tội phạm về môi trường của BLHS năm 2015 (sửa đổi bổ năm 2017) thuộc thẩm quyền điều tra của lực lượng Cảnh sát kinh tế*.

12. Bộ Công an (2018), *Thông tư số 26/2018/TT-BCA ngày 10/08/2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân công thủ trưởng, phó thủ trưởng Cơ quan điều tra, thẩm quyền điều tra hình sự trong Công an nhân dân và các đội điều tra thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra công an cấp huyện*.

13. Bộ Công an – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Tòa án nhân dân tối cao (2025), *Thông tư liên tịch số 04/2025/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 15/3/2025 quy định về phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự, quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự*.

14. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2022), *Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT hướng dẫn một số hoạt động về lâm nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030*.

15. Bộ Tài nguyên và môi trường - Ủy ban khoa học công nghệ và môi trường của Quốc hội - Chương trình phát triển liên hợp quốc (2015), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Tội phạm môi trường - Kinh nghiệm quốc tế, thực trạng pháp luật và đề xuất hoàn thiện trong Bộ luật hình sự (sửa đổi)”*.

16. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2015), Sách chuyên khảo “*Tội phạm môi trường trong pháp luật hình sự Việt Nam - Thực trạng và định hướng hoàn thiện*”.

17. Bộ Tài nguyên và môi trường (2019), *Báo cáo quốc gia lần thứ 6 đối với Công ước đa dạng sinh học năm 2019*.

18. Chính phủ (2013), *Nghị định số 160/2013/NĐ-CP về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm, được ưu tiên bảo vệ*.

19. Chính phủ (2018), *Nghị quyết số 05/2018/NQ - HĐTP ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã và điều 244 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của bộ luật hình sự*.

20. Chính phủ (2018), *Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Lâm nghiệp*.

21. Chính phủ (2019), *Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22/1/2019 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loại động vật, thực vật hoang dã nguy cấp*

22. Chính phủ (2025), *Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 18/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức mới của Bộ Công an*.

23. Chính phủ (2025), *Quyết định số 49/QĐ-TTg ngày 08/01/2025 phê duyệt Chương trình quốc gia về bảo tồn các loài động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050*.

24. Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường - Bộ Công an (2020-2024), *Báo cáo tổng kết công tác phòng, chống tội phạm về môi trường các năm 2020, 2021, 2022, 2023, 2024, 01-06/2025*.

25. Nguyễn Minh Đoan (2022), *Giáo trình Lý luận về Nhà nước và pháp luật*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật.

26. Nguyễn Minh Đoan, Nguyễn Minh Đức (2019), *Thực hiện, áp dụng và giải thích pháp luật ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật.

27. Chu Xuân Đức (2022), Đề tài khoa học cấp cơ sở: “*Công tác xác minh hiểm nghi trong phòng chống tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý hiếm của lực lượng Cảnh sát môi trường công an thành phố Hà Nội*”, Học viện Cảnh sát nhân dân.

28. ENV. (2018). *Giải pháp chấm dứt buôn bán động vật hoang dã trái phép ở Việt Nam*. Tổ chức Giáo dục về Bảo tồn Thiên nhiên.

29. ENV (2022), *Báo cáo “Công tác xử lý tội phạm về động vật hoang dã tại Việt Nam năm 2022” của Trung tâm Giáo dục Thiên nhiên (ENV)*

30. Hội đồng Thẩm phán (2018), *Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP ngày 05/11/2018 về hướng dẫn áp dụng Điều 234 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã, Điều 244 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Bộ luật hình sự*.

31. Hải quan Thái Lan (2022), *Báo cáo tình hình xử lý vi phạm buôn bán trái phép động vật hoang dã 6 tháng đầu năm 2022*, Tổng cục Hải quan Thái Lan, Bangkok.

32. Nguyễn Thị Hồi (2009), *Áp dụng pháp luật ở Việt Nam hiện nay*, Đề tài khoa học cấp cơ sở, Trường Đại học Luật Hà Nội.

33. Bùi Thị Hà (2019), *Pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp hoàn thiện pháp luật* (Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội).

34. Lê Thanh Hà (2021), *Hoàn thiện pháp luật về điều tra tội phạm sử dụng công nghệ cao ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội.

35. Dương Quỳnh Hoa (2017), “*Áp dụng pháp luật trong Bộ luật dân sự năm 2015*”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*.

36. Nguyễn Ngọc Hòa (2018), *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung 2017 – Phần các tội phạm*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.

37. Bùi Nguyên Khánh (2014), *Cơ sở pháp lý bảo đảm sự độc lập xét xử của Tòa án trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền và hội nhập quốc tế ở nhà nước ta hiện nay*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Viện Nhà nước và pháp luật, Hà Nội.

38. Đỗ Hoàng Linh (2023), “Các khu bảo tồn sinh thái của Việt Nam”, *Tạp chí Công nghiệp môi trường*, Hà Nội.

39. Trần Đình Lực (2022), “Nỗ lực thực hiện các cam kết về bảo tồn đa dạng sinh học ở cấp quốc gia”, *Tạp chí Công nghiệp môi trường*, Hà Nội.

40. Phương Linh (2023), “Quyết tâm của Việt Nam trong nỗ lực bảo tồn đa dạng sinh học”, *Tạp chí Môi trường và cuộc sống*, Hà Nội.

41. Trần Văn Ly (2022), “Ngăn chặn đà suy giảm đa dạng sinh học ở Việt Nam - Bài cuối: Quản lý, bảo vệ và phục hồi bền vững vùng sinh thái Trung Trường Sơn”, *Tạp chí Môi trường và cuộc sống*, Hà Nội.

42. Nguyễn Xuân Lý (2016), Giáo trình “*Tổ chức và hoạt động của lực lượng Cảnh sát môi trường*”, Học viện Cảnh sát nhân dân

43. Nguyễn Xuân Lý, Nguyễn Hoàng Minh (đồng chủ biên) (2016), Giáo trình “*Những vấn đề cơ bản về đấu tranh, phòng chống tội phạm môi trường*”, Nhà xuất bản Công an nhân dân.

44. Phạm Thị Hồng My (2023), “Thực trạng áp dụng pháp luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài của Tòa án Việt Nam”, *Tạp chí Pháp luật và Thực tiễn*, số 55.

45. Ngô Phan Nhân (2024), “Giải pháp nâng cao hiệu quả hướng dẫn điều tra vụ án hình sự của Cơ quan Cảnh sát điều tra các cấp”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*.

46. Vũ Văn Nguyên (2022), “*Bảo vệ động vật hoang dã theo tiếng gọi khẩn thiết của thiên nhiên trong tình hình hiện nay*”, Luận án tiến sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

47. Nguyễn Văn Pha (2018), Sách chuyên khảo “*Bảo vệ động vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm bằng pháp luật hình sự Việt Nam*”, Nhà xuất bản Lao động.

48. Nguyễn Tiến Phương (2023), “Áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm sử dụng không gian mạng xâm phạm an ninh quốc gia”, Trường Cao đẳng An ninh nhân dân I, *Tạp chí Quản lý Nhà nước*, ISSN: 2354 - 0761 (Số 335), tr 73-77.

49. Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường, Công an tỉnh Bắc Giang (2016–2023), *Báo cáo tổng kết công tác phòng, chống tội phạm về môi trường các năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023*.

50. Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường, Công an tỉnh Bình Dương (2020–2023), *Báo cáo tổng kết công tác phòng, chống tội phạm về môi trường các năm 2020, 2021, 2022, 2023*.

51. Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường, Công an tỉnh Bình Phước (2020–2023), *Báo cáo tổng kết công tác phòng, chống tội phạm về môi trường các năm 2020, 2021, 2022, 2023*.

52. Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường, Công an tỉnh Đắk Nông (2020–2023), *Báo cáo tổng kết công tác phòng, chống tội phạm về môi trường các năm 2020, 2021, 2022, 2023*.

53. Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường, Công an tỉnh Gia Lai (2020–2023), *Báo cáo tổng kết công tác phòng, chống tội phạm về môi trường các năm 2020, 2021, 2022, 2023*.

54. Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường, Công an tỉnh Hà Tĩnh (2016–2023), *Báo cáo tổng kết công tác phòng, chống tội phạm về môi trường các năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023*.

55. Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường, Công an thành phố Hồ Chí Minh (2016–2023), *Báo cáo tổng kết công tác phòng,*

chống tội phạm về môi trường các năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023.

56. Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường, Công an tỉnh Lâm Đồng (2020–2023), *Báo cáo tổng kết công tác phòng, chống tội phạm về môi trường các năm 2020, 2021, 2022, 2023.*

57. Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường, Công an tỉnh Lào Cai (2020–2023), *Báo cáo tổng kết công tác phòng, chống tội phạm về môi trường các năm 2020, 2021, 2022, 2023.*

58. Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường, Công an tỉnh Nghệ An (2016–2023), *Báo cáo tổng kết công tác phòng, chống tội phạm về môi trường các năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023.*

59. Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường, Công an tỉnh Quảng Bình (2016–2023), *Báo cáo tổng kết công tác phòng, chống tội phạm về môi trường các năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023.*

60. Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường, Công an tỉnh Thanh Hóa (2016–2023), *Báo cáo tổng kết công tác phòng, chống tội phạm về môi trường các năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023.*

61. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2021), *Bộ Luật Dân sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2021.*

62. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.*

63. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2021), *Bộ Luật Tố tụng hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.*

64. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2004), *Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004*, NXB Chính trị quốc gia.

65. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2017), *Luật Lâm nghiệp năm 2017.*

66. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2020), *Luật đầu tư*.

67. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2018), *Luật Công an nhân dân (sửa đổi, bổ sung năm 2023)*.

68. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Luật thi hành tạm giữ, tạm giam*.

69. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2021), *Luật Tổ chức Cơ quan điều tra hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021)*.

70. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2018), *Luật giám định tư pháp năm 2012 (sửa đổi bổ sung năm 2021)*.

71. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sửa đổi bổ sung năm 2025)*

72. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2012), *Luật Biển Việt Nam 2012*.

73. Trần Đại Quang, Nguyễn Xuân Yêm (2012), Bộ sách chuyên khảo “*Khoa học hình sự Việt Nam*”, chỉ đạo biên soạn: Nhà xuất bản CAND, Hà Nội.

74. Đinh Tiên Quân (2013), Luận án tiến sĩ “*Hoạt động phòng ngừa tội phạm về môi trường theo chức năng của lực lượng cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*”, Học viện Cảnh sát nhân dân.

75. *Sách đỏ Việt Nam (Phần I và II)*, NXB Khoa học tự nhiên và Công nghệ.

76. Lê Xuân Sang (2022), Luận án tiến sĩ “*Điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm trên địa bàn các tỉnh miền Trung theo thẩm quyền của lực lượng Cảnh sát môi trường*”, Học viện Cảnh sát nhân dân.

77. Nguyễn Tiến Sơn (2024), *Điều tra tội phạm lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản theo chức năng của lực lượng Cảnh sát kinh tế*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.

78. Dương Văn Thắng (2017), *Áp dụng pháp luật trong xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự của Tòa án quân sự ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Hà Nội.

79. Đinh Anh Tuấn (2023), “Nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ động vật hoang dã”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật* Kỳ 1 (Số 388), tháng 9/2023, Hà Nội.

80. Đinh Anh Tuấn (2022), Bài viết “Nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ động vật hoang dã” Trường Đại học Cảnh sát nhân dân.

81. Trần Anh Tuấn (2017), Luận án tiến sĩ “Hoạt động nghiệp vụ trình sát của lực lượng Cảnh sát môi trường trong phòng, chống tội phạm vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ”, Học viện Cảnh sát nhân dân.

82. Trần Văn Tuyên (2020), “Nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trong hoạt động điều tra đối với tội phạm ma túy”, *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, số 04, tr. 19–28.

83. Lê Xuân Thân (2004), *Áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử của tòa án nhân dân ở Việt Nam hiện nay*, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

84. Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân I (2018), Kỷ yếu hội thảo khoa học *Đấu tranh phòng, chống tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Hà Nội.

85. Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam. (2021). Báo cáo tổng kết công tác bảo vệ và phát triển rừng 5 năm 2016-2020. Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam.

86. TRAFFIC. (2020). Tình trạng buôn bán động vật hoang dã trái phép ở Việt Nam. Văn phòng đại diện của TRAFFIC tại Việt Nam.

87. Trần Quốc Tỏ (2013), Luận án tiến sĩ “Hoạt động phòng ngừa vi phạm pháp luật và tội phạm về môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội

theo chức năng của lực lượng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường”, Học viện Cảnh sát nhân dân.

88. Lê Tấn Tới, Nguyễn Trí Tuệ, Đỗ Đức Hồng Hà (đồng chủ biên) (2019), Sách chuyên khảo “*Bình luận các tội phạm trong lĩnh vực môi trường*”, Nhà xuất bản Lao Động.

89. Võ Khánh Vinh (2020), “Áp dụng pháp luật hình sự: Những vấn đề lý luận”, *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*.

90. Ủy ban Tư pháp của Quốc hội phối hợp với Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ tại Việt Nam (GIG) (2018), Kỷ yếu hội thảo khoa học “*Nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng ngừa tội phạm vi phạm pháp luật về động vật hoang dã quý hiếm ở Việt Nam*”.

91. Đào Trí Úc, Hoàng Thị Kim Quế (2023), *Giáo trình đại cương về Nhà nước và pháp luật*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

92. Chu Thị Trang Vân (2009), *Hoạt động áp dụng pháp luật hình sự của các Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Khoa Luật, ĐHQGHN

93. Võ Khánh Vinh (2022), *Áp dụng pháp luật hình sự: Lý luận và thực tiễn*, Nxb Tư Pháp, Hà Nội.

94. Ủy ban tư pháp (2019), *Báo cáo số 2031/BC-ĐKS Báo cáo kết quả khảo sát của Ủy ban tư pháp tại các tỉnh Quảng Nam, Quảng Trị và Quảng Bình về tình hình đấu tranh, phòng ngừa vi phạm pháp luật về tội phạm về quản lý, bảo vệ động vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm*.

95. Vũ Anh Văn (2023), “Ngày động vật hoang dã thế giới: Nỗ lực hơn nữa để bảo vệ đa dạng sinh học của Việt Nam”, *Báo cáo của Chi cục Kiểm lâm vùng II*, Hà Nội.

96. https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%8Ba_l%C3%BD_Vi%E1%BB%87t_Nam, truy cập ngày 02/02/2025.

97. <https://www.vietnamplus.vn/chung-tay-bao-ve-loai-hoang-da-o-viet-nam-doi-mat-xu-huong-suy-giam-post714198.vnp>, truy cập ngày 02/02/2025.

98. <https://congnghiepmoitruong.vn/cac-khu-bao-ton-sinh-thai-cua-viet-nam-10050.html>, truy cập ngày 02/02/2025.

99. <https://vietnamnet.vn/so-vu-vi-pham-ve-dong-vat-hoang-da-co-xu-huong-tang>, truy cập ngày 02/02/2025.

100. <https://www.bienphong.com.vn/vi-pham-lien-quan-den-dong-vat-hoang-da-tiep-tuc-gia-tang-post483003.html>, truy cập ngày 02/02/2025.

101. <https://baophapluat.vn/buon-ban-dong-vat-hoang-da-tren-mang-xa-hoi-dien-bien-phuc-tap-post505491.html>, truy cập ngày 02/02/2025.

102. <https://thiennhien.org/tp-ho-chi-minh-toa-dam-cong-tac-xu-ly-toi-pham-ve-dong-vat-hoang-da-tai-viet-nam-thanh-tuu-va-thach-thuc>, truy cập ngày 02/02/2025.

103. <https://danchuphapluat.vn/hoan-thien-phap-luat-to-tung-hinh-su-ve-xu-ly-vat-chung-la-dong-vat-hoang-da-dong-vat-nguy-cap-quy-hiem>, truy cập ngày 02/02/2025.

104. [Nghê An: Hội thảo “Công bố Báo cáo tình hình tội phạm và thực thi pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã tại Việt Nam” - Kiểm Sát Online \(kiemsat.vn\)](#), truy cập ngày 02/02/2025.

105. <https://www.bienphong.com.vn/nhieu-ket-qua-dang-khich-le-trong-cong-tac-xu-ly-toi-pham-ve-dong-vat-hoang-da-post466276.html>, truy cập ngày 02/02/2025.

106. <https://thiennhien.org/uploads/final-prosecution-review-wildlife-trafficking-cases-in-vietnam-2022-vn-july-31-2023-high-resolution.pdf>, truy cập ngày 02/02/2025.

107. <https://nhandan.vn/buon-lau-dong-vat-hoang-da-giam-doc-cong-ty-linh-24-nam-tu-post848869.html> truy cập ngày 02/02/2025.

108. <https://baovephapluat.vn/kinh-te/kinh-doanh-phap-luat/mua-ban-van-chuyen-trai-phep-dong-vat-hoang-da-van-dien-bien-phuc-tap-159003.html>, truy cập ngày 02/02/2025.

109. <https://cand.com.vn/Ho-so-Interpol/dong-vat-hoang-da-va-moi-nguy-hiem-tu-thi-truong-ngam-i766901/>, truy cập ngày 10/4/2025.

110. <https://thiennhien.org/uploads/sd-prosecution-review-of-wildlife-trafficking-cases-in-vietnam-2014-2023-vn-nov-15-2024-final-compressed.pdf>, truy cập ngày 10/4/2025.

111. <https://cand.com.vn/Xa-hoi/noi-khong-voi-su-dung-dong-vat-hoang-da-trai-phep-i756223/>, truy cập ngày 10/4/2025.

112. <https://nhandan.vn/tu-17-toan-quoc-co-3319-cong-an-cap-xa-post890262.html>, truy cập ngày 25/7/2025

113. <https://thiennhien.org/uploads/wcb-1-2024-vn-may-24-2024-final-short-ver.pdf>, truy cập ngày 6/6/2025.

114. <https://nhandan.vn/bao-ve-dong-vat-hoang-da-tu-tin-nhan-to-giac-post731500.html>, truy cập ngày 25/7/2025

*** Tài liệu Tiếng Anh**

115. A.K Sen (2017), *Judicial Application of Human Rights and Democracy* [Áp dụng pháp luật trong quyền con người và dân chủ], Nhà xuất bản Cambridge University Press, London.

116. Alan Stewart (2012), “*Wildlife and the Law: A Field Guide to Recognising, Reporting and Investigating Wildlife Crime in Scotland*”, (động vật hoang dã và luật pháp: Hướng dẫn thực địa để nhận biết, báo cáo và điều tra tội phạm buôn bán động vật hoang dã ở Scotland của Alan Stewart, 2012).

117. Angus Nurse (2015), “*Issues in Policing Wildlife Crime*”, Palgrave Macmillan (Các vấn đề trong việc kiểm soát tội phạm về động vật hoang dã của Nurse Angus, nhà xuất bản Palgrave Macmillan, 2015).

118. Ana María Vásquez (2025), “Análisis de la efectiva aplicación de las sanciones penales para la protección de la fauna silvestre en el Distrito

Central” (Phân tích hiệu quả áp dụng chế tài hình sự trong bảo vệ động vật hoang dã tại Quận Trung tâm của Ana María Vásquez, Trường Đại học Bách khoa Honduras, 2025).

119. A.H. Kurshov (2024), “Теоретико-правовые основы использования специальных знаний в расследовании преступлений” (Cơ sở lý luận – pháp lý của việc sử dụng kiến thức chuyên môn trong điều tra tội phạm của A.H. Kurshov, đăng trên tạp chí Право и управление, Nga, 2024).

120. Bài viết “*Current Issues with the Investigation of Wildlife Crime in Australia: Problems and Opportunities for Improvement*”, Sherryn Ciavaglia, Hannah Dridan, K. Paul Kirkbride, Adrian Linacre, Journal of International Wildlife Law & Policy, Volume 18/2015.

121. Bài viết “*Wildlife crime scene investigation: techniques, tools and technology*”, John E. Cooper, Margaret E. Cooper, Paul Budgen, Endangered Species Research Vol 9/2009.

122. Brian Gonzales, Sallie Yang, Freeland Foundation (2016), “*Asean handbook on legal cooperation to combat wildlife crime*”, Bangkok, Thailand (Cẩm nang hợp tác pháp lý phòng chống tội phạm về động vật hoang dã của các nước Đông Nam Á, Nhà xuất bản Bangkok, Thailand, 2016).

123. Christopher Bell, F. William Brownell, David R. Case, Andrew N. Davis, Kevin A. Ewing, Jessica O. King, Stanley W. Landfair, Duke K. McCall III, Marshall Lee Miller, Karen J. Nardi, Austin P. Olney, Thomas Richichi, John M. Scagnelli, James W. Spensley, Daniel M. Steinway, Rolf R. von Oppenfeld, “*The Environmental Law Handbook*”, 2017 (Cẩm nang Luật môi trường, 2017)

124. CITES (2019) “*The 18th conference of the parties of convention on international trade in endangered species of wild fauna and flora*”, Geneva, Switzerland (CITES “Hội nghị lần thứ 18 của các bên tham gia

công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp, Geneva, Switzerland, 2019).

125. Defenders of Wildlife (2023). The Endangered Species Act: A Wild Success.

126. ENV (2015, April 27). New Thai wildlife law spells trouble for traffickers. https://www.env.go.jp/en/nature/biodic/loss_and_degradation/4_wildlife_traffic_thailand.html

127. Edward van Asch (2017), “*Exploring the Effectiveness of International Cooperation to Combat Transnational Organized Wildlife Crime: Lessons Learned from Initiatives in Asia*”, The University of Sheffield.

128. Ecologic Institute (2019), “Steckbriefe zur Anwendung des Umwelt(straf)rechts und der Zusammenarbeit der Behörden in ausgewählten EU-Ländern” (Tổng hợp mô tả về việc áp dụng luật hình sự môi trường và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan tại một số quốc gia EU của Viện Môi trường Ecologic, CHLB Đức, 2019).

129. Henry travers, Geoffrey Mwedde, Lucy Archer, Dilys Roe, Andrew Plumptre, Julia Baker, Aggrey Rwetsiba, E.J. Milner - Gulland (2017), “*Taking action against wildlife crime in Uganda*”, International institute for environment and development, London, UK.

130. Herbert M. Kritzer (2002), “*Legal Systems of the World: A Political, Social, and Cultural Encyclopedia*” (Các hệ thống pháp luật trên thế giới: Bách khoa toàn thư về chính trị, xã hội và văn hóa của Herbert M. Kritzer, 2002).

131. Independent (2021, November 19). Pensioner who used trap to catch two buzzards spared jail.

132. IPE (2022), China Customs Intensified Crackdown on Smuggling of Endangered Species in 2022.

133. JNCC (2023). Species protection. <https://jncc.gov.uk/our-work/species-protection/>
134. Jérôme Leborne (2025), “La protection pénale de l’animal” (Bảo vệ hình sự đối với động vật của Jérôme Leborne, đăng trên Tạp chí *Revue de science criminelle et de droit pénal comparé*, Pháp, 2025).
135. Kasane, UK (2015), Tuyên bố hội thảo quốc tế “*International conference on illegal wildlife trade adopts kasane statement*”, (Bản tuyên bố Kasane của Hội thảo quốc tế về chống buôn bán trái phép động thực vật hoang dã, Vương quốc Anh, ngày 25 tháng 03 năm 2015).
136. Kế hoạch: “*EU Action Plan against Wildlife Trafficking*”, European Union, Brussels, The kingdom of Belgium, 2016 (Kế hoạch hành động chống nạn buôn bán động vật hoang dã của liên minh Châu Âu, Ủy ban châu Âu, Brussels, Vương quốc Bỉ, năm 2016).
137. Li Tao & Feng Mingyu (2023), “*野生动物资源的刑法保护体系完善研究*” (Nghiên cứu hoàn thiện hệ thống bảo hộ hình sự tài nguyên động vật hoang dã của Lý Tao và Phùng Minh Vũ – Đại học Luật Tây Nam, Trung Quốc, 2023).
138. Nijman, V. & Shepherd, C.R. (2015). Trade in tigers and other wild cats in Mong La and Tachilek, Myanmar - A tale of two border towns. *Biological Conservation*, 182, 1-7.
139. Pasko, V. (2010). Wildlife Protection Legislation in the Russian Federation. TRAFFIC Europe.
140. Royal Society for the Prevention of Cruelty to Animals (2022), RSPCA wildlife victims report 2021.
141. RIA Novosti (2022, August 3), Wildlife Crimes Up 100% in Russia.

142. Siniša Rodin, Tamara Perišin (2015), “*Judicial Application of International Law in Southeast Europe*” (Áp dụng Pháp luật Quốc tế trong Hệ thống Tư pháp ở Đông Nam Âu của Siniša Rodin, Tamara Perišin, 2015).

143. Sollund, R. A. (Ed.). (2019). *The Illegal Wildlife Trade: Inside the World of Poachers, Smugglers and Traders* (Vol. 69). Springer Nature.

144. TASS (2022, December 5). Putin signs law on criminal liability for environmental violations. <https://tass.com/politics/1533545>

145. Thai PBS (2022, February 23). Thailand launches special force to combat wildlife trafficking. <https://www.thaipbsworld.com/thailand-launches-special-force-to-combat-wildlife-trafficking/>

146. TRAFFIC (2015), *Rhino Horn Trafficking and Supply Routes in Southeast Asia* [Buôn bán sừng tê giác và các tuyến cung cấp tại Đông Nam Á], Báo cáo thường niên, TRAFFIC – Trung tâm Theo dõi Buôn bán Động thực vật Hoang dã, Kuala Lumpur.

147. Trương Vệ Bình và cộng sự (2024), “法律适用的统一：从理论分析到实证研究” (Sự thống nhất trong áp dụng pháp luật: từ phân tích lý thuyết đến nghiên cứu thực nghiệm của Trương Vệ Bình và cộng sự, Trung Quốc, 2024).

148. UNEP (2013), *Wildlife Crime Analytic Toolkit*, United Nations Environment Programme.

149. US Fish & Wildlife Service (2023), *Endangered Species*.

150. Vu, L. C. (2012). The Vietnamese wildlife law: Analyzing the deficiencies; remedies for revisions. *Asia Pacific Journal of Environmental Law*, 15(1), 119-144.

151. V.E. Varlamova (2023), “Осовременивание модели развития теории государства и права” (Hiện đại hóa mô hình phát triển lý thuyết Nhà nước và pháp luật của V.E. Varlamova, Nga, 2023).

152. WWF Philippines (2015, January 16). DENR to implement “priority protection list” for wildlife.

<https://wwf.org.ph/wwf3/news/wildlife/denr-to-implement-priority-protection-list-for-wildlife/>, truy cập ngày 02/02/2025.

153. William D. Moreto (2018), “*Wildlife Crime: From Theory to Practice*”, (Tội phạm về động vật hoang dã: Từ lý thuyết đến thực tiễn của William D. Moreto, 2018).

154. William Moreto (Author), Stephen Pires (Author) (2018), “*Wildlife Crime: An Environmental Criminology and Crime Science Perspective*”, (Tội phạm động vật hoang dã: Dưới góc nhìn tội phạm học môi trường và khoa học tội phạm).

155. Xinhua (2020, October 17). China stiffens regulation on illegal wildlife trade, consumption. http://www.xinhuanet.com/english/2020-10/17/c_139450705.htm

156. Yu.A. Mechetin (2021), “Уголовно-правовая охрана объектов животного мира” (Bảo hộ hình sự đối tượng thế giới động vật của Yu.A. Mechetin, Liên bang Nga, 2021).

157. Zhang, L., Hua, N., & Sun, S. (2008). Wildlife trade, consumption and conservation awareness in southwest China. *Biodiversity and Conservation*, 17(6), 1493-1516.

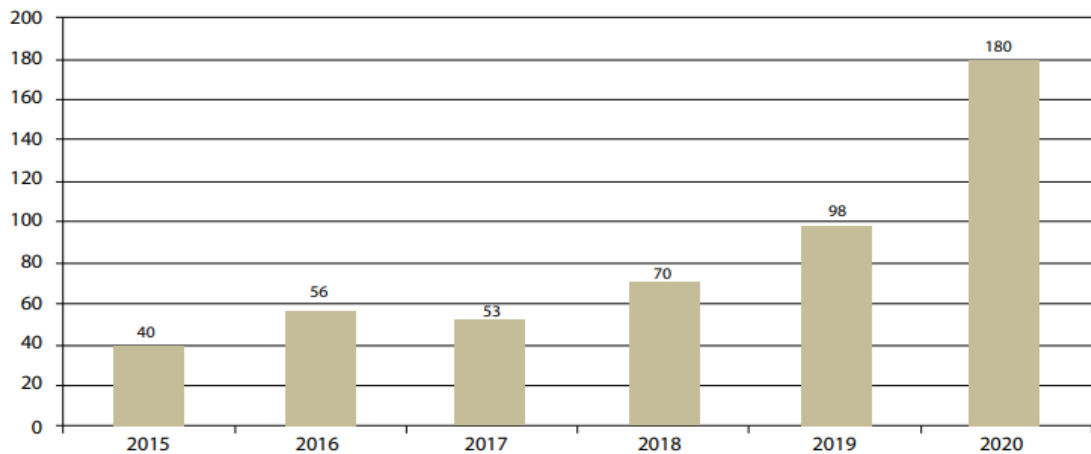
158. Zimmerman, M. E. (2003). The black market for wildlife: Combating transnational organized crime in the illegal wildlife trade. *Vanderbilt Journal of Transnational Law*, 36, 1657.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

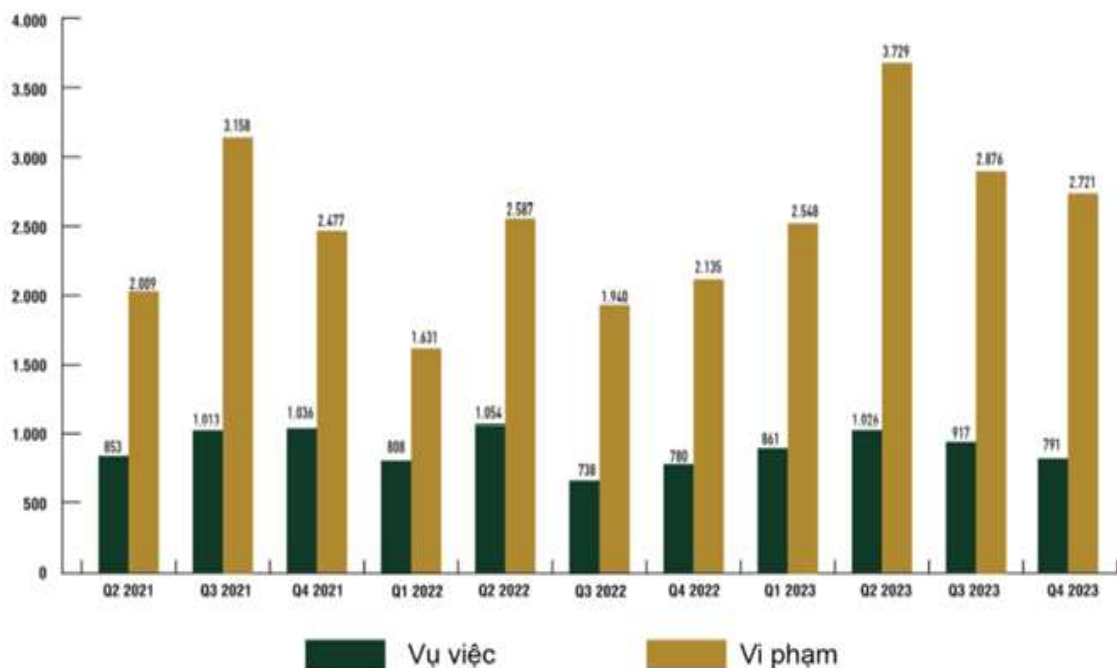
Biểu đồ 1: Số lượng vụ vi phạm pháp luật về buôn bán động vật hoang dã tại Việt Nam giai đoạn 2015- 2020

(Nguồn: EIA Dashboard. 2021. Global Environmental Crime Tracker. Global Environmental Crime Tracker - EIA)



Biểu đồ 2: Tổng số vụ việc và vi phạm ENV đã ghi nhận trong giai đoạn 2021 - 2023

(Nguồn: Bản tin bảo vệ động vật hoang dã số 01 năm 2024 của ENV)



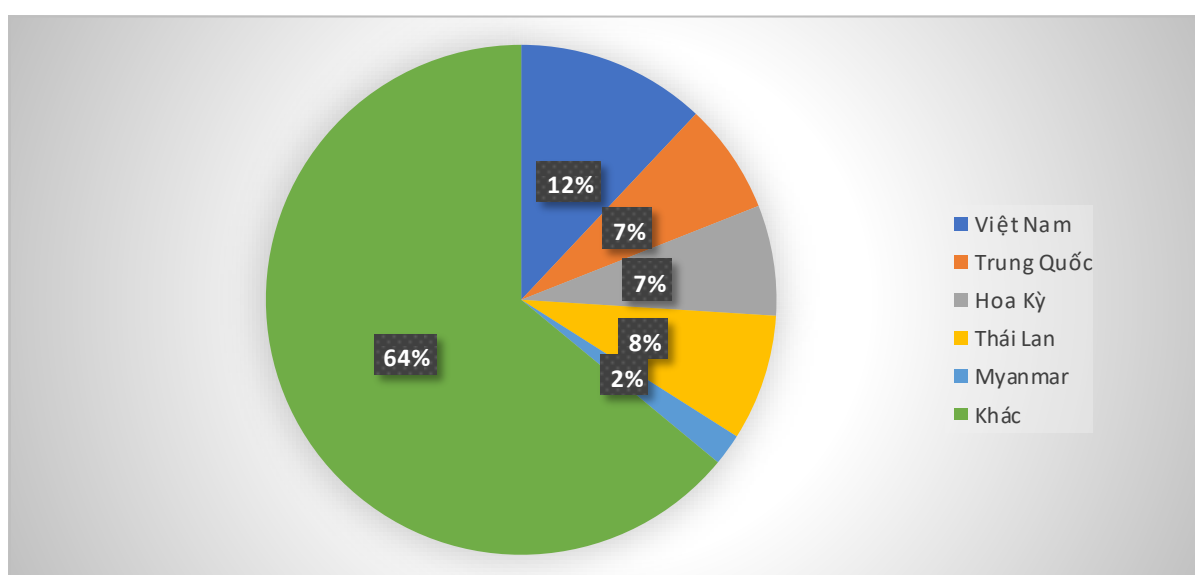
Biểu đồ 3: Hình thức vận chuyển của các vụ buôn bán động vật hoang dã bất hợp pháp (2015-2020)

(Nguồn: EIA Dashboard. 2021. Global Environmental Crime Tracker. Global Environmental Crime Tracker - EIA)



Biểu đồ 4: Số phần trăm vụ ghi nhận buôn bán động vật hoang dã qua Internet năm 2021 của một số quốc gia

(Nguồn: Báo cáo phân tích thực trạng Covid 19, buôn bán động vật hoang dã và vai trò người tiêu dùng của TRAFFIC 2021)



Biểu đồ 5: Hiệu quả chung trong công tác xử lý tin báo về động vật hoang dã từ người dân trong giai đoạn 2019-2023

(Nguồn: Hiệu quả công tác xử lý tin báo về động vật hoang dã năm 2023 – EVN năm 2023)



Phụ lục 2

Bảng 1: Tổng số vụ vi phạm pháp luật và tỉ lệ bắt giữ các vụ án hình sự ENV đã ghi nhận trong giai đoạn 2015 - 2024

(Nguồn dựa trên: <https://thiennhien.org/uploads/sd-prosecution-review-of-wildlife-trafficking-cases-in-vietnam-2014-2023-vn-nov-15-2024-final-compressed.pdf> của ENV và <https://cand.com.vn/Ho-so-Interpol/dong-vat-hoang-da-va-moi-nguy-hiem-tu-thi-truong-ngam-i766901/>)

Năm	Số vụ án hình sự	Tỉ lệ bắt giữ VAHS
2015	91	87,9%
2016	83	86,7%
2017	94	85,1%
2018	122	87,7%
2019	154	89%
2020	137	94,9%
2021	169	95,9%
2022	181	97,2%
2023	257	96,5%
2024	180	92,2%
01-06/2025	57	94,5%

Bảng 2: Xét xử của tòa án từ năm 2016 đến năm 2023 (theo ngày tuyên án)

(Nguồn dựa trên: <https://thiennhien.org/uploads/sd-env-s-national-cwt-priorities-2024-vn-oct-21-2024-final.pdf>)

Năm	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023
Số vụ án có đối tượng bị truy tố	54	64	63	95	120	141	159	218
Số vụ án có đối tượng bị áp dụng hình phạt tù (không được hưởng án treo)	19	19	29	46	59	64	74	85
Tỷ lệ phần trăm số vụ án có đối tượng bị áp dụng hình phạt tù (không được hưởng án treo)	35,2%	29,7%	46%	48,4%	49,2%	45,4%	46,5%	39%
Số đối tượng bị áp dụng hình phạt tù (không được hưởng án treo)	22	27	39	79	95	84	108	115
Mức tù trung bình (năm)	1,55	1,21	3,08	4,48	4,09	3,6	3,06	2,8

Bảng 3: Tỷ lệ các vụ án hình sự về động vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm có đối tượng bị bắt giữ trong giai đoạn 2014 - 2023

(Nguồn dựa trên: <https://cand.com.vn/Ho-so-Interpol/dong-vat-hoang-da-va-moi-nguy-hiem-tu-thi-truong-ngam-i766901/>)

Năm	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023
Tổng số vụ án hình sự	57	91	83	94	122	154	137	169	181	257
Số vụ án có đối tượng bị bắt giữ	43	80	72	80	107	137	130	162	176	248
Tỷ lệ % các vụ án có đối tượng bị bắt giữ	75,4%	87,9%	86,7%	85,1%	87,7%	89%	94,9%	95,9%	97,2%	96,5%
Số đối tượng bị bắt giữ	70	125	122	134	176	229	181	261	256	388
Số vụ án có đối tượng bị đưa ra xét xử	9	53	54	55	94	125	118	153	165	199
Tỷ lệ % các vụ án hình sự có đối tượng bị đưa ra xét xử	20,9%	66,3%	75%	68,5%	87,9%	91,2%	90,8%	94,4%	93,8%	80,2%

Bảng 4: Hiệu quả công tác xử lý tin báo về động vật hoang dã từ người dân tại Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn 2019-2023 (không bao gồm các vi phạm trực tuyến)

(Nguồn: Hiệu quả công tác xử lý tin báo về động vật hoang dã năm 2023 – EVN năm 2023, <https://thiennhien.org/uploads/responsiveness-report-card-2023-vn-dec-18-2024-final.pdf>)

Năm	2019	2020	2021	2022	2023
Số vụ việc về động vật hoang dã	184	309	372	444	316
Tỷ lệ xử lý thành công (%)	26%	23,3%	15,9%	16,9%	14,2%
Tỷ lệ xử lý thành công vụ việc liên quan đến động vật hoang dã còn sống (%)	30%	26,7%	15,8%	18,1%	14,8%
Tỷ lệ phản hồi (%)	95%	99,7%	98,7%	98,9%	92,7%

Bảng 5: Hiệu quả công tác xử lý tin báo về động vật hoang dã từ người dân tại Thành phố Hà Nội trong giai đoạn 2019-2023 (không bao gồm các vi phạm trực tuyến)

(Nguồn: Hiệu quả công tác xử lý tin báo về động vật hoang dã năm 2023 – EVN năm 2023, <https://thiennhien.org/uploads/responsiveness-report-card-2023-vn-dec-18-2024-final.pdf>)

Năm	2019	2020	2021	2022	2023
Số vụ việc về động vật hoang dã	62	83	99	113	139
Tỉ lệ xử lý thành công (%)	32%	31,3%	31,3%	28,3%	13,7%
Tỉ lệ xử lý thành công vụ việc liên quan đến động vật hoang dã còn sống (%)	24%	43,4%	37,1%	32,8%	22%
Tỉ lệ phản hồi (%)	74%	90,4%	96,8%	92,9%	74,1%

Bảng 6: Số vụ án được báo cáo lại ở các tỉnh (2015-2020)

(Nguồn: EIA Dashboard. 2021. Global Environmental Crime Tracker. Global Environmental Crime Tracker - EIA)

	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Hà Nội	5	13	15	15	20	4
TP HCM	6	11	11	5	9	6
Gia Lai	2	3	2	1	3	26
Quảng Ninh	6	11	1	7	6	3
Thanh Hóa	2	2	4	2	4	4
Lâm Đồng	0	1	1	2	2	21
Nghệ An	4	4	2	4	4	11
Đắk Lắk	0	1	0	4	3	23